



Rõ
mặt
đôi
ta



BAN VĂN HÓA CHÙA HOÀNG PHÁP thực hiện

Bộ sách **Sửa pháp ban mai**

Quyển mười hai **Rõ mặt đôi ta**

Tác giả **Thích Chân Tính**



Tổng Ban Biên soạn

Hòa thượng Thích Chân Tính

Phó Ban Biên soạn

Thích Tâm Chánh, Thích Tâm Đạo, Thích Tâm Trọng,

Thích Tâm Tiến, Thích Tâm Thiên, Thích Tâm Đồng,

Thích Tâm Lực, Thích Tâm Biện, Thích Tâm Thoại,

Thích Tâm Huấn, Thích Tâm Chiêu, Thích Tâm Cung và quý huynh đệ khác.

Cư sĩ **Văn Huy, Hạo Nhiên, Liên Thanh, Huệ Phương, Huyền Trang, Bì Mẫn,**

Phước Huệ, Liên Ngọc, Liên Hạnh, Liên Loan, Liên Thẩm và cộng tác viên gần xa.



Cố vấn thiết kế Mỹ thuật

Thích Tâm Dược, Thích Tâm Nhật

Line Art - Họa sỹ **Nguyễn Khang, Hoàng Kim**

Vẽ chì - Họa sỹ **Na Nguyễn**

Dàn trang **Oai Trần, Hoa Cúc**

In ấn **Thích Tâm Hoạt**



In lần thứ nhất, **Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng**

Phát hành bộ sách, **phòng phát hành chùa Hoàng Pháp**

THÍCH CHÂN TÍN





Những đống nữa pháp ban mai
Cả đống tâm huyết từng ngày Thầy trao
Thích Chân Tâm

5 - 6 - 2020

Hằng ngày sau bữa điểm tâm sáng tôi có vài chuyện cho chư Tăng và Phật tử trong chùa Hoằng Pháp về các niêh luật tu học của đại chúng, các Phật tử, các vấn đề nội quy giới luật, những lời Phật dạy trong các bộ kinh, thậm chí cả những chuyện thời nì xã hội trong nước và quốc tế. Lâu ngày các đệ tử nhân thấy buổi vài chuyện này có lợi ích nên đã thu âm và chuyển thành văn viết, gom góp lại thành bộ sách "Sửa Pháph An Mai".

Đây được xem như những dấu ấn một thời của tôi và các sinh

hoạt tu học của Tăng chúng
chùa Hoằng Pháp. Tương lai các
đệ tử đệ tôn đọc bộ sách này
sẽ hiểu được những gì mà thầy
Tổ đã truyền trao, biết được
sinh hoạt tu học của Tăng chúng,
những diễn biến thăng trầm, những
điều thuận lợi của chùa
Hoằng Pháp một thời đã qua,
hầu lấy đó làm bài học quý
giá cho nệ tu tập và hoằng
pháp của mình.

Tôi rất hoan hỷ và tán thán
việc làm này.

Thích Chân Tâm

Lời thưa

Có những ngày tháng khó có thể quên, những kỷ niệm êm đềm một thuở khó có thể quên, cả những niềm vui nỗi buồn cũng không thể quên. Trong những tháng năm ấy nếu có duyên gần gũi, tiếp xúc, học hỏi những điều tốt đẹp từ ai đó, thọ nhận những ân tình giáo dưỡng sâu dày từ ai đó, ta cũng khó có thể quên, như vị thầy nghiệp sư khả kính và từ hòa của chúng tôi vậy!

Như thưa hưởng chút phước lành nho nhỏ, huynh đệ chúng tôi có duyên được làm đệ tử của thầy, gần gũi bên thầy, cùng học cùng tu dưới sự tận tâm chỉ dạy và lòng từ mẫn bao la của thầy. Thời gian thấm thoắt thoi đưa, ngày xanh qua nhanh bên cửa. Năm nay, thầy đã tròn sáu mươi hai năm tuổi đời, bốn mươi bảy năm tuổi đạo và ba mươi chín hạ lạp. Tóc thầy đã bạc nhiều, sức khỏe dần kém hơn xưa, song thầy vẫn không quản gian nan, không từ hạnh

nguyện, tiếp tục con đường hoằng truyền Phật pháp, lợi lạc muôn người.

Vào mỗi sáng – sau bữa điểm tâm, thầy thường dành chút thời gian để nói chuyện, động viên và nhắc nhở đại chúng. Có khi là những điều thường nhật trong đời sống tu học với nhiều khó khăn, thử thách của quý thầy; có khi là câu chuyện đời thường với những nỗi niềm, những khổ đau cần tìm lối thoát của người Phật tử. Ghi âm những lời dạy ngắn gọn nhưng đầy ý nghĩa, huynh đệ chúng tôi đã tập hợp và chuyển thể thành văn, biên soạn và xuất bản bộ sách mang tên *Sữa pháp ban mai* để kính dâng lên thầy. Thông qua bộ sách để bày tỏ lòng biết ơn, trân trọng của hàng đệ tử chúng tôi với thầy, mong bộ sách sẽ là món quà Pháp bảo giá trị mà thầy muốn dành tặng đến chúng tôi cũng như hàng thiện tín.

Bữa ăn sáng giúp ta ấm bụng trong ngày, nhưng chính những dòng sữa pháp ngọt thơm mà thầy chia sẻ mỗi sớm mai có thể giúp ta ấm bụng cả đời. *Sữa pháp ban mai* mang giá trị nội dung như vậy. Dinh dưỡng cho thân thì có thể tìm trong những bữa ăn, song dinh dưỡng cho tâm thì cần có sữa pháp. *Sữa pháp ban mai* được xem như nguồn năng lượng dồi dào và bổ ích, giúp chúng ta dễ dàng tiếp nhận, thấm

thấu và thực tập chuyển hóa những khổ đau, vương mắc trong đời sống thường nhật.

Bộ sách được chia làm hai phần: *Hành trang xuất thế* dành cho giới xuất gia, bao gồm những cuốn sách với nội dung xoay quanh việc tu tập, chuyển hóa cũng như những hoài bão hoàng pháp lợi sinh trong việc mang đạo vào đời. *Tịnh độ nhân gian* dành cho Phật tử tại gia với những cuốn sách đề cập đến các vấn đề trong đời sống thế gian của vợ chồng, con cái, những đạo lý đẹp giữa đời thường và cả những cạm bẫy xã hội.

Lật từng trang sách ta như thấy mình thấp thoáng đâu đó trong từng câu chuyện mà thấy chia sẻ. Đó có thể là những câu chuyện buồn muôn thuở của gia đình, câu chuyện xoay quanh những vô thường biến đổi của nhân gian hay những trái ý nghịch lòng trong cuộc sống,... Đó cũng có thể là những câu chuyện về giá trị cuộc sống, hạnh phúc đích thực đang rất gần gũi và bình dị xung quanh chúng ta, nhưng đôi khi ta cứ mơ mộng xa vời rồi mãi chạy tìm nơi chân trời mộng ảo khác. Đó còn là câu chuyện của đời sống xuất gia với nhiều hình thái, nhiều khía cạnh chủ quan lẫn khách quan khác nhau, giúp ta hình dung phần nào về các phạm trù cơ bản của nhà Phật – những câu

chuyện thầy kể không dài nhưng đủ làm người nghe phải trải lòng. Nhưng trên tất cả, đọc từng trang sách ta như nhìn thấy hình bóng bình dị của thầy – con người hiền hòa, mộc mạc, phong thái thanh thoát, ung dung. Hình ảnh người đang ngồi nói chuyện với ta từ tốn – như thể bài học mới sáng hôm qua với những đạo lý sâu sắc, những bài học thiết thực sau từng câu chuyện thầy kể.

Thay lời chư huynh đệ, chúng con trân trọng kính viết *Lời thưa* cho bộ sách này. Kính dâng lên thầy, mong thầy chỉnh sửa và chỉ dạy để chúng con có thể hoàn thiện bộ sách trước khi xuất bản để gửi tặng đến quý Phật tử và quý độc giả. Như là món quà Pháp bảo của thầy dành tặng cho những người hữu duyên. Bộ sách là những câu chuyện thực tế, những lời dạy thiết thực giúp chúng ta vận dụng vào đời sống thường nhật, như một liệu pháp hóa giải những nỗi khổ niềm đau, thiết lập đời sống an bình và hạnh phúc giữa cuộc đời này.

Như vì sao sáng chói trong đêm có thể định hướng đường đi cho lữ khách. Như điểm tựa tinh thần cho hàng đệ tử và đồ chúng, thầy là nơi cho những ai muốn hướng đến đường lành, cho những ai còn đang lầm đường lạc lối quay về. Mong thầy thân tâm

thường lạc, tiếp tục hạnh nguyện dẫn thân mỗi đèn
tiếp lửa, hoằng truyền giáo pháp, lợi lạc nhân sinh.
Mong thầy ngày mới an lành để tất cả chúng con
được nương theo thầy tu học, đón nhận những lời
chỉ dạy từ thầy để tiếp bước trên con đường tu tập và
hoằng hóa.

Tổ đình Hoằng Pháp, ngày 6 tháng 6 năm 2020

Thay mặt Ban Biên soạn,

Thích Tâm Chánh kính ghi

Lời tựa

Có bao giờ bạn tự hỏi giá trị cuộc đời này là gì? Tu hành để làm gì, tại sao mình phải làm những việc này? Vì sao mọi người phải sống với nhau bằng sự dối trá, giả tạo?

Có bao giờ bạn tự đặt câu hỏi những giáo lý trong Phật giáo hiện tại đích thực là lời Phật dạy hay không?

Có bao giờ bạn đặt niềm tin tuyệt đối vào một thế giới vô hình, một đấng thần linh có quyền thưởng phạt hay một tín ngưỡng dân gian chi phối đời sống con người,... nhưng luôn mơ hồ không biết chúng đúng sai, phải trái?

Những câu hỏi bạn đặt ra cho cuộc đời cũng chính là những vấn đề mâu thuẫn, bất cập, mê tín, hủ tục,... đang tồn tại, hiện hữu trong xã hội. Dưới nhãn quan của một người học Phật, bằng trí tuệ của chính kiến, thầy đã thẳng thắn nêu ra những suy nghĩ, nhận định lại một số giá trị, giúp mọi người hiểu rõ ràng và

sâu sắc hơn về sự thật đằng sau những sai lầm. Một khi thấu hiểu được chân lý ấy qua lời Phật dạy, bạn có thể buông bỏ những tư kiến, góp phần thăng tiến trên bước đường tu học Phật pháp. Chân lý không bao giờ nằm ngoài quy luật Nhân quả và Duyên khởi, cái nhìn đúng còn được gọi là chính kiến là một trong những giáo lý quan trọng làm nền tảng cho các chi phần khác trong Bát chính đạo.

Hy vọng cuốn sách *Rõ mặt đôi ta*, nằm trong tuyển tập *Sữa pháp ban mai* là một món quà nhỏ giúp bạn khơi dậy niềm tin, định hướng được quan điểm sống và có thể trả lời những câu hỏi xoay quanh cuộc đời bạn.

Một lần nữa chúng tôi xin bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đến những tấm lòng nhiệt tâm, nhiệt tình đã đóng góp công sức cho lần xuất bản đầu tiên của bộ sách *Sữa pháp ban mai*. Biết bao nhiêu nỗ lực quý báu từ công đoạn thu âm, đánh máy để chuyển thể những bài pháp từ văn nói sang văn viết. Trải qua nhiều lần sàng lọc từ thô đến tế, những lời góp ý chân thành từ quý thầy cũng như Ban Biên soạn chùa Hoàng Pháp cùng các bạn cộng tác viên gần xa đã hết lòng giúp đỡ để bộ sách được hoàn thành. Với hy vọng những ai có thiện duyên khi đọc bộ sách này đều thu nhận thật

nhiều lợi ích thông qua những câu chuyện, những lời chỉ dạy của người thầy từ bi và trí tuệ, người đã dành trọn cả cuộc đời cống hiến cho Phật pháp với hạnh nguyện cao cả hoằng pháp lợi sinh – thầy Chân Tính.

Trân trọng!

Ban Văn hóa chùa Hoằng Pháp

Mục lục

◈ Tình ngay lý gian	19
◈ Tụng đám	24
◈ Chi tiêu đúng đắn	36
◈ Y pháp bất y nhân	44
◈ Hóa duyên đúng thời	50
◈ Niệm Phật thế nào là đúng?	57
◈ Chùa là trường học Phật pháp	73
◈ Sự đời tùy thuộc góc nhìn	80
◈ Tự tử bản lĩnh hay hèn nhát?	93
◈ Phật giáo Hòa Hảo	103
◈ Phá chấp	111
◈ Thầy bói	118
◈ Tu liễu mạng	126
◈ Phóng sinh đúng nghĩa	130
◈ Tịnh độ nhân gian	136
◈ Tu nhất kiếp ngộ nhất thời?	144

◈ Vô ngã vị tha	153
◈ Mượn đạo tạo đời	159
◈ Người mù sờ voi	167
◈ Học theo hạnh Phật	173
◈ Tam thời hệ niệm	182
◈ Cúng cơm nên hay không?	192
◈ Về mái nhà chung	197
◈ Giải thưởng bộ phim “Con đường giác ngộ”	206
◈ Niềm tin Tam bảo	209
◈ Tuyệt thực có vắng sinh?	215
◈ Tu mù	223
◈ Trẻ vui nhà già vui chùa đúng hay sai?	230
◈ Giáo pháp đức Phật là công truyền hay bí truyền?	235
◈ Nguồn cội tâm linh	251
◈ Thấy tu bất đắc dĩ	256
◈ Chuyện đồ ăn cúng người chết	264
◈ Bồ tát Di Lặc	268
◈ Tống táng đơn giản	280
◈ Kiến chấp sai lầm	287
◈ Trách nhiệm của ai?	296
◈ Trai Tăng tại chùa	307

◈ Chiếc áo không làm nên thầy tu	313
◈ Cúng sao giải hạn	319
◈ Mạng sống trong hơi thở	326
◈ Tiếng chuông cảnh giác	331
◈ Giải đáp về pháp môn Tịnh độ	342
◈ Gieo nhân hái quả	349
◈ Lừa đội lốt sư tử	357
◈ Quan niệm tuổi tác trong Phật giáo	365
◈ Về lại như những ngày đầu	372



Tình ngay lý gian

Trước đây, thầy thường kể cho đại chúng nghe câu chuyện “Chữa dếp vườn dưa” như sau: Có một anh thanh niên đi ngang qua vườn dưa bỗng nhiên bị dếp dếp, anh cúi xuống để sửa lại. Trong lúc anh đang loay hoay sửa dếp thì người giữ vườn dưa từ xa nhìn thấy la lên: “Ăn trộm dưa”. Đúng là “tình ngay lý gian”. Rõ ràng anh cúi xuống để sửa chiếc dếp dếp chứ không phải là ăn trộm dưa, nhưng

người canh dưa từ xa nhìn thấy anh cúi xuống như vậy lại tưởng là ăn trộm.

Từ đó chúng ta rút ra bài học là: Trong cuộc sống, mình phải hết sức cẩn thận, giữ gìn chính niệm. Đôi khi, chỉ vì mình buông lung hoặc vô ý một chút người ta sẽ suy nghĩ khác, không những ảnh hưởng đến nhân cách, cũng như đạo đức của bản thân mà còn ảnh hưởng đến cả tập thể Tăng đoàn. Trong chùa chúng ta có cả nam và nữ, vì vậy khi tiếp xúc với người khác giới cần phải giữ khoảng cách, đúng nơi, đúng chỗ, tránh trường hợp Phật tử đến chùa nhìn vào rồi có những suy nghĩ không hay!

Có một chú cư sĩ trung niên và vợ cùng làm công quả trong chùa Hoàng Pháp. Người chồng cạo tóc, mặc quần áo lam giống như chư Tăng. Buổi chiều, hai vợ chồng ra ghế đá trước sân chùa ngồi nói chuyện với nhau, Phật tử bên ngoài nhìn thấy không biết họ là vợ chồng nên nghĩ: “Ông thầy này nói chuyện với gái”. Thế là họ xầm xì, bàn tán, truyền tai nhau dẫn đến sai sự thật.

Người ta thấy ai cạo tóc và mặc đồ lam thì nghĩ đó là thầy tu, họ không phân biệt được ai là người

xuất gia, còn ai là người tại gia. Khi ai đó cạo tóc và ở trong chùa, người ngoài nhìn vào rất dễ hiểu lầm là người xuất gia. Chùa Hoằng Pháp có nội quy cư sĩ ở trong chùa không được cạo tóc. Trường hợp Phật tử tại gia cạo tóc mà mặc đồ đời sẽ không ai nói gì, nhưng nếu mặc đồ tu mà sống ở nhà, người ta hiểu lầm sẽ nói: “Ông thầy này về nhà ở với vợ!”, điều đó ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của người xuất gia. Cho nên, nếu cư sĩ mà cạo tóc, cho dù ở chùa hay ở nhà cũng không được mặc đồ của người xuất gia hoặc đồ lam để tránh hiểu lầm.

Đối với các Phật tử trong chùa, nhất là nữ giới thì mình phải hết sức giữ gìn. Mình giữ gìn cho mình, giữ gìn cho chư Tăng cũng là giữ gìn uy tín và hình ảnh đẹp của chùa. Mặc dù tâm chúng ta trong sáng, nhưng đôi khi vì không có chính niệm nên cũng tạo sự hiểu lầm cho Phật tử bên ngoài. Chẳng hạn một người nữ đứng nói chuyện, cười giống với một vị Tăng, hình ảnh đó người ngoài nhìn vào thấy “gai mắt”. Chưa kể đến việc ngồi nói chuyện thân mật với nhau, mặc dù đó là chị gái hay em gái của vị thầy. Người khác nhìn vào thấy thầy đang nói chuyện với người nữ, đâu ai biết đó

là anh em hay chị em. Cho nên, chúng ta hết sức giữ gìn để không mang tiếng xấu cho chùa.

Trong nội quy chùa Hoằng Pháp đã quy định, nam nữ Phật tử có cử chỉ thân mật hay tâm sự trong khuôn viên chùa thì những người sống trong chùa có trách nhiệm phải nhắc nhở họ. Nam nữ cư sĩ còn như thế huống gì là những vị tu sĩ. Nếu chúng ta thấy một vị tu sĩ và một người nữ ngồi nói chuyện với nhau thì mình đến nói một cách lịch sự: “A Di Đà Phật! Con mời thầy hoan hỷ vào trong phòng khách ngồi nói chuyện”. Mình nói nhẹ nhàng, lễ phép người ta nghe cũng hoan hỷ. Mình không nên để hình ảnh đó diễn ra và tuyệt đối không để trường hợp một vị thầy tu ngồi nói chuyện riêng với một cô gái.

Khách bên ngoài vào chùa tham quan cũng như thế, những Phật tử trong chùa có quyền nhắc nhở. Đây là công việc quý thầy đã giao, bộ phận bảo vệ cần thực hiện chặt chẽ và đúng trách nhiệm. Vấn đề này không chỉ với chư Tăng mà cả cư sĩ cũng phải lưu ý. Trước đây, có một chú cư sĩ từ chi nhánh chùa Hoằng Pháp ở Phú Quốc về, chú ra ngồi ở ghế đá phía sau chính điện, mặc đồ nâu, tóc

ngắn, giống như vừa cạo mới nhú lên. Chú ngồi nói chuyện với một cô gái nhìn rất khó coi. Người ta đâu biết chú là cư sĩ, vì thấy mặc quần áo nâu, tóc mới cạo chưa mọc dài nên nghĩ đó là thầy tu. Những vấn đề này mình cần phải xem xét lại, nhất là về phía bên cư sĩ nam. Quý thầy quản chúng lưu ý, tuyệt đối không để các chú cư sĩ cạo tóc và mặc đồ nâu, phải dứt khoát vấn đề này. 





Tụng đám

Trong quá trình hoằng pháp lợi sinh, đức Phật là một bậc Đạo sư, bậc Thầy dẫn đường. Ngài cũng được xem là bậc Đại Y Vương, vị thầy thuốc giỏi, biết tâm bệnh của chúng sinh và cho đúng thuốc chữa trị. Thời đức Phật còn tại thế, Ngài dạy những phương pháp hóa giải nghiệp chướng, phiền não, khổ đau với mục đích chính là hướng tất cả chúng sinh đến con đường an vui, giải thoát.

Về sau, những thế hệ truyền trao giáo pháp phần lớn bị thế tục hóa, vì phương tiện độ sinh mà dần đánh mất mục đích và lý tưởng ban đầu.

Khi Thiên Chúa giáo truyền vào Việt Nam, những vị linh mục đều là những người có học thức, có trình độ nên những tầng lớp lãnh đạo cũng như thành phần trí thức rất kính nể, do đó họ theo đạo này rất nhiều. Người Thiên Chúa giáo đi đến đâu cũng luôn tìm cách gần gũi dân chúng. Người ta còn tổ chức ca hát, cưới hỏi, tang lễ trong nhà thờ,... Họ dùng nhiều cách thức khác nhau làm phương tiện truyền đạo. Nói chung, họ có những hình thức thu hút để đưa giáo lý đến với quần chúng. Trong khi chư Tăng Ni Phật giáo trước đây đa phần là những người ít quan tâm đến việc học, chỉ biết cúng đám nhận tiền.

Trong tự truyện của Hòa thượng Thánh Nghiêm, năm 1943 ngài xuất gia ở chùa Quảng Giáo. Khi sống trong chùa, Hòa thượng thấy rất nhiều vấn đề phức tạp. Vào thời đó, chư Tăng đa phần cúng đám để nhận tiền. Theo như lời ngài kể, mỗi ngày các thầy phải tụng từ ba đám trở lên mới đủ tiền sinh hoạt. Do đó, chư Tăng phải chạy xe đi tìm đám, dẫn

đến tình trạng giành giật, cạnh tranh nhau. Thí dụ, thầy này tụng với giá năm mươi đồng, thầy kia giảm tiền xuống còn bốn mươi lăm đồng. Ngoài việc cạnh tranh về giá cả, các thầy còn bày thêm những hình thức cúng bái mới để tạo sự hấp dẫn.

Lúc đầu tụng kinh chỉ sử dụng khí cụ là chuông, mõ. Về sau, các thầy thêm trống, khánh cho “xôm tụ”, người ta cảm thấy thích thì sau này mời mình tụng tiếp, như vậy mới có nhiều tiền. Từ đó, người này bày thêm, người kia bắt chước, cứ như thế mà phát huy vấn đề cúng đám. Nhiều nghi thức rườm rà cũng từ đó phát sinh. Các thầy muốn có nhiều tiền thì phải cúng làm sao cho gia chủ cảm thấy thích, dẫn đến tình trạng chư Tăng trở thành thầy cúng.

Nhận xét về thời điểm đó tại Đài Loan, Hòa thượng Thánh Nghiêm nói: “Giới lãnh đạo cũng như những người trí thức cho rằng chư Tăng, tín đồ Phật giáo đa phần là những người có trình độ thấp, mê tín và thiếu học thức”. Khi nghe chúng ta rất đau lòng, nhưng thật sự là như thế! Đa số chư Tăng thời đó là những người có trình độ thấp, sau khi xuất gia cũng không được học hành, không

có kiến thức Phật học mà chỉ biết đi cúng đám rồi nhận tiền. Thứ hai là những người Phật tử quá mê tín, đến chùa chỉ để cúng bái, lễ lạy, cầu siêu, ngoài ra không biết gì khác.

Hòa thượng Thánh Nghiêm nói: “Thời đó, chư Tăng trong chùa có ba việc: Một là cúng đám để lấy tiền, hai là khi du khách đến viếng chùa thì quyên tiền, ba là làm ruộng”. Những việc làm này đưa người tu sĩ đến chỗ tầm tối, ngày càng đi xa con đường chính đạo. Trong khi mục đích của người xuất gia là lấy trí tuệ làm sự nghiệp. Bốn phận và trách nhiệm của người xuất gia là “trên cầu thành Phật, dưới độ chúng sinh”, mình không làm điều đó mà lại đi kiếm tiền từ việc tụng đám cho người chết.

Trong tương lai chư Tăng chúng ta phải cố gắng thay đổi. Hiện nay đôi khi mình cũng rơi vào tình thế khó xử. Chẳng hạn khi gia đình Phật tử có người thân mất, họ mời các thầy nơi khác đến làm đám: tụng kinh, cúng cơm,... nghi lễ rất bài bản, chu đáo. Nếu các thầy chùa mình đến làm nghi lễ sơ sài thì họ nói: “Các thầy chùa Hoàng Pháp không có nhiệt tâm”. Hay: “Các thầy ở chùa

lâu mà không biết cúng”. Thế là các thầy lại phải làm theo kiểu “xưa bầy nay làm”, mà không biết nguồn gốc của những nghi lễ đó bắt nguồn từ đâu, có phải thật sự những điều này là đạo Phật chính thống hay không?

Nếu mỗi đám tang làm đầy đủ các nghi thức, chắc có lẽ các thầy suốt ngày chỉ có đi tụng đám, chẳng còn thời gian tu học. Thí dụ, theo nghi thức của các chùa chuyên tụng đám, đầu tiên là cúng nhập liệm, sau đó làm lễ phát tang, kể đến là cúng cơm ngày ba cử sáng, trưa, chiều, còn tối là thời kinh hộ niệm. Có nhiều đám tang kéo dài cả tuần. Đến đúng ngày giờ thì làm lễ động quan, sau đó đưa ra huyệt mộ hay lò thiêu, xong trở về làm lễ an vị hương linh trên bàn thờ rồi cúng cơm. Chỉ một cái đám tang mà mất bao nhiêu thời gian của các thầy. Nếu chùa mình cũng theo nghi thức đó thì bận rộn chẳng còn thời giờ tu học, làm Phật sự, bởi vì mỗi ngày có ít nhất vài ba đám.

Các thầy đến cúng nhiều, tán tụng ê a thì người ta thích. Thật ra, các nghi thức rườm rà đó là do các thầy sau này bày ra, thời đức Phật không chỉ dạy những việc đó. Thầy đi qua Ấn Độ, thấy người chết

buổi sáng thì buổi chiều người ta khiêng đi thiêu, không có cúng bái. Nói chung, những lễ nghi này do ảnh hưởng từ Trung Quốc, các thầy bên đó chế ra rồi truyền qua cho chư Tăng Việt Nam.

Nếu chúng ta có sự hiểu biết đúng đắn thì chỉ cần làm đơn giản, hạn chế những nghi thức rườm rà không cần thiết. Mình nên giải thích nhẹ nhàng, tình cảm để người ta hiểu, khi có người chết thì chỉ cần quý thầy đến hộ niệm là được. Nếu nhận cúng đám từ đầu đến cuối thì mất rất nhiều thời gian và công sức, lợi ích đem đến không được nhiều. Sau này, mình nên phân định lại, cần có những thầy chuyên cúng đám, nếu ai có nhu cầu thì liên hệ với các thầy ấy.

Ngay như thời của Hòa thượng Thánh Nghiêm, ngài cũng đã nói: “Một số thầy ban đầu vào chùa chuyên đi cúng, sau một thời gian họ ra đời, lấy vợ, có con, nhưng vẫn còn đi cúng để lấy tiền nuôi gia đình. Lúc đầu, những người xuất gia trong chùa cảm thấy khó chịu, vì những người đó không còn là sư nữa mà vẫn đi cúng. Về sau, vấn đề cúng đám dần dần trở thành một dịch vụ, chùa lại không có người đáp ứng nhu

cầu của xã hội, cuối cùng các thầy lại phải nhờ họ đi cúng giùm”.

Thời đó, ở Trung Quốc mỗi lần cúng đám không phải chỉ cần một người mà cần từ năm đến sáu người: người đánh chuông, người đánh mõ, người đánh khánh, người đánh trống. Muốn có nhiều tiền thì phải làm sao cho xôm tụ, cúng cho ra vẻ nên họ rủ rê nhau, thuê mượn lẫn nhau để đi chung. Từ đó, Phật giáo đi đến tình trạng mê tín, phục vụ cho người chết là chính. Việc hoàng pháp và tu học không ai nghĩ đến. Đây là vấn đề mà chư Tăng cần phải suy nghĩ. Mình nên đưa ra đường lối như thế nào để dần dần đơn giản về vấn đề người chết.

Trong kinh *Tăng Chi Bộ*^[1], có một câu chuyện về người Bà la môn đến bạch với đức Phật:

“– *Bạch đức Thế Tôn! Chúng con làm cỗ, giết các con thú để cúng tế cho người chết, họ có thọ dụng được hay không?*

Đức Phật dạy:

– *Tùy theo tương ứng xứ”.*

^[1] ĐTKVN, kinh *Tăng Chi Bộ* IV, chương X, phẩm Jānussoni, bài kinh Jānussoni [177], VNCPHCN ấn hành (2003), trang 595.

“Tùy theo tương ứng xứ” có nghĩa là tùy thuộc vào người chết tái sinh ở cảnh giới nào? Nếu người chết tái sinh ở cảnh giới ngạ quỷ thì có thể, ngoài ra tái sinh vào các cảnh giới khác thì không thể thụ hưởng thức ăn của người cúng. Vì nếu đọa địa ngục, súc sinh, hoặc tái sinh làm người hay cõi trời, chúng sinh ở cảnh giới nào đều có thức ăn riêng của cảnh giới đó.

Trong kinh *Tương Ưng Bộ*^[2], có một vị Bà la môn đến bạch với đức Phật:

“– *Bạch đức Thế Tôn! Chúng con làm lễ Cầu siêu cho người mất, họ có được siêu thoát hay không?*

Đức Phật lấy một thí dụ:

– *Một cục đá chìm dưới đáy sông, các ông ra đó cầu nguyện cho cục đá nổi lên, có được không?*

Đức Phật lại lấy một thí dụ thứ hai:

– *Nếu chúng ta đổ dầu, dầu sẽ nổi trên mặt nước, mình hết lòng cầu nguyện, dầu có chìm xuống đáy được không?*

Ông trả lời:

^[2] ĐTKVN, kinh *Tương Ưng Bộ* IV, chương VIII, Tương Ưng Thôn Trưởng, phần Người Đất Phương Tây Hay Người Đã Chết [6], VNCPHVN ấn hành (2001), trang 488.

– Bạch Thế Tôn, không thể được.

Đức Phật nói:

– Cũng vậy, nếu một người đã đọa vào địa ngục thì các ông có cầu nguyện như thế nào họ cũng chẳng được siêu. Nếu họ đã siêu cũng giống như dầu nổi trên mặt nước, các ông có cầu cho họ đọa địa ngục thì cũng không được”.

Đức Phật đưa ra thí dụ rất hay. Cục đá mà chúng ta cầu cho nó nổi lên là chuyện không thể. Cũng như dầu mà mình muốn cầu cho nó chìm xuống cũng không bao giờ được.

Việc siêu hay đọa là do nhân quả nghiệp báo của mỗi người quyết định, đâu phải do cầu cúng mà được. Chẳng qua mình đến với họ là vì tình cảm, không phải vấn đề siêu độ. Ai làm ác cũng giống như cục đá chìm dưới đáy biển, làm sao cầu cho nổi lên mặt nước, chúng ta cần phải thấy và hiểu rõ điều này, nhất là giới tu sĩ. Chúng ta phải biết mục đích của việc xuất gia là gì? Phật tử cũng vậy, khi mình đến chùa, đã hiểu Phật pháp thì nên hạn chế vấn đề nhờ các thầy cầu cúng để quý thầy còn có thời giờ tu học. Nếu các thầy không làm vừa lòng, đôi khi Phật tử lại trách: “Sao các thầy

không từ bi, không giúp đỡ”. Chúng ta phải biết thông cảm, hiểu được điều đó để giảm bớt các nghi thức rườm rà.

Ở Ấn Độ, sau khi chết khoảng từ sáng đến chiều là họ đưa đi thiêu, không làm đám, chẳng cúng bái, chẳng thờ hình hay tro cốt. Thiêu xong là đổ hết xuống sông, có nơi bỏ luôn tại chỗ, chẳng mang tro cốt đi đâu. Bên Tây Tạng còn đặc biệt hơn, sau khi chết họ đem lên núi chặt ra từng khúc, cắt thật cho kền kền ăn, thế là xong, chả có vướng mắc vào cái xác đã chết. Còn người Việt Nam, nhiều khi bao nhiêu công đoạn, bởi do ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc rồi mình bắt chước theo họ. Trong gia đình có người thân chết là đi coi ngày, giờ rồi để cái xác trương sinh lên, có nhiều người làm đám cả tuần, nửa tháng mới chôn.

Có nhiều người rất tội nghiệp, người thân của họ chết đã mấy chục năm, vậy mà họ cũng cố gắng đi tìm cho bằng được. Hôm trước, có một gia đình vào chùa gặp thầy, nói: “Thầy ơi, chúng con có một người bà mất lâu lắm rồi, nghe người ta kể lại hồi xưa bà chết và được chôn ở chùa Hoàng Pháp, nhưng không biết chỗ nào. Chúng con muốn tìm

nên nhờ thầy giúp”. Thầy trả lời họ: “Thầy làm sao biết được!”. Sau đó, họ ra nghĩa trang tìm tất cả mộ, nhưng không mộ nào có tên của người này. Cuối cùng, họ quay lại và nói sẽ cố gắng tìm cho bằng được. Thầy giải thích: “Thôi, tìm làm gì! Người chết cũng đã lâu, có lẽ đã siêu thoát hoặc đi tái sinh rồi, thân xác phải trở về với cát bụi, chúng ta không nên quan trọng hóa vấn đề”.

Có nhiều người lại tự làm khổ mình, cứ phải tìm cho được xương cốt của người thân, không biết để làm gì? Nhục thân của Tổ tiên từ hàng trăm năm trước đến giờ có ai biết chỗ nào không? Điều đó không cần thiết. Do chúng ta quá quan trọng về phần người chết. Khi còn sống người ta có tư tưởng như vậy, nên đến lúc chết trở thành cô hồn, không siêu thoát được. Về vấn đề này, quý thầy nên có buổi nói chuyện với Phật tử để họ hiểu rõ và thông cảm, không nên đòi hỏi quá nhiều. Chúng ta làm sao cho đơn giản, không nên bày ra, càng làm nhiều càng khổ chứ chẳng được gì, nhưng nếu mình làm đơn giản thì họ nói là không nhiệt tâm rồi họ phê bình. Thật ra những điều người khác nói mình cũng phải xem

xét, nhưng không phải họ nói là mình phải chạy theo số đông, quan trọng là giữ được tông chỉ và mục đích tu học của chính mình. ☁



Chi tiêu đúng đắn

Đôi lúc, có những việc mình làm tốn nhiều tiền, có những việc không tốn kém bao nhiêu. Những việc tuy tốn số tiền lớn nhưng có khi chúng ta cũng phải chấp nhận làm.

Một ông Tổng thống Mỹ, khi đi qua nước khác sẽ có một chiếc máy bay riêng. Chở kèm theo đó là một chiếc xe chống đạn dành riêng cho ông và một lực lượng an ninh túc trực bảo vệ. Một chuyến

đi của Tổng thống Mỹ chỉ kéo dài trong khoảng vài ba ngày, có khi chỉ một ngày, nhưng chi phí phải lên đến cả triệu đô la Mỹ, có thể còn nhiều hơn nữa. Một người bình thường đi máy bay từ Việt Nam qua Mỹ mất khoảng một nghìn đô la Mỹ tiền vé, một chuyến bay có khoảng hai đến ba trăm người. Như vậy, chỉ tính tiền vé máy bay đã tốn rất nhiều. Trung bình một chuyến công du của Tổng thống Mỹ tốn khoảng một triệu đô la Mỹ. Một triệu đô la Mỹ này đổi ra tiền Việt Nam là hơn hai mươi tỷ đồng. Nếu người ta dành số tiền đó để giúp đỡ người nghèo hay một đất nước thì rất lợi ích. Thế nhưng, đó là chúng ta nhìn thấy trước mắt như thế.

Giả sử, Tổng thống của một cường quốc như Mỹ bị ám sát trên đường đi công tác tại quốc gia nào đó sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh tế, chính trị trên toàn thế giới. Sự biến động về cổ phiếu có thể gây thiệt hại hàng tỷ đô la Mỹ cho các doanh nghiệp và các nhà đầu tư. Ngoài ra, chưa tính đến các vấn đề như an ninh quốc phòng, biến động khu vực, sự rối loạn trong mối quan hệ của các nước. Những vấn đề hàng ngày một vị Tổng

thống phải giải quyết rất nhiều. Ông chết bất ngờ mà chưa có người lên thay thì những công việc đó bị trì trệ, ứ đọng. Hàng loạt những chuyện phức tạp sẽ nảy sinh và số tiền tổn thất của những việc này khó mà tính hết được. Do đó, sự bảo vệ nghiêm ngặt an toàn cho ông là điều cần thiết dù phải tốn rất nhiều tiền.

Kế đến là những khoản chi của ngân sách quốc gia cho những ngày lễ, chẳng hạn như vào dịp lễ Quốc khánh hay đêm Giao thừa, Nhà nước thường tổ chức bắn pháo hoa. Mỗi lần bắn pháo hoa như vậy tốn hàng tỷ đồng, thời gian diễn ra chỉ trong vòng mười lăm cho đến hai mươi phút. Nhiều người nghĩ rằng làm như vậy là quá lãng phí, nếu đem số tiền đó giúp đỡ người nghèo sẽ được lợi ích hơn. Tuy nhiên, nếu ai cũng so sánh và có suy nghĩ như vậy thì chúng ta sẽ không bao giờ có cơ hội thưởng thức những nét đẹp văn hóa. Những việc làm này đem đến niềm vui cho nhiều người.

Năm ngoái, vào ngày Quốc khánh Trung Quốc đã tổ chức lễ duyệt binh với quy mô rất lớn. Huy động lực lượng quân đội, xe tăng, nhiều đoàn thể,... đến ủng hộ và phụ giúp. Chi phí cho buổi lễ duyệt

binh này không phải là số tiền nhỏ, công sức của những người tham gia luyện tập cũng rất nhiều. Thế nhưng họ vẫn làm. Bởi vì đó là cách để phô trương sức mạnh quân đội, sức mạnh kinh tế của một đất nước cho thế giới biết đến. Nếu Chính phủ dùng số tiền đó đi làm từ thiện thì cứu được hàng triệu con người. Tuy nhiên, khi tổ chức lễ duyệt binh, họ nhận lại là sự hoành tráng và thiêng liêng cùng niềm tự hào của một đất nước.

Một buổi lễ khai mạc các sự kiện thể thao như Olympics, Sea games chỉ diễn ra trong vòng vài tiếng đồng hồ, nhưng quá trình chuẩn bị phải mất thời gian từ vài tháng cho đến vài năm, tốn rất nhiều tiền để đầu tư vào các hạng mục công trình, chi phí tổ chức. Hoặc đơn giản như một chương trình đại nhạc hội chỉ diễn ra trong vài tiếng đồng hồ, nhưng để đầu tư vào cũng phải mất khá nhiều tiền. Nhưng chúng ta vẫn phải làm tất cả việc đó vì những lợi ích nhất định, không phải vì tốn tiền mà người ta không dám làm.

Vào dịp Đại lễ Phật đản, các chùa phải làm những chiếc xe hoa, trang trí cho thật đẹp rồi đem đi diễu hành. Mỗi chiếc xe tốn hết cả chục

triệu đồng tiền trang trí. Nếu toàn thành phố làm khoảng năm mươi chiếc xe hoa sẽ hết khoảng năm trăm triệu đồng. Có thể chúng ta nghĩ rằng làm như vậy rất tốn kém, số tiền đó đem giúp đỡ người nghèo thì có lợi ích hơn nhưng ngày Đại lễ Phật đản sẽ giảm đi ý nghĩa. Cho nên, dù biết tốn rất nhiều tiền nhưng bù lại chúng ta có niềm vui về mặt tinh thần và quảng bá ngày lễ cho mọi người biết đến. Đó cũng là việc đáng làm, chúng ta nên chấp nhận và vui vẻ để thực hiện.

Chùa Hoàng Pháp cũng vậy, có những việc làm rất tốn kém nhưng chúng ta vẫn làm, vì nó mang lại niềm vui, để lại ấn tượng tốt đẹp cho mọi người không chỉ hiện tại mà cả tương lai. Cho nên trong cuộc sống chúng ta thấy việc gì mang lại lợi ích, an lạc cho số đông, góp phần phát triển nét văn hóa nghệ thuật và để lại những ấn tượng tốt đẹp cho mọi người cũng như cho đạo pháp thì hãy cố gắng làm.

Trong cuộc sống, khi làm một số việc chúng ta phải chấp nhận tốn kém. Tuy nhiên, những việc làm đó phải mang lại lợi ích cho mọi người ở hiện tại cũng như tương lai, còn nếu chúng ta ngồi so đo,

tính toán thì không thể làm được việc lớn, không đóng góp được gì cho đời sống văn hóa, đời sống tâm linh, đời sống giải trí của con người. Trong khi đó, những điều này rất cần thiết. Trong cuộc sống, nhu cầu ăn uống chỉ là để tồn tại nên chưa đủ. Nếu chỉ tính đến chuyện ăn và ngủ thì cuộc đời này vô vị biết chừng nào. Chúng ta cần phải có sự giao tiếp. Quan hệ xã hội phát sinh ra những nhu cầu về học tập, vui chơi, giải trí, văn hóa. Thực phẩm là nguồn thức ăn giúp cơ thể tồn tại và phát triển; còn cái hay, cái đẹp là những yếu tố giúp nuôi dưỡng tinh thần. Đời sống được phong phú khi những nhu cầu về vật chất và tinh thần được đáp ứng một cách đầy đủ. Cao hơn nữa là đời sống tâm linh, nếu người nào chỉ biết thỏa mãn các giác quan mà không có đời sống nội tâm cao thượng thì cũng phí đi một kiếp con người.

Có những việc chúng ta làm dù tốt nhưng vẫn bị một số người phê phán. Thí dụ, khi mình bỏ ra vài chục triệu đồng làm lễ đài trong các ngày lễ lớn, chi rất nhiều tiền cho công tác trang trí vào dịp tết Nguyên đán hay đơn giản nhất là tiền hoa trang trí trong mỗi dịp lễ đôi khi cũng lên đến

hàng chục triệu đồng. Nhiều người đến khen đẹp, nhiều người nói là chùa hoang phí, chùa giàu rồi nên không cần cúng dường nữa. Mình nghe chỉ biết im lặng và mỉm cười, vì chúng ta hiểu rõ việc mình làm là có lợi hay có hại. Sống ở đời, đôi khi phải tập tữ tại giữa khen chê. Trong kinh *Pháp Cú*, đức Phật có dạy rằng:

*“A tu la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê,
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời.
Xưa, vị lai, và nay,
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen”^[1].*

Do đó, khi chúng ta đã quyết định làm một việc gì thì mình đừng bận lòng chuyện khen chê, xem đó như những lời tham khảo và ý kiến đóng góp để

^[1] *Kinh Pháp Cú*, phẩm Phần Nộ, bài kệ 227 – 228, HT Thích Minh Châu dịch (2014), Nxb Hồng Đức, trang 55.

rà soát lại việc mình làm. Còn khi mình chạy theo những thị phi mà người ta bàn tán thì giống như một người đứng ở ngã ba đường, không dám dứt khoát để quyết định. Cũng chính vì những điều đó, mình không làm được việc gì có ích, cứ lưỡng lự phân vân trước tiếng đời. Từ trước đến nay, thầy làm các Phật sự không phải đều được mọi người tán thán, cũng có người dè bủ chê bai, nhưng làm thì mình vẫn cứ làm. Khi thấy chư Tăng chuyên tu thì người ta sẽ chê trách là không lo hoằng pháp, chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân. Còn thấy chư Tăng lo hoằng pháp thì có người lại nói rằng suốt ngày lăng xăng, bận rộn chuyện này chuyện khác mà không để tâm đến sự tu học. Sống ở đời không phải dễ, chín người mười ý, họ thích thì cứ nói, mình làm thì cứ làm, quan trọng là chúng ta xem hạnh nguyện và việc làm của mình như thế nào, có phù hợp với nhân quả nghiệp báo và lời đức Phật dạy hay không? 



Y pháp bất y nhân

Hôm qua, có một anh thanh niên gọi điện thoại báo cho thầy biết là hiện nay trên trang Youtube có chia sẻ những clip của một vị sư “giang hồ”, ôm đàn ngồi hát những bài nhạc chế rất thô tục. Là Phật tử khi xem những hình ảnh này anh cảm thấy rất buồn, vì đây là những con “trùng của sư tử ăn thịt sư tử”. Có những con sâu làm rầu nồi canh, những người đã mang hình tướng tu sĩ,

nhưng lại phá hoại Tăng bảo.

Anh còn nói: “Thầy nên xem qua những clip này, sau khi xem xong, con xin thầy đề nghị với Giáo hội Phật giáo Việt Nam tìm ra những người đưa clip này lên trang Youtube để tháo xuống, đồng thời điều tra xem ông này ở đâu. Nếu là người tu thật sự thì phải có biện pháp kỷ luật, có thể trục xuất ra khỏi Giáo hội, hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin để mọi người biết ông không thuộc quyền quản lý của Giáo hội nữa”.

Sau khi nghe xong, thầy cảm ơn anh và tìm từ khóa “thầy tu giang hồ” trên Google thì được kết quả liên kết qua trang Youtube. Tìm hiểu trên trang mạng này, thầy thấy có ba clip với ba tựa đề khác nhau: Một clip là “Thầy Đức Gò Vấp”, clip thứ hai ghi “Thầy tu giang hồ quận Tân Phú”, clip còn lại là “Thầy tu giang hồ Cù Lao Chàm Gò Vấp”.

Thầy mở ba clip này ra xem thấy một anh thanh niên tạm gọi là “ông sư”, khoảng ba mươi tuổi, đầu cạo bóng, không mặc áo nhưng mặc quần màu vàng của người xuất gia, ôm đàn ngồi hát. Trên ngực và tay của anh ta xăm rất nhiều hình ảnh, nhìn vào là biết dân “giang hồ”. Xung quanh chỗ

anh ngồi là một đám thanh niên, phía trước nơi anh đàn hát chén bát bày ra bữa bãi, có lẽ vừa mới nhậu xong.

Có một clip quay lúc anh đang ngồi đàn hát thì phía sau treo một cái áo hậu và rất nhiều quần áo màu vàng, nơi anh ta ở là một căn nhà chứ không phải là một ngôi chùa. Đa phần những bài anh ta hát là nhạc chế. Những bài hát đó người ta gọi là nhạc vàng bây giờ chế lại thành nhạc xã hội, trong đó than thở về chuyện bị người yêu phụ bạc, làm giang hồ rồi tù tội,...

Bây giờ, thấy mở cho đại chúng nghe một clip do “ông sư” này hát. Anh không những hát hay mà đàn cũng rất chuyên nghiệp. Nếu ai nhìn hình ảnh anh này ở trên, xăm hình đây mình ngồi đàn rất dễ sợ. Bên cạnh, có mấy anh thanh niên ngồi lấy cái chậu đánh thay trống. Có ai nhìn thấy “ông sư” hát *Kiếp bụi đời* chưa? Trên trang mạng hiện có ba clip và được đưa lên từ năm 2014.

Thời đức Phật còn tại thế có một Bà la môn tên Angulimāla giết người không gớm tay. Sau khi được đức Phật giáo hóa anh ta hồi đầu Quy y Tam bảo và trở thành một vị sư tu hành rất tinh tấn,

nhờ vậy đạt được Thánh quả.

Trước đây, chùa Hoằng Pháp có thực hiện chương trình *Phật pháp nhiệm mầu*, chương trình đầu tiên nói về cuộc đời sư Minh Thủy. Trước khi xuất gia, sư cũng là một tay giang hồ khét tiếng, ăn chơi, trộm cướp, xì ke ma túy... Thế nhưng, khi biết đến Phật pháp, sư đã trở thành một tu sĩ tu tập rất tốt.

Chúng ta không biết vị sư quay ba đoạn clip này trước đây có phải là một tay giang hồ đã bị đi tù hay không? Sau khi ra tù, anh ta đi tu hay sao? Việc xuất gia của anh là tự mình phát tâm hay có vị thầy nào đó thương tình mà xuống tóc cho anh? Nếu anh ta tự xuất gia, tự cạo đầu, tự mặc áo người tu rồi lợi dụng hình tướng của người xuất gia để sinh sống thì không nói, còn nếu có một vị thầy nào xuất gia cho anh lại không dạy dỗ đàn hàng để anh làm những chuyện như vậy thì vị thầy đó cũng có lỗi. Chúng ta chỉ dự đoán chứ chưa biết được anh ta thật sự là người như thế nào, có phải đây là người tu đúng nghĩa hay không? Thế nhưng, dựa trên hình tướng đầu tròn, áo vuông, người đời nhìn vào và nhận định là một người tu. Người

thanh niên điện cho thầy, đề nghị phải có công văn hoặc thông tin trên các trang mạng Phật giáo cho mọi người được biết để không làm xấu đi hình ảnh của chư Tăng.

Chúng ta cũng chưa có giải pháp để ngăn chặn triệt để tình trạng này. Tốt hơn hết, khi chư Tăng xem những đoạn clip như thế mình cần phải suy ngẫm, cố gắng tu tập và đừng để những hình ảnh không đẹp của chư Tăng xuất hiện trên những trang mạng xã hội. Nếu có hình ảnh đẹp thì được, nhưng hình ảnh xấu thì không nên, thấy cái xấu thì cố gắng tránh. Người tốt cũng là thầy mà người xấu cũng là thầy. Người tốt thì mình học theo cái tốt, người xấu thì mình lấy đó làm tấm gương để đừng vướng vào, không bắt chước và không để bản thân rơi vào tình trạng như thế. Chúng ta cũng cảm ơn anh thanh niên đã báo cho mình biết để xem và thấy được điều thực tế như vậy.

Qua sự việc này chúng ta rút ra những bài học: Thứ nhất cố gắng tu tập; thứ hai mình cần lên án những tình trạng bôi nhọ hình ảnh chư Tăng, nhằm hạn chế và xử lý những người như

thể để không ảnh hưởng đến Tăng đoàn, Giáo hội
và đạo Phật nói chung. 

Ngày 24 tháng 9 năm 2015



Hóa duyên đúng thời

Trong bất cứ một đoàn thể nào, dù là đoàn thể tốt vẫn có người xấu, hay trong một đoàn thể xấu vẫn có người tốt. Nói cách khác, trong một tổ chức thể nào cũng có người tốt người xấu, người thật người giả, người chính người tà. Ông bà xưa có câu: “Một bàn tay còn có ngón dài ngón ngắn, không thể ngón nào cũng dài hay ngón nào cũng ngắn như nhau”.

Thời đức Phật còn tại thế trong số các đệ tử của Ngài cũng có người tinh tấn, kẻ giải đãi. Chúng ta thường nghĩ rằng, vào thời đức Phật tất cả người xuất gia đều là người tốt. Thế nhưng, nếu chúng ta có đọc kinh *Tiểu Bộ* trong đó ghi chép lại những sinh hoạt của chư Tăng thời bấy giờ, mình mới thấy được những điều rất thực tế. Chúng ta sẽ hết sức ngạc nhiên khi biết được thời đó cũng xảy ra rất nhiều chuyện, tốt có xấu có, phải trái lẫn lộn.

Con người bây giờ có cái xấu gì thì chư Tăng thời xưa cũng có cái xấu đó, không phải thời đức Phật còn tại thế những người xuất gia đều là người tốt và tu hành chân chính. Đã là con người thì ở thời nào cũng vậy, đều có những phiền não và tính xấu như tham, sân, si, vui buồn, mừng giận, thương ghét,... Như vậy, khi chúng ta đánh giá một tập thể đừng chỉ nhìn vào cá nhân. Người xưa nói: “Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi” hay “Nhân hư chứ đạo bất hư”.

Trong *Luật tứ phần*^[1] có chép một câu chuyện về việc các thầy tỷ kheo vận động Phật tử để cất

^[1] *Luật Tứ Phần*, chương II, Tăng Tàn, phần Lập Thất Nhò, Thích Đồng Minh, Nxb Phương Đông (2013), trang 101.

thất: “Do muốn làm cái thất của mình cho to đẹp, nên khi gặp ai các thầy cũng xin cái này cái khác, nhờ người ta làm việc này việc nọ thành ra Phật tử nhìn thấy các thầy là tránh xa. Một hôm, ngài Ca Diếp về khu vực đó để khát thực. Trước đây, khi ngài đến khát thực thì Phật tử rất tín tâm cúng dường, nhưng lần này ai thấy ngài cũng đều xa lánh. Khi hỏi thăm mới biết hiện tại chư Tăng đang vận động xây thất, am, cốc quá nhiều khiến người dân nơi đó sợ gặp chư Tăng nên tránh né”.

Đức Phật dạy người xuất gia thọ nhận sự cúng dường của người tín chủ cũng giống như con ong hút mật, chỉ lấy mật mà không làm tổn thương hương sắc của hoa. Người xuất gia được gọi là khát sĩ, nghĩa là người xin ăn, nhưng xin với tính chất cao thượng chứ không phải là xin với tính chất thấp hèn. Đức Phật cũng ôm bát khát thực, nhưng Ngài đi tuần tự từ nhà này đến nhà khác, ai cúng thì cúng, không cúng thì thôi chứ không van xin năn nỉ, không phân biệt giàu nghèo, đó là khát thực cao thượng. Còn bây giờ, nhiều người khát thực rất lạ là đến trước cửa nhà hay hàng quán của người ta rồi đứng hoài không chịu đi, hoặc

đến trước chỗ người ta buôn bán đứng tới chừng nào họ cho mới đi, không cho là không đi. Đây là bắt buộc người ta phải cúng dường, họ cũng cúng nhưng sẽ có suy nghĩ: “Thôi thì thí cô hồn cho ông này, để ông đi chứ buổi sáng mà đứng trước cửa nhà thì chẳng làm ăn gì được”, đó cũng là xin nhưng xin thấp hèn. Hai cách xin này hoàn toàn khác nhau.

Bây giờ, chư Tăng cũng là người đi xin, chùa nào cũng phải xin vì chùa không làm gì ra tiền. Các thầy không buôn bán, trồng trọt, chăn nuôi, không sản xuất kinh tế nên chúng ta phải đi xin để có tiền xây dựng, tiền sinh hoạt, chi trả cho các Phật sự, chẳng qua hành động “xin” của mình phải làm sao cho thật cao thượng, không phải xin một cách trơ trẽn, thấp hèn đến nỗi người ta gặp mặt các sư là trốn. Khi đó, mình vô tình hoặc hữu ý làm mất đi niềm tin của Phật tử.

Đây là bài học để chư Tăng sau này ra hành đạo phải để ý. Tất nhiên, chúng ta cũng cần phải có tiền để xây chùa, đúc tượng, làm từ thiện, tổ chức phóng sinh,... Thế nhưng chúng ta phải thể hiện sự cao quý, cho hay không là tùy hỷ chứ không nên

bắt ép người ta đáp ứng những nhu cầu và đòi hỏi của mình.

Có nhiều Phật tử nói: “Sao mỗi lần con vào chùa là thầy đó lại xin cái này, vận động cái kia, nói ra là tiền, riết rồi không dám đến chùa”. Người ta đi chùa đâu phải để cho mình xin tiền, họ đến chùa là để tu học nên mình phải đáp ứng nhu cầu tu học của tín đồ Phật tử. Khi nhu cầu tu học được đáp ứng thì vấn đề vật chất cũng không thiếu thốn, quan trọng là mình cho họ những hiểu biết về Phật pháp để họ có được sự an lạc, hạnh phúc. Nếu thấy và hiểu được việc làm của mình là chính đáng thì họ sẽ ủng hộ, còn hơn là đòi hỏi mà không dạy người ta tu, đôi khi họ không biết cái gì đúng, cái gì sai, dần dần đánh mất niềm tin nơi Tam bảo. Chúng ta thấy rất rõ thời đức Phật còn tại thế đã có những vấn đề danh lợi và tiền tài, không phải ai đi tu đều là Thánh bởi họ cũng là người phàm, nhờ dụng công tu tập nên chuyển phàm thành Thánh.

Thời đức Phật còn xảy ra những chuyện như vậy thì chắc chắn trong hiện tại chúng ta sẽ gặp phải những điều này rất nhiều. Bên cạnh những vị

thật tu là những người giả tu, lợi dụng lòng tốt của Phật tử để lừa đảo. Đây là những bài học rất quý giá, chư Tăng nên suy nghĩ và lưu tâm để sau này khi ra hành đạo, mình có sẵn kinh nghiệm trong tay. Chúng ta làm Phật sự đó là chuyện chung không phải chuyện riêng, có điều kiện thì làm còn không có thì từ từ, không ai bắt mình phải làm cho mau xong hay sớm hoàn thành. Khi chúng ta cất một ngôi chùa, câu hỏi đặt ra là: “Mình làm ngôi chùa này cho ai?”. Câu trả lời sẽ là: “Làm cho Phật tử, làm cho bá tánh, chẳng phải làm riêng cho mình”. Thời gian chúng ta làm mau hay chậm tùy theo nhân duyên, không phải vì làm chùa mà suốt ngày mình phiền não, phải bận tâm đến nó quá nhiều, dẫn đến việc không thể tu học được. Tệ hơn nữa, dần dần mình trở thành người thấp kém hèn hạ, đi xin tiền hết nơi này tới nơi kia, khiến nhân cách và giá trị đạo đức của mình bị đánh giá thấp. Biết rằng, đó là Phật sự nhưng vẫn phải làm sao cho thấu tình đạt lý. Như chùa Hoàng Pháp có bao nhiêu tiền làm bấy nhiêu, không đi vận động, không xin cái gì của ai, mọi việc đều tùy duyên mà thành tựu. Đó là cách hay nhất để giữ được tâm

tu, hơn hết không nên phiền não về công việc của mình nhiều quá rồi mất đi sự thanh tịnh trong vấn đề tu tập. 

Ngày 10 tháng 6 năm 2014



Niệm Phật thế nào là đúng?

Vừa rồi, thầy có chuyến Phật sự tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung, cụ thể là các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hà Tĩnh. Ở đây, các Phật tử nêu lên những thắc mắc xoay quanh vấn đề tu học, bức xúc về việc quá nhiều thầy chỉ dạy những cách thức niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà khác nhau. Những Phật tử này đa phần tu theo pháp môn Tịnh độ.

Gần đây, một số vị thầy từ miền Nam ra miền Bắc thuyết pháp và hướng dẫn đạo tràng. Thế nhưng, cách mà các thầy chỉ dạy khiến cho Phật tử rất lúng túng và phân vân, không biết niệm Phật như thế nào cho đúng. Họ nói rằng: “Từ trước đến giờ, chúng con niệm “Nam mô A Di Đà Phật”. Thế nhưng có nhiều thầy không niệm đủ sáu chữ mà chỉ niệm bốn chữ “A Di Đà Phật”. Lại có những thầy không niệm “Nam mô A Di Đà Phật” mà niệm “Nam mô A Mi Đà Phật”. Dần dần, chúng con hoang mang, không biết nghe theo thầy nào và niệm như thế nào cho đúng?”.

Sau khi nghe những Phật tử nêu lên thắc mắc, thầy đã phân tích cho họ nghe: Niệm “Nam mô A Di Đà Phật” hoặc “Nam mô A Mi Đà Phật” đều đúng. Người nào nói niệm “Nam mô A Di Đà Phật” là sai thì niệm “Nam mô A Mi Đà Phật” cũng sai. Nếu niệm đúng là phải niệm “Nam mô A Mi Ta Bút Đa” (Namo Amitabha Buddha), chứ không phải “Nam mô A Di Đà Phật” hay “Nam mô A Mi Đà Phật”. Bởi vì, “Namo Amitabha Buddha” là chữ Phạn, người Trung Hoa dịch “Nam mô A Mi Thò Phò” (Namo Amitufo). Như vậy, cùng một chữ

nhưng mỗi nước có cách phiên âm ra ngôn ngữ khác nhau, tùy thuộc vào văn hóa riêng của từng vùng miền. Người Trung Hoa dịch ra tiếng Trung Hoa, người Việt dịch ra tiếng Việt... Lâu nay, người Việt Nam niệm “Nam mô A Di Đà Phật” thì chúng ta cứ niệm “Nam mô A Di Đà Phật”, đổi lại “Nam mô A Mi Đà Phật” để làm gì?”.

Kể nữa, Phật tử lại thắc mắc là từ trước đến giờ niệm Phật sáu chữ, nhưng bây giờ có một số thấy lại dạy niệm Phật bốn chữ. Trước đây, người Trung Quốc niệm “Namo Amitufo”, sau này họ chỉ niệm “Amitufo”, thế là người Việt Nam cũng bắt chước và chỉ niệm “A Di Đà Phật”, bỏ đi chữ “Nam mô”. Chúng ta niệm chữ “Nam mô” mà không biết ý nghĩa của chữ “Nam mô” là gì. Chữ “Nam mô” có nghĩa là quy y, cung kính, quy mạng. Như vậy chữ “Nam mô” rất là trang trọng và tôn kính. Chẳng hạn, mình tên là Nguyễn Văn Sĩ thì người ta gọi mình là bác Sĩ, hay chú Sĩ, hoặc là ông Sĩ, đó là cách gọi tôn trọng và cung kính. Mình đã lớn tuổi mà người ta gọi: “Ê! Sĩ, Sĩ”, như vậy là thiếu sự cung kính, tôn trọng. Cũng như vậy, chúng ta niệm Nam mô là cung kính, quy mạng; A

Di Đà Phật là đức Phật A Di Đà. Đó là chúng ta tỏ lòng tôn kính với đức Phật, còn chúng ta chỉ niệm A Di Đà Phật là thiếu đi sự tôn kính.

Có nhiều người lại nói là niệm “Nam mô A Di Đà Phật” dài nên mất thời gian hơn niệm “A Di Đà Phật”. Chẳng hạn trong một tiếng đồng hồ chúng ta niệm “A Di Đà Phật” được một nghìn câu, trong khi niệm “Nam mô A Di Đà Phật” chỉ được tám trăm câu. Đây là quan điểm của những người không có trí tuệ, bởi vì mục đích của việc niệm Phật không phải là niệm được nhiều danh hiệu mà niệm để được nhất tâm, muốn niệm nhiều là đã có lòng tham, đã phát khởi tâm tham thì làm sao tương ứng với cảnh giới của đức Phật và cộng trú với chư hiền Thánh. Nếu bây giờ, chúng ta bỏ bớt chữ “Nam mô” để đọc “A Di Đà Phật” cho nhanh, sau này sẽ có người bỏ luôn chữ “A Di” để đọc “Đà Phật”, hoặc cuối cùng chỉ còn một chữ “Phật” để nhanh hơn thì sao? Đó là do chúng ta không có lập trường vững chắc, thấy ai nói thế nào là nghe như vậy.

Hôm trước, có một vị đệ tử của Hòa thượng Tịnh Không về Việt Nam truyền đạo, đã tuyên

thuyết rằng: “Ở Việt Nam quý Tăng Ni và Phật tử niệm “A Di Đà Phật” là sai với nguyên tác kinh điển, không phù hợp với cách niệm bằng tiếng Đài Loan và tiếng Anh. Niệm như vậy sẽ không có mầu nhiệm, không có thần thông. Phải niệm “A Mi Đà Phật” thì mới đúng, mới có hiệu quả và mầu nhiệm”.

Phật tử Việt Nam thích hướng ngoại, chưa biết ông thầy đó trình độ như thế nào, cứ thấy ở nước ngoài về thì nghĩ là hay, là tài giỏi. Trong khi đó, những Phật tử ở nước ngoài lại không thích những người như thế. Vậy mà, thầy này về Việt Nam được Phật tử trong nước kính ngưỡng, tôn sùng, xem như là một vị Thần, vị Thánh. Khi nghe thầy này nói như vậy, Phật tử đâm ra hoang mang, lo lắng. Những Phật tử ở miền Bắc cũng rơi vào trường hợp này. Thầy khuyên: “Trước đây quý vị niệm như thế nào, bây giờ niệm y như thế. Trong việc hành trì, chúng ta phải có lòng tin và lập trường vững chắc, không nên nghe người này chế ra cái này, ngày mai người kia chế ra cái khác rồi chạy theo”.

Chùa Hoàng Pháp tiếp thu những điều hay,

những điểm tiến bộ từ Phật giáo Trung Quốc và Đài Loan. Nhưng chúng ta không bắt chước người Trung Quốc hoàn toàn, không phải bên kia có cái gì là mình đem về làm giống y chang như họ. Phật giáo Việt Nam phải có cách tổ chức riêng mang văn hóa của người Việt Nam, nghi lễ và nghi thức của các bậc tiền bối người Việt đã chỉ dạy. Khóa tu Phật thất tại chùa Hoằng Pháp tổ chức không hướng dẫn niệm Amitufo hay A Mi Đà Phật, mà quý thầy chỉ dạy cách niệm “Nam mô A Di Đà Phật” theo truyền thống từ ngày xưa cho đến bây giờ.

Việc tụng niệm cũng vậy, xưa nay chùa mình vẫn y cứ theo kinh điển Phật giáo Việt Nam để tụng đọc. Những bài kệ, bài sám của chùa Hoằng Pháp là những bài mà chư Tổ người Việt đã dịch từ các bản kinh chữ Hán hoặc các ngài đã viết ra các bài thơ và kệ, chúng ta ngày nay nên tiếp tục hành trì theo. Còn cách niệm Phật tùy từng chùa, miễn sao mọi người dễ niệm theo là được. Riêng Phật tử chùa Hoằng Pháp, chúng ta cố gắng dù đi đâu cũng phải giữ vững lập trường. Mình không bắt chước theo người này hay người kia để rồi hoang mang, lo lắng.

Chúng ta đã hiểu chữ Nam mô có nghĩa là quy y, quy mạng, cung kính thì chúng ta cứ niệm Nam mô. Từ trước đến giờ, người Ấn Độ chỉ niệm một danh hiệu Bốn sư là Namo Sakya Muni Buddha, trong đó cũng có chữ Nam mô. Thế mà, nhiều người lại nói là bỏ bớt để niệm cho nhanh, cho nhiều. Như vậy, sao không bỏ hết đi chỉ niệm chữ Phật thôi cho nhanh. Thấy nghĩ trong tương lai chắc cũng sẽ có người bày ra như vậy cho nhanh và niệm được nhiều, vì niệm A Di Đà Phật dài và mất thời gian hơn.

Trên thực tế, ngày xưa đức Phật cũng đã chỉ dạy phương pháp niệm Phật, khuyến khích việc niệm Phật. Trong kinh *Tăng Chi Bộ* có chép về lợi ích của việc niệm Phật là: *“Có một pháp, này các tỳ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Phật... niệm Pháp... niệm Tăng... niệm Giới... niệm Thí... niệm Thiên... niệm Hơi thở vô, Hơi thở ra... niệm Chết... niệm Thân... niệm An tịnh. Chính một pháp này, này các tỳ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng*

nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn^[1].

Nhưng phương pháp tu tập niệm Phật trong kinh điển Nguyên thủy khác với chúng ta ngày nay. Cách thức niệm Phật được Thế Tôn chỉ dạy trong kinh điển Nguyên thủy là niệm chín ân đức Phật, suy tưởng và nhớ nghĩ về các ân đức cao quý này để sinh tâm hoan hỷ, an lạc, có niềm tịnh tín với Tam bảo. Phương pháp này được Ngài chỉ dạy cho những người cư sĩ tại gia khi đến hỏi đạo như ông Mahānāma và bà Visākhā, nhằm làm thanh tịnh tâm uế nhiễm, tránh những phiền não tham, sân, si. Những lời chỉ dạy này được ghi chép lại trong kinh *Tăng Chi Bộ*:

“Và này Visākhā, thế nào là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi? Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Như Lai: “Đây là Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân

^[1] ĐTKVN, kinh *Tăng Chi Bộ I*, chương Một Pháp, phẩm Một Pháp, phần Niệm Phật, Nxb Tôn giáo (2005), trang 64.

hoan sinh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, đầu uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi^[12].

Đối với một bậc đã chứng đắc các tầng Thánh quả, Thế Tôn cũng khuyến khích chư vị niệm ân đức Phật để an trú trong niềm hỷ lạc được phát sinh do tâm hoan hỷ khi nghĩ về những ân đức ấy. Ngài từng dạy điều này cho Vua Mahānāma thuộc dòng dõi Sakya khi ông đến hỏi đạo: “Bạch đức Thế Tôn, làm cách nào để một vị Thánh đã liễu giải giáo pháp được sống một cách sung mãn?”. Đức Phật dạy:

“Này Mahānāma, Thánh đệ tử nào đã đi đến quả, đã liễu giải giáo pháp, với nếp sống này, sống một cách sung mãn. Ở đây, này Mahānāma, Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai: “Đây là Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Khi nào, này Mahānāma, Thánh đệ tử niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân

^[12] ĐTKVN, kinh Tăng Chi Bộ I, chương III, Đại Phẩm, phần Các Lễ Uposatha, Nxb Tôn giáo (2005), trang 370.

chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chính trực, nhờ dựa vào Như Lai. Và này Mahānāma, một Thánh đệ tử, với tâm chính trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Người có hân hoan, nên hỷ sinh. Người có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Này Mahānāma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: “Với quần chúng không bình thân, vị ấy sống bình thân. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Phật”^[3].

Cách niệm Phật theo truyền thống Nguyên thủy không phải để cầu xin được về một cảnh giới nào trong tương lai mà có được an lạc ngay trong giây phút hiện tại, đó là một tùy niệm trong sáu pháp tùy niệm xú: *Tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm Giới, tùy niệm Thí, tùy niệm Thiên*^[4].

^[3] ĐTKVN, *kinh Tăng Chi Bộ III*, chương VI, phẩm Đáng Được Cung Kính, phần Mahānāma, Nxb Tôn giáo (2005), trang 16.

^[4] ĐTKVN, *kinh Tăng Chi Bộ III*, chương VI, phẩm Đáng Được Cung Kính, phần Tùy Niệm Xú, Nxb Tôn giáo (2005), trang 15.

Trong *Thanh tịnh đạo luận* cũng chỉ dạy về cách niệm Phật, ngài Buddhaghosa xếp niệm Phật vào một trong bốn mươi đề mục thiền định. Niệm Phật là một đề mục giúp hành giả tăng trưởng niềm tin, vì tín là một trong Ngũ căn và Ngũ lực. Năm điều này cần phải được cân bằng trong quá trình tu tập. Do đó, khi thấy niềm tin bị suy yếu, các hành giả tu thiền sẽ quán tưởng ân đức Phật để tín căn tăng trưởng đồng đều với tấn, niệm, định và tuệ căn. Các thiền viện tại Myanmar, Sri Lanka và Thái Lan người ta thực hành niệm ân đức Phật và xem đó là một trong những đề mục thiền bảo hộ. Nhưng cách niệm của Phật giáo Nguyên thủy là nghĩ tưởng về các ân đức, hoặc niệm một trong các danh hiệu để được nhất tâm, đưa đến cận định, có thể là niệm liên tục danh hiệu “Araham, Araham, Araham,...” hay “Buddho, Buddho, Buddho,...”. Thiền sư Ajahn Chah ở Thái Lan cũng dạy cho những người mới tập thiền là khi thở vào niệm “Bud”, thở ra niệm “dho” để dễ chú tâm đối với ai bị tán loạn và không thể theo dõi hơi thở. Đó là những tư tưởng trong kinh *Nikāya* và cách hành trì của Phật giáo Nguyên thủy.

Các kinh điển của Phật giáo Đại thừa mà Tịnh độ tông y cứ để tu tập thì hầu hết khuyên người tu phải vun bồi ba điều tín, nguyện, hạnh để được vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Tùy theo quan điểm của các trường phái mà mỗi người sẽ tự lựa chọn cho mình một cách hành trì phù hợp, nhưng chúng ta cần nhận định được một điều là điểm đến chung nhất của các pháp tu chỉ nhằm giác ngộ giải thoát. Muốn giải thoát phải dựa trên nền tảng của giới, định và tuệ. Mình nương vào một pháp hành để có được sự định tâm, khi đã được định tâm rồi vẫn chưa đủ, dần dần phải hướng về tuệ giác để thấy được ba đặc tính “vô thường, khổ, vô ngã” của các pháp. Vì ba đặc tính này chính là pháp ấn, quyết định tính đưa đến giác ngộ giải thoát, chúng đặc đạo quả. Khi xưa, Thái tử Tất Đạt Đa lúc chưa thành Phật đã chứng đắc đến tầng thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhưng Ngài nhận thấy đó chưa phải là đích đến, vì chỉ có định thì không diệt trừ được phiền não. Mức độ định của tầng thiền này là cao nhất, không phải ai cũng đạt được. Ngày nay chúng ta muốn tu chứng được sơ thiền đã khó, vậy mà Ngài còn bỏ để tìm

con đường khác. Vì Ngài nhận thấy chỉ có định thì vẫn còn sinh tử, còn phiền não vi tế, chỉ có tuệ giác mới có thể diệt trừ vô minh và tham ái, nguồn gốc của sinh tử luân hồi.

Trên hành trình tu tập tuệ giác, dù pháp tu nào cũng không được xa rời Bát chính đạo, chỉ có Bát chính đạo mới là con đường duy nhất dẫn đến Niết bàn. Chúng ta cần nắm vững những điều này để không đi sai đường, mình nhận định một cách rõ ràng đâu là phương tiện, đâu là cứu cánh. Người tu theo Phật, nếu sử dụng quá nhiều phương tiện mà không hiểu nguồn gốc và mục đích cuối cùng là gì, từ đó đắm chìm và chạy theo phương tiện thì rất dễ rơi vào sai lạc, tà kiến, tà đạo, không đúng với lời Phật dạy.

Có một vị thầy người nước ngoài nói rằng Việt Nam hiện nay đang hình thành Tịnh độ tà giáo. Tịnh độ tà giáo là Tịnh độ dẫn người ta vào chỗ cuồng tín, chỉ biết ngồi niệm Phật để chờ chết. Nếu chúng ta đi chùa mà có quan niệm và tư tưởng như vậy thì vô tình chính những người mang danh là con Phật lại biến Phật giáo Việt Nam trở thành đạo dành cho người chết. Chúng

ta phải hiểu rõ mục đích mình đến chùa để làm gì? Đó là học hỏi giáo lý của đức Phật và áp dụng vào đời sống, làm sao con người của mình trở nên thánh thiện, cao thượng; tu dần dần phải có được chính kiến, biết rõ mục đích của mình là gì? Những người già cầu vãng sinh thì còn tạm chấp nhận được, còn tuổi trẻ vào chùa để cầu chết thì sẽ không ai dám dẫn con cháu đến chùa. Chúng ta nên tùy theo đối tượng mà có sự giáo hóa khác nhau, không ai giống ai. Trong việc tu tập, tinh tấn là điều cần thiết, nhưng cũng phải tùy theo hoàn cảnh và sức khỏe của mỗi người.

Vì vậy, chư Tăng phải có lập trường và có sự hiểu biết đúng về vấn đề này, nếu không chúng ta sẽ mê tín theo tà kiến rồi lại đi tuyên truyền những điều tà kiến. Quý Phật tử cũng phải giữ vững lập trường, lâu nay tu tập như thế nào thì bây giờ mình cứ tu như vậy. Không nên hôm nay nghe người ta nói “A Di Đà Phật” mình theo, rồi hôm sau người ta nói “A Mi Đà Phật” mình cũng theo, sau này người ta lại thay đổi nữa mình cũng theo hay sao?

Nguyên nhân của vấn đề này cũng do một số chư Tăng Ni hướng dẫn như vậy khiến Phật tử

hoang mang, lo lắng, không biết phải thực hành thế nào cho đúng. Đó là tự chư Tăng Ni đang làm cho Phật giáo suy yếu. Hôm nay, thầy trình bày cho đại chúng biết điều này để giữ vững lập trường của mình. Chư Tăng chùa Hoằng Pháp lâu nay hướng dẫn Phật tử niệm Phật như thế nào thì giờ cứ hướng dẫn như vậy, không nên nghe theo người này, người kia làm cho Phật tử hoang mang, lo lắng trong việc tu tập. ☁



Ơn thầy dạy bảo chở che
Độ con vượt thoát sống mê lưới tình.

- THANH LƯƠNG -



Kỷ họa thầy Chân Tĩnh & các chú tiểu xuất gia gieo duyên 2019



Chùa là trường học Phật pháp

Chiều ngày 7 tháng 10 năm 2015, quý thầy chùa Hoằng Pháp phát hiện hai bé khoảng ba tuổi, một trai và một gái bị mẹ bỏ rơi trong sân chùa. Quý thầy thông báo cho Ủy ban Nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn về sự việc trên. Sáng hôm sau, công an và cán bộ xã đã đến chùa lập biên bản tường trình rồi đưa hai bé đến trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi. Cách đây ba tháng cũng có một

trường hợp tương tự xảy ra, một bé khoảng mười hai tháng tuổi bị mẹ bỏ rơi tại chùa, quý thầy cũng báo lên xã và họ cũng đã đến lập biên bản đưa bé đến làng trẻ em SOS ở Gò Vấp.

Theo thầy nghĩ, những người mẹ bỏ con như vậy là do hoàn cảnh bắt buộc và rất đáng thương. Trước khi bỏ con tại chùa Hoàng Pháp, họ cũng đã dò xét xem chùa có nuôi trẻ mồ côi hay không. Có lẽ do thấy bé Giác Chánh Đạo ở trong chùa nên họ nghĩ rằng chùa có nuôi trẻ mồ côi, yên tâm đem con đến đây để quý thầy nuôi dưỡng, cũng giúp bé Giác Chánh Đạo có em. Xét ra, họ cũng tốt, sợ Giác Chánh Đạo buồn khi không có bạn chơi chung!

Thật ra, bé Giác Chánh Đạo không phải do chùa nuôi dưỡng, người nuôi bé là cô Tâm làm bên phòng y tế. Trước đây, cô Tâm làm công quả trong chùa, sau này nhận nuôi Giác Chánh Đạo nên cô ra ngoài thuê nhà ở, ban đêm đưa bé về nhà ngủ, ban ngày lại đưa vào chùa chơi với quý thầy và các Phật tử.

Trước đây, thầy cũng biết một vài chùa xảy ra trường hợp tương tự, nghĩa là họ cũng đem con bỏ ngoài cổng chùa. Quý thầy, quý Sư cô có lòng

tử bi nên đem các bé vào chùa nuôi dưỡng. Những người khác biết được việc đó và nghĩ rằng chùa nuôi trẻ mồ côi, thế là họ đem con bỏ ở chùa, ban đầu một bé, dần dần trở thành năm mười bé, rồi hai ba chục bé,... Lúc này, chùa biến thành nơi nuôi trẻ mồ côi, quý thầy trở thành cha nuôi, Sư cô trở thành mẹ nuôi của những trẻ em mồ côi ấy.

Việc làm của quý thầy, quý Sư cô thể hiện tấm lòng tử bi, thương người, muốn giúp đỡ các em có hoàn cảnh bất hạnh bị cha mẹ bỏ rơi, đó cũng là phương tiện độ sinh. Thế nhưng, chúng ta phải xác định rõ mục đích của người xuất gia là gì? Đó là: “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh”. Sự nghiệp của người xuất gia là trí tuệ. Mình đi tu để khai mở trí tuệ, hướng đến con đường giác ngộ giải thoát, thành tựu Phật quả và hóa độ chúng sinh. Chúng ta vì tình thương nên giúp đỡ các em là điều tốt. Thế nhưng, mình phải biết sự nghiệp chính yếu của đời mình là gì để hướng đến, nếu không có định hướng rõ ràng sẽ rất dễ đi lệch lạc, không thể đạt được mục đích lý tưởng.

Một vị thầy dần dần biến thành cha nuôi, còn Sư cô trở thành mẹ nuôi, từ đó quên đi mục đích

giác ngộ giải thoát, quên đi sự nghiệp trí tuệ, quên đi nghĩa vụ hoằng pháp lợi sinh. Chúng ta vô tình biến ngôi chùa thành trại trẻ mồ côi, viện dưỡng lão, nhà hộ niệm, trung tâm từ thiện,... Từ một người xuất gia, trở thành người phục vụ cho cô nhi, người già và người sắp chết,...

Chùa là nơi cho người xuất gia an trú tu học, cũng như hướng dẫn mọi người tu tập. Trẻ mồ côi đã có cô nhi viện chăm sóc, người già thì có viện dưỡng lão phụ trách, việc hộ niệm thì có Ban Hộ niệm của các đạo tràng lo liệu. Chúng ta không thể biến ngôi chùa thành cô nhi viện, viện dưỡng lão hoặc nhà hộ niệm. Nếu vì phương tiện độ sinh để làm những việc đó, mình cũng phải tách rời thành hai nơi riêng biệt. Thí dụ, chúng ta có lòng từ bi phát tâm cứu mang các em nhỏ thì nên thành lập một cô nhi viện bên cạnh chùa. Những người phục vụ trong đó là Phật tử tại gia. Quý thầy, quý Sư cô không phải đảm trách công việc này. Người tu không thể suốt ngày chỉ lo nuôi dưỡng trẻ nhỏ. Bốn phận và nghĩa vụ của người xuất gia là tu tập để thành tựu đạo quả, hoằng pháp lợi sinh. Chúng ta phải suy nghĩ cho thật thấu đáo điều này.

Tất nhiên, đôi lúc mình cũng rơi vào hoàn cảnh giống như thầy đã nói. Có nhiều chùa vì thương các bé bị mẹ bỏ rơi nên nhận nuôi dưỡng, dần dần số lượng các em bị bỏ rơi tăng lên, cuối cùng ngôi chùa trở thành cô nhi viện, đó là điều bất đắc dĩ. Thầy thấy có một cách giải quyết vấn đề này rất thuận lợi đó là khi có người bỏ con ở chùa, chúng ta hãy báo lên Chính quyền địa phương, họ sẽ có bốn phận và trách nhiệm mang những bé ấy đến trung tâm nuôi trẻ mồ côi. Họ sẽ lo đầy đủ những giấy tờ pháp lý cần thiết cho đứa bé. Ngoài ra, những nơi ấy còn tạo điều kiện cho các gia đình có hoàn cảnh hiếm muộn hay vô sinh đến nhận các bé về làm con nuôi. Như vậy, nơi đó vừa là trung tâm nuôi dưỡng những đứa trẻ, vừa là nơi để những gia đình đến xin trẻ em về làm con nuôi, đó cũng là điều rất tốt, đầu nhất thiết phải giữ các em ở chùa mới gọi là từ bi.

Hai trường hợp bỏ con xảy ra ở chùa, khi chúng ta báo Chính quyền địa phương thì họ cử người xuống lập biên bản và đưa các bé đến những trung tâm nuôi dạy trẻ. Những nơi đó có tiêu chuẩn rõ ràng, nếu như mình để các em ở

chùa, không đủ điều kiện chăm sóc tử tế rất dễ mang tai tiếng. Khi nhận nuôi trẻ, nếu chẳng may các em bị bệnh hay chết, chúng ta cũng gặp nhiều rắc rối. Hiện tại, tình trạng buôn bán nội tạng trẻ em đang xảy ra rất nhiều, nếu mình nhận nuôi rồi sau đó tự ý đem cho một ai đó, chẳng may xảy ra trường hợp buôn bán người thì chúng ta cũng có một phần trách nhiệm. Do đó, khi nhận được các bé bị bỏ rơi, cách giải quyết tốt nhất là báo cho Chính quyền địa phương, họ sẽ chịu trách nhiệm đưa những bé này đến các trung tâm nuôi trẻ mồ côi do Nhà nước quản lý.

Những trung tâm nuôi dạy trẻ có những tiêu chuẩn nhất định, được giám sát và quản lý từ việc nuôi dạy cho đến ăn học, vấn đề ăn uống cũng rất cẩn thận, không phải đơn giản. Đó là những cơ sở do Nhà nước quản lý, không thể xảy ra chuyện bỏ đói hay ngược đãi, đánh đập trẻ em. Khi gửi các bé đến trại nuôi dưỡng thì chúng ta cũng không sợ bị người ta chỉ trích là mình không có trách nhiệm, không có lòng từ bi. Chúng ta làm như thế là đủ trách nhiệm, đã thể hiện lòng từ, không nhất thiết phải nuôi dưỡng các em ở chùa.

Hiện nay, rất nhiều người trên thế giới đã đến Myanmar để học thiền, trong đó có người Việt Nam. Những đạo tràng dạy thiền là các rừng thiền, nơi đó rộng hàng trăm mẫu đất. Người ta đến đó để tâm được thanh thản, thư thái, thanh tịnh, an lạc, hạnh phúc. Người xuất gia đem lại những giá trị này cho Phật tử cũng đã quá tốt, thiết thực ngay trong hiện tại, không nhất thiết phải nuôi trẻ em, người già hay làm từ thiện,... Ai đến các trường thiền cũng cố gắng tu, cố gắng ngồi thiền, nhưng chính sự đơn giản đó lại thu hút rất nhiều người tìm đến tu tập. Nếu chúng ta thực hiện đúng chức năng của một ngôi chùa sẽ đem lại lợi ích cho mọi người và xã hội. 



Sự đời tùy thuộc góc nhìn

Loài bướm đẻ ra trứng, trứng nở thành sâu. Trong vòng từ hai đến ba tuần, sâu sẽ trưởng thành, nhả tơ rồi kết kén bao quanh mình để làm thân nhộng bên trong chiếc kén. Sau hơn hai tuần tiếp theo, nhộng chui ra khỏi kén và trở thành bướm. Quá trình nhộng thoát ra khỏi kén để thành bướm cũng rất gian nan, cực nhọc và mất nhiều thời gian.

Có một anh chàng thanh niên ngấm trời, ngấm mây rồi nhìn lên tán cây xanh, thấy một chú nhộng đang cố gắng thoát ra khỏi kén. Từ dưới đất ngược lên, anh thanh niên thấy chú nhộng loay hoay mãi, cố gắng hết sức nhưng vẫn chưa ra được khỏi kén. Thấy thương quá, anh tiện tay lấy dao rọc chiếc kén để chú nhộng dễ dàng thoát ra ngoài. Tuy nhiên, sau khi được anh giúp đỡ ra khỏi kén, chú nhộng không trở thành bướm để bay đi được, nó bò lết quanh chiếc kén trong niềm tiếc nuối, rồi một lúc sau chết đi trong niềm uất hận.

Câu chuyện hàm chứa rất nhiều ý nghĩa sâu xa. Nhộng muốn thoát ra khỏi kén phải tuân theo quy luật của tự nhiên, trải qua quá trình gian khổ, phải vùng vẫy để tạo ra sức mạnh cho đôi cánh, mới có thể bay lên trên bầu trời. Anh thanh niên không hiểu được điều này, cho rằng mình nên giúp đỡ để con vật bớt khổ hơn, không còn vất vả hay mệt nhọc khi thoát ra khỏi kén nên anh mới lấy dao rọc chiếc kén cho nhanh. Chính vì vậy, khi con nhộng ra khỏi kén, nó không đủ sức để thành bướm và tung cánh bay lên bầu trời.

Trong cuộc sống, chúng ta có tình thương, có lòng tốt muốn giúp đỡ người khác. Nhưng mình giúp phải đúng chỗ, đúng lúc, đúng cách để người được giúp có thể tự vươn lên tạo dựng một tương lai tươi sáng và tốt đẹp hơn. Người xưa có câu nói rất hay: “Hãy cho người khác cần câu, đừng cho con cá”. Vì khi cho cần câu người kia có thể tự kiếm sống, còn cho con cá chỉ ăn trong một bữa là hết. Đừng để sự hỗ trợ của mình làm cho cuộc đời người khác trở nên tệ hại hơn, mất dần ý chí và nghị lực sống, chỉ biết nương nhờ và trông cậy vào người khác, hoặc phải chết theo một nghĩa nào đó như chú nhộng kém may mắn trong câu chuyện.

Tình thương không đúng lúc, không đúng chỗ, không đúng cách có khi vô tình lại làm hại cho người. Thí dụ, chúng ta giúp một người nghèo khổ một số tiền để họ có vốn làm ăn hay học được nghề nghiệp, từ đó người ta tự lập và vươn lên để kiếm sống, đó là tình thương được đặt đúng chỗ, đồng thời là việc làm có trí tuệ. Ngược lại, nếu một người đang thiếu thốn đến xin chúng ta giúp đỡ, sau đó họ dùng số tiền xin được để ăn chơi và không chịu làm việc, đó là chúng ta vô tình tiếp tay

cho họ trở thành người lười biếng, không có động lực để phấn đấu, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Người phương Tây có thói quen rất hay, khi làm từ thiện họ thường hướng tới cộng đồng hay tổ chức, làm những việc đem lại lợi ích chung cho phần đông hơn là chỉ hướng đến một số đối tượng hay cá nhân nào đó. Một tỷ phú có thể bỏ ra hàng triệu đô la Mỹ và phần lớn tài sản của mình để hiến tặng cho một tổ chức y tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học nhưng khi gặp một người ăn xin, có thể họ sẽ không cho đồng nào. Một doanh nhân khi đến các quốc gia nghèo đói, họ sẽ suy nghĩ cách thức xây dựng những công ty, xí nghiệp để người dân nơi đây có công ăn việc làm hơn là lo nghĩ đến việc chu cấp tiền ăn hàng tháng. Người ta sẵn sàng bỏ ra hàng tỷ đồng xây dựng hệ thống lọc nước để cung cấp nước sạch, xử lý vấn đề môi trường hay đầu tư cho các nhà khoa học, trung tâm nghiên cứu,... thay vì phân chia số tiền đó cho những người vô gia cư. Quan điểm của người phương Tây là ai cũng có tay chân đầy đủ, họ có thể tự làm việc để kiếm sống. Hướng về cộng đồng

sẽ mang nhiều lợi ích hơn, còn chu cấp cho một vài người có thể làm họ thêm lười biếng, không cố gắng lao động và học tập. Chính vì thế, nhiều trường hợp cha mẹ rất giàu nhưng không di chúc lại cho con cái kế thừa, họ hiến tặng tài sản tích góp cả đời cho các tổ chức từ thiện xã hội và phát triển cộng đồng. Khi đủ mười tám tuổi, những người con phải tự nuôi sống bản thân, nếu muốn học lên cao thì có thể vay tiền Nhà nước để học, bởi việc đó là tùy thuộc vào cách nghĩ của mỗi người. Tính tự lập và suy nghĩ của người phương Tây độc đáo như thế, người phương Đông khó mà bắt kịp. Ngay chính những người xuất gia cũng phải lo cho đệ tử, đệ tôn. Thầy hiện giờ phải hỗ trợ tiền cũng như lo lắng cho các thầy phát triển các chi nhánh.

Giúp người không đúng cách, đó là gián tiếp làm hại họ. Một số trường hợp lợi dụng lòng từ bi của quý thầy để trục lợi. Người ta đến chùa xin tiền quá dễ dàng, chỉ cần ngồi than khổ, than nghèo, bệnh tật vây khốn là chúng ta động lòng đem tiền ra cho. Họ đi xin mỗi chùa một ít, dành ra chừng nửa tiếng đồng hồ để đến một nơi, nếu

xin một lần được năm mươi nghìn đồng thì trong một ngày đi xin mười nơi cũng được năm trăm nghìn đồng, có khi còn hơn số đó. Một tháng những người này xin được không dưới mười triệu đồng. Trong khi đó, một anh phụ hồ dầm mưa dãi nắng, một bác nông dân cày sâu cuốc bẫm, làm việc vất vả cả ngày nhưng khó kiếm được số tiền lớn như vậy. Chúng ta nuôi dưỡng lòng từ bi không lẽ người ta đến xin mà mình không cho, nhưng nếu cho thì họ sẽ không chịu cực, chịu khổ để lao động chân chính. Trong số người đến xin, cũng có những người thật sự rơi vào hoàn cảnh khó khăn, nhưng số này không nhiều mà đa phần là giả mạo. Thời nay, thật và giả rất khó phân định, đó cũng là một vấn đề gây hoang mang cho nhiều Phật tử khi phát khởi tâm bố thí.

Khi cho tiền ai đó mình phải suy xét, đừng vì lòng thương hại mà cho một cách tùy tiện, dễ dãi. Chúng ta biết người này xin tiền rồi sẽ lười biếng, ăn chơi, cờ bạc, rượu chè, tội lỗi,... vậy mà mình vẫn cứ tiếp tục cho, điều đó thể hiện sự thiếu trí tuệ, rõ ràng là mình hại người chứ không phải đang giúp người. Nếu họ không chịu làm việc mà

cứ đi xin thì sẽ mắc nợ. Theo luật nhân quả, đời này họ khổ, đời sau lại khổ nữa. Vậy thì mình có nên giúp họ hay không? Giúp là đẩy người ta vào con đường tội lỗi.

Trường hợp những người đang trong cơn đói, đau bệnh, tai nạn, bão lụt, thiên tai, sự giúp đỡ này rất cần thiết và chính đáng, đưa người qua khỏi cơn hoạn nạn để họ tiếp tục vươn lên. “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”. Ngoài ra, giúp đỡ cho những em sinh viên nghèo, những Tăng Ni sinh đang học tập trong nước và ngoài nước là những việc nên làm. Vì mình giúp họ là tạo điều kiện để người ta an tâm tu học, phát triển sau này giúp ích cho đời. Còn những người chuyên đi xin ăn, lười biếng, không chịu làm việc, chúng ta nên xem xét kỹ trước khi cho. Chúng ta nên giúp đỡ những người biết vươn lên để cuộc sống tốt đẹp hơn.

Đối với các huynh đệ, anh em đồng tu cũng phải biết giúp đỡ đúng cách sao cho người khác tiến bộ. Đừng để sự giúp đỡ của mình khiến họ ỷ lại, bạc nhược, yếu kém, mất đi ý chí, nỗ lực và bản lĩnh, không thể tự giải quyết được bất cứ vấn đề gì. Giúp đỡ như vậy là làm hại người.

Mình thương anh em, nhưng thấy anh em mắc lỗi không dám nhắc, thấy huynh đệ đang đứng trên bờ vực vi phạm giới luật, mình cũng không thừa lên thấy để tìm cách giải quyết, ngăn cản, bảo vệ họ. Đó là mình thương hay hại? Khi anh em lỡ phạm sai lầm, mình ra sức bao che, giấu giếm khiến sai lầm ngày thêm lớn, đó là mình gián tiếp đẩy huynh đệ đi vào đường cùng không lối thoát. Chúng ta là người trí, phải có sự cân nhắc trước sau. Có những việc đối với người đời thì bình thường nhưng trong đạo là sai, có những việc tưởng chừng như ác tâm nhưng thực chất là từ bi thật sự.

Một bác sĩ chữa trị cho bệnh nhân, khi thấy u nhọt đó đáng phải cắt bỏ, cần phải dùng thuốc sát thương cực mạnh để vệ sinh cho thật kỹ những vết lở loét, dù biết bệnh nhân rất đau nhưng bác sĩ vẫn cứ làm. Vì đau một lần nhưng sau này bệnh không tái phát, còn hơn là cứ để lây lan sang vùng khác khiến cho vết thương ngày càng thêm nặng. Cũng vậy, khi anh em thấy huynh đệ của mình vướng vào chuyện tình cảm thì chúng ta cố gắng dứt điểm và tách biệt người này ngay từ đầu, đừng

để tình cảm của họ lớn mạnh, thà mình làm cho huynh đệ bị bó buộc, phải chịu cảnh buồn khổ hay khó khăn nhất thời, còn hơn là xảy ra hệ lụy về sau, thậm chí đánh mất cả đường tu, tội tệ hơn là mặc áo người xuất gia mà phạm vào trọng giới.

Một câu chuyện sẽ có nhiều tầng nghĩa, cùng là một vấn đề, nhưng khi nhìn ở nhiều khía cạnh khác nhau sẽ thấy nhiều ý nghĩa khác nhau. Chúng ta thử hình dung, nếu con nhộng tự mình chui ra khỏi kén thì nó đã có thể trở thành bướm. Nhưng vì nhộng chịu sự tác động bởi việc làm thiếu hiểu biết của anh thanh niên mà phải bỏ mạng. Trong cuộc sống, kiến thức và trí tuệ là những điều cần thiết để chúng ta tồn tại, phát triển, tiến tu đạo nghiệp và giúp đỡ người khác. Sự thiếu trí tuệ có thể dẫn đến hại mình, có khi hại người, hoặc hại cả hai. Mình đừng nghĩ sự thiếu hiểu biết chỉ ảnh hưởng đến mình mà không làm nguy hại cho người khác.

Một bác sĩ học hành không đến nơi đến chốn, kiến thức y khoa mù mờ, sẽ có ngày làm chết bệnh nhân. Một anh kỹ sư xây dựng không nắm vững lý thuyết và tay nghề yếu, khi tính toán vật liệu bị

sai, có thể gây ra sập cầu, sập nhà, làm chết nhiều người. Một anh cử nhân hóa học làm việc tại công ty bào chế thuốc trừ sâu, nếu không giỏi tính toán đặc tính của hóa chất làm dư lượng chất độc sẽ tổn hại lớn đến môi trường sống và sức khỏe con người qua nhiều thế hệ. Do đó, kiến thức giúp cho bản thân sống tốt ở đời, giúp cho cuộc đời thêm tươi đẹp, còn sự thiếu hiểu biết đưa đến nguy hại rất lớn.

Đối với người tu học Phật pháp thì trí tuệ đứng hàng đầu, vì mục đích của chúng ta là hướng đến giác ngộ giải thoát. Cùng làm một việc nhưng người có trí tuệ suy tư hướng đến sự giác ngộ giải thoát, còn người không biết cách vận dụng tâm thì đưa đến sinh tử luân hồi, lăn lộn nhiều đời nhiều kiếp trong ba cõi. Trong *Tích truyện Pháp Cú* có kể lại câu chuyện tiền kiếp về hai anh em Jotika và Jatila^[1] có đại ý như sau:

“Trong thời quá khứ, có hai anh em làm chủ một cánh đồng mía rất lớn. Một ngày nọ, người em cúng dường mía đến một vị Phật Độc Giác.

^[1] *Tích truyện Pháp Cú*, tập III, phẩm Bà La Môn, câu chuyện Jotika Và Jatika, Viên Chiếu, Nxb Tôn giáo (2012), trang 389.

Sau khi cúng dường xong, anh ta phát nguyện ba điều: Một là phước cúng dường đem lại hạnh phúc cõi người, hai là phước cúng dường đem lại hạnh phúc cõi trời, ba là phước cúng dường trợ duyên cho anh đắc A La Hán Thánh quả. Sau đó, người em thay mặt anh trai của mình dâng một bát mía nữa cho đức Phật Độc Giác. Ngài đem bát mía đó về nơi trú ngụ của mình và chia đều cho các vị Độc Giác khác. Người anh khi nghe em kể lại sự việc, rất vui mừng, nhưng chỉ xin được một điều duy nhất là chứng đắc A La Hán Thánh quả.

Khi hai anh em qua đời, họ tái sinh vào Thiên giới. Trong thời kỳ giáo pháp của đức Phật Tỳ Bà Thi, người anh có ước muốn mãnh liệt là từ bỏ gia đình để đi tu và ông đã chứng A La Hán như sở nguyện. Người em không bỏ được đời sống gia chủ nên vẫn dính mắc vào dục lạc. Tuy nhiên, ông tạo rất nhiều thiện nghiệp vì thường xuyên cúng dường tứ sự đến đức Phật và chư Tăng. Sau kiếp đó, người em tiếp tục trôi lăn trong luân hồi từ thời đức Phật Tỳ Bà Thi cho đến khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời. Trải qua thời gian rất dài trong các cõi thì kiếp cuối cùng người em tái sinh trong một

gia đình giàu có, vị này chính là trưởng khổ Jotika, đã từ bỏ gia sản và các dục lạc để xuất gia tu hành, cuối cùng ông cũng trở thành một vị A La Hán”.

Hai anh em có quả báo khác nhau là do suy nghĩ khác nhau khi hoàn tất một thiện nghiệp. Chỉ vì niềm mong ước được hạnh phúc trong cõi người và trời mà người em phải chịu luân hồi trong vài A tăng kỳ kiếp so với người anh.

Một góc nhìn khác từ câu chuyện này. Sự khó khăn, vất vả, gian nan, cực khổ chính là nguồn động lực để tạo nên thành công, dù đó là người xuất gia hay người thế tục. Chướng ngại làm cản bước chân của kẻ bạc nhược, yếu hèn, nhưng sẽ tiếp thêm nghị lực và ý chí cho bậc anh hùng hiên ngang, bất khuất. Chính những biến đổi thăng trầm làm con người trở nên vững chãi và mạnh mẽ. Khi chúng ta bước đi trên nhung lụa, gấm hoa, lớp da dưới bàn chân sẽ mềm đi theo năm tháng; còn nếu dẫm trên đá sỏi, chông gai, lớp da đó sẽ ngày càng dày lên theo thời gian. Người gặp nhiều biến động trong đời, sự suy tư và kinh nghiệm sống của họ sẽ dày dặn hơn những ai có cuộc sống êm đềm, nhàn nhã. Đối với một người tu, khi anh em đã trải

qua những khó khăn, thử thách, từng đối diện với chính mình để vượt qua trở ngại thì mới có được thành tựu. Cũng như những con nhộng nào chịu đau đớn, tự mình chui ra khỏi lớp kén khô cứng, đôi cánh mới đủ vững chắc để bay lên. Thành công là kết quả cuối cùng của muôn trùng thất bại. Sự giác ngộ giải thoát là đích đến của những ai biết khép mình vào giới luật, thiền định và tuệ quán.

Qua câu chuyện này, chúng ta rút ra được những bài học vô cùng quý giá. Khi anh em chịu khó nhìn ngắm, quan sát và suy tư thì mọi hiện hữu trên cuộc đời đều là những chủ đề cho chúng ta chiêm nghiệm để tu tập. Cùng là một vấn đề, dưới những góc nhìn khác nhau sẽ cho ra những giá trị khác nhau. Từ đó, bản thân mỗi người sẽ hiểu được ý nghĩa cuộc đời là gì và sống trọn niềm tin với đạo hơn nữa. 

Ngày 18 tháng 2 năm 2010



Tự tử bản lĩnh hay hèn nhát?

Cách đây không lâu, đường ra cổng chùa có một anh thanh niên treo cổ tự tử. Chúng ta khoan hãy bàn về nguyên nhân dẫn đến kết cục đáng buồn của anh ta, nhưng theo đại chúng việc tự tử là hành động can đảm hay hèn nhát? Có thể, chúng ta cho rằng người kia can đảm mới tìm đến cái chết, còn kẻ nhát gan sẽ không dám làm việc đó. Tuy nhiên, xét về mặt tâm lý, điều này thể hiện

sự yếu hèn, không dám đối diện với thực tại.

Người ta chỉ khen ngợi những người nào can đảm dám hy sinh thân mạng để cứu giúp người khác. Thí dụ, khi thấy một người sắp bị chết đuối, có người sẽ nhảy xuống sông để cứu, chẳng may anh ta không đủ sức bơi vào bờ nên bị chết chìm, dù người này không đủ sức nhưng cũng được khen là có lòng can đảm, đáng được ca ngợi và tán thán. Từ xưa đến nay, chúng ta chưa thấy ai ca ngợi những người treo cổ tự tử, dù người đó gặp phải hoàn cảnh khó khăn hay có lý do gì để biện hộ cho sự yếu hèn của mình.

Thay vì bình tĩnh và dũng cảm ngồi lại để tìm ra cách vượt qua khó khăn thì có những người tự kết liễu đời mình bằng hình thức này hay hình thức kia, với lý do này hay lý do khác. Đó là do vô minh chi phối, tâm lý yếu hèn, khi bị bế tắc liền chạy trốn thực tại và tìm đến cái chết. Những người này thật thiếu sáng suốt, không biết trân trọng những phước báu mà bản thân đang có.

Đức Phật dạy: “Một người sinh ra trên cuộc đời, tay chân lành lặn và tâm trí ổn định, điều kiện sống tương đối đầy đủ đều do phước báu nhân

duyên tạo được trong quá khứ, nhiều đời nhiều kiếp đã từng gieo trồng thiện nghiệp”. Để được tái sinh làm người, chúng ta phải giữ gìn năm giới: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu và chất gây say. Do đó, đức Phật ví việc được sinh làm người khó như con rùa mù trong biển cả, một trăm năm nhô đầu lên khỏi mặt nước một lần và chui vào được bọng cây.

Cha mẹ đã sinh ra thân này, dạy dỗ và chăm sóc mình từ khi chưa biết gì cho đến lúc trưởng thành khôn lớn, phải tốn biết bao công sức và tiền của, lao tâm khổ nhọc, khiến cho thân thể hao mòn. Ngày mình còn bé thơ mẹ phải cho bú mớm, ẵm bồng, vệ sinh, chăm sóc. Cha đi làm kiếm tiền để mẹ an tâm dành trọn thời gian nuôi dưỡng ta. Khi lớn lên một chút, cha mẹ lo cho mình ăn học nên người, hy vọng đứa con có đủ tài và đức để kế thừa gia đình, phát triển sự nghiệp, lo lắng và chăm sóc cha mẹ ở tuổi xế chiều. Một số người trẻ không quan tâm đến công lao cha mẹ trong từng ấy năm lại đi hủy hoại thân thể chỉ vì một lý do không đáng nào đó. Hoặc có những đứa con

không biết vâng lời cha mẹ, chỉ biết ăn chơi lêu lổng, nghe theo bạn bè xấu, hút xì ke, ma túy, trộm cắp, bài bạc rồi sau đó thì tự tử,... Bậc làm cha, làm mẹ nào mà chẳng đau lòng. Những người này nói một cách nào đó là những kẻ bội bạc, không có tình người, không biết suy nghĩ về ơn sinh thành dưỡng dục.

Một người nông dân làm ruộng, trồng cây phải bỏ ra rất nhiều công sức, tiền vốn và tâm huyết để chăm lo vụ mùa, bỗng nhiên năm đó thời tiết thay đổi khiến cho hoa màu bị hư hại, bão lụt làm ngập úng ruộng lúa, họ sẽ cảm thấy rất đau khổ. Nuôi con cũng vậy, tốn công tốn của hơn rất nhiều lần. Cha mẹ dồn hết tình thương để nuôi dạy con trong bao nhiêu tháng năm, chịu rất nhiều đắng cay, khổ cực để rồi sau đó chứng kiến con mình tự hủy hoại thân thể. Thật đáng thương cho bậc làm cha, làm mẹ có những người con như thế!

Phận làm con đáng lý ra phải biết báo đáp công ơn cha mẹ, vậy mà chúng ta lại đi hủy hoại bản thân, lao vào ăn chơi, xì ke, ma túy, rượu chè gây đau khổ cho những người thân. Con người là động vật bậc cao, có lý trí, hiểu biết, phân biệt

được đúng sai, phải trái, biết ơn và báo ơn, như vậy mới xứng đáng là một con người. Nếu chúng ta chỉ sống theo bản năng, buông lung phóng túng, chạy theo ngũ dục, lục trần, không biết suy nghĩ thì quả thật không khác gì loài cầm thú. Thật ra, có những loài thú còn biết trung thành bảo vệ chủ, biết báo ơn và đền ơn người giúp đỡ, thương yêu lo lắng cho nó. Người ta nuôi dưỡng và chăm sóc một chú chó thì nó sẽ cảm nhận được và rất trung thành với chủ.

Con người chúng ta phải sống tốt hơn loài cầm thú, mới đúng nghĩa là một con người. Người học Phật phải ý thức rõ ràng điều này để sống một cuộc đời có ý nghĩa và xứng đáng. Ai sinh ra trên cuộc đời rồi cũng đến lúc phải ra đi. Thế nhưng mình sống và hành xử như thế nào để khi chết không phải tui nhục với gia đình và xã hội.

Ngày nay, có nhiều trường hợp con cái không nghe lời cha mẹ. Trong khi đó, đối với những người mới quen hoặc chỉ biết qua mạng Internet, chưa bao giờ giúp đỡ hay nuôi một bữa cơm thì họ lại răm rắp nghe theo. Một số thanh niên nghe lời bạn bè rủ rê ăn nhậu, xì ke, ma túy. Cha mẹ

hết lòng thương yêu, khuyên răn điều hay lẽ phải nhưng mình lại không nghe; còn những người bạn chưa biết tốt xấu nói làm sao thì mình nghe theo như vậy. Thậm chí, họ đưa mình vào con đường hư hỏng, sa đọa, tội lỗi cũng rất vui lòng, tự nguyện dẫn thân và lại xem đó là ân nhân lớn của cuộc đời. Cuối cùng, nếu không may mình bị bệnh, gặp hoạn nạn, vướng vào vòng lao lý,... thì những người bạn ăn chơi đó không một ai còn ở bên cạnh để giúp đỡ.

Lúc chúng ta còn khỏe mạnh, ăn chơi vui vẻ thì bao nhiêu người đến rủ rê, mời chài; còn khi bị bệnh nằm xuống đó thì không ai lui tới, chỉ có cha mẹ chăm sóc; lỡ như vướng vào vòng lao lý thì cha mẹ vất vả ngược xuôi để lo liệu, nếu có bị phạt tù cũng chỉ có những người trong gia đình thăm nuôi. Hiếm có trường hợp nào bạn bè ăn chơi xuất hiện lúc hoạn nạn để giúp đỡ khi mình không còn tiền. Vì thế, những người nào còn trẻ nên tỉnh giác, đừng bỏ nhà, cha mẹ để đi hoang.

Cha mẹ là những người hết sức thương yêu, lo lắng cho mình, muốn mình trở thành người tốt thì mình lại không biết ơn, không nghe mà còn

cự cãi rồi đi theo bạn bè hư hỏng để cuối cùng dẫn đến con đường đau khổ sa đọa, tù tội và bệnh tật,... Đáng lẽ con cái phải biết ơn sinh thành và báo ơn cha mẹ, đằng này lại đi hủy hoại thân thể. Như trường hợp của anh thanh niên treo cổ tự tử, cho dù là vì lý do gì thì cũng không thể chấp nhận được.

Những người tự tử do chết tức tưởi nên sẽ tái sinh vào cảnh giới đau khổ: một là địa ngục, hai là ngạ quỷ, ba là súc sinh và khó có thể trở lại làm người. Khi tìm đến cái chết người ta nghĩ rằng chết là hết, sẽ được giải thoát, sẽ được sung sướng, nhưng sự thật không phải như vậy. Chết chỉ là sự kết thúc của kiếp sống này, thân xác này rồi chúng ta lại tiếp tục luân hồi, tái sinh kiếp sống khác.

Người nào có đủ dũng khí không sợ chết thì nên quên mình vì người mà làm điều gì đó thật ý nghĩa, mang lại lợi ích cho xã hội, đất nước, mọi người, chết như vậy mới xứng đáng và vinh quang. Chúng ta đem hết công sức, khả năng của bản thân để giúp đỡ mọi người, làm tất cả vì lợi ích chung cho đến hơi thở cuối cùng. Dù có phải chết thì sự ra đi đó cũng hào hùng và anh dũng, còn ai tự tử

thì quá hèn nhát, đáng thương và tủi nhục.

Có những người không tự tử nhưng lại giết bản thân bằng việc hút chích, xì ke, ma túy, ăn chơi trác táng, nhậu nhẹt bê tha, đó cũng là một dạng tự hủy hoại thân mạng. Sự tàn phá này cũng hèn nhát, tủi nhục và đáng thương không kém. Do đó, chúng ta làm người phải ý thức được rằng có được thân người là phước báu rất lớn. Khi làm bất cứ việc gì, chúng ta cần cân nhắc cẩn thận, xem việc làm này đưa đến kết quả như thế nào, dẫn mình đi về đâu. Chúng ta phải sống sao cho xứng đáng là một con người, không uổng phí phước đức mà ta đã tạo được từ bao kiếp trước.

Dân gian có câu: “Cá không ăn muối cá ươn, con cãi cha mẹ trăm đường con hư”. Nhiều người luôn cho mình là đúng, là phải, là hay nên cha mẹ có khuyên bảo điều gì liền khó chịu, nghĩ rằng cha mẹ đã già, thuộc thế hệ trước nên khó khăn và lạc hậu. Cha mẹ cũng từng là người trẻ nên đã trải nghiệm chuyện đời, biết đâu là đúng sai, phải trái và họ là người thương yêu con cái nhất, mong muốn cho con mình những điều tốt nhất, không

bao giờ ghét bỏ hay quay lưng với con, nên lời khuyên của cha mẹ không bao giờ thừa. Những người trẻ chưa đủ kinh nghiệm, suy nghĩ không chín chắn luôn muốn làm theo ý thích của bản thân, trở lại oán trách cha mẹ, dẫn đến kết cục đi vào con đường hư hỏng và sa đọa.

Qua câu chuyện của anh thanh niên tự tử phía trước đường ra cổng chùa, những Phật tử trẻ sống trong chùa nên suy nghĩ xem như vậy là can đảm hay hèn nhát? Nhiều khi mình cho rằng không can đảm thì không dám tự tử. Nhưng “can đảm” như thế thì có tốt đẹp hay không? Thực tế, không có gan thì đúng là không ai dám tự tử. Có rất nhiều kiểu tự tử: Có người dùng xăng để tự thiêu, chết trong cảnh nóng khổ; có người treo cổ khiến cho mình chết ngạt, thân xác bị biến dạng; có người thì uống thuốc độc, cơ thể vật vã trong nhiều giờ liền trước khi ra đi,... Đó là những hành động liều lĩnh nhất thời, biểu hiện cho sự hèn nhát và chạy trốn hoàn cảnh, kết cục là cái chết tức tưởi và tủi nhục, không giải quyết được gì, cũng không có lợi cho ai. Trong khi đó, người có bản lĩnh và can đảm sẽ ngồi lại suy xét

thấu tình đạt lý rồi bình tĩnh giải quyết vấn đề
sao cho mình và mọi người đều được an lạc và
hạnh phúc. 

Ngày 20 tháng 4 năm 2010



Phật giáo Hòa Hảo

Cách đây ít ngày, thầy có nhận được thư mời tham dự lễ Khai đạo của Phật giáo Hòa Hảo, vào ngày 18 tháng 5 năm 2010, tức là hôm nay. Ngày này cách đây bảy mươi mốt năm, tức là ngày 18 tháng 5 năm 1939, Phật giáo Hòa Hảo do ngài Huỳnh Phú Sổ sáng lập, ngài được tín đồ tôn xưng là đức Huỳnh Giáo Chủ. Người có trí tuệ sắc bén và rất đa tài, đặc biệt là tài xuất khẩu thành thơ,

mỗi lời ngài nói không đơn thuần là ngôn ngữ bình thường mà đều là thơ từ thi vị.

Thông thường, trước khi muốn sáng tác một bài thơ chúng ta phải suy nghĩ, nghiền ngẫm tới lui, đôi lúc thức suốt đêm mới có thể cho ra đời một thi phẩm. Còn ngài, khi nói ra là thành thơ có vần có điệu. Đôi khi, một bài thơ mình học thuộc lòng để đọc còn thấy khó, với ngài chỉ cần xuất khẩu là thành thơ. Trong những vị đệ tử xuất sắc của ngài có một vị tên là Thanh Sĩ, vị này tài văn thơ còn xuất sắc hơn thầy của mình. Ông sáng tác rất nhiều tập thơ giá trị, trong đó có thể kể đến cuốn *Đường giải thoát*. Đại chúng nếu có điều kiện nên tìm đọc tác phẩm này sẽ thấy rất hay.

Chúng ta thường có sự phân biệt khi nhắc tới danh từ Phật giáo Hòa Hảo, bởi vì chưa nhận thức rõ ràng về tông phái này và truyền thống Phật giáo mà mình đang theo đuổi. Thật ra, Phật giáo Hòa Hảo cùng với chúng ta không khác nhau về giáo lý cơ bản, đều cùng chung nền tảng Phật pháp và hướng con người tới những giá trị cao đẹp. Khi xưa, đức Huỳnh Giáo Chủ thành lập và truyền đạo ở các tỉnh miền Tây, dân chúng nơi ấy ngưỡng mộ

và phát khởi tín tâm nên tôn sùng ngài làm giáo chủ, Phật giáo Hòa Hảo có mặt từ đó.

Hệ thống giáo lý mà đức Huỳnh Giáo Chủ truyền dạy không nằm ngoài giáo pháp của đức Phật: Ngũ giới, Tứ diệu đế, Bát chính đạo, Thập nhị nhân duyên, khuyên người ăn chay niệm Phật,... Nói chung, ngài lấy kinh điển Phật dạy để hướng dẫn mọi người, do đó có thể xem họ đồng là Phật tử như chúng ta. Có thể tạm hiểu đây là một tông phái riêng của Phật giáo, tương tự như Thiền tông và Tịnh độ tông.

Tuy nhiên, lâu nay vẫn xảy ra sự bất hòa giữa Phật giáo Hòa Hảo với Phật giáo chính thống. Sở dĩ có mâu thuẫn ấy là do chúng ta và hệ phái bạn chưa có sự đồng cảm để có thể thấu hiểu lẫn nhau, từ đó dẫn tới sự ngộ nhận không đáng có. Sự ngộ nhận mà thầy muốn nhấn mạnh ở đây là sự hiểu lầm thiên kiến, bắt nguồn từ một câu sấm giảng của đức Huỳnh Giáo Chủ vẫn còn lưu truyền tới bây giờ:

Thầy chùa như thể cây sơn

Ngoài da coi chắc trong thời mỗi ăn.

Trong câu này, đức Huỳnh Giáo Chủ phê phán

một bộ phận người xuất gia biến chất, giả danh tu sĩ để mượn đạo tạo đời, thân tuy xuất gia mà tâm không thật xuất gia.

Khi đọc câu này, thầy nghĩ có lẽ chúng ta sẽ cảm thấy khó chịu, bởi hàm ý của đức Huỳnh Giáo Chủ là một sự đụng chạm không hề nhỏ. Ngài đã phê phán tu sĩ Phật giáo rất thẳng thắn, mạnh bạo, từ đó tạo nên mối bất hòa và hiềm khích giữa hai bên. Tuy nhiên, đứng ở góc độ thực tế để nhìn nhận, những điều ngài nói không phải hoàn toàn sai. Tồn tại trong hàng ngũ tu sĩ vẫn còn một số người giả trang Tăng tướng, nương vào chiếc áo thầy tu để mượn đạo tạo đời. Hiện tượng này cũng được phản ánh trong những tác phẩm thơ ca của Hồ Xuân Hương hay Đoàn Thị Điểm. Giống như đức Huỳnh Giáo Chủ, họ đã dùng ngòi bút văn chương để lột trần những vị sư mục nát trong đạo Phật một cách rất gay gắt.

Là một người đệ tử Phật, thầy hy vọng đại chúng có sự nhìn nhận sâu sắc hơn về vấn đề trên. Chúng ta phải thấy rằng, sự biến chất của một vị tu sĩ không chỉ nói lên những bất cập trong đạo pháp mà còn phản ánh một phần thực trạng

của xã hội. Tốt và xấu, thiện và ác là hai mặt luôn cùng tồn tại. Trong thời đại mà chúng ta đang sống, Phật giáo có nhiều điều kiện để phát triển, những vấn đề tiêu cực trong giới xuất gia là có thật và không ít người lợi dụng đạo pháp để kiếm tìm lợi dưỡng.

Không đâu xa, thầy lấy thí dụ hiện nay có rất nhiều trường hợp mượn danh chùa để lừa đảo, cũng mang hình tượng đầu tròn áo vuông, cũng cạo tóc giống chúng ta, nhưng họ không phải là người thật sự tu. Cách đây ít hôm, một Phật tử đến than phiền với thầy rằng: “Có những thầy tự xưng là chư Tăng chùa Hoàng Pháp đến gặp chúng con để vận động, phát tâm đóng góp tịnh tài, tịnh vật để chùa làm Phật sự”. Thầy nói: “Các vị coi chừng bị lừa, chùa Hoàng Pháp không có cử ai đi vận động quyên góp tiền”. Có một người lại đem tượng Phật đi bán, nói đó là của chùa Hoàng Pháp. Trường hợp khác thì quyên góp để xây chùa, làm tượng,... đủ trò, đủ cách để mượn danh chùa làm những chuyện lừa đảo. Đáng buồn là họ dùng hình tượng Tăng Ni để làm những chuyện trái với giới luật.

Khi nhìn nhận một sự việc nào đó, chúng ta nên đứng trên phương diện của một người học Phật để hiểu rõ vấn đề, từ đó thông cảm hơn. Cụ thể trong câu nói của đức Huỳnh Giáo Chủ, chúng ta cần hiểu rằng ngài phê phán những thành phần hư hoại trong đạo pháp. Vì nghe câu nói này mà chúng ta sinh tâm khó chịu thì chưa thật sự sáng suốt. Hình ảnh đức Huỳnh Giáo Chủ đưa ra là một ẩn dụ, cây dù có sơn bên ngoài đẹp đến đâu, nhưng bên trong mục rỗng thì cũng vô dụng. Một người dù khoác lên mình tấm áo tu sĩ mà thật sự không có tu tập thì vẫn chỉ là giả danh. Không chỉ có đức Huỳnh Giáo Chủ đã phá chuyện này mà rất nhiều người đã lên án, bởi đó là hiện thực xã hội, thời nào cũng có.

Không nói đến sự khác biệt giữa Phật giáo chính thống và Phật giáo Hòa Hảo, chính ngay trong nội bộ Phật giáo cũng có những sự bất đồng. Truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền vẫn tồn tại những khác biệt, rồi Tịnh độ tông và Thiền tông cũng vậy, bài bác lẫn nhau, hướng gì là Phật giáo chính thống và hệ phái bạn. Cho nên, người học Phật chúng ta phải hiểu để thông cảm,

để cư xử cho hòa nhã và tránh gây mâu thuẫn.

Đó là thầy nói chung chung, còn riêng chùa mình thầy luôn có thiện cảm với Phật giáo Hòa Hảo, thầy mong muốn đại chúng cũng vậy. Trước đây trong một Khóa tu Phật thất, thầy có mời một vị giảng sư bên Phật giáo Hòa Hảo đến chia sẻ với quý Phật tử, nhưng sau đó có một số ý kiến dị nghị, lại thêm nhiều vấn đề tế nhị khác phát sinh nên thầy không mời nữa. Người ta giỏi thì mình mời họ đến, họ cũng giảng về pháp môn niệm Phật, Phật giáo Hòa Hảo chuyên tu về pháp môn Tịnh độ, đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên hàng tín đồ niệm Phật, cho nên khi nói về Pháp môn Tịnh độ họ rất chuyên sâu.

Khi chúng ta hiểu được vấn đề thì không có gì trở ngại. Phật giáo Hòa Hảo cũng là đạo Phật, không phải đạo gì khác. Chúng ta nghe từ “Phật giáo” đầu tiên thì cũng biết họ lấy những giáo lý căn bản của đạo Phật làm gốc. Khi hiểu được rõ ràng như vậy mình sẽ thông cảm, không cảm thấy điều gì ngăn cách, trở ngại. Bởi Phật giáo được chia ra rất nhiều nhánh nhỏ, nhiều tông phái, nhiều pháp môn, người tu Thiền, người tu Tịnh, người tu Mật,

người tu Pháp Hoa,... Trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam có Cổ Sơn Môn, Lục Hòa Tăng, Khất sĩ, Nam truyền Kinh, Nam truyền Khơ Me (Khmer), Bắc truyền,... Tất cả hệ phái đó đều có nguồn gốc từ đạo Phật, nhưng do mỗi người sáng lập tông môn có một quan điểm riêng, người thành lập ra những tông phái này tu hành theo cách thức mà họ cảm thấy phù hợp nhất.

Nói như vậy để đại chúng thấy rằng, Phật giáo Hòa Hảo với Phật giáo chính thống là một, cũng từ một gốc sinh ra. Do đó, chúng ta không nên bài bác, gây mâu thuẫn vì chúng ta đều là những người con Phật! 

Ngày 29 tháng 6 năm 2010



Phá chấp

Ngày xưa, ở Trung Quốc có một vị Hòa thượng tên Chí Công, ngài rất thân cận với Vua Lương Võ Đế. Lúc nào, vua cũng tôn sùng Hòa thượng như một vị quốc sư. Một hôm, Hòa thượng Chí Công cùng Vua Lương Võ Đế lên lầu ngắm tuyết rơi. Lúc đó, Nhà vua nhìn thấy những ngọn núi bị tuyết phủ trắng xóa, duy chỉ có một ngọn núi tuyết không bám vào được. Vua thắc mắc hỏi,

Hòa thượng Chí Công trả lời: “Trong ngọn núi có một vị thiền sư tu hành đắc định, có được lửa tam muội. Lửa tam muội là loại năng lượng phát ra từ những người tu tập có đạo lực. Sức lửa đó có ảnh hưởng lên cả một vùng nên tuyết không thể bám vào ngọn núi này được!”.

Vua Lương Võ Đế nghe xong rất kính phục nên muốn mời vị thiền sư đó về triều, trước là mong được chiêm ngưỡng dung nhan, sau là cúng dường tạo phước. Hôm sau, Nhà vua cho người mời vị thiền sư về triều. Khi vào triều, thiền sư đã chứng tỏ mình là một người tu hành chân chính, công phu miên mật, ông có thể ngồi thiền vài ba ngày cho đến cả tháng mà không ăn.

Một hôm, Hòa thượng Chí Công tổ chức lễ trai Tăng và mời chư Tăng đến cúng dường. Ngài chuẩn bị một bữa tiệc rất thịnh soạn với nhiều loại cao lương mỹ vị. Hòa thượng Chí Công nói nhỏ với Vua Lương Võ Đế: “Trong số những người được mời đến, ai cũng được tiếp đãi bằng cao lương mỹ vị, riêng mâm của vị thiền sư này chỉ nên để những món ăn bình thường”.

Thiền sư không hiểu lý do gì, khi hỏi ra thì

được biết là ông chưa đủ phước đức để được cúng dường thức ăn ngon. Sau khi nghe xong chuyện, vị thiền sư tức giận nói: “Tôi là người tu hành chân chính, không màng công danh lợi dưỡng, đã từ bỏ tất cả vui thú thế gian để vào núi tu hành, Nhà vua mời tôi về đây rồi đối xử với tôi như thế này ư?”. Ông ta tức giận đến nổi thổ huyết chết tại chỗ. Tích truyện kể lại rằng: “Sau khi ông chết, trên cành cây có một con chim vừa được sinh ra. Hòa thượng Chí Công biết thần thức của vị sư kia đã đầu thai làm chim. Hòa thượng bắt con chim đó và trục cho thần thức của ông trở lại nhập vào thân xác cũ”.

Câu chuyện có những chi tiết mang tính huyền thoại do người đời sau thêm vào. Tuy nhiên, thông qua câu chuyện chúng ta cần phải lưu ý và suy ngẫm một sự việc. Vị thiền sư tu hành miên mật, đức độ và công phu đáng khâm phục. Ngài tu đạt đến trình độ có lửa tam muội, có thể ngồi thiền cả tháng mà không ăn. Năng lực công phu đó quá thâm hậu. Thế nhưng, khi thiền sư gặp sự việc trái ý nghịch lòng thì tâm sân hận liền khởi lên rồi thổ huyết mà chết. Điều này cho chúng ta

thấy, không phải ngồi thiền nhiều, lạy Phật nhiều, tụng kinh nhiều mới chứng tỏ mình tu tập giỏi.

Chúng ta phải biết bản chất của sự tu tập là gì? Tu càng lâu thì tâm càng rộng mở, chấp trước ngày càng ít đi, như vậy mới đúng thật tu. Chạy theo hình thức bên ngoài để thể hiện sự tinh tấn, trong khi tính khí tham lam, sân hận và si mê vẫn chất đầy trong tâm thức, đó là mình tu sai đường.

Công phu là để tạo thêm phước đức, trợ duyên cho quá trình tu tập. Chúng ta tu mà đựng một chút là phiền não, giận hờn, bực tức thì có tu bao nhiêu năm cũng không chuyển hóa được tam độc, không có được an lạc, tự tại và giải thoát. Chấp điều xấu đã sai, chấp điều tốt cũng sai. Chúng ta thử suy ngẫm, xem xét một trường hợp sau:

Có một bà cụ ngày nào cũng vào chùa tụng kinh. Việc đến chùa tụng kinh là rất tốt. Một hôm, người con đi làm về trễ nên bà không đến chùa tụng kinh được. Khi con bà về tới nhà, bà giận quá, mắng con: “Mày là con quỷ, đi đâu giờ này mới về. Mày có biết giờ này là giờ gì của tao không?”. Bà chửi mắng như thế hết nửa giờ đồng hồ. Như vậy là đúng hay sai? Đó là sai, vì chấp vào điều

thiện mà còn phiền não, đấy là tham! Thay vì hôm nay không đi tụng kinh được mình ở nhà hoan hỷ niệm Phật, như vậy mới là người hiểu biết và có sự tu tập.

Đôi khi, chúng ta cứ nghĩ chấp thiện là đúng, nhưng thật sự khi tâm còn chấp trước thì đã rơi vào biên kiến. Nếu mình nói cái xấu không chấp mà cái tốt mình chấp cũng là dính mắc. Trong quá trình tu học, mình cho rằng cần phải ngồi thiền nhiều, lạy Phật nhiều, tụng kinh nhiều mới có phước, khi không thực hiện được những điều đó mà sinh phiền não thì sự tu tập cũng chưa có tác dụng. Hôm nay, mình không ngồi thiền được thì bực, ngày mai mình không lễ Phật được thì tức, ngày mốt mình không tụng kinh được thì phiền não. Như vậy, chúng ta tu cái gì? Mình tu thế nào để giữa mình với mọi người có mối quan hệ thân thiết và hoan hỷ, không phải tu rồi mặt lạnh như tiền ai nhìn thấy cũng sợ. Rồi mình lại chấp “không ai bằng ta”, “không ai bằng mình” nên không nói chuyện với ai, không chơi với ai, không giao tiếp với ai. Tu như vậy là tu cái gì? Đó là mình đang chấp, nghĩa là mình cứ nghĩ mọi

người sai còn mình đúng. Mọi người đục, chỉ có mình trong.

Có câu chuyện kể về ông Khuất Nguyên người nước Sở. Ông nói mọi người say, chỉ có mình ông tỉnh; cả đời đục, chỉ có mình ông trong, cho nên ông nhảy xuống sông tự vẫn. Cái chết đó không sáng suốt, chúng ta phải biết tùy duyên mà sống, chấp thiện cũng là chấp. Nếu người nào đi tu cũng mặt lạnh như tiền, chẳng biết đến ai mà chỉ biết có mình; nếu vậy có lẽ chẳng ai dám đi tu, cũng chẳng ai đến chùa.

Người nào đến gặp đức Phật cũng đều hoan hỷ, phát tâm Bồ đề và muốn tu, còn mình tu thế nào mà ai gặp cũng sợ! Mình nghĩ tu đúng, nhưng đó là tư duy sai lầm, vì rõ ràng mình bỏ cái này chấp cái khác: chấp thiện, chấp ác, chấp xấu, chấp tốt. Cho nên, người tu cần hiểu được một điều là tu càng lâu thì cái ngã phải càng nhỏ và càng mất đi. Không phải tu lâu cái ngã ngày càng lớn, một khi cái ngã quá lớn thì phiền não càng nhiều. Phiền não nhiều thì việc chúng ta ngồi thiền, tụng kinh, niệm Phật và lạy Phật bao nhiêu đi nữa cũng không có kết quả.

Nhiều người nói tu pháp này pháp kia, nhưng vừa gặp chuyện là phiền não khởi sinh, giận hờn đủ thứ. Vậy mình tu để làm gì? Tu để giải thoát, giải thoát đâu không thấy mà chỉ toàn thấy vướng mắc, gặp cái gì vướng cái đó, gặp cái gì phiền não cái đó, như vậy làm sao giải thoát được!

Qua câu chuyện này, chúng ta phải rút ra cho mình một bài học. Cần phải nhận thức đúng vấn đề, hiểu đúng mới làm đúng. Còn không thì vô tình mình bỏ cái này chấp cái khác, cái nào cũng chấp. Mà chấp tất nhiên sẽ phiền não. Nếu chúng ta còn phiền não làm sao giải thoát? Nhất định sẽ rơi vào ba đường ác. 

Ngày 7 tháng 10 năm 2010



Thầy bói

Có một cô gái đi dự tiệc vô tình gặp một vị thầy tướng số. Ông ta phán rằng:

– Cô chỉ sống đến hết tháng Ba này.

Cô gái nghe xong cảm thấy hơi khó chịu, bởi vì cô và ông thầy này không hề quen biết nhau, tự nhiên ông ta lại nói như vậy. Cô hỏi:

– Ông nói gì kỳ vậy, tôi đang sống khỏe mạnh thế này, sao lại nói tôi sắp chết?

Ông trả lời:

– Tôi nói vậy, nếu cô không tin thì cứ chờ xem!

Cô hỏi dồn:

– Sao ông biết tôi sẽ chết?

Ông nói:

– Nếu cô không chết thì cứ đến nhà tôi mà thưa lên Chính quyền.

Cô gái nghe xong trong lòng rất hoang mang, không biết phải làm sao. Cô về nói lại với gia đình và tìm hiểu thực hư về lời ông thầy tướng số đó phán. Khi tìm hiểu, cô nghe người ta nói rằng ông phán nhiều người rất đúng, trước đây ông cũng nói một vài người như vậy, một thời gian sau những người này chết thật. Từ đó, cô đâm ra hoảng sợ, suy sụp tinh thần.

Gia đình cô rất bất an, lo lắng nên tìm đến thầy này thầy khác để cứu con. Cha mẹ sợ cô chết nên tìm từ thầy bói cho đến thầy tướng số, thầy ngải, thầy bùa,... Có lần, họ đưa cô xuống Châu Đốc để gặp một ông thầy ngải. Khi vào nhà, ông ta liền nói: “Cô bị ngải rồi, phải về đây cúng Tổ, mỗi lần đến cúng nhớ đem theo một con gà”. Ông hứa sẽ cố gắng chữa cho cô thoát chết. Cô cũng không

tin ông thầy này. Cô là người hiểu biết Phật pháp, không muốn sát sinh vô cớ để cúng Tổ. Cô không đồng ý việc mỗi lần cúng phải giết chết một con gà. Nhưng gia đình cô hiện tại đang rất lo lắng, họ ép phải làm như thế để gỡ bùa ngải.

Cô gọi điện lên hỏi thầy. Thầy nói: “Vấn đề này, mình không nên hoang mang, cũng không nên tin theo. Con người ai cũng phải chết, cái chết đã được định sẵn từ khi chúng ta vừa cất tiếng khóc chào đời, ngay như đức Phật cũng theo quy luật này nên có gì đâu phải lo sợ. Cô hãy cố gắng tu tập, tích tạo phước đức để chuyển đổi mạng căn, phước lớn mạng lớn thì tuổi thọ được kéo dài”.

Lỗi một phần cũng do cô, cô nói với gia đình làm cho mọi người cảm thấy hoang mang. Thầy đề nghị: “Mình đã hiểu biết Phật pháp nên chuyện sống chết rất bình thường, sợ hay không thì đến một lúc nào đó mình cũng phải chết, mọi việc cứ để tự nhiên cho tinh thần được thoải mái. Cô nên báo với Chính quyền về việc của ông thầy tướng số này để ông không phán người khác một cách vô căn cứ nữa. Ông ta nói như thế làm cho mọi người hoang mang, lo sợ, xáo trộn cuộc sống”.

Chúng ta đi bệnh viện khám bệnh, nếu bác sĩ phát hiện ra bệnh tình của mình rất nặng và không thể chữa trị đồng nghĩa với việc mình sắp chết, nhưng bác sĩ ít khi nói điều đó cho bệnh nhân biết mà họ chỉ nói với người nhà bệnh nhân. Không ai dám nói thẳng ra và sợ bệnh nhân hoang mang lo lắng, nhiều người khi biết tin này có thể dẫn đến tự tử. Vậy mà, ông thầy tướng số lại phán: “Tháng Ba tới cô sẽ chết” trong khi cô đang khỏe mạnh. Ông thầy tướng số làm như thế là gieo sự hoang mang, lo sợ cho người khác. Chúng ta thử nghĩ, mình đang ngồi chơi mà có người đến bắn chết bất ngờ thì đâu có sợ, bởi vì chúng ta không biết chuyện gì xảy ra. Thế nhưng, người ta dắt mình ra pháp trường xử bắn, vì biết sắp chết nên mới lo sợ.

Nhiều người kể lại, có những tên cướp giết người, cướp của, làm những điều ác một cách dã man mà không e ngại bất cứ điều gì. Thế mà khi bị bắt ở tù và nhận án tử hình thì họ lại run rẩy, hoảng sợ. Ngày đưa những người này từ nhà tù ra pháp trường để xử bắn, dẫn đi mà họ đi không nổi, có tử tù sợ quá tiểu cả ra quần. Thường khi chúng ta biết sắp bị bắn hay sắp chết, tâm lý rất hoang

mang. Ông thầy tướng số nói như vậy giống như kết án tử hình cô gái, làm cho cô hoang mang lo sợ, đây cũng là hành động gây tạo tội lỗi vì mang đến tâm lý bất an cho người khác.

Con người nếu gặp chuyện gì bất trắc thì sẽ không giữ được bình tĩnh. Thay vì đến những nơi tin cậy như chùa để hỏi các vị thầy thì họ lại tìm đến những ông thầy bùa, thầy bói, thầy ngải,... Những người đó chỉ tìm cách lấy tiền của mình là giỏi, chẳng những không đem lại lợi ích mà còn gây thêm hoang mang. Người xưa có câu nói rất hay: “Tay cầm tiền quý bo bo, đem cho thầy bói rước lo về mình”.

Mình đang an ổn, tốt đẹp như thế không muốn, rảnh rỗi lại đi tìm thầy bói để ông phán cho một câu: “Trong tháng này hay trong năm nay có tai nạn”. Sau đó mình về nhà ăn không ngon, ngủ không yên rồi đến hết chỗ này chỗ kia cầu xin cho được bình an. Là người học Phật, chúng ta nghe những chuyện may rủi hay sống chết là điều rất bình thường, khi nghiệp xấu đã tạo thì phải nhận lấy quả báo không sớm thì muộn, có chạy đằng trời cũng không thoát được. Trong kinh *Pháp Cú*,

đức Phật dạy:

*“Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được quả ác nghiệp.
Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn khỏi tay Thần Chết”^[1].*

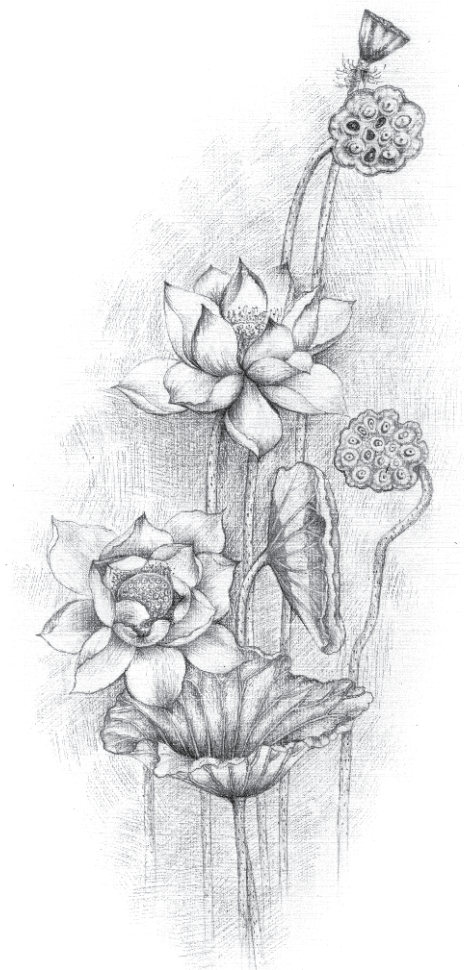
Chúng ta không nên đi đến những nơi bói toán để hỏi về số mạng, điều đó không cần thiết. Nếu ông thầy bói phán: “Năm nay thế nào cũng phát tài”, nghe phát tài chắc mình mừng trong bụng, còn nghe nói gặp vận hạn thì lo lắng bất an. Như vậy, chúng ta đến ông thầy bói để rước lo về mình chứ không được lợi ích gì.

Tình trạng của cô gái thầy vừa kể không biết thực hư thế nào, tại sao ông thầy tướng số này lại dám nói như vậy. Nếu chúng ta thật sự biết người ta sắp chết thì cũng không nên nói, nếu có nói phải khéo lựa lời, đừng nài cách nói giống như hăm

^[1] *Kinh Pháp Cú*, phẩm Ác, bài kệ 127 – 128, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Hồng Đức (2014), trang 32.

dọa. Đối với người học Phật, khi gặp trường hợp tương tự không nên hoang mang. Ai trong đời cũng phải một lần chết, chẳng có gì phải bận tâm lo nghĩ. Mình đã không sợ thì họ có nói thế nào cũng được. Bây giờ, thầy nhờ ai đó lập đàn, cầu xin cho thầy chết sớm có được không? Không dễ gì thực hiện! Nếu cầu xin mà chết được thì khi ghét ai người ta sẽ cầu cho người đó chết sớm, điều này không phù hợp với quy luật nhân quả nên mình không cần phải lo sợ. 

Ngày 2 tháng 3 năm 2011



Đời người sống được bao lâu
Càng ham muốn lắm càng đau khổ nhiều.

- THANH LƯƠNG -



Tu liệu mạng

Sáng hôm nay, thầy được nghe lại đĩa *Tu liệu mạng* do các chú trên chính điện mở. Thầy nhận thấy đĩa này không chỉ mang tính thời sự lúc đó, mà còn rất cần thiết cho chư Tăng và Phật tử sau này. Nội dung bài pháp đề cập đến một câu hỏi về vấn đề xuất gia, thầy cũng đã trả lời câu hỏi đó. Những kiến thức này rất cần cho anh em đã xuất gia, những người sắp xuất gia cũng nên nghe kỹ để

chúng ta có được cái nhìn đúng về vấn đề tu tập.

Thầy đã nêu lên vài điểm chưa chính xác trong một bài giảng gần đây của Hòa thượng Tịnh Không. Ngài là một bậc cao Tăng thạc đức, nhưng vì sơ sót nên nói ra một số việc không đúng với Chính pháp. Chúng ta nghe hoặc đọc một câu chuyện hay điều gì đó, cho rằng những điều này được ghi chép trong kinh điển hoặc đã từng xảy ra trong thực tế. Nhưng chúng ta không thể kiểm chứng được điều đó đúng hay sai, vì nó đã diễn ra cách đây vài trăm năm và thậm chí hàng nghìn năm về trước.

Hòa thượng Tịnh Không kể câu chuyện của Oánh Kha, một ông thầy tu phá giới, sau đó biết ăn năn hối lỗi và quyết tâm từ bỏ tất cả để niệm Phật vãng sinh. Hòa thượng cho rằng, đó là “tu liễu mạng”: chỉ niệm Phật, không ăn uống, không ngủ nghỉ, cũng chẳng nằm xuống giường chiếu. Khi ấy, đức Phật xuất hiện và báo cho ông biết mười năm nữa Phật sẽ đến rước. Ông tha thiết xin đức Phật cho được về với Phật sớm hơn. Ba ngày sau Phật đến đón ông.

Hòa thượng Tịnh Không đọc câu chuyện như thế mà ngài cũng tin, sau đó còn kể lại cho Phật tử.

Hòa thượng kể: “Phật hện mười năm nhưng vì ông tu hành tinh tấn và tha thiết xin, ba ngày sau Phật đến rước”. Phật đến rước bằng cách nào? Không lẽ Phật bóp cổ hay rút ôxy cho ông chết? Như vậy, đức Phật mang tội sát sinh sao? Nếu như vậy thì đức Phật là ông Thần, ông Thánh chứ đâu còn là Phật. Cũng chẳng có ông Thần hay ông Thánh nào giết người như thế. Cho nên, chúng ta phải có kiến giải đúng, không phải nghe cái gì mình cũng tin mơ hồ.

Trong kinh, đức Phật nói: “Ngài chỉ đến tiếp dẫn trong lúc mình lâm chung. Phật không có quyền cho mình sống hay chết”. Chúng ta thương Phật, nhưng vì niềm tin mơ hồ đã biến Phật thành ông Thần, dần dần làm đạo Phật trở thành tà giáo mà mình không hay. Chúng ta cần phải suy nghĩ thật kỹ vấn đề này. Thầy khuyên những ai chưa nghe bài giảng này thì nên nghe, nghe rồi cũng nên nghe lại. Những người xuất gia cần phải thấy được trách nhiệm và bốn phận của mình. Tu không phải là lên rừng, lên núi, ngồi đó mong cầu, khẩn nguyện cho sớm được vãng sinh.

Thầy rất quan tâm đến thế hệ trẻ, những người tiếp nối sự nghiệp hoằng pháp sau này. Ông bà ta thường nói: “Tre già thì măng mọc”. Phật giáo có tồn tại hay không là do những thế hệ kế thừa có phát huy được giá trị trí tuệ và đạo đức mà đời trước đã để lại hay không? Nếu người đời sau không có trình độ học vấn, không hiểu biết Phật pháp thì sẽ đưa Phật giáo đến chỗ mê tín dị đoan và làm cho Phật pháp biến mất ở đời. ☁

Ngày 21 tháng 2 năm 2014



Phóng sinh đúng nghĩa

Hôm nay, thầy có vài ý kiến đóng góp về vấn đề phóng sinh của chùa mình. Lâu nay, thầy cứ nghĩ việc phóng sinh đơn giản nên để quý thầy và các chú phụ trách mà không quan tâm đến. Qua báo cáo, thầy mới biết các vị làm mà thiếu trí tuệ. Khi làm bất cứ việc gì, chúng ta cũng phải có trí tuệ và làm bằng cả trái tim, không phải làm cho xong việc theo kiểu hình thức, vô tình làm phản

tác dụng. Làm việc mà không có trí tuệ thì càng làm càng sai.

Chẳng hạn như việc phóng sinh, chúng ta gọi điện đặt hàng trước rồi nhờ người ta đem chim, đem cá đến cho mình thả. Làm như vậy là thiếu trí tuệ. Khi đặt hàng, mình kêu người ta làm việc gì? Có phải khuyến khích họ bắt chim, bắt cá bán cho mình thả hay không? Chẳng khác nào mình xúi giục người ta đi săn bắt chứ đâu phải phóng sinh.

Trong chuyến phóng sinh vừa rồi, có nhiều chú về phản ánh lại là rất nhiều cá bị chết khi thả xuống sông. Sau này, nếu có đi phóng sinh thì vào sáng ngày hôm đó, chúng ta thuê một chiếc xe chạy vào các chợ, thấy con cá nào còn sống thì mình mua đem đi thả, như vậy mới gọi là phóng sinh đúng nghĩa. Thỉnh thoảng, các Phật tử mua chim trước cổng chùa rồi đem vào sân chùa thả cũng rơi vào tình trạng này.

Những con chim bị người ta bắt nhốt, mình mua tụng kinh cho nó nghe sau đó mới thả, được thả ra không bao lâu nó tiếp tục bị người bán bắt lại, trải qua nhiều lần như thế nên rất yếu sức. Có những con khi đem thả không bay được nữa, thậm

chí có nhiều con chết nằm ở các gốc cây. Báo chí thỉnh thoảng hay phản ánh về vấn đề phóng sinh chim tại các chùa, nhiều người còn lên án việc phóng sinh là làm hại chúng. Chim chết nhiều trong chùa gây phản cảm cho khách tham quan và làm ô nhiễm môi trường. Việc phóng sinh không sai, nhưng nếu làm sai thành ra tai hại.

Chúng ta khuyến khích Phật tử phóng sinh thì phải giải thích đến nơi đến chốn, mình khuyên họ có tiền thì mua cá sống ngoài chợ đem ra sông thả, vì những con này nếu không được cứu chắc chắn sẽ bị chết; hoặc mua chim rồi đem đến những nơi đồng trống, chỗ nào có nhiều cây cối, có thức ăn cho chúng thì mới thả ra. Mình phóng sinh mà thiếu trí tuệ là gián tiếp gây ra cái chết cho chúng. Nhiều chùa còn mua vật phóng sinh nhốt lại một thời gian, đợi các Phật tử đến đồng tụng kinh cho chúng nghe rồi mới thả, đến khi thả ra không được mấy con còn sống.

Đối với vấn đề tụng kinh trước khi phóng sinh, lúc mình đem cá ra sông chỉ nên tụng những nghi thức đơn giản, thời gian vừa phải. Mình đọc tụng từ nửa tiếng cho đến một tiếng đồng hồ thì mạng

sống của chúng đã thoi thóp, đợi tưng xong thời kinh mới thả ra chắc cũng chết gần hết. Việc tụng kinh, trì chú là tốt, nhưng phải tùy từng trường hợp, đừng đặt nặng quá vấn đề nghi lễ.

Những con chim, con cá có nghe được lời kinh tiếng kệ mình tụng đọc hay không? Chó là loài vật có tính linh cao hơn chim và cá, vậy mà mình nói có khi nó hiểu, có khi nó không hiểu. Đối với các loài động vật bậc thấp, hiếm có con nào nghe mình nói mà hiểu được những lời nói đó có ý nghĩa gì. Thí dụ, chúng ta ngồi đây mà có người nước ngoài đến nói chuyện, mình có hiểu người ta nói gì không? Cùng là người với nhau, khi khác ngôn ngữ còn không hiểu được, vậy mà rất nhiều người nghĩ là tụng cho chim cá thì chúng sẽ nghe được. Làm sao chúng hiểu được? Chúng ta tụng kinh, trì chú còn không hiểu được ý nghĩa, huống chi chim cá là động vật bậc thấp. Xét về mặt khoa học thì hệ thần kinh của chúng rất đơn giản, xét về nhân quả nghiệp báo thì cảnh giới của chúng đang thọ là quả báo si mê. Mỗi loài đều có ngôn ngữ riêng, làm sao chúng có thể hiểu được những lời kinh tiếng kệ đó. Cho nên, chúng ta đừng đặt nặng vấn đề tụng niệm.

Các con vật đang đau khổ, sắp chết mà phải chờ cho mình tụng xong thời kinh mới thả thì thật là tội nghiệp. Nhiều người đi phóng sinh nhưng khi thả thì chim không bay được, thả cá xuống sông cá cũng không bơi nổi, đó là do chúng bị nhốt quá lâu vì phải chờ tụng cho đầy đủ các bài kinh, bài chú.

Từ nay về sau chúng ta có tổ chức phóng sinh thì phải chuẩn bị xe từ hôm trước, sáng sớm hôm sau cho xe chạy lên các chợ mua cá xong rồi đem ra sông thả luôn. Mình phóng sinh là cứu sống sinh mạng của chúng sinh, khi ấy sẽ được phước, đâu phải tụng kinh cho nó mới có phước. Chúng ta nên giảm bớt những nghi thức rườm rà không cần thiết.

Đối với người nào phát tâm phóng sinh, cảm thấy cần thiết thì mình đọc tên hồi hướng cho họ phát khởi niềm tin. Thí dụ, người ta phóng sinh cầu cầu nguyện cho cha mẹ hiện đời được trường thọ hay cha mẹ quá vãng sớm siêu sinh, mình nên thả vật phóng sinh trước rồi tụng một bài kệ hồi hướng và phục nguyện cho họ được hoan hỷ, không phải mình tụng kinh cho con chim, con cá

nghe. Do đó, khi làm việc gì chúng ta cũng phải lấy trí tuệ làm đầu, đi theo đó là tâm từ bi mới có được phước báu viên mãn.

Thứ nữa, chúng ta nên khuyến khích các Phật tử cúng dường cho những hoạt động khác của chùa như ấn tống kinh sách, quỹ từ thiện cho người nghèo, học bổng cho sinh viên, quyên góp tiền để tổ chức các khóa tu,... thay vì phóng sinh quá nhiều. Có những tháng chùa mình đi phóng sinh từ hai đến ba lần, số tiền lên đến hàng trăm triệu, nhưng vận động từ thiện và học bổng thì số tiền lại không được bao nhiêu. Chúng ta phải khuyến khích các Phật tử làm những việc đem lại lợi ích thiết thực cho con người, cho Phật pháp. Mình dành nhiều tiền cho việc phóng sinh cũng tốt, nhưng đạo Phật chú trọng đến vấn đề nhân sinh, thiết thực hiện tại lấy con người làm nền tảng, nếu đầu tư đúng chỗ sẽ có được lợi ích dài lâu, phước đức vô lượng. 

Ngày 6 tháng 12 năm 2012



Tịnh độ nhân gian

Người tu pháp môn Tịnh độ thường mong muốn sau khi thân hoại mạng chung được sinh về thế giới Cực Lạc. Kinh *Vô Lượng Thọ* và kinh *A Di Đà* diễn tả: “Thế giới Cực Lạc rất đẹp, rất vui, nơi đó chỉ toàn là chư thượng thiện nhân cùng nhau chung sống. Một thế giới mà dân cư là bậc Thánh thì không có sự đấu tranh, hờn giận. Vật chất hình thành nên thế giới Cực Lạc gồm bảy thứ báu: pha

lê, xa cừ, mã não, xích châu, san hô,... Nói tóm lại, điều kiện vật chất và tinh thần trên thế giới đó đều toàn mỹ, bóng dáng đau khổ không hề xuất hiện cho nên gọi là Cực Lạc”.

Thế nhưng, chúng ta muốn sinh về cảnh giới tốt đẹp ở tương lai thì trước hết phải thiết lập cõi Cực Lạc ngay trong hiện tại. Hằng ngày, mình có sự an lạc và hạnh phúc, tạo dựng một môi trường xung quanh thanh tịnh tốt đẹp, đó là nhân duyên để thành tựu sau này. Mỗi người đều xây dựng một cõi Cực Lạc cho riêng mình, nghĩa là chúng ta có Cực Lạc của tự thân, kể đến là Cực Lạc của cộng đồng, trong tương lai mới mong được sinh về Cực Lạc Tây phương.

Thông thường, chúng ta hay mơ tưởng đến cảnh giới Cực Lạc ở Tây phương, nhưng lúc còn sống lại không xây dựng cõi Tịnh độ cho bản thân, thì sự mong muốn sinh về Cực Lạc ở tương lai là điều quá đổi xa vời. Hiểu được điều này, mỗi người cần biết xây dựng cho mình cõi Cực Lạc tự thân và xây dựng cõi Cực Lạc cộng đồng. Thí dụ, trong gia đình thì bản thân phải sống như thế nào đó để mình trở thành một vị Bồ tát, mọi người xung

quanh cảm thấy an lạc khi cùng chung sống thì thế giới Cực Lạc sẽ hiện diện ngay cõi Ta bà này.

Khi tu tập trong chùa, chúng ta làm sao để chùa cũng trở thành một cảnh giới Cực Lạc. Mọi người khi sống ở đây ai cũng có niềm vui, hạnh phúc thì sự tu hành như vậy mới thực tế. Minh ngồi mơ tưởng một thế giới Cực Lạc ở phương Tây mà hiện tại chúng ta phiền não, đau khổ, bức tức, giận dữ, oán thù,... thì có ích gì. Sự tu tập đó không đem lại lợi ích thiết thực. Pháp của Thế Tôn dạy có đặc tính là thiết thực hiện tại, đến để mà thấy, mình không biết tu thành ra không có kết quả. Chúng ta cần hiểu: Đất bằng vàng ròng trên cõi Cực Lạc tượng trưng cho tâm thanh tịnh, không còn những lậu hoặc; thiên nhạc và thiên hoa là khi lòng đã tịnh thì lúc nào cũng vui vẻ, mở miệng nói những lời êm tai như nghe thiên nhạc, có những hành động đẹp tựa thiên hoa; dâng hoa cúng dường chư Phật mười phương là lòng không thụ hưởng hạnh phúc đang có mà hướng về hạnh lợi tha của Bồ tát.

Mình sống với nhau mà lúc nào cũng mang tâm oán ghét thì làm sao có được an lạc. Đức Phật dạy trong tám cái khổ có “oán tăng hội khổ”, nghĩa

là ghét nhau mà cứ phải gặp nhau. Khi sống chung mình thấy người đó khó ưa, làm gì cũng thấy ghét, còn khi nhìn họ là như bị gai đâm vào mắt. Tâm hiểm hận thường kèm theo ganh ghét, hơn thua, tị hiềm, chê bai, thù hằn,... Chúng ta tu chung trong một đạo tràng, có cùng một lý tưởng là mong sinh về Cực Lạc. Nếu khi được sinh về Cực Lạc mà có sự xuất hiện của sự thù oán thì mình có vui được hay không? Do đó, khi trong lòng đã có sự thù ghét hay oán giận ai đó, mình đừng bàn luận hay mơ tưởng sau khi mạng chung sẽ được sinh về thế giới Cực Lạc, điều đó không bao giờ trở thành hiện thực.

Trong gia đình, chúng ta cũng có thể kiến tạo một tiểu Cực Lạc. Một ngôi chùa có đại chúng cùng tu tập trong sự thanh tịnh, an vui cũng là Cực Lạc. Chúng ta không hiểu được điều đó, lại cứ mong muốn Cực Lạc ở một nơi nào rất xa xôi. Đại chúng phải thể hiện được lối sống và cách sống của dân cư Cực Lạc ngay trong chùa. Người thế tục sống trong gia đình gặp nhiều khó khăn hơn, vì không phải những người thân đều có được chính niệm, tỉnh giác và biết tu tập. Mình ở chùa thì khác, hằng

ngày được nghe pháp, đọc sách, tụng kinh, quán chiếu,... Khi có điều kiện tu tập tốt như vậy, chúng ta phải cố gắng loại trừ những phiền não trong tâm. Khi mình không còn sân hận, oán thù, bực tức thì mới có được sự an lạc, thanh thoi, cõi Cực Lạc hiện tiền ngay trước mắt. Nếu hiện tại chúng ta không tháo gỡ được những uất ức, ràng buộc trong tâm và không thể hiện được sự giải thoát, thì mơ về cảnh giới Cực Lạc quả là quá xa xôi, vì không có nhân thì làm sao có quả.

Chúng ta tu hay bị sai lầm ở chỗ này. Chùa là môi trường đạo đức, hiền thiện, thanh tịnh, an vui; mình sống trong đó lại không tìm thấy sự an lạc thì thật là bất hạnh, cần phải xem lại cách thức tu tập của mình như thế nào. Mỗi người cần phải cố gắng làm sao để tìm được niềm vui trong cuộc sống tu hành. Nếu muốn có được niềm vui thì chúng ta phải biết từ, bi, hỷ, xả, đừng cố chấp hay dính mắc vào bất cứ điều gì. Người nào càng cố chấp thì càng bị đau khổ. Trong đời này mình đã đau khổ thì không bao giờ về được thế giới Cực Lạc ở phương Tây.

Khi đã vào chùa tu, chúng ta phải buông xả hết

những điều làm mình phiền não. Đối với những chuyện không cần thiết thì chúng ta đừng quan tâm đến. Mục đích vào chùa tu là có sự thanh tịnh và an lạc cho thân tâm, đó là điểm chính yếu trong việc tu học Phật pháp. Nếu chúng ta không có được sự thanh tịnh và an lạc thì việc tu tập chẳng có ích lợi gì. Hiện tại, rất nhiều người đang sống trong chùa mà ngày nào cũng bị phiền não. Đôi khi những người ở càng lâu lại càng phiền não, vì ở lâu nên chấp nhiều mà chấp nhiều sẽ chịu đau khổ nhiều, đó là một sự thật tất yếu.

Mình làm sao xây dựng cho được cõi Cực Lạc ở hiện tại. Trong đoàn thể mà chúng ta đang sinh sống, bản thân mỗi người phải biết tạo dựng cho mình một lối sống an lạc, thanh tịnh, thanh thoi, hạnh phúc. Mọi người cùng sống chung vui vẻ với nhau, xây dựng một môi trường sống đạo đức, hòa hợp, thanh tịnh mình sẽ có được Cực Lạc hiện tiền. Ngược lại, mình sống mà lúc nào cũng đau khổ, phiền não thì giống như ở trong địa ngục? Nhân đau khổ thì quả khổ đau, đó là lẽ tất nhiên.

Muốn về Tịnh độ Như Lai,

Phải gieo nhân tịnh tại ngay kiếp này.

*Muốn sang Cực Lạc phương Tây,
Ươm mầm an lạc hằng ngày chờ quên.*

Mình muốn đi đến thế giới an vui thì bây giờ phải gieo nhân an vui. Khi đã có hạt giống an vui, mình phải nuôi dưỡng làm cho nó nảy mầm và phát triển thì sau này mới cho quả Cực Lạc ở phương Tây. Chúng ta phải làm thế nào cho ngôi chùa mà mình đang sống mỗi ngày trôi qua đều thanh tịnh, an lạc, không có hình bóng của khổ đau, phiền não và thù hận, như vậy mới đúng với ý nghĩa của ngôi chùa tâm linh. Nếu không, chúng ta không cảm nhận được sự thanh tịnh, ngược lại còn chất chứa những phiền não khổ đau.

Mỗi người đều có sẵn tập khí phiền não được tích chứa từ nhiều đời, nhiều kiếp. Do đó, khi gặp phải chướng duyên mình dễ bức tức, phiền não. Người không biết tu thì hết giận người này đến giận người kia rồi thù người nọ. Chúng ta vô tình biến ngôi chùa thành địa ngục, đâu còn là xây dựng Cực Lạc tại nhân gian. Chính chúng ta biến nơi mình ở thành cảnh giới tối tăm, đau khổ và đọa lạc.

Mình sống trong chùa mà cứ mắng chửi nhau,

thậm chí đánh nhau thì coi sao được, không còn tư cách của người tu. Ai cũng muốn có an lạc, hạnh phúc. Ai cũng muốn sau khi chết được sinh về cảnh giới an lành, vậy thì ngay bây giờ chúng ta phải tạo nhân hạnh phúc. Trước tiên, chúng ta phải biến ngôi chùa mình đang ở thành cõi Cực Lạc tại nhân gian. Những người sống ở đây khi gặp nhau đều hoan hỷ, an lạc, thanh tịnh, theo lẽ tự nhiên thì nơi này đã trở thành tiểu Cực Lạc. Còn thế giới Cực Lạc sau khi chết lại là một chuyện khác. Chúng ta hãy sống cho hiện tại, mình đừng nên suy nghĩ quá nhiều về quá khứ, cũng đừng mong cầu ở tương lai. Chính niệm tỉnh giác trong từng hơi thở, từng lời nói, từng việc làm và ý nghĩ. Nếu chúng ta có được an lạc trong hiện tại thì tương lai nhất định sinh về thế giới Cực Lạc. 

Ngày 9 tháng 12 năm 2012





Tu nhất kiếp ngộ nhất thời?

Vào ngày mồng sáu Tết, có một người phụ nữ khoảng ba mươi bốn tuổi đến gặp thầy xin cầu siêu cho người con trai mười bốn tuổi (sinh năm 2000). Thầy hỏi lý do con trai cô chết. Cô trả lời rằng do mạng căn của đứa con đã hết nên bị Thánh nhập vào siết cổ đến chết. Thầy nghe kỳ lạ và nghi ngờ cô đã giấu thầy sự thật gì đó! Vì vậy, thầy hỏi cô bạn đi cùng và được người này cho biết: Cô chuyên lên

đồng lên cốt, cầu Thánh, cầu Thần nhập vào người con trai. Hôm đó, khi Thánh hay Thần nhập vào người con trai, nó cầm dao múa rồi lấy dây cho những người hầu đồng siết cổ mình để người ta xem. Cậu này đã bị siết cổ vài lần, nhưng không chết, không hiểu vì sao lần này lại chết. Sau đó, công an đến khám nghiệm tử thi, bắt giam những người siết cổ đứa bé để điều tra. Từ câu chuyện chúng ta thấy rất rõ người mẹ vì mê tín dị đoan đã dẫn đến cái chết oan uổng của người con trai, vậy mà cô không thức tỉnh còn nói là Thánh Thần rước đi.

Cách đây vài hôm có một bà ở thành phố Phan Thiết được cô con gái dẫn đến chùa gặp thầy. Trước khi gặp bà, cô con gái đã kể sơ qua cho thầy nghe về người mẹ. Cô kể: “Mẹ của con ở một mình và tu tập tại nhà riêng ở thành phố Phan Thiết. Thỉnh thoảng, bà có đến chùa Hoàng Pháp tham dự Khóa tu Phật thất, nhưng không hiểu sao trong thời gian gần đây mỗi lần niệm Phật mẹ con lại la lên, có khi ngồi nói chuyện một mình, còn ban đêm bà hay đi lang thang không ngủ. Vì mẹ cứ muốn đến chùa Hoàng Pháp, nên

hôm nay con dẫn đến gặp thầy”.

Sau khi nghe cô nói xong, thầy bảo cô dẫn mẹ vào gặp thầy. Khi gặp người mẹ thấy thầy bà cũng bình thường không có biểu hiện gì của bệnh thần kinh. Thầy hỏi thì bà trả lời rất rõ ràng. Bà nói rằng mình vẫn niệm Phật bình thường, vì các con ở riêng nên không biết hạnh nguyện của bà. Người con nghe vậy hỏi: “Tại sao mỗi tối lúc niệm Phật mẹ lại la lên?”. Bà trả lời: “Niệm to như vậy để cho mọi người nghe, nhớ mà niệm Phật theo”. Cô hỏi tiếp: “Thế tại sao mẹ cứ nói nhảm?”. Bà nói: “Không phải nói nhảm mà mẹ cầu nguyện cho người mất được siêu thoát”. Sau khi nghe bà nói thầy thấy những điều này cũng hợp lý. Cho nên, thầy nghĩ rằng bà bình thường không bị bệnh và nói với bộ phận văn phòng cho đăng ký ở lại chùa làm công quả vài ngày cùng với người con, còn nếu bà có biểu hiện của bệnh thần kinh thì sẽ cho về.

Vừa đăng ký xong, bà đi đến nhà Tổ vừa đi vừa ngắm cảnh, miệng nói nhảm, sau đó đứng dậy đi rồi lại ngồi xuống ngắm cảnh và tiếp tục nói nhảm. Nhìn thấy như vậy thầy tin bà này bị bệnh thần

kinh thật. Vì thế, quý thầy nói nên cho bà về nếu cho ở lại không may vào buổi tối bà phát bệnh làm náo loạn cả chùa không ai ngủ nghỉ được. Cô con gái cũng biết được bệnh trạng mẹ mình nên tối hôm đó đã đưa bà về nhà.

Qua hai câu chuyện trên, chuyện thứ nhất, do mê tín dị đoan dẫn đến cái chết oan uổng cho người con; chuyện thứ hai, do tu không đúng đường lối nên rơi vào cực đoan dẫn đến ảo tưởng và thần kinh. Có người tu tinh tấn quá nhưng không đúng cách, làm thần kinh bị căng thẳng giống như dây đàn căng quá thì đứt.

Hiện nay, rất nhiều Phật tử tại gia rơi vào tình trạng tu theo đường lối cực đoan. Họ buông bỏ hết mọi thứ, ngồi một chỗ niệm Phật để được nhất tâm, mong chóng vãng sinh. Đây là vấn đề mà chúng ta cần phải xem xét lại. Điều quan trọng nhất của người Phật tử là có chính kiến và tìm cho mình con đường tu đúng Chính pháp. Cư sĩ tại gia không thể giống với người xuất gia, người cư sĩ phải có trách nhiệm với gia đình, xã hội và đạo pháp. Mục đích tu của người Phật tử tại gia là đem lại an lạc, hạnh phúc cho bản thân, gia đình

và xã hội, không phải tu là buông bỏ hết để ngồi niệm Phật một cách hành xác dẫn đến bị thần kinh. Nhiều người rơi vào tình trạng tu một thời gian rồi tâm trí không ổn định, trở thành người bệnh tâm thần. Chúng ta phải hiểu rằng tu một đời không thể thành tựu được đạo quả, không thể đạt được mục đích một cách nhanh chóng.

Chúng ta hãy nhìn lại đức Phật có phải Ngài chỉ tu trong một kiếp mà thành Phật hay không? Đức Phật thành Phật trong đời này là do Ngài đã phát tâm Bồ đề và hành Bồ tát đạo từ vô lượng kiếp. Chúng ta học Phật chưa đến nơi đến chốn nên suy nghĩ đơn giản là chỉ cần tu trong một đời sẽ thành Phật. Thực tế, chư Tổ nói như vậy để khuyến khích giúp chúng ta có lòng tin vào Phật pháp và tinh tấn tu tập. Mình phải thấy rõ đức Phật đã tu từ vô thủy kiếp đến nay mới thành tựu Phật quả. Việc tu cũng giống như trồng cây đòi hỏi phải trải qua thời gian nhân duyên đầy đủ mới có kết quả. Chúng ta trồng cây mít phải mất hai đến ba năm mới ra quả không thể mới trồng hôm nay mà đã muốn ngày mai có quả ăn. Một người muốn trở thành bác sĩ cũng phải học sáu năm chuyên ngành y, không thể một

hai năm mà thành bác sĩ. Như vậy, việc tu hành không thể nóng vội mà thành tựu.

Chúng ta nghe quý thầy nói niệm Phật một đời thành Phật, sau đó mình bỏ hết tất cả ngời niệm Phật là không đúng. Từ khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật đến nay có ai thành Phật nữa hay không? Không có ai cả. Chúng ta nghe nói ở Trung Quốc hay Tây Tạng có Phật sống, Việt Nam thì tôn ngài Trần Nhân Tông làm Phật hoàng Trần Nhân Tông, đó là do người ta tôn xưng, trên thực tế chưa ai đủ Ba la mật để thành Phật.

Khi tu học Phật pháp chúng ta phải hiểu rõ lý nhân quả, không thể gượng ép được, cũng như dây đàn căng quá sẽ đứt. Đây là những sự việc hết sức thực tế, những bài học kinh nghiệm cho chúng ta trên bước đường tu tập. Sự tu hành phải trải qua nhiều đời, nhiều kiếp chứ không đơn giản như chúng ta nghĩ. Thấy đã nhận ra điều này qua sự tu hành của bản thân. Lúc mới đi tu thấy cũng nghĩ chỉ cần tu vài năm là thành Phật, nhưng cho đến bây giờ đã hơn bốn mươi năm mà vẫn chưa thành tựu được gì.

Thời đức Phật còn tại thế, Ngài nói rõ: “Sau

thời kỳ giáo hóa của ta là đến thời kỳ giáo hóa của Bồ tát Di Lặc (Metteyya)”. Như vậy, Bồ tát Di Lặc phải là người tu nhiều đời, nhiều kiếp, cho nên đức Phật Thích Ca mới biết chắc rằng ngài ấy sẽ trở thành vị Phật tiếp theo. Chúng ta có dám nhận mình trong tương lai là Bồ tát Di Lặc? Điều này rất khó. Người ta nói: “Tu nhất kiếp, ngộ nhất thời”, chỉ ngộ thì chưa thể thành Phật.

Trong sự tu tập, chúng ta phải nhớ rõ là phước huệ song tu. Cũng giống như trồng cây khi đầy đủ nhân duyên sẽ ra hoa kết quả nên chúng ta không cần phải trông chờ mong đợi gì. Công việc của chúng ta là chăm sóc, tưới nước, bón phân. Một ngày nào đó khi cây đã lớn và đầy đủ dưỡng chất cùng điều kiện thời tiết phù hợp nó sẽ ra hoa kết quả. Chúng ta tu cũng như vậy, đến khi nào phước huệ tròn đầy thì mình sẽ thành Phật nên không cần phải mong cầu hay chờ đợi. Chính những tư tưởng buông bỏ hết ngôi niệm Phật, vào rừng cất thất tu hành chờ ngày vãng sinh, mong thành Phật, đã làm cho chúng ta rơi vào tư tưởng tiêu cực và khiến cho đạo Phật trở thành đạo lánh đời, không thiết thực.

Hôm trước, thầy đã nhắc nhở bộ phận văn phòng nên thông báo như thế nào để người nghe cảm thấy nhẹ nhàng và dễ chịu. Chúng ta thường nói: “Mời quý vị vào xếp hàng để nhà chùa phát cơm,...” thông báo như vậy nghe không được hay. Cho nên, những điều này chúng ta cũng cần phải sửa đổi, nếu mình nói không tốt thì nên viết ra giấy để đọc. Hôm trước, thầy đã viết sẵn một số nội dung để văn phòng thông báo. Chúng ta nên thông báo như thế này: “Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật! Kính thưa quý quan khách, quý Phật tử! Đã đến giờ dùng cơm, thay mặt chư Tăng bốn tự, kính mời quý vị hoan hỷ tập trung về phía tay phải, bên hông chính điện từ ngoài nhìn vào, quý thầy sẽ gửi mỗi vị một phần cơm hộp để ăn trưa. Xin quý vị lưu ý, trong khi nhận cơm hộp, theo sự sắp xếp của bảo vệ, không nên chen lấn, tạo cơ hội cho kẻ gian móc túi, rách túi. Xin quý vị lưu ý!”

Có người phản ánh: “Đâu phải người ta đi nhận của bố thí mà tại sao chùa lại dùng từ phát cơm”. Từ giờ trở đi, mình sẽ không dùng từ “phát” nữa. Thực ra, từ “phát, tặng, cho, biếu, bố thí, cúng

dường” đều mang ý nghĩa giống nhau, nhưng chúng ta phải dùng từ nào cho đúng trường hợp. Đối với cha mẹ cũng không thể nói con bố thí cho cha cái này, bố thí cho mẹ cái kia mà chúng ta phải nói là “con tặng” nghe mới đúng ngữ cảnh và vai vế. Từ “bố thí” ngày nay thường dùng cho những người ăn mày, ăn xin. Cho nên chúng ta phải dùng từ ngữ cho phù hợp với từng ngữ cảnh. Thay vào đó nên thông báo là: “Quý thầy xin gửi mỗi người một phần cơm hộp”, hay “Quý thầy sẽ tặng đĩa Pháp bảo”, dùng từ “phát” thì người ta nghĩ là mình bố thí. Những điều này mình phải lắng nghe, học tập và nhất là khi chúng ta thông báo trên loa, rất nhiều người nghe nên phải nói sao cho dễ nghe. Mình nói không khéo sẽ khiến người ta suy nghĩ mình thiếu tôn trọng, thậm chí là xúc phạm, động chạm đến lòng tự ái của họ. ☁

Ngày 1 tháng 3 năm 2015



Vô ngã vị tha

Trong đạo Phật có một cụm từ rất hay là “vô ngã, vị tha”, hiểu một cách đơn giản là quên mình vì người. Việc lợi tha là trách nhiệm của người xuất gia nói riêng và Phật tử nói chung. Ngoài việc tu tập cho bản thân, chúng ta cần phải có những việc làm để giúp mọi người hiểu Phật pháp.

Chúng ta làm việc lợi tha mà không thấy mình trong công việc thì được gọi là vô ngã. Nếu thấy

có nhân, có ngã, có bỉ, có thử thì sẽ chấp, mà chấp liền có hai thứ phát sinh: một là tăng trưởng bản ngã, hai là tăng trưởng phiền não.

Thí dụ, khi chúng ta bố thí mà chấp mình là người cho, chấp có người nhận và chấp có vật cho thì cũng dễ phát sinh phiền não. Đã chấp mình là người cho, nếu người nhận có lời nói hay hành động không dễ thương thì mình sẽ cảm thấy khó chịu. Lúc đó, mình sẽ nghĩ rằng: “Tôi cho ông (bà) mà sao ông (bà) lại đối xử với tôi như thế?”, từ đó dẫn đến giận tức, phiền não.

Thứ hai là chấp ngã, chấp mình là người ban ơn rồi dẫn đến việc coi thường người khác, xem người khác không ra gì. Đối với pháp tu bố thí, đức Phật dạy “tam luân thể không” nghĩa là: không thấy người cho, không thấy vật cho và không thấy người nhận, như vậy sẽ không tăng trưởng ngã mạn và phát sinh phiền não.

Khi làm Phật sự, chúng ta cần nhớ thêm một câu nữa là “tùy duyên nhi bất biến”. Tùy duyên nghĩa là tùy theo căn cơ, trình độ của chúng sinh mà có những phương tiện để hóa độ. Bất biến là không thay đổi lập trường, không thay đổi việc tu hành

của bản thân. Nếu không được như thế, chúng ta sẽ theo duyên mà biến, không phải tùy duyên bất biến. Minh lấy cố là độ sinh, mượn phương tiện quyền biến rồi đánh mất chính mình. Khi làm được việc gì thì mình sẽ tự cao tự đại, cho rằng “ta làm được việc đó”, ai đụng đến là phiền não dẫn đến bỏ việc tu học. Vì nói tùy duyên nên mình không chịu quay lại nội tâm, không giữ vững lập trường tu.

Trong Luật ghi: “Người xuất gia không được xem, nghe, ca múa nhạc”, nhưng đây lại là phương tiện để chúng ta độ sinh. Trong lúc sử dụng phương tiện này, chúng ta không khéo sẽ đánh mất mình trong đó, tức là bị âm nhạc lôi kéo, làm cho tâm Bồ đề lung lay, dần dần mất đi công phu tu học, từ đó sa ngã lúc nào không biết. Điều này rất nguy hiểm, nên giữ được tinh thần tùy duyên bất biến là một việc khó. Muốn tâm an trú trước bao cám dỗ của thế tục mình phải ở gần thầy, gần chúng; được thầy nhắc nhở hằng ngày, đó là một phúc lành, là nhân duyên tốt đẹp. Nếu không, đôi khi với hiểu biết và nghiệp chướng sâu dày của bản thân, nói tùy duyên rồi đánh mất mình trong công việc lúc nào không hay.

Tăng trưởng bản ngã và phát sinh phiền não là hai vấn đề chúng ta thường mắc phải. Hiểu được điều này để khi làm việc gì mình cũng phải giữ vững tâm Bồ đề. Thầy thường nhắc anh em đừng bao giờ bỏ công phu, dù mình làm bất cứ việc gì cũng phải lấy nền tảng là sự tu tập, không phải làm việc rồi bỏ tu, chỉ khi nào có việc cần làm gấp thì chúng ta đành phải chịu.

Khi thấy có công việc hay đi Phật sự, những thời khóa công phu mình không thực hiện được thì đành chịu. Vào những ngày bình thường, nếu thấy công việc Phật sự chưa quan trọng thầy dành ra khoảng nửa tiếng, một tiếng để dụng công tu tập. Khoảng thời gian đó không nhiều, thế nhưng nó giúp mình giữ được đạo tâm. Chúng ta bỏ ra nửa tiếng ngồi thiền, tuy chỉ là khoảng thời gian ngắn nhưng lại rất có giá trị và lợi ích. Trong khi ngồi, mình thấy lại được mình, nhờ vậy mà đạo tâm thêm bền vững. Cho nên, thầy phát nguyện vào mười hai giờ khuya dậy công phu, những điều này không ai ép buộc mà do mình muốn nên tự giác, tự nguyện để giữ đạo tâm kiên cố.

Tu là tự giác, không phải khi có thầy mới chịu

làm, chịu tu, còn khi không có thầy thì không làm, không tu, hôm nào thầy ở nhà thì tu tập rất tốt, đến khi thầy đi vắng thì không tu hành gì. Như vậy, chúng ta đang tự lừa dối bản thân, sự tu đó thật ra không phải tự mình muốn tu mà vì sợ thầy mới tu. Chúng ta vào chùa để làm gì? Ai bắt chúng ta đi tu? Giả sử khi vào quân đội có những lúc mình tự nguyện làm, nhưng đa phần là bắt buộc phải tuân theo mệnh lệnh của cấp trên, có người chỉ huy đứng đó thì mình tuân thủ nội quy, làm việc rất tốt, nhưng khi không có ai thì ngồi chơi. Mình nghĩ là do bị bắt buộc vào đây nên làm cho có lệ.

Không ai bắt buộc chúng ta phải vào chùa tu. Tu là do mình tự nguyện. Mình tu cho ai? Chúng ta nên suy nghĩ điều đó để tự ý thức việc tu tập, đừng bao giờ nghĩ có thầy ở nhà thì tu, thầy đi vắng thì buông lung phóng túng. Vậy, chúng ta vào chùa làm gì cho khổ! Khi không tự giác, chúng ta cảm thấy chùa trở thành địa ngục, bởi vì cái gì cũng gò bó như việc bắt mình đi ăn đúng giờ, phải đi tụng kinh hay làm việc này việc khác, đó là tù, là địa ngục trần gian chứ còn gì. Chúng ta phải ý

thức về việc tu học của mình, phải thấy việc tu học là niềm vui mới được.

Mỗi khi thấy bỏ một thời công phu thì cảm thấy rất tiếc. Mình cố gắng làm sao giữ được như vậy. Còn anh em hôm nào bỏ được một thời công phu là vui mừng xem như trốn được nợ, như thế thì làm sao tu? Nếu mình bỏ một thời công phu mà thấy tiếc thì mới đúng với ý nghĩa chữ tu. Mỗi người nên ý thức được điều này, phải thấy việc tu là của mình, từ đó mới có được niềm vui và đem lại lợi ích cho nhiều người. Công việc chỉ là phương tiện nên phải tùy duyên và đừng để đánh mất bản thân, tùy duyên nhưng phải bất biến, còn tùy duyên mà chạy theo duyên rồi cuối cùng đắm chìm trong ngũ dục, lục trần thì uổng phí cả đời tu. Xem như ta đã mất đi lý tưởng, mục đích và chí nguyện ban đầu, không còn xứng đáng với ý nghĩa của một người xuất gia chân chính. ☁

Ngày 3 tháng 2 năm 2013



Mượn đạo tạo đời

Một số nước thuộc truyền thống Phật giáo Nam truyền tổ chức cho thanh niên xuất gia giống như nghĩa vụ quân sự, nghĩa là một người nam khi lớn lên đến độ tuổi thanh thiếu niên phải vào chùa học đạo. Ngày xưa, ngôi chùa cũng là trường học, nơi tiếp thu kiến thức, văn hóa,... Người ta vào chùa và trở thành một vị sư để được đi học, sau đó có thể ra ngoài đời lập gia

đình, làm ăn sinh sống và đóng góp cho xã hội. Những người giác ngộ được con đường giải thoát thì phát nguyện ở lại tu trọn đời. Sau này, vấn đề giáo dục do Nhà nước quản lý nên nghĩa vụ và trách nhiệm của một ngôi chùa cũng nhẹ nhàng hơn, nhưng truyền thống vào chùa tu tập vài năm trước khi trưởng thành vẫn còn diễn ra tại một số nước như Thái Lan, Cambodia, Sri Lanka, Myanmar và Nam truyền Khmer của Việt Nam. Phật giáo Bắc truyền không có truyền thống đó, một người xuất gia vì giác ngộ những lời dạy của đức Phật, không phải để thực hiện nghĩa vụ của công dân nên đa phần những người xuất gia đều tinh tấn tu tập để được giải thoát.

Thời gian qua, trên trang mạng của báo *Phụ nữ* có đăng câu chuyện về một vị sư Khmer, người này vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đến chùa học đạo để được đi học văn hóa, cạo đầu và đắp y như một tu sĩ. Sư quen một cô gái khoảng mười chín tuổi, hai người lén lút quan hệ với nhau như vợ chồng. Sau đó, vị sư lại quen thêm một cô gái khác, cô người yêu trước ghen tuông nên bắt đầu có những lời hăm dọa.

Một hôm, vị sư chủ ý mời người yêu cũ đi chơi, rồi bóp cổ cô gái cho đến chết, chôn xác trong khu vườn của ngôi chùa nơi mình đang ở và trồng cây chuối lên đó để người ta không để ý. Gia đình cô gái phát hiện con của họ không trở về nhà sau ngày hôm đó, họ đi tìm nhưng không thấy nên báo Chính quyền địa phương. Công an lần ra những mối quan hệ của cô gái và biết được có quen vị sư này. Sau đó, họ đến chùa và tìm thấy xe và mũ của cô ở đây. Cuối cùng, sư khai là giết cô lúc đi chơi trên thuyền rồi quăng xác xuống sông. Công an tìm xác trên sông mấy ngày nhưng không thấy. Họ tiếp tục điều tra thì sư khai thật là chôn xác trong vườn.

Sư này không phải là người xuất gia thật sự, chỉ đi tu theo phong tục tập quán của người Khmer. Do nghèo quá nên người ta vào chùa để được ăn học chứ không phải tu, nhưng lại mang hình tướng của người xuất gia. Khi chuyện này xảy ra chắc chắn xã hội sẽ có những suy nghĩ không tốt về hình ảnh của người xuất gia. Đây là một điều rất đáng tiếc, đồng thời cũng là vết nhơ và nỗi đau của tất cả chư Tăng. Hành động xấu của một người

làm ảnh hưởng đến tập thể, một con sâu làm rầu nồi canh. Sư này tu tập trong chùa đã lâu, cũng được học Phật pháp, vậy mà lại có những hành động quá độc ác và tội lỗi.

Trong dịp lễ Giỗ Tổ năm nay, thầy nghe quý thầy báo cáo là chư Tăng Ni không được mời nhưng vẫn đến tham dự rất đông, đặc biệt là chư Ni. Sau khi dùng cơm xong, chùa có tặng quà và cúng dường phong bao. Nhưng do số lượng thực khách tăng bất ngờ, không chuẩn bị quà kịp nên người có người không. Từ đó, những người không có quà bắt đầu chạy lên đòi, làm mất đi hình ảnh cao quý của chư Tăng Ni. Những việc này nếu nói ra giống như bêu xấu chư Tăng Ni, nhưng đó là thực tế. Chúng ta nói từ thực tế chứ không phải nói xấu ai, bởi vì những người này không phải thật tu mà họ chỉ giả làm người xuất gia. Vì giả tu cho nên họ chủ yếu đến các chùa vào những ngày giỗ để ăn uống và nhận tiền. Việc này đang hình thành một cái nghề, trong từ điển thì không có nghề này, nhưng trên thực tế họ đang hình thành nghề “thầy tu giả” chuyên đi ăn giỗ, kiếm tiền do Phật tử cúng dường nên mỗi ngày cũng được vài trăm nghìn.

Những người theo nghề “tu giả” này rất hay, họ có một cuốn sổ ghi rõ lịch lễ Giỗ Tổ của các chùa. Khi đến ngày, các thành viên trong nhóm thông báo cho nhau và họ cùng nhau kéo đến chùa. Chùa không mời nhưng họ đến để kiếm tiền, vì lợi ích cá nhân và chén cơm manh áo. Thậm chí, có những người rất táo tợn khi người ta cúng dường phong bao họ liền xé ra xem tiền nhiều hay ít.

Thành phần này mượn hình tượng của người xuất gia, lợi dụng chiếc áo cà sa để kiếm tiền, không phải là người có tâm tu tập giải thoát. Đây là nỗi đau, nỗi buồn và là vấn nạn nghiêm trọng trong Phật giáo. Chúng ta phải biết việc này để phân biệt thật giả. Đôi khi mình đánh đồng nói Phật giáo thế này thế kia, chư Tăng Ni làm những điều sai trái, thật ra những người này không phải người xuất gia chân chính mà họ chỉ “mượn đạo tạo đời”.

Hôm qua, thầy có tiếp một cô Phật tử, cô đã từng đi Ấn Độ với Tâm T. Cô đến hỏi thăm Tâm T có còn tu hay không, vì có người nói thầy ấy còn tu, có người nói đã hoàn tục. Thầy trả lời Tâm T đã hoàn tục và có vợ. Cô rất lấy làm tiếc, vì khi đi Ấn Độ chung với Tâm T, thấy thầy ấy có được tu

cách, tác phong rất tốt, vậy mà hoàn tục thì thật là uổng. Cô nói: “Không biết sau này Tâm T xuất gia lại có được hay không?”. Nghĩa là cô ấy vẫn còn tiếc một người như thế mà lại hoàn tục. Thầy nói: “Tùy duyên”.

Nếu không tu được người ta hoàn tục là điều bình thường, còn tốt hơn những người sống trong chùa mang hình tướng của người xuất gia mà vi phạm giới luật, đó mới là tội lớn đáng lên án. Đức Phật cho phép ai không tu được thì hoàn tục. Thầy cũng hoan hỷ về việc này nên nếu ai không tu thì ra đời lấy vợ, làm việc khác, đừng mặc áo người tu, cạo đầu mà làm điều sai quấy. Giống như vị sư người Khmer mà chúng ta vừa nói, hay như Sư cô hôm lễ Giỗ Tổ, đó là những người phá hoại Tăng đoàn, đáng bị chê trách và lên án.

Theo quan điểm của thầy, mình tu thì phải tu đến nơi đến chốn, không tu thì ra đời chứ đừng mang hình tướng của người xuất gia mà làm điều sai trái. Đó là tội nặng chứ không phải nhẹ. Thứ nhất là gây ảnh hưởng xấu đến bản thân mình, thứ hai là phá hoại Phật pháp. Chư Tăng chùa mình cố gắng tu, nếu không tu được thì cứ ra đời. Ban

đầu hoàn tục thì hơi ngỡ như Tâm T, bây giờ mình gọi tên đời là Minh Long, lâu dần rồi cũng quen, theo thời gian sẽ bình thường trở lại không có vấn đề gì. Điều đó sẽ tốt hơn là mặc áo nhà tu mà làm việc sai trái, phá hoại Phật pháp việc này rất không nên. 

Ngày 15 tháng 10 năm 2013



Năm lần bảy lượt khuyên ngăn
Mà tâm vẫn cứ tung tăng theo trần.

- THANH LƯƠNG -



Người mù sờ voi

Trong kinh *Tiểu Bộ*^[1], đức Phật đã kể cho các thầy tỳ kheo nghe về câu chuyện của những người mù sờ voi:

“– *Này các tỳ kheo, thuở xưa cũng tại thành Sāvattthī này, có một ông vua đã cho nhóm họp các người mù lại rồi sai người dắt đến một con voi. Sau*

^[1] ĐTKVN, kinh *Tiểu Bộ I*, kinh Phật Tự Thuyết, chương VI, phẩm Sinh Ra Đả Mù [trích], VNCPHVN ấn hành (2000), trang 241.

khi sờ voi, những người sờ được cái đầu nói con voi như cái ghế; những người sờ được cái tai bảo con voi như cái sàng gạo; những người sờ được cái ngà nói con voi như cái lưỡi cày; những người sờ được cái bụng bảo con voi như cái trống; những người sờ được cái chân nói con voi như cái cột; những người sờ được cái đuôi bảo con voi như cây chổi,... Ai cũng cho nhận thức của mình là đúng, cuối cùng đi đến chỗ cãi nhau, đánh nhau”.

Trong cuộc sống, sự hiểu biết của chúng ta đôi lúc cũng có giới hạn. Mình không chịu mở lòng để tiếp thu những điều hay lẽ phải. Đôi khi, chúng ta chấp vào những hiểu biết hạn hẹp rồi cho rằng mình luôn luôn đúng, từ đó dẫn đến những hành động sai trái. Người ta gọi đó là cố chấp. Điều này rất nguy hiểm, bởi vì chúng ta chẳng khác gì người mù sờ voi, mới hiểu biết được một phần của thế giới chứ chưa thấy được muôn mặt của nó. Chỉ có đức Phật mới thấy được toàn diện, còn cái nhìn của chúng ta chỉ phiến diện trong phạm vi hiểu biết ít ỏi và kiến thức nhỏ hẹp của mình. Do vậy, mình phải lắng nghe: “Lắng nghe để hiểu, nhìn lại để thấy, biết quấy để sửa”.

Chúng ta phải biết lắng nghe, một khi đã cố chấp thì không ai chịu nghe ai. Dù người khác có nói gì chúng ta vẫn cứ nghĩ rằng mình đúng, không chịu mở lòng để tiếp thu ý kiến. Từ đó, sự hiểu biết bị đóng khung trong hạn hẹp, sinh ra hẹp hòi, cố chấp, từ cố chấp sẽ dẫn đến sai lầm. “Lắng nghe để hiểu”. Bản thân thầy cũng phải luôn luôn lắng nghe. Chúng ta chưa phải là bậc Thánh, A La Hán, hoặc Phật nên chắc chắn sẽ còn mắc phải những sai lầm. Người ngoài nhìn vào sẽ thấy được những sai lầm đó. Bản thân mỗi người hay đứng trên cái nhìn chủ quan, nghĩa là luôn cho mình là đúng, nhưng khi người khác nhìn vào sẽ thấy sai. Mình phải nghe để rồi nhìn lại: “Lắng nghe để hiểu, nhìn lại để thấy”, khi biết được những sai trái của mình thì phải sửa, cho nên nói “biết quấy để sửa”.

Nhiều anh em sống với nhau nhưng không biết lắng nghe, làm mai một đi tinh thần “lục hòa” trong sinh hoạt đại chúng. Trong “lục hòa” có kiến hòa đồng giải, tức là chia sẻ sự hiểu biết với nhau. Ý hòa đồng duyệt là ý cùng vui. Chúng ta không nên cố chấp cho mình đúng còn người khác sai, khiến nảy sinh việc tranh cãi hơn thua, gây bất hòa

với nhau. Chúng ta phải biết lắng nghe, ai nói gì thì mình cứ nghe, điều gì người ta nói đúng thì mình sửa đổi, điều nào không đúng thì bỏ qua. Nếu bản thân biết lắng nghe như vậy sẽ có được sự tiến bộ. Nếu người nói mà mình không nghe hoặc chống lại thì khó có thể tiến bộ và không thể tốt hơn được, vì mình đã đóng khung trong sự hiểu biết cố chấp của bản thân.

Ai trong chúng ta cũng phải học, đừng ảo tưởng rằng mình giỏi, ta đây hiểu biết hơn người. Sự hiểu biết của bản thân chỉ gói gọn trong một vấn đề nào đó, giống như anh chàng mù chỉ biết con voi ở bộ phận anh ta sờ trúng mà chưa thấy được hết con voi. Chúng ta phải hiểu được điều này. Sư huynh, sư đệ nào có góp ý, nói gì chúng ta cũng nên lắng nghe.

Những ý kiến của huynh đệ sống chung với nhau đưa ra rất cần thiết, chúng ta nên cố gắng tiếp thu. Nhiều người thất bại là do không chịu lắng nghe, cứ cho rằng mình đúng. Chúng ta thấy sự thất bại của nhiều người đã xảy ra trong quá khứ đều là do không chịu lắng nghe. Anh em sống với nhau, biết anh này đang vướng điều gì và đang

sai ở đâu, nhưng người khác không dám nhắc, vì lúc nhắc không nghe mà còn thù ghét người góp ý. Thí dụ, anh em sử dụng điện thoại di động là vi phạm nội quy, hay có người đang gặp nguy cơ vướng vào sắc dục, nhưng khi nhắc những người đó không chịu nghe, cứ cho mình là đúng. Đến khi hậu quả xảy ra rồi thì mới hối hận.

Có phải do chúng ta không chịu lắng nghe? Nếu biết lắng nghe thì mình đã biết nhìn lại: “Nhìn lại để thấy”, thấy cái sai, cái quấy để sửa. Sống trên đời ai cũng có thiếu sót, quan trọng thấy được để sửa. Đó là người tiến bộ, người tốt. Chúng ta chưa phải là bậc Thánh, đã không phải Thánh thì chắc chắn có sai phạm. Sai phạm mà biết sửa đổi mới là người tốt và đó cũng chính là người biết tu. Tu là sửa! Chúng ta biết sửa đổi mới là người tu.

Mình sống trong tập thể là cơ hội rất tốt để tu tập và sửa đổi những thói hư tật xấu. Nơi đây có “Bồ tát nghìn mắt nghìn tay”, nhiều người nhìn vào mình sẽ thấy được những khiếm khuyết, từ đó họ đóng góp, xây dựng. Giả sử chúng ta sống một mình làm sao có thể thấy cái sai để sửa? Tu với đại chúng có những ích lợi như thế. Mọi người cùng

chăm sóc, bảo vệ cho nhau. Nếu chúng ta không nhận thức được điều đó tức là mình đã phạm phải sai lầm, dần dần tách rời khỏi đại chúng. Mình làm điều tà bậy nên sợ đại chúng biết, sợ người ta thấy. Người chân chính thì vui mừng khi được ở với đại chúng và được đại chúng soi sáng, che chở, bảo bọc. Vì thế, anh em cố gắng nhớ câu: “Lắng nghe để hiểu, nhìn lại để thấy, biết quấy để sửa”. Chỉ bấy nhiêu đó nghe thì thấy dễ nhưng nếu đem ra áp dụng cả đời cũng chưa chắc làm xong. ☁

Ngày 25 tháng 10 năm 2013



Học theo hạnh Phật

Cách đây hai tuần, có một người đàn ông khoảng năm mươi tuổi đến chùa gặp thầy và trình bày sự việc về cậu con trai. Hiện tại, anh ta đang theo học trường Đại học Y Dược năm thứ hai, tính tình rất hiền lành, học giỏi và được các giáo sư bộ môn thương mến. Gần đây, con của ông nghiên cứu về pháp tu khai luân xa, cậu thực hành phương pháp này đã được một thời gian, tự nhiên

bây giờ cậu có những biểu hiện lạ như khó chịu trong người không muốn học và đôi lúc đòi lên núi Cấm để tu.

Ông đã khuyên con trai của mình nhiều lần, nhưng anh không nghe nên ông cảm thấy rất buồn và hoang mang khi con mình dần rơi vào trầm cảm. Ông đến chùa nhờ thầy giúp đỡ cậu con trai cũng như gia đình ông trước hoàn cảnh bế tắc. Sau khi nghe xong, thầy nói: “Đối với vấn đề này, hôm nào ông đưa cậu ấy lên gặp thầy, thầy hỏi xem như thế nào rồi mới có hướng để tư vấn”.

Vài ngày sau, cậu ấy đi với mẹ và hai người thân đến gặp thầy, nhìn cậu cao ráo, đẹp trai, gương mặt sáng. Thầy hỏi nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng như hiện nay. Cậu trình bày:

– Dạ, con đang tu theo pháp khai luân xa, pháp tu này khai bảy luân xa trong cơ thể.

Thầy hỏi tiếp:

– Vậy mục đích của chú khi tu pháp khai luân xa để làm gì?

Cậu trả lời:

– Thứ nhất, là để có sức khỏe. Thứ hai, có được năng lực thần thông. Thứ ba, để được tiếp xúc với

các đấng bề trên.

Cậu nói tiếp:

– Hiện tại, con đã khai được luân xa ở trên đầu, nhưng cái xương sọ của con giờ đã bị nứt ra và đầu cảm giác cứ quay như chong chóng.

Sau đó, cậu ta hỏi lại:

– Không biết bây giờ con phải làm thế nào để có thể chấm dứt tình trạng này?

Thầy nói:

– Vấn đề chú nói là đã khai được luân xa trên đầu và xương sọ lại bị nứt ra là một điều không hợp lý. Chú là người học về y khoa, là một bác sĩ tương lai chú phải biết rõ điều này. Nếu xương sọ nứt thì làm sao con người sống được, chẳng qua đó chỉ là ảo giác chú không phải thật. Bây giờ chú nên thay đổi tư tưởng và có suy nghĩ khác, đừng tập trung vào chuyện ở trên đầu mình nữa mà hãy chuyển tâm ý qua chỗ khác. Thí dụ, sở thích của chú ở ngoài là xem phim, nghe nhạc, xem những vở kịch hài, chơi thể thao,... Khi có sở thích, đam mê lành mạnh chú sẽ quên đi chuyện đầu của mình bị nứt hay quay như chong chóng. Thầy cũng chỉ biết khuyên như vậy, còn nếu chú muốn tu tập thì nên

lạy sám hối thêm, lạy càng nhiều càng tốt. Lạy như vậy vừa có sức khỏe cho thân tâm, cũng không còn tập trung vào cái đầu, lâu dần nó sẽ hết.

Thật ra, đây chỉ là biện pháp gợi ý sơ khởi, thế nhưng trên thực tế thì vấn đề này rất khó giải quyết. Bởi vì, khi chúng ta tu một pháp môn nào đó mà không nắm vững lý thuyết dẫn đến thực hành sai sẽ rất nguy hiểm. Những pháp tu như thế này đòi hỏi phải có một vị thầy là người đi trước, đã từng thực hành và có kinh nghiệm biết được chỗ nào vướng mắc, sai lầm, hay diễn biến việc tu hành của mình như thế nào để hướng dẫn. Đằng này mình cứ xem sách rồi làm theo, hay nghe theo những vị thầy chưa đủ trình độ, đến khi gặp vướng mắc không biết phải hỏi ai, khi không có thầy giỏi để hướng dẫn, mình dễ rơi vào tình trạng tâm thần, điên khùng,... cậu này cũng đang vướng vào tình trạng như vậy.

Nếu không chữa trị kịp thời, trải qua thời gian dài những nạn nhân của phương pháp thực tập này sẽ trở thành người tâm thần, điên khùng, mất trí. Cậu ấy nói bây giờ đầu quay như chong chóng, nhiều lúc không biết, không nhớ chuyện gì. Chúng

ta thấy lúc đầu mục đích tu là để có sức khỏe, sau đó muốn có thần thông nhưng thần thông đâu không thấy mà giờ thấy đổ bệnh, thứ ba là để tiếp xúc được với các đấng bề trên,... Như vậy, mục đích tu ban đầu của cậu giờ trở thành vô nghĩa, không có kết quả, ngược lại còn hại cả thân tâm. Ngay như trong Phật giáo của chúng ta có pháp tu gọi là Mật tông, thực hành trì chú, bắt ấn,... Nhiều người trì chú, bắt ấn lâu dài rơi vào tình trạng nghe được những thứ âm thanh lạ, từ đó đâm ra hoảng loạn, có người thấy ma quỷ nhiều quá nên sợ hãi,...

Pháp môn tu tập mà đức Phật dạy cho chúng ta rất đơn giản, đem lại kết quả an lạc ngay trong hiện tại, hoàn toàn không có hại cho thân tâm, đó là phương pháp chính niệm tỉnh giác và hành thiền theo dõi hơi thở. Khi hít vào, mình biết đang hít vào, khi thở ra, mình biết đang thở ra, chỉ có bấy nhiêu. Nếu người tu có chính niệm tỉnh giác xuyên suốt như vậy trong một thời gian dài, tâm sẽ được định, khi đã có định sẽ phát sinh tuệ. Một phương pháp rất đơn giản, dễ dàng thực tập, không có nguy hại gì, thế nhưng mình lại không thích tu.

Chúng ta thường nghĩ rằng: “Cứ ngồi thở vào,

thở ra như vậy đâu có lợi ích, phải tu như thế nào để thấy được Phật xuất hiện, có hào quang xẹt xẹt mới hấp dẫn, hoặc phải xuất hồn được, hay có thần thông để biết quá khứ, vị lai mới gọi là tu. Rất nhiều người tu bây giờ nghĩ như vậy. Mình có tư tưởng và quan niệm không đúng về việc tu tập, dẫn đến thực hành sai lạc rồi bị ma quỷ dẫn đi lúc nào không biết. Pháp tu mà đức Phật dạy không phải như vậy, nếu chúng ta còn hướng ra bên ngoài để tìm cầu thì đó là tà đạo. Trong kinh *Kim Cang* có câu:

*“Nhuộc dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhân hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai”.*

Được hiểu: “Nếu dùng sắc để thấy ta, lấy âm thanh để cầu ta, thì người đó hành tà đạo, không bao giờ thấy được Như Lai”. Pháp tu đức Phật dạy rất dễ, không có hại cho thân tâm và đem lại kết quả thù thắng ngay trong hiện tại. Chúng ta cứ suy nghĩ thật đơn giản là trong khi ngồi thiền mình chỉ tập trung việc theo dõi hơi thở vào và ra. Nếu tu tập đến một trình độ nhất định khi vào được

đại định thì tự khắc mình sẽ có thần thông, trí tuệ, phiền não vi tế sẽ không còn và rất nhiều điều mà mình không cần mong cầu sẽ đến.

Những pháp bên ngoài, người ta tu là hướng mình mở luân xa này, luân xa kia, khi luân xa khai sẽ được tiếp xúc với Thượng đế hay có thần thông. Mình nghĩ tu là để có được cái gì đó phi thường, khác người. Trước đây, có pháp tu xuất hồn của ông Lương Sĩ Hằng, nhưng xuất hồn để làm gì? Có người trì chú để mong thấy đức Phật hay gặp được Bồ tát, có năng lực này, năng lực kia,... Nhưng tất cả điều đó đều là huyền mộng, chúng không giúp ta đoạn trừ tham, sân, si, phiền não. Người tu học Phật pháp nếu tu đúng thì chỉ có một mục đích duy nhất là khai trí tuệ, hướng đến con đường giác ngộ giải thoát, thành tựu Phật quả chứ không phải để có được thần thông diệu dụng hay năng lực thần kỳ.

Khi thầy khuyên cậu ấy: “Bây giờ cố gắng hướng về chuyện khác, đừng tu tập theo pháp môn này nữa”. Cậu ta nói: “Bây giờ con muốn đi lên núi Cấm để tu”. Thầy bảo: “Cũng được, nhưng bây giờ trước nhất là phải điều trị cho dứt bệnh

này đi đã, để tình trạng lơ lơ lửng lửng như thế thì không được, không có tinh thần tu tập mà lên núi Cấm chưa chắc có chùa nào nhận”.

Qua câu chuyện của cậu sinh viên này, chúng ta rút ra cho mình một bài học rất quý giá là khi muốn tu tập một pháp môn nào đó cần phải có thầy giỏi để hướng dẫn, không phải cứ đọc được một cuốn sách thấy hay rồi làm theo, không biết những điều nguy hại cũng như những vấn đề thực tế có thể gặp phải. Đối với người tu học Phật pháp, khi muốn tu một pháp môn nào mình nên gặp vị bổn sư để hỏi, không nên tùy tiện thấy người khác nói hay rồi làm theo. Nghe tu pháp này được thần thông, pháp kia thấy Phật xuất hiện, hay tu để xuất hồn, để chữa được bệnh thì thấy ham thích, nhưng mình làm theo không cẩn thận sẽ rơi vào tình trạng như cậu thanh niên trên, lúc đó rất nguy hiểm.

Pháp môn mà chúng ta đang tu tập rất đơn giản, thí dụ như mình niệm Phật thì cứ nhớ Phật, học theo hạnh của Phật và làm theo những điều Phật dạy, khi tu đúng sẽ có kết quả ngay. Còn nếu tu theo pháp chính niệm tỉnh giác, theo dõi hơi

thở thì đó là pháp môn tuyệt vời nhất. Đức Phật đã từng thực tập như thế và có kết quả, Ngài dạy thì mình nên thực hành theo. Chính niệm tỉnh giác, theo dõi hơi thở là pháp môn không có hại, cũng không sợ bị sai lạc, đồng thời là một phương pháp vừa bảo đảm an toàn lại có kết quả mà chúng ta không chịu tu. Chúng ta thường có xu hướng chọn những pháp môn tu khác người và muốn có kết quả ngay tức khắc. Khi nghe nói quán niệm hơi thở vào ra thì thấy quá bình thường vì nghĩ con người ai mà không thở, còn khi nghe ráng tu niệm Phật để mai sau thấy Phật xuất hiện thì thích, hoặc tu pháp môn niệm Phật để có thần thông là mê,... Như vậy chúng ta sẽ dễ rơi vào tà đạo và kết quả bị ma dẫn dắt lúc nào không hay. 

Ngày 17 tháng 9 năm 2015





Tam thời hệ niệm

Chiều hôm qua, có một Phật tử đến chùa Hoàng Pháp xin được tổ chức pháp hội Tam thời hệ niệm. Chú này nói: “Trong năm nay, nếu chùa mình sắp xếp được thời điểm thuận lợi, xin thầy cho phép chúng con tổ chức Tam thời hệ niệm trong một ngày”. Sau đó, chú đưa thầy hai cái đĩa DVD ghi lại hình ảnh tổ chức Tam thời hệ niệm. Một buổi lễ được tổ chức ở Quảng Trị thầy đã

xem sơ qua, còn một buổi lễ được tổ chức ở Huế thì thầy chưa xem. Chú còn nói rằng: “Nếu chùa đồng ý cho tổ chức thì con sẽ lo hết các vấn đề: thỉnh mời, cúng bái, lễ lộc,... Chùa không phải bỏ ra bất kỳ chi phí nào”. Ngày tổ chức Tam thời hệ niệm bao gồm các chương trình: tụng kinh, niệm Phật và hai thời thuyết pháp. Mục đích của Tam thời hệ niệm là cầu nguyện quốc thái dân an, đặc biệt siêu độ cho các vong linh và gần giống như việc tổ chức Trai đàn chẩn tế, chủ yếu là để cầu siêu cho người chết.

Vấn đề này thầy nói sẽ bàn bạc lại với chư Tăng trong bốn tự. Khi xem qua nội dung đĩa DVD mà chú Phật tử đã đưa. Thầy nhận thấy, trong buổi lễ này các thầy tham dự đắp y màu nâu có viền, giống với Pháp phục của chư Tăng Trung Quốc, Đài Loan. Phật tử mặc áo nâu tay chùng cũng giống như Phật tử Trung Quốc. Thông thường, người Trung Quốc khi lạy xuống xong họ đưa hai tay lên trán, các thầy và Phật tử ở đây cũng bắt chước y chang như vậy. Nói chung, Tam thời hệ niệm tuy được tổ chức ở Việt Nam nhưng đã sao chép gần giống pháp hội của người Trung Quốc từ cách

ăn mặc cho đến các nghi thức, lễ lạy, tụng kinh,... Thực tế cho thấy, đây gần như là một buổi lễ của người Trung Quốc chứ không phải của người Việt Nam. Trong khi đó, Phật giáo Việt Nam vẫn có những y phục và nghi thức mang bản sắc dân tộc, mình không cần phải rập khuôn như vậy.

Điều này làm chúng ta cảm thấy không vui, mình cần phải nhìn nhận lại rõ ràng. Nếu tổ chức Tam thời hệ niệm ở Việt Nam, các thầy có thể áp dụng những nghi thức, cách lễ lạy và y phục của riêng mình. Chư Tăng không nhất thiết phải đắp y màu nâu, Phật tử không bắt buộc phải mặc áo nâu chùng tay, chúng ta không cần sao chép cách thức, lễ nghi hoàn toàn giống Trung Quốc. Mình học những điều hay, nhưng không phải bắt chước y nguyên của người ta.

Mỗi quốc gia có một nền văn hóa riêng, thể hiện bản sắc dân tộc của quốc gia đó. Trong Phật giáo cũng vậy, cùng một mục tiêu là hướng đến giác ngộ giải thoát, nhưng cách thức tụng niệm, y phục, lễ nghi, kiến trúc chùa chiền của Phật giáo Nhật Bản khác với Phật giáo Hàn Quốc, Phật giáo Đài Loan, Phật giáo Thái Lan,... Việt Nam

của chúng ta cần phải giữ lại những nét riêng để không bị pha tạp.

Trước đây, đã có một số người đến chùa Hoàng Pháp đề nghị tổ chức Tam thời hệ niệm, nhưng quý thầy đều từ chối, mình từ chối trực tiếp như vậy cũng làm người khác không vui. Trên thực tế, chùa mình ngày nào cũng có tụng kinh, niệm Phật, thuyết pháp, đâu cần phải tổ chức Tam thời hệ niệm thì mới thực hiện được những việc này. Chẳng qua, đó chỉ là những hình thức hướng mọi người đến với Phật pháp, còn thực tế kết quả như thế nào, người âm có siêu được hay không thì mình không thể biết được. Những người còn sống có đầy đủ nhận thức, biết suy nghĩ và tư duy mà chúng ta còn khó khuyên nhủ, khó hướng dẫn tu tập thì làm sao biết được chuyện của người chết ra sao.

Trong kinh *Tương Ưng Bộ*, đức Phật đã trả lời về việc cầu nguyện cho thôn trưởng Asibandhakaputta: “*Một thời, Thế Tôn trú ở Nālandā, tại rừng Pāvārikamba, có vị thôn trưởng Asibandhakaputta đi đến đảnh lễ rồi bạch Thế Tôn:*

– *Bạch Thế Tôn, các vị Bà la môn có thể cầu*

nguyện cho một người đã chết bằng cách kêu tên vị ấy lên và dẫn vị ấy vào thiên giới?

– Nay thôn trưởng, ông nghĩ thế nào khi có một người sát sinh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, vọng ngữ, tham lam, sân hận, tà kiến; khi người ấy mạng chung, mọi người tụ họp cầu khẩn, mong rằng người này được sinh về thiên giới? Nay thôn trưởng, ví như có người lấy một tảng đá lớn ném xuống hồ sâu, rồi tụ họp lại cầu khẩn, mong rằng tảng đá hãy nổi lên. Ông nghĩ thế nào, tảng đá ấy do nhân duyên cầu khẩn mà có thể nổi lên không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, những người sống theo ác hạnh như trên, khi mạng chung dù được cầu nguyện sinh thiên giới nhưng vẫn phải đọa vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ”^[1].

Qua đó, chúng ta thấy mọi chuyện tùy thuộc vào “nhân” và “duyên”, mình không thể cầu nguyện để được như ý muốn. Theo tinh thần Phật giáo Đại

^[1] ĐTKVN, kinh Tương Ưng Bộ IV, chương VIII, phần Người Đất Phương Tây Hay Người Đã Chết [trích], VNCPHVN ấn hành (2001), trang 488.

thừa, vì phương tiện độ sinh nên chư Tổ khai triển cách này, cách kia để dẫn dắt mọi người đến với Phật pháp. Trên thực tế, đức Phật không phải là ông Thần có thể thưởng người này hay phạt người khác. Nếu có thể cầu cho người khác được siêu thoát, đức Phật không cần dạy chúng ta tu mà cứ sống thoải mái, mai này chết đã có Phật rước, khỏi phải tu cho cực. Phật chỉ khuyên tu, không khuyên làm những chuyện mê tín dị đoan đưa con người càng ngày càng xa Chính pháp, không đúng với mục đích của người tu học Phật pháp.

Sau này, anh em lớn lên sẽ học được nhiều điều, nghiên cứu về lịch sử phát triển của Phật giáo, tìm hiểu kỹ về tư tưởng của các bộ phái, so sánh những giáo lý được hình thành đời sau và những lời dạy nguyên thủy của đức Phật. Lúc đó, có khi chúng ta sẽ cảm thấy vô cùng bất ngờ và đôi lúc mất lòng tin vào những điều mình được biết trước đây, thậm chí không còn muốn tu tập những pháp mà mình đã từng thực hành, bởi vì thấy có quá nhiều điều sai lạc mà trường hợp này được gọi là “sở tri chướng”.

Những gì đức Phật thuyết pháp khi còn tại thế

không được ghi chép lại, lời dạy của Ngài được chư Tăng truyền miệng suốt mấy trăm năm. Kinh điển được ghi chép ra giấy sau hai trăm đến ba trăm năm kể từ khi đức Phật nhập Niết bàn. Như vậy, nguồn gốc kinh điển Nguyên thủy đã không chắc chắn là hoàn toàn chính xác, chưa nói đến những bài kinh được người đời sau tạo ra dựa trên nguồn giáo lý sẵn có, thêm thắt vào đó những tu tưởng cá nhân để phù hợp với xã hội đương thời. Giáo lý phát triển có nhiều điểm khác so với giáo lý ban đầu.

Nói tu để được thành Phật thì có người sợ khó nên họ sẽ không chịu tu, nhưng nói cố gắng niệm Phật để được vãng sinh về với Phật thì họ lại thích. Cho nên, những gì thuộc về lợi tha chẳng qua chỉ là phương tiện độ sinh, mình phải hiểu được điều này. Nghiên cứu một cách rất ráo, chúng ta sẽ nhìn ra được những điều rất khác biệt so với thực tế.

Khi hoằng pháp mình không nên chú trọng vào những hình thức hay hướng ngoại quá nhiều, dần dần chúng ta cần phải đưa Phật tử hướng nội, biết quay về bên trong và quán sát nội tâm để tu tập. Có những lúc chúng ta cũng cần dùng

đến phương tiện, vì không làm như vậy thì họ sẽ không đến chùa. Nhưng dần dần, chúng ta phải hướng mọi người vào Chính pháp. Mình khuyên Phật tử niệm Phật A Di Đà để được vãng sinh, nhưng mình phải nói cho họ hiểu niệm Phật là một pháp tu. Nhờ niệm Phật mà mình không niệm ma, không có những ý nghĩ xấu. Tâm hướng về điều tốt đẹp, thanh tịnh.

Lúc đầu thì họ tin tưởng niệm Phật để được vãng sinh. Đó là điều tốt, nhưng dần dần mình hướng họ hiểu niệm Phật là để chuyển hóa phàm tính, tâm ô nhiễm, chuyển hóa được vọng tưởng điên đảo. Chúng ta phải biết cái gì là gốc, là chân lý; cái gì là phụ, là phương tiện. Người tu cần phải bám vào mục đích chính là chuyển hóa phiền não và giữ ba nghiệp được thanh tịnh, nếu không hiểu rõ thì suốt ngày van xin cầu khẩn, từ đó rất dễ rơi vào cực đoan và mê tín.

Hôm trước thấy có kể về một ông tu theo đạo Dừa hai mươi hai năm trên núi, bảy năm tịnh khẩu, bảy tháng không ăn, rốt cuộc cũng chẳng được gì. Mình phải hiểu chữ tu cho rõ ràng, không phải ngồi đó chờ đức Phật đến rước.

Chùa mình chú trọng vấn đề là làm sao giúp cho người còn sống biết tu, còn tổ chức những nghi lễ dành cho người chết chỉ là phương tiện, đó không phải là mục đích. Ngoài miền Trung có nhiều nơi Tam thời hệ niệm rất thịnh hành, Trai đàn chẩn tế, cô hồn được tổ chức rộng rãi, hết chùa này đến chùa kia lập đàn, còn việc hướng dẫn tu tập thì lại không được chú trọng.

Chú Phật tử rất mong muốn được thực hiện Tam thời hệ niệm tại chùa Hoàng Pháp. Hằng ngày, chùa mình tụng kinh, niệm Phật, thỉnh thoảng cũng có thuyết pháp, những việc làm này đều hồi hướng cho những người mất, như vậy là đầy đủ rồi không cần phải bày vẽ thêm nữa.

Thật ra, chùa mình không có thời gian, cũng ít khi tổ chức những buổi lễ như vậy, hạn chế việc cúng bái chừng nào thì tốt chừng đó. Mục đích chính của chùa Hoàng Pháp là hướng dẫn mọi người tu tập đúng theo lời đức Phật dạy. Nếu lúc sống chúng ta không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu thì cũng giống như dầu nổi trên mặt nước, đâu có sợ bị dọa vào cảnh giới xấu. Mình làm nhiều tội ác, phá giới phạm dâm, giống

như đá chìm dưới sông thì có cầu nguyện cũng
chẳng thể nổi lên được. Tất cả đều do mình, gieo
nhân nào gặt quả đó. 

Ngày 19 tháng 2 năm 2014



Cúng cơm nên hay không?

Trong kinh *Tăng Chi Bộ*^[1] có chép: “Một hôm, có người Bà la môn đến gặp đức Phật, ông ta bạch rằng mình có những người thân đã chết, nếu ông làm những việc bố thí và tổ chức nghi lễ cúng cho người chết thì người chết có được hưởng lợi ích gì hay không? Đức Phật trả lời: Nếu có tương ứng

^[1] ĐTKVN, kinh *Tăng Chi Bộ* IV, chương X, phẩm Janussoni, phần Janussoni, VNCPHVN ấn hành (2003), trang 595.

xử thời có lợi ích, không có lợi ích nếu không có tương ứng xử”. Nghĩa là nếu người chết đọa địa ngục, làm súc sinh, hay sinh lên cõi trời, cõi người, việc cúng lễ không có lợi ích, vì những nơi đó không tương ứng xử. Nếu người chết đọa làm ngựa quỷ mới tương ứng xử và hưởng được lợi ích từ việc bố thí.

Qua đây, chúng ta thấy rất rõ một người sau khi chết nếu tái sinh làm người, sinh lên cõi trời hoặc đọa vào địa ngục, làm súc sinh thì việc cúng cơm sẽ không có tác dụng, ngoại trừ trường hợp những người bị đọa làm ngựa quỷ mới hưởng được. Vì thế, đối với người chết vào những ngày giỗ chúng ta chỉ nên làm lễ Tưởng niệm. Thực tế, chỉ những người xuất gia mới làm lễ Tưởng niệm, còn đối với người tại gia thì phần lớn vào ngày giỗ họ giết con vật này con vật kia để cúng, làm như vậy vô tình tạo thêm ác nghiệp cho mình, người chết lại không được lợi ích. Chỉ có những người bị đọa vào loài ngựa quỷ mới hưởng được lợi ích, thế nhưng không ai mong muốn người thân của mình sau khi chết đọa làm ngựa quỷ. Vì vậy, người Phật tử và cả những vị xuất gia cần phải có chính kiến trong việc này.

Ở nhiều ngôi chùa, vị Hòa thượng khai sáng hay trụ trì đời trước dù đã tịch năm năm, mười năm, hai mươi năm... Thế nhưng, đệ tử của các ngài vẫn còn cúng cơm. Thấy không hiểu cúng như vậy để làm gì? Không lẽ mình mong muốn thầy Tổ đọa làm ngạ quỷ hay sao? Việc bày ra cúng cơm chỉ thêm rườm rà mà không có ý nghĩa. Bởi vì cúng cơm chỉ có loài ngạ quỷ mới hưởng được! Đây là điều đức Phật đã nói, không phải thầy nói. Đúng ra, những vị xuất gia phải hiểu rõ vấn đề này.

Chùa Hoàng Pháp vào ngày lễ Giỗ Tổ khai sáng, không cúng cơm mà chỉ làm lễ Tưởng niệm. Thầy đi dự lễ Giỗ Tổ ở nhiều chùa thấy bày ra cúng cơm, tụng kinh hết cả buổi. Những nghi thức cúng của các vị ấy rất cầu kỳ và rườm rà. Cho nên, chư Tăng chùa mình phải có chính kiến trong vấn đề này. Sau này, nếu thầy có mất mong huynh đệ không cúng cơm. Thấy nghĩ rằng với sự tu tập của bản thân cũng như những việc thiện mình đã làm, sau khi mất không đến nỗi phải bị đọa làm ngạ quỷ để mong chờ đệ tử cúng cơm cho ăn. Việc cúng cơm chỉ là hình thức để con cháu tưởng nhớ đến ông bà, cha mẹ; đệ tử tưởng niệm thầy Tổ của mình. Thế nhưng, người

ngoài đời không hiểu như vậy nên ngày giỗ ông bà, cha mẹ, con cháu kéo về tổ chức giết gà, giết vịt,... cùng nhau ăn uống, lại tạo thêm nghiệp sát sinh.

Hôm trước, thầy đã kể cho đại chúng nghe một câu chuyện vui, nhưng có khi đó lại là sự thật có thể đang xảy ra ngay trong hiện tại. Vào ngày giỗ cha, người con mua một con gà về giết để cúng cơm cho cha, không ngờ con gà đó lại chính là cha của mình đi đầu thai. Vào ngày giỗ cha, người con giết cha để cúng cha. Sau khi cúng xong, con cháu quây quần lại ăn thịt cha, ăn thịt ông của mình. Luật nhân quả trả vay tuần hoàn, chúng ta không thể biết được chuyện đời trước đời sau như thế nào, nếu ông bà, cha mẹ của mình không tu rất dễ bị đọa làm súc sinh.

Vì vậy, những người xuất gia nên bỏ hình thức cúng cơm cho thầy Tổ. Chúng ta chỉ nên làm lễ Tưởng niệm, việc làm này có ý nghĩa hơn rất nhiều. Nếu chúng ta muốn thể hiện tấm lòng của mình đối với người đi trước và làm tấm gương cho thế hệ sau noi theo thì mình phải sống sao cho xứng đáng, đem lại lợi ích cho Phật pháp, cho chúng sinh, để sau khi chết những đệ tử khi đọc lại tiểu sử một

đời của thầy mình sẽ cảm thấy tự hào. Giống như Sư Tổ của chúng ta, dù ngài đã tịch nhưng khi đọc lại tiểu sử của ngài, thầy cảm thấy rất tự hào, từ đó rút ra được rất nhiều bài học cho bản thân. Tại sao ngày lễ Tưởng niệm đức Phật Thích Ca nhập Niết bàn không ai cúng cơm, mà lễ giỗ thầy Tổ lại cúng cơm? Cho nên, dần dần chúng ta phải xóa bỏ những nghi thức cúng bái không có ý nghĩa đó. Chúng ta không nên thấy người đi trước làm sao mình làm theo đúng như vậy mà không có sự suy xét kỹ. Ngày giỗ chúng ta chỉ cần làm lễ Tưởng niệm, tụng kinh và đọc tiểu sử là đủ.

Do vậy, không chỉ những người xuất gia mà cả những Phật tử tại gia cũng nên có chính kiến về việc này. Đối với cư sĩ tại gia vào những ngày giỗ ông bà hay cha mẹ, chúng ta cũng chỉ nên làm lễ Tưởng niệm, họp mặt con cháu để nhớ lại công ơn ông bà, cha mẹ. Chúng ta không nên giết hại các con vật để cúng cho ông bà, cha mẹ vì làm như vậy vô tình chúng ta phạm tội sát sinh, không có lợi cho người sống và cả những người đã chết. Nếu có cúng cơm chỉ nên làm cỗ chay là tốt nhất. 🌀

Ngày 12 tháng 3 năm 2014



Về mái nhà chung

Trong kinh *Trung A Hàm*^[1] có một bài kinh tên *Thị Giả*. Bài kinh này kể lại một sự việc như sau: “Khoảng hai mươi năm sau khi đức Phật thành tựu đạo quả, Ngài mới có thị giả chính thức. Thời gian trước đó, chư Tăng thay phiên nhau phụ giúp công việc cho đức Phật. Thế nhưng, thỉnh thoảng

^[1] ĐTKVN, kinh *Trung A Hàm I*, phẩm Vị Tăng Hữu, kinh *Thị Giả*, VNCPHVN ấn hành (2002), trang 413.

cũng xảy ra tình trạng người phụ giúp công việc lấy cắp đồ dùng của Ngài, đem cả bình bát đi. Sau đó, đức Phật muốn tìm một thị giả kế cận thường xuyên. Rất nhiều người phát tâm làm thị giả nhưng đức Phật không đồng ý, Ngài chỉ muốn A Nan làm thị giả.

Mục Kiền Liên biết được ý nguyện của đức Phật, ngài cùng với các bậc trưởng thượng đến động viên A Nan làm thị giả. Lúc đó, A Nan đồng ý đưa ra ba điều kiện. Một là không dùng những y phục của đức Phật, cho dù đó là y phục cũ. Hai là không dùng thức ăn biệt thỉnh, nghĩa là không thọ trai riêng với đức Phật. Ba là không gặp riêng, nghĩa là chỉ gặp đức Phật vì những công việc chung, không gặp phi thời. A Nan đưa ra những điều kiện trên để cầu thỉnh, đức Phật đồng ý thì A Nan mới dám làm thị giả, còn không thì A Nan xin khước từ. Các vị Trưởng lão trình sự việc lên đức Phật, Ngài rất hoan hỷ. Từ đó, A Nan làm thị giả cho đức Phật đến khi Ngài nhập Niết bàn”.

Chúng ta nghe câu chuyện này cảm thấy rất lạ. Những người gặp được đức Phật lúc Ngài còn tại thế là có rất nhiều căn lành và phước đức, nhưng

cũng có những thành phần trà trộn vào Tăng đoàn, làm thị giả rồi lấy cắp y bát của đức Phật đem đi. Qua đó, chúng ta thấy trong một đoàn thể tốt đẹp vẫn có những người xấu, những hạt sạn pha lẫn lộn. Thời đức Phật còn như vậy, huống gì thời đại của chúng ta, chắc chắn còn nhiều trường hợp lợi dụng vào Tăng đoàn với mưu đồ bất chính, không thể tránh khỏi chuyện này.

Đối với việc lựa chọn thị giả, tại sao đức Phật lại chọn A Nan? Bởi vì ngài có trí nhớ rất tốt, những gì đức Phật thuyết giảng A Nan đều ghi nhớ. Ngày nay, chúng ta biết được những bài pháp của đức Phật phần lớn nhờ vào A Nan thuyết lại. Kinh sách bây giờ rơi vào tình trạng “tam sao thất bản”. Thời đức Phật cách chúng ta hơn hai nghìn năm, do vậy những lời dạy của Ngài được lưu truyền qua nhiều đời, đã không còn giữ được nguyên bản như ban đầu.

Kỳ kết tập kinh điển lần đầu tiên được diễn ra sau khi đức Phật nhập Niết bàn ba tháng tại hang Thất Diệp do năm trăm vị A La Hán kết tập, ngài Ca Diếp hỏi còn ngài A Nan đáp về pháp, ngài Ưu Ba Ly đáp về luật. Sau khi đức Phật nhập diệt khoảng

một trăm năm, còn vài vấn đề tranh cãi về giới luật, kỳ kết tập kinh điển lần thứ hai được diễn ra, từ đó hình thành nên Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ. Khoảng hai trăm ba mươi sáu năm sau khi Phật nhập diệt, chư Tăng các bộ phái xảy ra sự bất đồng về kinh điển, các vị Thánh Tăng lại tổ chức đại hội kết tập kinh điển lần thứ ba, dưới sự giúp đỡ của Vua A Dục. Sau một thời gian loạn lạc và đói kém, vào năm 83 trước Tây lịch, tại Sri Lanka có diễn ra một kỳ kết tập kinh điển, lúc này chư Tăng nhận thấy số lượng phạm Tăng nhiều hơn Thánh Tăng, những lời dạy của đức Thế Tôn sẽ dễ bị thất truyền nên các vị ghi chép lại trên lá bối, đây là lần đầu tiên kinh điển được ghi ra bằng chữ viết. Trong những giai đoạn trước đó, chư Tăng chỉ học thuộc lòng rồi truyền miệng. Thí dụ, trong kỳ kết tập lần đầu tiên ngài A Nan tụng kinh và ngài Ưu Ba Ly tụng luật cho đại chúng nghe. Thời đó, các bậc A La Hán có trí nhớ rất tốt nên chia ra từng nhóm học thuộc lòng những bài kinh và luật, cứ như thế truyền miệng cho đệ tử.

Như vậy, những lời kinh chúng ta tụng đọc ngày nay không thể bảo đảm độ chính xác hoàn

toàn theo đúng lời đức Phật dạy như lúc Ngài còn tại thế. Vài trăm năm sau khi đức Phật nhập diệt, kinh luật mới được ghi chép lại, chắc chắn sẽ có những dị bản. Ngay như thời đức Phật, nếu Ngài giảng có người chép thành văn thì đến thời mình cũng sẽ có khá nhiều sai sót. Huống gì, đức Phật chỉ thuyết giảng, sau đó ngài A Nan nhớ rồi đọc lại theo hình thức truyền miệng, vài trăm năm sau mới ghi chép thành kinh sách. Phật giáo Nguyên thủy căn cứ theo năm bộ *Nikāya*, Phật giáo Đại thừa dựa vào bốn bộ *A Hàm*, đó là những lời dạy tương đối Nguyên thủy, có lịch sử và nguồn gốc rõ ràng và chưa bị pha tạp bởi nhiều tư tưởng khác.

Những bộ kinh Đại thừa mà chúng ta đang tụng đọc xuất hiện sau khi đức Phật nhập diệt vài trăm năm. Đạo Phật cũng giống như một cái cây. Khi cây lớn lên phải ra cành, ra hoa và ra lá. Nếu cây đứng mãi mà không phát triển được xem như cây đã chết. Như vậy, Phật giáo Đại thừa có nguồn gốc từ Phật giáo Nguyên thủy phát triển lên, không có gì sai khác trong giáo lý căn bản để đưa đến giải thoát. Đó là quan điểm của những nhà nghiên cứu Phật giáo Đại thừa.

Nếu nghiên cứu, chúng ta sẽ thấy những bộ kinh Đại thừa tuy xuất hiện sau này, nhưng không đi ngược lại với tinh thần Phật dạy trong kinh điển Nguyên thủy. Do vậy, người tu đôi lúc phải biết lấy những giáo lý căn bản làm gốc, nếu không khéo, dần dần mình rơi vào ngoại đạo, rời xa Chính pháp của đức Phật. Chính pháp của đức Phật căn cứ vào Tứ diệu đế, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đó là những pháp môn căn bản. Đại thừa sau này tùy theo căn cơ cũng như nghiệp lực của chúng sinh mà triển khai những pháp môn, phương tiện để hóa độ. Chẳng hạn như Mật chú của Phật giáo Tây Tạng đang sử dụng, Trung Quốc và Việt Nam gọi là Mật tông, thật ra cũng phát triển từ sự chính niệm tỉnh giác trong giáo pháp Nguyên thủy. Họ đưa ra phương pháp thực tập này là những phương tiện thiện xảo, nhưng từ những phương tiện đó có thể dần dần làm lệch lạc đi cái gốc ban đầu và sai với Chính pháp.

Hiện nay, có rất nhiều pháp môn không phù hợp với tinh thần Tứ diệu đế, Bát chính đạo. Chúng ta phải biết truy nguyên về nguồn gốc và lấy đó làm nền tảng, nếu không mình tu dần dần sẽ sai

lạc, rơi vào thần quyền, mê tín dị đoan. Chúng ta nghiên cứu lịch sử Phật giáo cho nghiêm túc sẽ thấy được điều này. Đôi khi, mình tìm hiểu cặn kẽ kinh điển Nguyên thủy rồi mất niềm tin với những pháp môn đang tu tập. Bởi vì, mình biết đó là những pháp môn xuất hiện sau khi đức Phật nhập Niết bàn, do các nhà Phật giáo Đại thừa phát triển và sáng tác, không phải là phương pháp thực tập được đức Phật nói ra, được chư Tăng thời Phật tại thế tu tập.

Nếu căn cứ vào các bộ kinh *Nikāya* hay *A Hàm*, trong đó cũng có tư tưởng tha lực và những phép thần thông, nhưng hiểu ở khía cạnh khác. Sau này, các nhà Phật giáo Đại thừa khai thác và phát triển theo cách của các ngài. Bởi vì căn cơ người đời sau không được bén nhạy, tầng lớp bình dân trong xã hội khó có thể tiếp thu được những giáo lý nguyên thủy như Tứ niệm xứ hay Bát chính đạo. Cho nên, các ngài phải triển khai những pháp môn cầu tha lực để tạo niềm tin, từ đó họ dễ tu hơn. Mình khuyên người ta cầu Phật gia hộ, họ sẽ cảm thấy có chỗ dựa tinh thần, từ đó tinh tấn tu hành. Chúng ta nói Phật cũng là một con người

bình thường nhưng đã giác ngộ, Ngài chỉ dạy cho chúng ta phương pháp tu hành, nếu tu tập đúng sẽ thành Phật, tự mình chuyển hóa chứ không ai độ cho mình thì họ sẽ không tha thiết lắm! Người ta thích đến chùa cầu xin hơn là tự tu, còn nói Phật trong tâm, cầu an, cầu siêu là phương tiện giúp an tâm thì họ lại không muốn nghe. Cho nên, đó là những phương tiện chư Tổ đưa ra giúp chúng sinh thời mạt pháp có niềm tin đối với Phật pháp mà tu tập. ☁

Ngày 14 tháng 3 năm 2014



Núi không ngăn được mây bay
Sắc không ngăn được tâm này tự do.

- THANH LƯƠNG -



Giải thưởng bộ phim “Con đường giác ngộ”

Hôm qua, thầy đi Phật sự và nhận được điện thoại của thầy Nhật Từ. Thầy ấy nói, vừa rồi tại Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc ở chùa Bái Đính, Ninh Bình có tổ chức liên hoan phim Vesak Quốc tế. Trong liên hoan phim lần này, có năm bộ phim được bình chọn và trao giải thưởng. Bộ phim thứ nhất là *Cuộc đời đức Phật* của Sri Lanka, bộ phim thứ hai là phim truyện nhiều tập *Con đường giác*

ngộ của Việt Nam, bộ phim thứ ba của Ấn Độ, bộ phim thứ tư của Nhật Bản, bộ phim thứ năm của Hàn Quốc. Ngoài ra, còn có những bộ phim đạt giải khuyến khích.

Gần đây, có nhiều người báo tin về việc chùa mình đoạt giải thưởng cho bộ phim *Con đường giác ngộ*, nhưng có một điều thắc mắc là chúng ta không đem phim đi dự thi, tại sao mình lại đoạt giải? Sau này tìm hiểu, thấy biết được đạo diễn Công Hậu đã tự ý đem bộ phim này đi dự liên hoan phim mà không hỏi ý kiến của chùa. Trong khi đó, bộ phim này do chùa Hoằng Pháp đầu tư sản xuất và có quyền quản lý sử dụng bản quyền. Theo hợp đồng hai bên đã ghi rõ đạo diễn Công Hậu chỉ được mời làm đạo diễn cho bộ phim. Khi bộ phim hoàn thành, bản gốc được chùa lưu giữ, còn ông không được giữ hay sử dụng những tư liệu này dưới bất kỳ hình thức nào. Sau khi chuyển cho chùa xong, đạo diễn Công Hậu phải xóa đi tất cả file gốc (bản gốc với chất lượng hình ảnh, âm thanh rất cao). Từ bản gốc nén ra đĩa DVD chất lượng phim giảm gần một nửa nên khi đi dự thi người ta cần sử dụng hình ảnh gốc. Ngoài chùa ra

chỉ có đạo diễn Công Hậu từng có file gốc này.

Lần trước, đạo diễn Công Hậu đã không hỏi ý kiến chùa mà tự ý đem bộ phim ra Quảng Ninh tham dự liên hoan phim. Lần này, thầy Nhật Từ cũng nhận bộ phim trực tiếp từ ông ấy. Theo đúng nguyên tắc, đạo diễn Công Hậu đã vi phạm hợp đồng và có thể bị chúng ta kiện ra tòa. Chính vì thế, trong buổi lễ trao giải liên hoan phim Vesak Quốc tế, không ai đứng ra đại diện để nhận giải thưởng cho bộ phim *Con đường giác ngộ*. Để giải quyết vấn đề này, thầy Nhật Từ dự định vào Chủ nhật tuần này hoặc tuần sau sẽ tổ chức lễ trao giải thưởng tại chùa Hoằng Pháp.

Theo đại chúng, chùa Hoằng Pháp có nên nhận giải thưởng cho bộ phim này hay không? Nếu mình nhận giải thì ông ấy lại tiếp tục lấy bộ phim đi làm những việc khác và lúc đó chúng ta sẽ xử lý như thế nào? Mong rằng đại chúng cùng cho ý kiến đối với vấn đề này. 

Ngày 25 tháng 5 năm 2014



Niềm tin Tam bảo

Vừa rồi, thầy đi giảng tại hai chùa ở Đà Nẵng. Khi ngồi chờ ở sân bay Tân Sơn Nhất có một phụ nữ người miền Bắc đến ngồi gần thầy, cô vào Nam sinh sống và cũng đang trên đường về thăm quê. Thấy thầy là người xuất gia nên cô bắt đầu hỏi chuyện, cô tâm sự là rất thích đi chùa. Khi còn ở ngoài miền Bắc, cô đã đi nhiều chùa, không chỉ những ngôi chùa ở Hà Nội mà còn

xuống cả chùa Bái Đính ở Ninh Bình, lên núi Yên Tử ở Quảng Ninh.

Cô kể trước đây không biết có cái vong nào ám hay không, nhưng cô luôn cảm thấy có một người nam đi theo mình. Một hôm, cô đến ngôi chùa nọ có vị Sư cô làm trụ trì. Sau khi kể sự tình, Sư cô nói là phải làm lễ cắt âm (cắt âm có nghĩa là cắt duyên để người âm không còn theo nữa). Sư cô ra giá:

– Muốn làm cái lễ đó phải mấy triệu.

Khi nghe như vậy trong lòng cô không được vui, nhưng do niềm tin cộng với nỗi sợ hãi, lo lắng người âm theo nên cô cũng đành phải tốn mấy triệu để cúng lễ.

Sau đó, cô xuống thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên tham quan, lễ Phật và được gặp quý thầy trong thiền viện. Cô tâm sự với quý thầy sự việc trên. Quý thầy nói:

– Nếu cần thì cô cứ đến chùa nhờ các thầy làm lễ, ghi lại tên để cầu siêu cho cái vong.

Cô hỏi:

– Bạch thầy, hết bao nhiêu tiền ạ?

Quý thầy trả lời:

– Tùy hỷ, cô muốn phát tâm cúng cho chùa thì

cứ bỏ vào thùng phước điền.

Khi nghe như vậy, cô cảm thấy rất nhẹ nhàng và hoan hỷ. Cô nói:

– Con có thể cúng cho chùa cả triệu nhưng tâm vẫn thoải mái, còn hôm trước khi nghe Sư cô ra giá con không được hoan hỷ cho lắm.

Sau khi làm xong lễ cắt duyên thì cô cũng ít đến ngôi chùa của Sư cô, bởi vì nghĩ rằng ngôi chùa đó có tính chất giống như buôn Thần bán Thánh, ra giá tiền hằn hoi khi phải nhờ việc gì đó.

Không phải chỉ có Phật tử mới đến chùa, những người bình thường nhưng có niềm tin với Tam bảo cũng tìm đến chùa để học hỏi Phật pháp và tu tập. Nhưng khi thấy những trường hợp quý thầy và quý Sư cô không theo đúng Chính pháp, người ta sẽ mất đi niềm tin vào đạo Phật. Việc hành đạo của mình không khéo sẽ làm mất đi tín đồ, làm lung lay niềm tin đối với quần chúng. Trường hợp này không chỉ có ở miền Bắc mà miền Trung, miền Nam cũng có.

Chúng ta phải thấy được mục đích của người xuất gia là hoằng pháp lợi sinh, mình phải tạo được niềm tin cho những người chưa biết Phật pháp nói

chung và tín đồ đạo Phật nói riêng. Khi chúng ta làm bất cứ việc gì với tâm tốt, không mong cầu, không tính toán vì lợi ích của chúng sinh thì sẽ làm cho người ta nhớ mãi. Khi đã có cảm tình với chư Tăng, sau này họ lại tiếp tục đến chùa tu học. Mình không cần đòi hỏi nhưng có khi người ta còn cúng dường nhiều hơn số tiền mà chúng ta yêu cầu. Khi mình ra giá như vậy thì họ trả một cách sòng phẳng, từ đó trở đi không còn thiện cảm nữa, điều đó cũng giống như trao đổi mua bán.

Nhiều khi mình tìm cách kiếm tiền như vậy là lợi ích, vì tiền đó dùng để chi cho các hoạt động Phật sự và xây dựng ngôi Tam bảo, nhưng đó chỉ là cái lợi trước mắt, chỉ được một lần, sau đó người ta không còn liên hệ gì với chúng ta nữa. Nếu chúng ta không tính toán, không quan tâm đến tiền bạc, cứ để họ tùy hỷ thì người ta sẽ có thiện cảm với chư Tăng, có cảm tình với Phật giáo. Ngược lại, nếu mình cứ sòng phẳng cúng một đám lấy bao nhiêu tiền thì sau khi xong việc người ta không đến chùa. Sự tùy hỷ công đức đôi khi giúp mình giáo hóa được người khác.

Các thầy ở chùa Hoằng Pháp đi tụng kinh hay

cúng đám cho các nơi không bao giờ nhận tiền. Chính điều đó lại khiến họ quý mến chư Tăng rồi tìm đến chùa. Những lúc chùa có Phật sự tự khắc mọi người đến giúp đỡ, mình lại tạo được thiện duyên để họ cùng hỗ trợ trong công việc hoằng pháp. Khi mình tạo cho mọi người có niềm tin với Tam bảo thì nói gì họ cũng nghe. Thầy Tâm Huệ nhờ đi tụng kinh các nơi mà mỗi lần đi phóng sinh hay làm từ thiện chỉ cần thầy lên tiếng quyền góp là mọi người nghe theo và hỗ trợ rất nhiều.

Đây là bài học cho huynh đệ xuất gia rút kinh nghiệm, mình không nên làm mất niềm tin nơi Tam bảo của những người mới phát khởi tín tâm. Muốn được lợi ích lâu dài, chúng ta phải cẩn thận và khéo léo, đừng quan tâm quá nhiều đến vật chất, tiền bạc. Như thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, các thầy không đề cập đến chi phí tổ chức cầu an, cầu siêu, tụng đám,... nhờ vậy mà tạo được thiện cảm với Phật tử nên họ thường xuyên tới lui để cúng dường. Bài học này rất đối bình dị nhưng lại vô cùng đáng quý. Nếu mình không hiểu sau này cần làm Phật sự gì hoặc vì nhu cầu nào đó, có thể mình sẽ bày ra những chuyện như vậy để kiếm tiền thì

không nên. Chúng ta tùy hỷ làm với tất cả tấm lòng thì mọi người sẽ nhớ ơn và hết lòng với mình, đó cũng là quy luật nhân quả tất yếu. ☁

Ngày 7 tháng 6 năm 2014



Tuyệt thực có vãng sinh?

Một Phật tử đang tu pháp môn niệm Phật đến gặp thầy. Cô vừa khóc vừa nói:

– Thưa thầy! Bây giờ con quyết chí tu để được vãng sinh.

Thầy nói:

– Mình cứ tinh tấn tu tập, khi nào đủ duyên sẽ được vãng sinh.

Thế nhưng hiện tại cô dự định sẽ tuyệt thực,

quyết chí niệm Phật để được vãng sinh trong đời này. Thầy hỏi tiếp:

– Cô đã có chồng chưa?

Cô nói:

– Con đã có chồng và có một đứa con.

Thầy nói:

– Tu tập là để có được an lạc trong hiện đời, khi xả báo thân này được vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Sau khi hiểu Phật pháp, chúng ta không nên muốn vãng sinh ngay lập tức, như vậy là trái với quy luật sống chết. Khi nhân duyên đến, mạng căn hết thì mình đi, chúng ta không phải “ép” mình chết để được vãng sinh. Tâm chân thành là điều rất tốt nhưng hành động như thế là sai. Chúng ta suy nghĩ muốn được vãng sinh, rồi mình tuyệt thực để được vãng sinh, trong khi đó mình còn đang tạo nghiệp và hiện tại có chồng có con mà bỏ như vậy, thử hỏi có vãng sinh được hay không? Ngày xưa, đức Phật từ bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan, địa vị quyền thế để đi xuất gia. Sau khi thành Phật, Ngài trở về hóa độ cho gia đình, bây giờ mình chết rồi thì độ được cho ai?

Chúng ta thấy rõ, hai điều này mâu thuẫn. Họ

làm sai mà cứ nghĩ là đúng. Họ cho rằng sau khi vãng sinh sẽ trở lại độ chúng sinh, không biết có vãng sinh được hay không, hay chết lại bị đọa vào ba đường ác? Trong khi đó, đức Phật dạy có được thân người là khó, được trường thọ cũng phải có phước báu. Ai tu Tịnh độ cũng đều muốn vãng sinh, đó là mong muốn chính đáng. Thầy cũng tu Tịnh độ, nếu bây giờ vãng sinh thì quý vị sẽ bảo thầy này tu mà chết yếu. Như vậy, vãng sinh cũng phải làm như thế nào để có được công đức và phước báu.

Chúng ta tu học phải biết được vị trí, trách nhiệm, bổn phận của mình. Không phải ai cũng có thể buông xả. Chúng ta phải hiểu từ “buông xả” như thế nào cho đúng. Một người xuất gia buông xả thì “cắt ái ly gia”, đến chùa tu tập. Mình là cư sĩ không thể buông xả theo kiểu của quý thầy. Mình còn gia đình, vợ chồng, con cái, gia tài, sự nghiệp,... buông hết vào chùa là chưa đúng. Cho nên, chúng ta phải hiểu cư sĩ buông xả khác, người xuất gia buông xả khác. Mình là cư sĩ, buông xả theo phạm vi và khả năng của mình. Thí dụ, khi sống trong gia đình mình buông xả bằng cách không chấp

trước, biết cách bỏ qua những phiền não, tinh tấn tu tập, đó mới đúng ý nghĩa buông xả.

Buông xả không phải là sau khi hiểu Phật pháp mà mình buông bỏ hết mọi trách nhiệm đối với gia đình và xã hội. Trong cuộc sống gia đình, mình biết tu tập thì chồng hay vợ có chuyện gì xảy ra cũng hoan hỷ buông xả. Gia đình có được hạnh phúc thì việc tu tập cũng được thuận lợi. Cư sĩ tại gia không nên bắt chước người xuất gia, khi nào xuất gia thì hãy buông xả hoàn toàn, nhưng người xuất gia vẫn có bốn phận và nghĩa vụ thiêng liêng khác, đó là hoàng pháp lợi sinh, giữ gìn mạng mạch Phật pháp.

Đôi khi chúng ta nhận thức vấn đề tu học không đúng, chấp chặt quá thành sai. Một người chưa đến ba mươi tuổi, có chồng, có con mà nói: “Tuyệt thực niệm Phật để được vãng sinh”. Đại chúng nghe có hợp lý không? Đây gọi là cuồng tín. Đức Phật dạy chúng ta tu để được an vui hạnh phúc, chết được thanh thản nhẹ nhàng, Ngài không dạy mình pháp tu tuyệt thực để chết. Như vậy, ai đến với đạo Phật coi như kết liễu cuộc đời hết hay sao? Chúng ta muốn quý thầy sống lâu

hay chết sớm? Chẳng hạn, khi nghe Hòa thượng Tịnh Không giảng, mình mong Hòa thượng sống lâu hơn để mình được nghe pháp, không ai nói: “Mong Hòa thượng vãng sinh sớm”. Chúng ta tu, sống được lâu cũng là phước báu, mà khi trường thọ mình sẽ tạo ra công đức phước báu nhiều hơn; còn nếu chết yếu, chết sớm thì việc tu tập của mình ít phước báu, việc làm thiện cũng ít.

Đức Phật dạy: “Thân người khó được, nay mình đã được”, còn trường thọ là phước báu riêng của mỗi người. Tuy nhiên, thầy khuyên cô lại không nghe, không biết về nhà cô có nhịn ăn nữa hay không? Có khi về nhịn được vài bữa, đôi quá cũng phải ăn lại. Cô quyết chí như vậy thầy cũng không khuyên được. Cô nói nhất định kỳ này về nhà không ăn uống, niệm Phật để được vãng sinh, đây gọi là cố chấp, cuồng tín. Người già mà mắc bệnh cảm thấy sống không được, nhịn ăn niệm Phật để được vãng sinh có thể người ta khen ngợi, tán thán. Còn trẻ mà làm thế sẽ bị chê cười vì thiếu trách nhiệm. Ai cũng chạy theo phong trào đó, sau này người ta sẽ nói: “Tôi không dám cho vợ, chồng, con cái tu học Phật

pháp nữa, đi tu mà về đòi nhịn ăn để chết, không biết phải làm sao?”.

Trước đây chùa mình có cụ Bình, cụ cũng tính nhịn ăn chờ chết, nhưng chịu không được đành phải ăn lại. Lúc đó, bà đã hơn chín mươi tuổi, nhịn ăn cả tháng mà không chết. Cuối cùng, phải đưa vào bệnh viện truyền nước biển, sau khi tỉnh táo bà ăn lại và sống được một thời gian mới chết.

Chúng ta tu mà cầu cho chết sớm là mang tội sát sinh. Đức Phật dạy không sát sinh mà mình lại sát sinh, giết chết mạng sống của chính mình. Chúng ta tu là cầu vãng sinh chứ không phải cầu chết sớm, hai điều này khác nhau. Vãng sinh là khi bỏ thân xác này được sinh về thế giới của đức Phật A Di Đà, không phải cầu chết, phải phân biệt rõ hai điều này.

Nếu vãng sinh là cầu cho chết sớm thì không ai dám cho con, cho chồng, cho vợ đến chùa nữa. Chúng ta phải hiểu điều đó để hướng dẫn cho mọi người hiểu và thấy con đường của mình đi là chính đáng. Giống như một người trồng cây phải chăm sóc, tưới nước, bón phân, bắt sâu cho cây. Cây lớn lên, ra hoa kết trái được đều phải cần thời gian,

chúng ta không thể ép “hôm nay trồng, ngày mai phải ra hoa, ra quả”. Mình cố gắng chăm sóc, đến một ngày nào đó đủ nhân duyên thì cây sẽ ra hoa và trổ quả. Tu cũng như vậy, mình ép không được.

Chúng ta tìm hiểu trong giáo pháp của đức Phật, đọc những bộ kinh *Bốn Sinh Bốn Sự* sẽ thấy Ngài tu vô lượng kiếp chứ không phải một hai kiếp. Chúng ta mới gieo hạt giống mà muốn ngày mai ra hoa trổ quả, chưa ra được thì chán nản nói sao tu mãi không đắc đạo? Hiểu được như vậy chúng ta tu tập mới thoải mái, không gò ép và mong cầu.

Trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ*, đức Phật dạy rất rõ, muốn thành tựu vãng sinh phải tu Tịnh nghiệp tam phước:

- Phước thứ nhất: Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp.

- Phước thứ hai: Thọ trì Tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi.

- Phước thứ ba: Phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, tụng đọc Đại thừa, khuyến tấn người tu hành.

Trong kinh *A Di Đà*, đức Phật dạy: “Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức, nhân duyên đắc sinh bỉ quốc” – không thể có chút ít nhân duyên, căn

lành, phước đức mà được sinh về thế giới Cực Lạc. Chúng ta vừa tu phước vừa tu tuệ mới phù hợp với nhân quả, không phải chỉ ngồi đó niệm Phật mà được vãng sinh. Một vị Phật phải đầy đủ phước đức và trí tuệ. Hiểu được như vậy chúng ta tu tập mới thoải mái, vừa tu vừa làm được những việc phước báu cho mình và lợi lạc cho mọi người. ☁



Tu mù

Chiều hôm qua, thầy có tiếp chuyện với một Phật tử, cô này cạo tóc và mặc bộ đồ ngắn màu lam giống như các Sư cô thường mặc. Sau khi tiếp chuyện, thầy hỏi:

– Tại sao cô lại cạo tóc và mặc đồ như thế?

Cô trả lời:

– Bạch thầy! Con tu tại gia.

Thầy khuyên:

– Phật tử tại gia thì không nên cạo tóc, nếu có cạo tóc thì đừng mặc quần áo của người xuất gia để khỏi bị hiểu lầm. Mình mặc như vậy, người ngoài nhìn vào nghĩ là hình tướng của người xuất gia, sẽ lễ bái hoặc gọi mình là Sư cô, gây tổn phước.

Cô nói:

– Bây giờ con đã phát nguyện cạo tóc rồi nên không để dài được.

Thầy nói tiếp:

– Nếu mình phát nguyện cạo tóc thì mặc đồ đời, đừng mặc đồ tu để không ai hiểu lầm.

Cô trình bày:

– Con cũng đã phát nguyện mặc đồ tu.

Thầy nói:

– Nếu vậy thì mình đi xuất gia chứ sao lại ở nhà?

Cô kể rằng:

– Con đã được một Sư cô cho xuống tóc, nhưng sau khi xuất gia con xin về nhà vì còn phải nuôi một người con đang đi học.

Cô này giờ đây không phải là người xuất gia mà cũng không còn là người tại gia, không biết gọi là gì nữa! Cô làm như vậy là không đúng. Tình

trạng này hiện nay diễn ra rất nhiều, dễ gây ra sự ngộ nhận trong tín đồ Phật tử cũng như ngoại đạo, vì người ta nghĩ rằng những người này là người xuất gia.

Ngoài đời, chuyện cạo tóc rất bình thường. Nhưng khi cạo tóc Phật tử tại gia nên mặc đồ đời, đừng mặc trang phục của người xuất gia. Nếu mình bị hiểu lầm là người xuất gia, khi có những hành động không đúng với oai nghi giới luật của Tăng Ni, người ta nhìn vào sẽ phê phán và phỉ báng Tam bảo, như vậy là mình mang tội rất lớn. Do đó, các chú cư sĩ trong chùa không được cắt tóc quá ngắn vì sẽ dễ gây hiểu lầm rồi ngộ nhận.

Người xuất gia được gọi là Tăng bảo, là một trong ba ngôi báu gồm: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Khi xuất gia, chúng ta được đứng trong hàng ngũ Tăng bảo, ngang hàng với Phật bảo và Pháp bảo. Do vậy, người xuất gia không thể là những người thất tình, bỏ chồng, bỏ vợ hay chán đời mà đi tu. Khi xuất gia có nghĩa là chúng ta đang mang một sứ mạng cao cả: “Trên cầu thành Phật, dưới độ chúng sinh”. Mình làm thấy mọi người, không phải vào chùa để trốn tránh cuộc đời và cũng

không phải ngoài đời sống không nổi rồi đi tu cho sung sướng. Nếu chùa Hoằng Pháp độ những người này thì có lẽ bây giờ số lượng chư Tăng lên đến cả nghìn người.

Theo quan điểm của thầy thì người xuất gia phải có đạo đức, có học thức. Đối với các chú cư sĩ tập sự xuất gia, thầy khuyên nếu muốn tu học ở chùa Hoằng Pháp được lâu dài thì phải chịu khó trau dồi kiến thức và rèn luyện đạo đức. Ai không có ý định học thì nên tìm chỗ khác tu cho dễ, cho “mau được về Cực Lạc”, còn chư Tăng ở chùa Hoằng Pháp là phải học, phải trở thành người thầy đúng nghĩa. Mình là thầy phải làm sao cho xứng đáng!

Chư Tăng là những người thay đức Phật truyền bá Chính pháp, nếu người xuất gia mà “dốt” thì dạy được cho ai? Do đó, người tu phải học, tu không học là tu mù, không phải vào chùa cạo tóc là trở thành một vị thầy đúng nghĩa. Thí dụ, mình đi từ Sài Gòn ra Hà Nội phải biết đường, muốn đến nhà ai phải biết địa chỉ nếu không làm sao đến được. Việc tu cũng vậy, chúng ta muốn thành tựu mục đích giải thoát, viên thành Phật quả thì phải học, phải có trí tuệ, phải biết đi con đường như thế nào cho đúng.

Ngoài việc tu cho bản thân, người xuất gia còn phải hướng dẫn cho Phật tử tu tập. Nếu chúng ta không biết Chính pháp, không hiểu lời Phật dạy thì mình dạy cho ai, cuối cùng đưa người ta vào con đường mê tín dị đoan. Nhiều người thắc mắc: “Tại sao bây giờ nhiều thầy không học, không tu mà tự nhiên nổi tiếng?”. Sự nổi tiếng đó là do họ không có hiểu biết và tu chưa tới, rồi nói một cách mơ hồ, huyền bí làm cho những người nhẹ dạ cả tin nghe theo. Tuy nhiên, cái gì “bạo phát thì bạo tàn”, giá trị của lá cây và dác cây không thể nào so sánh với lõi cây. Người không có một nội hàm vững chắc, thiếu sự hiểu biết đúng, không thật tu thật học mà si mê chạy theo những huyền hoặc mơ hồ, không sớm thì muộn cũng sẽ bị tẩy chay.

Những Phật tử lớn tuổi nghe nói chỗ nào tu sớm được vãng sinh thì rất thích, muốn đến đó tu để sau này chết được vãng sinh. Thực tế, chuyện vãng sinh không phải dễ như ta nghĩ. Có những vị Hòa thượng tu hành cẩn mật, làm nhiều Phật sự đem lại lợi ích cho Phật pháp, vậy mà lúc lâm chung còn chưa thấy gì. Nhiều người tu mấy chục năm, giữ giới, ăn chay, niệm Phật cả đời còn không

thấy có những thoại tướng lạ. Vậy mà, những người buông lung phóng túng, không chịu tu hành, đến chừng sắp chết biết chút Phật pháp rồi nhờ người đến hộ niệm lại đồn thổi là được vãng sinh. Những người đến hộ niệm nói xuất hiện nhiều tướng tốt, chỉ ra đủ thứ chuyện linh thiêng. Họ quay phim chụp hình đưa lên cho nhiều người xem, người ta thấy thích quá liền tìm đến. Do những thầy này không học hành đến nơi đến chốn, không tu tập theo đúng lời dạy của đức Phật nên hướng dẫn người ta vào con đường mê tín, phát sinh ra nhiều sự việc đáng buồn.

Mục đích chính của chùa Hoàng Pháp là đào tạo chư Tăng có tài, có đức. Những chú nào muốn xuất gia ở chùa Hoàng Pháp phải hiểu được điều này, người nào chưa có tư tưởng đó thì có thể tìm nơi khác cho phù hợp với chí nguyện, đừng để xảy ra trường hợp sau khi xuất gia rồi thấy bắt mình học nhiều thứ.

Hiện tại, chùa mình có được sáu vị du học ở Thái Lan, một vị ở Đài Loan, còn chú Tâm Như chuẩn bị đi du học ở Nhật Bản. Những người nào có khả năng học, muốn phát triển trong tương lai

thì thầy sẽ tạo mọi điều kiện cho anh em học để sau này hoằng dương Phật pháp.

Ở đâu cũng cần người tài, một đất nước không có người tài thì đất nước sẽ đi xuống, một ngôi chùa không có người tài thì ngôi chùa không làm được Phật sự. Giả dụ, chùa mình không có quý thầy và các Phật tử có khả năng thì làm được gì? Không làm được gì cả! Trong đạo hay ngoài đời đều đòi hỏi phải có những người tài đức mới làm được việc, còn “ù ù, lì lì” thì không thành tựu được việc gì. Nhiều người “hiền” quá, hiền đến mức không làm được việc gì thì không biết “hiền” có tác dụng gì? Phật pháp muốn hưng thịnh, muốn phát triển thì phải có những bậc chân tu thật học như Hòa thượng Minh Châu, Hòa thượng Nhất Hạnh, Hòa thượng Thanh Từ, Hòa thượng Trí Tịnh, Hòa thượng Giác Toàn,... hay gần đây nhất là thầy Nhật Từ. Thời nào cũng vậy, ở đâu cũng thế, người ta vẫn rất cần những người tài đức để phát triển đạo pháp ngày một hưng thịnh. 

Ngày 1 tháng 9 năm 2014





Trẻ vui nhà già vui chùa đúng hay sai?

Trước đây, thỉnh thoảng có một vài Phật tử gọi điện thoại đến xin thầy cho bố hoặc mẹ được ở lại chùa tu tập. Cụ thể, gần đây có một Phật tử gọi điện thoại xin cho người bố đã bảy mươi tuổi được về chùa ở. Do sức khỏe của ông cụ đã già yếu, bệnh tật, không đi lại được nên thầy không thể chấp nhận lời yêu cầu của cô. Quy định của chùa là chỉ nhận những người có sức khỏe, không

bị tàn tật, tai điếc, mắt mờ và không nhận những người già trên sáu mươi tuổi. Thế nhưng, Phật tử vẫn năn nỉ nhờ giúp đỡ, vì gia đình cô không có người chăm sóc cho ông cụ. Thầy nói với cô là quy định của chùa như vậy mong cô hoan hỷ, thông cảm tìm những chùa khác.

Sau đó cô hỏi thầy: “Thầy có biết cơ sở của một vị thầy ở Lâm Đồng chuyên nhận những người già để hộ niệm vãng sinh không?”. Thầy trả lời: “Thầy không biết rõ địa chỉ, cô nên đi tìm hiểu xem sao”. Cô còn hỏi: “Thầy có biết chùa nào nhận người già không?”. Thầy có khuyên cô nên đưa ông cụ đến viện dưỡng lão nhưng cô không đồng ý, cô nói rằng ở viện dưỡng lão không được tu tập, không được niệm Phật. Tuy nhiên, qua đối thoại thì thầy biết rõ mục đích của cô là muốn đẩy cha mình đến chùa để đỡ phần gánh nặng.

Xã hội bây giờ xảy ra tình trạng như thế rất nhiều. Đa số đều nghĩ rằng chùa là nơi dành cho những người già, người sắp chết. Người ta nghĩ tu sĩ xuất hiện ở đâu là nơi đó có đám ma, nghe niệm Phật thì họ nghĩ là hộ niệm cho người hấp hối. Để xảy ra những hiểu lầm như vậy một phần là lỗi của

chư Tăng, bởi vì chư Tăng chỉ lo độ người chết mà quên việc độ người sống, tổ chức cho mọi người tu học thì ít mà bày ra cúng bái, chẩn tế cô hồn, cầu siêu bạt độ thì nhiều.

Điều đặc biệt mà chúng ta thấy rất rõ, nơi nào chú trọng cúng tụng cho người chết thì nơi đó hưng thịnh, nơi nào chú trọng rèn luyện đạo đức cho thanh thiếu niên, học sinh thì được ít người quan tâm. Điển hình như chương trình học bổng “Ươm mầm trí tuệ” của chùa chúng ta, mặc dù chư Tăng chùa mình ra sức kêu gọi sự ủng hộ của mọi người, thế nhưng số người ủng hộ không được bao nhiêu! Còn những nơi tổ chức hộ niệm vãng sinh thì người ta sẵn sàng tham gia. Từ đó, thấy có suy nghĩ trong tương lai nếu cứ theo hướng phát triển như thế này thì đạo Phật sẽ trở thành đạo dành riêng cho người chết, người ta không biết được sự cao quý của đạo Phật!

Vì vậy, chư Tăng cần phải suy nghĩ tìm đường hướng phù hợp để đưa người Phật tử về với Chính pháp. Mặc dù, chúng ta tạo điều kiện cho những người lớn tuổi tu tập niệm Phật vãng sinh là tốt. Song, chúng ta không nên đặt nặng việc đó mà

bỏ qua việc giáo dục về giới luật, nhân cách, đạo đức, oai nghi, tế hạnh cho họ. Bởi lẽ sống chết là điều ai cũng phải trải qua, quan trọng là chúng ta làm sao cho cuộc sống hiện tại được an lạc để khi chết được sinh về cõi Cực Lạc. Nếu cuộc sống hiện tại của chúng ta không an lạc thì khi chết làm sao được về Cực Lạc.

Những trường hợp như cô này chùa mình đã gặp rất nhiều, bởi vì chùa Hoàng Pháp có khu dưỡng lão nên người ta muốn đẩy cha mẹ vào chùa để không còn phải lo lắng, chăm sóc, phụng dưỡng nữa. Ở Việt Nam, những người vào viện dưỡng lão đa phần có hoàn cảnh rất khó khăn, bất hạnh, không có con, bị con hắt hủi, tật nguyền,... Dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe cũng như những tiện nghi trong đời sống của những viện dưỡng lão ở Việt Nam còn rất hạn chế. Ở nước ngoài, chính sách an sinh xã hội dành cho người dân rất tốt, người ta xây dựng viện dưỡng lão đều có những dịch vụ tiện nghi đầy đủ và chăm sóc rất chu đáo.

Chư Tăng phải làm sao để mọi người có cái nhìn đúng đắn về đạo Phật. Đạo Phật là đạo của trí tuệ, luôn hướng con người đến với điều tốt đẹp,

cao thượng. Đức Phật dạy chúng ta phải sống tốt ở hiện tại, vì hiện tại có an lạc thì lúc chết mới được an lạc. Cho nên, quý thầy cố gắng tìm đường hướng để đưa đạo Phật đến với giới trẻ và thành phần trí thức. Chúng ta phải làm sao để đạo Phật trở nên trong sáng, không bị pha tạp bởi những phong tục tập quán và mê tín dị đoan. Mọi người đến với đạo Phật để tìm kiếm sự an lạc, giải thoát, không còn nhìn đạo Phật là đạo dành cho những người già, bệnh, sắp chết. Quý thầy phải tạo dựng hình ảnh chư Tăng là những người tu tập có trí tuệ, hoằng pháp lợi sinh, cứu độ chúng sinh chứ không phải là những ông thầy cúng đám ma, thầy bói, thầy coi ngày tháng, thầy phong thủy hay ông thầy trừ tà ma yêu quái,... 

Ngày 23 tháng 10 năm 2014



Giáo pháp đức Phật là công truyền hay bí truyền?

Tình thoảng khi đi trên đường chúng ta nhìn thấy những tấm bảng quảng cáo ghi là thuốc gia truyền, phở gia truyền, bánh gia truyền,... Tại sao lại có từ “gia truyền” này? Vì đây là những bí quyết được giữ kín, chỉ được truyền trong nội bộ là gia đình, dòng tộc, quen biết thân thiết nên không đem phổ biến ra bên ngoài. Thí dụ, Tổ tiên của một dòng họ tìm ra một bài thuốc chữa bệnh

rất hay, công thức bào chế được truyền lại nhiều đời từ ông xuống cha cho đến đời con, đời cháu. Nhưng họ chỉ truyền lại bí quyết làm thuốc cho những người trong gia tộc, không hướng dẫn người ngoài nên gọi là gia truyền.

Chúng ta đi ăn phở, tại sao mình ăn tiệm này ngon còn tiệm kia không ngon? Vì người nấu có công thức, kinh nghiệm, bí quyết, thủ thuật riêng, khiến cho món phở của họ thơm ngon và đậm đà hơn những tiệm khác. Những hãng bánh cũng thế, nếu muốn bánh của mình tồn tại và phát triển lâu dài thì người chủ hãng phải để lại dấu ấn đặc biệt trong từng chiếc bánh họ làm. Mùi vị đặc trưng không lẫn với bánh của những nơi khác sản xuất. Nhưng bí quyết này thường được người ta giấu kín. Mục đích của việc giữ bí quyết gia truyền là gì? Để được lợi ích cho bản thân, gia đình, dòng họ,... Người ta sợ khi truyền rộng phương pháp làm ra cho nhiều người, bản thân và gia đình họ sẽ mất đi mối lợi. Việc kinh doanh dù làm ăn chân chính nhưng cũng không tránh khỏi việc cạnh tranh, nếu ai cũng như ai thì lợi nhuận sẽ phải chia đều cho những người khác.

Thời xưa tại Ấn Độ, nhiều vị thầy khi nhận đệ tử đến học pháp cũng thường đưa ra những điều kiện, quy luật riêng biệt. Nghĩa là anh muốn học đạo phải chịu khó phục dịch, hoặc tốn kém tiền bạc và chấp nhận những thử thách,... Khi vị thầy cảm thấy hài lòng thì lúc đó mới truyền pháp cho đệ tử. Hình thức truyền pháp đó gọi là bí truyền, vì người thầy chỉ truyền dạy riêng cho đệ tử. Đa phần những pháp này đều là tà đạo, chỉ dạy cách thức luyện thần thông hay một khả năng đặc biệt. Thật ra, thần thông không nằm ngoài khả năng định tâm, đó là cách gom tâm lại một điểm và dùng năng lực của ý chí để điều khiển tướng tri theo ý muốn cá nhân. Nhưng cách thức của các vị này làm là tà định và dẫn đến sai lầm, tà kiến, không phải chính định trong Phật giáo và không hướng đến con đường giác ngộ giải thoát.

Trong khi đó, giáo pháp của đức Phật là công truyền, được giảng dạy rộng rãi cho mọi người biết và áp dụng, để tất cả đều hưởng sự lợi ích, an lạc. Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, đức Phật dạy: *“Này các tỳ kheo, ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Vành tròn của mặt trăng, này*

các tỳ kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Vành tròn của mặt trời, này các tỳ kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Pháp và Luật được Thế Tôn tuyên thuyết, này các tỳ kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu”^[1].

Đây là câu kinh mà chúng ta cần chú ý: “Pháp và Luật được đức Phật tuyên thuyết chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu”. Tất cả giáo pháp đức Phật nói ra đều đơn giản và rõ ràng. Chúng ta có thể học, hiểu và thực hành, không có gì là bí mật cả. Khi thuyết pháp, Thế Tôn không giấu giếm bất cứ điều gì. Chúng ta chưa chứng đắc đạo quả vì hai lý do: Một là mình chưa hiểu một cách tận tường lời Phật dạy, hai là việc thực hành chưa đến nơi đến chốn.

Đối với việc chưa hiểu đúng lời Phật dạy, điều này rất dễ xảy ra, thí dụ như đoạn kinh trong *Tăng Chi Bộ*:

“Có bốn loại ánh sáng. Thế nào là bốn? Ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trời, ánh sáng ngọn

^[1] ĐTKVN, kinh *Tăng Chi Bộ I*, chương III, phẩm Kusinara, phần Che Giấu, VNCPHVN ấn hành (2005), trang 516.

lửa, ánh sáng trí tuệ. Đây các tỳ kheo, có bốn loại ánh sáng này. Và đây các tỳ kheo, loại tối thượng trong bốn loại ánh sáng là ánh sáng trí tuệ”^[2].

Khi đọc qua đoạn kinh trên, chúng ta thường nghĩ rằng ánh sáng trí tuệ mà đức Phật nói đến trong kinh chỉ mang hình thức biểu tượng, vì mình thường nghe các thầy giảng là trí tuệ được ví như ánh sáng, xua tan đêm tối vô minh và si ám. Trên thực tế, ánh sáng này là có thật, được phát sinh trong quá trình tu tập định và tuệ. Thiền sư Pa-Auk Tawya Sayadaw giải thích: “Ánh sáng ấy phát sinh như thế nào? Tâm khi lắng sâu trong định được kết hợp với tuệ, tâm ấy sẽ tạo ra nhiều thế hệ sắc cực sáng do tâm sinh. Dùng ánh sáng ấy, chúng ta có thể thâm nhập vào thực tại cùng tột hay chân để để thấy các pháp như chúng thật sự là. Điều này cũng giống như khi đi vào một căn phòng tối, chúng ta cần phải có ánh sáng để thấy mọi vật ở đó”^[3].

^[2] ĐTKVN, kinh Tăng Chi Bộ II, chương IV, phẩm Ánh Sáng, phần Ánh Sáng [trích], VNCPHVN ấn hành (2003), trang 79.

^[3] *Biết Và Thấy*, Thiền sư Pa Auk Sayadaw, TK Pháp Thông dịch, Nxb Thời Đại (2014), trang 22.

Đức Phật không giấu giếm Pháp như những người thế tục giấu các bí quyết gia truyền. Người học Phật phải hiểu được điều này để không nhận lầm tà sư ngoại đạo làm thầy. Những người này mang hình tướng người xuất gia, mang danh là đệ tử Phật nhưng làm trái với lời Phật dạy. Khi tìm hiểu kinh văn, chúng ta thấy rất rõ. Đức Phật chỉ cho chúng ta rất nhiều cách thức tu tập, mỗi người có thể tùy khả năng mà chọn lấy một phương pháp phù hợp nhất, thực hành theo đó sẽ đem lại lợi ích và an lạc trong hiện tại cũng như ở tương lai.

Trước đây, cô Thanh Hải sống ở nước ngoài tự xưng mình là Thanh Hải Vô Thượng Sư. Vô Thượng Sư tức là bậc thầy không ai hơn. Cô Thanh Hải là người Việt Nam, rất giỏi về các kỹ năng giao tiếp, ứng xử cũng như kiến thức thế gian. Cô thông thạo và có thể giảng pháp bằng ba thứ tiếng: Anh, Hoa, Việt. Cô được nhiều người trong nước và ngoài nước ái mộ. Một số người Tây Âu và Đài Loan rất tôn sùng cô. Hiện tại, cô đã bị Nhà nước cấm không cho về Việt Nam. Những nơi nào thực hành theo pháp Quán Âm hay phát các chương trình của cô tổ chức đều bị công an

đến lập biên bản.

Cô Thanh Hải tự xưng mình là người tu theo Phật, nhưng lại hành theo tà đạo. Cô đặt ra pháp môn Quán Âm, truyền pháp cho những người xin làm đệ tử, giống như các Tổ sư truyền tâm ấn ngày xưa. Nhiều người tôn sùng cô đến độ cuồng tín và truyền tai nhau: “Nếu ai niệm danh hiệu Nam mô Thanh Hải Vô Thượng Sư thì Thượng Sư sẽ xuất hiện để “cứu độ” người ấy”. Họ xem cô như hóa thân của Quán Thế Âm Bồ tát .

Qua thống kê sơ bộ, cô có đến vài trăm nghìn tín đồ đã quy y và thọ giáo trên toàn thế giới. Phải nói rằng, cô là một người có khả năng diễn thuyết rất giỏi mới thu hút được số lượng đệ tử đông như thế. Việc thu hút đệ tử của cô Thanh Hải dựa vào những kỹ năng, cách thức lôi cuốn và hấp dẫn người hâm mộ, nghệ thuật nói chuyện trước công chúng, thành tựu đó không phải do công phu tu hành và giới đức, đạo hạnh hay trí tuệ. Khi giảng pháp, cô hay nhắc đến việc Thượng đế ban ơn để dụ dỗ những người nhẹ dạ cả tin.

Thầy thường nói Phật trong tâm mình, nhưng ít người chịu nghe như thế mà lại thích tầm cầu

Phật ở bên ngoài. Chúng ta không chịu quay lại nội tâm để tu tập, cũng như không chịu học hành và tìm hiểu đến nơi đến chốn. Mình nghe đồn ở đâu có Phật hiển linh liền chạy theo, nơi nào có Phật độ thì tìm đến, chỗ nào có người chết được Phật rước là cảm thấy hân hoan và ca tụng.

Cô Thanh Hải khai thác đặc điểm tâm lý hướng ngoại và tầm cầu những điều mầu nhiệm để thu hút mọi người. Lúc đầu, cô cũng cạo tóc và mặc áo người xuất gia. Sau này, cô không cạo tóc nữa mà để tóc dài, mặc quần áo hợp thời trang và đắt tiền. Dần dần, tiến đến đỉnh cao là “vô quái ngại”, nghĩa là không còn ngại cái gì: trang điểm, sửa mắt, sửa mũi, quần áo chạy theo thời mốt.

Chúng ta là người học Phật, mình phải thấy rõ vấn đề này: Giáo pháp của đức Phật là công truyền, không phải bí truyền. Đừng vì vẻ hào nhoáng nhất thời của một vài cá nhân có biểu hiện “đặc biệt” mà mình đem lòng ái mộ, sùng bái, kính phục, chạy theo quỳ dưới chân họ để được truyền tâm ấn hay Pháp ấn. Điều này hoàn toàn đi ngược lại với lời Phật dạy. Đức Phật thuyết pháp cho tất cả đại chúng, mọi người nghe theo rồi thì cùng

nhau thực hành, từ đó sẽ có được giải thoát.

Trong sử liệu Trung Quốc có chép câu chuyện Phật truyền tâm ấn cho Tổ Ca Diếp. Điều này, người học Phật cần phải hiểu ngầm theo nghĩa hình tượng. Chúng ta thử lần tìm căn nguyên chuyện này được bắt nguồn từ đâu trong kinh điển Nguyên thủy. Trong kinh *Tương Ưng Bộ* có ghi lại một sự việc, Tôn giả Ca Diếp đã kể cho ngài A Nan nghe câu chuyện ngài trao đổi y với đức Phật như sau:

“Này Hiền giả, Thế Tôn từ trên đường bước xuống và đi đến một gốc cây. Rồi này Hiền giả, ta xấp tư tấm y Tăng già lê làm bằng vải cắt, rồi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ngồi xuống ở đây, để con được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Này Hiền giả, Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, này Hiền giả, Thế Tôn nói với ta:

– Thật là mềm dịu, này Kassapa, là tấm y Tăng già lê này làm bằng vải cắt của Ông.

– Bạch Thế Tôn, mong rằng Thế Tôn nhận lấy tấm y làm bằng vải cắt này từ nơi con, vì lòng từ

mẫn đối với con.

– *Này Kassapa, Ông có dùng tấm y phẩn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Ta không.*

– *Con sẽ dùng, bạch Thế Tôn, tấm y phẩn tảo làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ của Thế Tôn.*

Như vậy, này Hiền giả, ta cúng cho Thế Tôn tấm y Tăng già lê làm bằng vải cắt; còn ta thời dùng tấm y phẩn tảo của Thế Tôn, làm bằng vải gai thô đáng được quăng bỏ. Và này Hiền giả, nếu ai có nói về ta một cách chân chính, thời ta là con ruột Thế Tôn, sinh ra từ miệng, do pháp sinh, do pháp hóa sinh, thừa tự Chính pháp và đã nhận được tấm y phẩn tảo, làm bằng vải gai thô, đáng được quăng bỏ”^[4].

Có lẽ, các Tổ bên Trung Quốc đã y cứ vào câu chuyện này để nói lên việc truyền y bát từ đức Phật cho ngài Ca Diếp và ngài Ca Diếp truyền lại cho ngài A Nan. Trong Pháp và Luật của chư Phật ba đời, không có gì là truyền riêng, bí truyền, ẩn mật,

^[4] ĐTKVN, kinh Tương Ưng Bộ II, chương Tương Ưng Kassapa, phần Y Áo, VNCPHVN ấn hành (2000), trang 374.

kín đáo mà luôn phổ biến, chói sáng, Chính pháp đó được bậc trí tự mình thấu hiểu.

Một trường hợp truyền tâm ấn nữa cũng đang rất thịnh hành, đó là tu sĩ Trần Tâm sống ở Cambodia, ông này đang rao giảng pháp môn Diệu âm, cách làm tương tự như cô Thanh Hải. Hôm nay ông mặc áo này, ngày mai mặc áo kia, lúc khoác y Nam truyền, khi mặc đồ Bắc truyền, y phục thay đổi liên tục. Trần Tâm chỉ hơn ba mươi tuổi, vậy mà cũng cầm gậy chống ra vẻ tu hành, màu mè hoa lá. Ông cũng cạo đầu theo hình thức của chư Tăng, nhưng lại thuyết giảng toàn những chuyện Thượng đế ban ơn, thần tiên ban phước, người nghe cảm thấy rất bùi tai và hứng thú.

Hiện nay, lượng người từ Việt Nam đổ xô sang Cambodia nghe Trần Tâm giảng pháp khá nhiều. Một số người gọi điện thoại lên chùa Hoằng Pháp tâm sự: “Nay con tìm được pháp môn tu một đời thành Phật, được ngài Trần Tâm truyền cho tâm ấn, cho nên con sẽ không đi chùa Hoằng Pháp nữa, tu theo chùa Hoằng Pháp còn lâu lắm mới đắc đạo”. Các thầy khi nghe điện thoại cũng chỉ biết mỉm cười mà thương tiếc cho sự vô minh của

những người này.

Trong thời gian qua, ông Trần Tâm cũng có về Việt Nam và giảng ngoài Hà Nội. Hiện tại, ông lập “tổng hành dinh” ở Cambodia. Nhiều người từ Bắc chí Nam cũng sang đó để nghe giảng pháp và được truyền tâm ấn. Các trang mạng Phật giáo Việt Nam đã lên tiếng cảnh báo Phật tử không nên chạy theo những hình thức thần quyền này vì sẽ đi sai đường, nhưng không biết được mấy người nghe theo. Tâm lý con người thích những điều mới lạ như muốn Thượng đế ban phước, Phật hiển linh cứu độ. Rất ít người muốn tìm về giáo pháp uyên nguyên để uống giọt nước bất tử đầu nguồn, có lẽ vì tu tập theo phương pháp chính thống của Thế Tôn thì khó quá. Pháp nào càng bí truyền thì người ta càng thích, đó là cách kích thích lòng ham mê và tâm lý đám đông.

Lời Phật dạy trong kinh điển đã ghi rõ con đường giải thoát, vậy mà Phật tử lại không quan tâm, không tu học, thực hành. Người ta cảm thấy việc tu theo Chính pháp rất khó, khuyên đọc sách, đọc kinh để tìm hiểu lời Phật dạy thì không ai làm. Nhưng khi không đọc, không hiểu thì làm sao

mình hành đúng được. Tà kiến và cố chấp còn đầy ra đó thì làm sao giải thoát.

Các Phật tử thường không phân biệt được chính tà, phải trái, nghe cái gì lạ, hấp dẫn là chạy theo. Chúng ta phải hiểu vị thầy chỉ là người dẫn đường nên mình phải bước đi trên đôi chân của mình, phải tự nỗ lực mà tu tập, tìm hiểu và suy nghiệm lời dạy của đức Phật. Tu mà không học thì không biết được đâu là chính, đâu là tà, đâu là phương tiện, đâu là cứu cánh. Mình cứ ôm khư khư chiếc phao mà nghĩ rằng đã sắp đến được bờ kia, khó có thể đạt đến cứu cánh một cách rốt ráo.

Đức Phật dạy chúng ta nếu muốn thành tựu quả vị Chính Đẳng Giác, đạt đến giác ngộ giải thoát, tự lợi, lợi tha thì phải tu “giới, định, tuệ”. Chúng ta cần phải lấy Tứ niệm xứ làm căn bản của sự hành trì, vì trong kinh ghi rất rõ: *“Này các tỳ kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sinh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chính trí, chứng ngộ Niết bàn. Đó là Bốn niệm xứ”*^[5].

^[5] ĐTKVN, kinh Trung Bộ I, kinh Tứ Niệm Xứ [trích], VNCPHVN ấn hành (2003), trang 131.

Mình tìm hiểu cho thật kỹ các phương pháp Phật dạy, sau đó thực hành nghiêm túc mới có thể giác ngộ. Người nào giác ngộ được Tứ thánh đế mới có thể giải thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Nhiều người thấy tu theo phương pháp này khó quá nên muốn tìm con đường nào khác ngắn hơn. Nhưng thật sự con đường đó có ngắn hơn không, hay là dẫn mình vào mê lộ của tà kiến, sai lầm, chấp thủ, chấp thường và chấp đoạn. Những pháp tu ngoại đạo cũng có thể đạt chút ít phép lạ, thần thông, một vài khả năng linh thiêng, quyền biến, nhưng đó là do tà định, cái bẫy của ma vương. Kết cục, mình vẫn còn trầm luân trong sinh tử luân hồi. Các bậc Thánh không bao giờ nói là mình đã chứng đắc thần thông hay đạo quả, vì giới luật của đức Phật không cho phép các ngài nói ra pháp chứng đạt của bậc thượng nhân cho người phạm tục.

Do đó, những người nào khoe là có phép lạ, thần thông hay thể hiện sự linh thiêng, chúng ta phải coi chừng đó là “Thánh dõm”. Mình đặt niềm tin vào họ là rơi vào tà kiến dẫn đến tiền mất tật mang. Hãy tự mình làm nơi nương tựa

cho bản thân, y cứ vào pháp và luật mà tu tập, khi phước báu nhân duyên đầy đủ sẽ sớm được thành tựu như ý muốn, không nên dành thời gian và công sức để chạy theo những thứ hào nhoáng bên ngoài. 

Ngày 17 tháng 12 năm 2014



Nhật từng khoảnh khắc vô thường
Ghép thành nét đẹp chân thường nghìn năm.

- THANH LƯƠNG -



Nguồn cội tâm linh

Phật giáo là một tôn giáo hòa bình. Trong lịch sử thế giới, đạo Phật chưa bao giờ dùng vũ lực để hoàng pháp hoặc truyền bá những tư tưởng xấu làm tổn hại đến các tôn giáo khác. Trong khi đó, một số tôn giáo lại tỏ ra ganh ghét đố kỵ với Phật giáo, vì muốn lôi kéo tín đồ cho nên họ đã dùng rất nhiều thủ đoạn. Ngày xưa người ta dùng vũ lực, còn ngày nay người ta dùng nhiều hình thức khác như

dụ dỗ, đem tình, tiền để mời gọi, thậm chí xuyên tạc giáo lý của đạo Phật. Họ dùng mọi phương tiện để lôi kéo Phật tử từ bỏ tín ngưỡng của mình.

Ngày nay, Phật giáo phát triển mạnh trên toàn thế giới. Trình độ nhận thức về vũ trụ quan của con người càng cao, niềm tin hướng về một đấng Thượng đế toàn năng, toàn quyền của các tôn giáo khác không còn cơ sở để đứng vững. Từ đó, họ lại càng đố kỵ với Phật giáo, tìm đủ mọi cách để hạ thấp và làm mất uy tín đạo Phật. Trên mạng vừa rồi có đăng tin, tại Cộng hòa Séc (Czech Republic) có một công ty sản xuất loại bồn cầu mà trên nắp in hình đức Phật. Ở Mỹ, người ta in hình đức Phật trên quần lót của phụ nữ, hay giày dép, guốc. Tại Úc, người ta sản xuất một loại bia, trên nắp chai in hình Bồ tát Di Lặc với nhãn hiệu *Lucky Buddha*, nghĩa là đức Phật may mắn, trong khi đó bia rượu là một trong năm giới cấm của đạo Phật. Họ còn in hình đức Phật trên đế lót ly. Đây là những hình thức xúc phạm hình ảnh cao quý của đức Phật, do thiếu ý thức hoặc cố ý. Trên thế giới, các sư Tây Tạng cũng đã lên tiếng về những vấn đề này.

Trang mạng *nguoiphattu.com* vừa rồi có đăng

tin, trong dịp Noel vừa qua chư Tăng Ni cùng một số Phật tử chùa Đình Quán, Từ Liêm, Hà Nội mặc áo tràng và mang quà sang nhà thờ mừng Chúa giáng sinh. Sau đó, họ trở về thiền đường tổ chức mừng giáng sinh và tặng quà cho nhau. Tại sao người con Phật lại đi qua nhà thờ mừng Chúa giáng sinh? Nếu thể hiện tính chất ngoại giao thì chúng ta chỉ nên gửi một lẵng hoa hoặc thiệp chúc mừng là hợp lý. Tặng tục sang nhà thờ dự lễ tặng quà, sau đó còn về chùa tổ chức ăn mừng, như vậy có phù hợp hay không? Chùa này làm theo cách của Hòa thượng Nhất Hạnh, nhưng ngài ở phương Tây, Chúa giáng sinh được xem là quốc lễ nên bất kể người tôn giáo nào đều mừng lễ kết hợp với tết Tây. Nhân dịp mọi người được nghỉ lễ, Hòa thượng tổ chức sự kiện đó để quy tụ Phật tử đến chùa rồi giảng pháp, tọa đàm, thực tập thiền,... là đúng. Còn mình ở phương Đông, Noel chỉ là một ngày lễ riêng của Thiên Chúa giáo không nên làm theo một cách máy móc.

Trang báo mạng có đăng tin, sinh viên ở một tỉnh của Trung Quốc xuống đường giăng biểu ngữ yêu cầu không tổ chức lễ Giáng sinh tại Trung

Quốc, vì đây là văn hóa ngoại lai. Ngành giáo dục của thành phố Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang (Trung Quốc) bị cấm hoạt động giáng sinh. Trường Đại học Tây Bắc ở tỉnh Thiểm Tây phạt nặng những ai cố tình tổ chức chào đón ngày lễ này. Sinh viên Đại học tỉnh Hồ Nam giơ biểu ngữ tẩy chay Noel trên phố. Đó là những thông tin thấy đọc trên trang mạng. Từ đó, chúng ta thấy họ đề cao tính dân tộc, họ sẵn sàng bài xích những gì không phù hợp với con người và đất nước họ, chỉ ứng dụng những điều cảm thấy phù hợp nhất và không làm nguy hại đến nền văn hóa nước nhà.

Chúng ta là người Việt Nam thì phải biết cội nguồn tâm linh của dân tộc mình là đạo gì? Đó chính là đạo Phật. Đạo Phật có mặt hơn hai nghìn năm nay, đồng hành cùng dân tộc. Trải qua bao biến động thăng trầm của thời cuộc, nhưng dù ở thời đại nào, đạo Phật cũng có những cống hiến to lớn cho đất nước và Nhân dân.

Điều này chư Tăng và Phật tử cần phải ý thức, tuyên truyền phổ biến để mọi người hiểu được về vấn đề này. Người ta xúc phạm đức Phật bằng cách in hình Ngài ở những nơi không trang nghiêm thì

mình lại không quan tâm, không lên tiếng, việc
hoằng Pháp lợi sinh không làm, còn ngày lễ của
tôn giáo khác thì lại ủng hộ. Chúng ta nên ý thức,
xem lại và cùng nhau chấn chỉnh. 

Ngày 26 tháng 12 năm 2014



Thầy tu bất đắc dĩ

Hôm qua, thầy có xem trên trang mạng *nguoiphattu.com* có đăng tin một nhà sư ca hát, nhảy múa trong đám cưới. Sau đó, thầy tìm trên trang *youtube.com* để xem thực hư thế nào thì quả đúng như vậy. Hình ảnh một người cạo tóc, mặc áo vàng quần trắng, tay cầm micro song ca với một cô gái. Hai người cùng hát thảnh thơi người này choàng tay qua ôm eo cô gái. Những thanh niên

cùng dự đám cưới đưa bia lên cho người này uống, vừa hát, vừa nhảy, vừa ôm cô gái.

Khi nhìn thấy hình ảnh này, thầy không biết vấn đề thực hư thế nào? Nhưng nếu vị này thật sự là người đã xuất gia thì thật hổ thẹn và đau lòng cho Tăng đoàn. Phật tử nhìn thấy cảnh này sẽ mất niềm tin với Tăng bảo, còn những người ngoại đạo nhìn thấy cảnh này sẽ phỉ báng, xúc phạm chư Tăng. Đây là một đại họa cho Phật giáo Việt Nam.

Có người đặt ra nghi vấn: Ông này có phải là thầy tu thật không hay là tu giả? Chúng ta làm sao biết ai tu thật ai tu giả? Mình tạm phân tích: Những người nào tu thật là những người phát tâm xuất gia vì bất kỳ một lý do nào đó. Sau khi xuất gia, họ giữ giới, sống đời Phạm hạnh và hướng đến mục đích giác ngộ giải thoát “trên cầu thành Phật, dưới độ chúng sinh”. Còn những người tu giả cũng cạo đầu, mặc áo cà sa và thọ giới như bao người xuất gia khác. Những người này có thể rơi vào một trong ba trường hợp:

Trường hợp thứ nhất: Gia đình có người cha đi tu, về sau người cha xây dựng được một ngôi

chùa hay tịnh thất, khi người cha qua đời người con muốn giữ ngôi chùa nên cạo tóc xuất gia. Mục đích của người này không phải tu tập nhằm chuyển hóa những phiền não, có được an lạc giải thoát, mà xuất gia để giữ ngôi chùa. Cho nên họ cũng có vợ, có con và ở trong chùa. Do đó, họ có những việc làm không đúng với Chính pháp.

Trường hợp thứ hai: Những người ban đầu xuất gia cũng thật tu, thế nhưng do lỗ phá giới, phạm dâm lại không thể hoàn tục nên đành phải rước “của nợ” về chùa ở. Thế là “ông thầy” có vợ, rồi sau đó có con. Chùa trở thành nhà và ông sư trở thành ông bố. Thấy tu nhưng lỗ vướng vào chuyện tình cảm nên không biết phải giải quyết làm sao! Người ta nói rằng: “Tiếc thay tay đã nhúng chàm, dại rồi còn biết khôn làm sao đây?”. Lỗ phóng lao thì phải theo lao. Lúc này, “ông sư” không còn là “thầy tu” mà đã trở thành “thầy cúng”, hằng ngày đi cúng kiếm tiền nuôi vợ, nuôi con rồi từ đó sinh ra ăn thịt và uống rượu, làm đủ chuyện sai trái. Phật tử biết được ông thầy thành ra như vậy nên không còn ai đến chùa. Đó là trường hợp thứ hai.

Trường hợp thứ ba: Những người nghèo khổ

lợi dụng chiếc áo người tu để kiểm chác chút đỉnh. Họ cũng cạo tóc rồi đi khát thực và vận động người này người khác để có tiền sinh sống. Những người này vì vật chất, chủ yếu vào chùa để kiếm tiền, hoặc giả làm người xuất gia để trục lợi.

Trong ba trường hợp trên thấy tu hát trong đám cưới rơi vào trường hợp thứ nhất hoặc thứ hai. Ông và gia đình đó rõ ràng có mối liên hệ với nhau nên những người kia cùng nhảy múa với ông. Không thể nào có chuyện một thầy tu tự nhiên lại đến đám cưới ca hát. Đây có thể là đám cưới của anh em, con cháu hoặc người thân của ông ta nên ông tham dự ca hát thoải mái và trong lúc hát mà nhảy múa là do đã say. Lúc ông vừa ôm cô gái, có người thấy vậy chạy lại can ngăn, nhưng thỉnh thoảng ông lại tiếp tục choàng tay qua ôm cô gái. Trường hợp thứ ba không thể xảy ra đối với người này vì một người lạ mặt đồ tu mà lang thang vào đám cưới nhà người ta chắc chắn họ sẽ đuổi ra ngoài, không thể nào có chuyện ca múa, vui vẻ, thân mật như vậy được.

Thời đức Phật còn tại thế Ngài đóng vai trò chủ chốt, còn chư Tăng trên cương vị hỗ trợ. Sau

khi đức Phật nhập diệt thì chư Tăng giữ trách nhiệm chính yếu kế tục con đường hoàng pháp: tu tập, làm việc và độ chúng. Chư Tăng thay đức Phật truyền bá Chính pháp, đồng thời là những người hướng đạo, là mẫu mực đạo đức để mọi người noi theo. Người ta đến với Tam bảo là vì chư Tăng và người ta mất niềm tin với Tam bảo cũng do chư Tăng. Hình ảnh chư Tăng oai nghi, giới hạnh sẽ giúp Phật tử và những người chưa hiểu biết Phật pháp có niềm tin. Ngược lại, chư Tăng mà phá giới, phạm dâm, buông lung phóng túng thì rất dễ làm người khác đánh mất niềm tin.

Một người xuất gia rất cao quý, họ đã dám hy sinh cuộc đời để sống vì Phật pháp và chúng sinh. Nếu đó là một người thật tu thì hình ảnh ấy rất cao đẹp, xứng đáng cho mọi người tôn kính, cúng dường. Thế nhưng, khi thấy hình ảnh một người xuất gia không ra gì, là chư Tăng khi nhìn cảnh đó thấy còn cảm thấy hổ thẹn, huống chi là những người Phật tử thì họ càng dễ dàng mất đi niềm tin.

Nếu trường hợp này không được phơi bày ra ánh sáng, đồng thời không bị lên án, không nghiêm trị, không giáo dục kịp thời thì thầy nghĩ

trong tương lai những chuyện tương tự sẽ xảy ra tràn lan. Đây là một trường hợp đáng buồn và nó là khởi đầu cho những tình trạng suy đồi mai sau. Nếu Giáo hội và Nhà nước không có biện pháp ngăn chặn mạnh tay thì chắc chắn nó sẽ phát triển nhiều hơn nữa. Bởi vì, người ta nghĩ đi tu như vậy quá sướng, vừa tu vừa làm được những chuyện như người thế tục, được ăn chơi thoải mái. Vậy thì ai mà chẳng muốn đi tu? Cái tốt ít người bắt chước, nhưng cái xấu thì người ta dễ dàng làm theo.

Sau khi xem đoạn video này thấy rất buồn cho Phật giáo Việt Nam. Gần đây trên các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng xã hội có đăng tải rất nhiều tin tức hình ảnh liên quan đến chư Tăng. Trong đó đa phần là những thông tin không tốt, những hình ảnh không đẹp, thậm chí rất tệ hại. Một vị tu sĩ Phật giáo có những hành động vi phạm giới luật, không phải chỉ cá nhân mang tiếng xấu mà tập thể chư Tăng cũng bị ảnh hưởng. Khi Phật tử thấy những hình ảnh đó, họ nhìn chư Tăng bằng ánh mắt nghi ngờ không biết mấy ông sư này tu ra sao và dần dần người ta mất đi niềm tin nơi Tam bảo.

Thầy vẫn thường nói với những vị xuất gia: “Nếu chúng ta đủ duyên thì cố gắng giữ hình tướng này tu tập. Còn nếu chúng ta hết duyên thì nên cởi áo người tu ra đời, một người thế tục có làm gì thì chỉ cá nhân chịu trách nhiệm”. Khi chúng ta mang chiếc áo người tu nhưng lại làm những điều sai trái, không đúng với giới luật hay vi phạm pháp luật, không những bản thân mình có tội mà còn gây ảnh hưởng xấu đến Tăng đoàn. Nói cách khác, mình ăn cơm Phật nhưng quay lại bôi nhọ đức Phật. Theo thầy nghĩ, đây là một tội lớn chứ không phải nhỏ!

Tại sao người ta nói dưới địa ngục có rất nhiều thầy tu? Làm thầy tu sao không về Cực Lạc mà lại ở dưới địa ngục chi vậy? Đó là do những thầy tu này phá giới, phạm dâm, không làm đúng theo những gì đức Phật dạy. Xuất gia là do mình tự nguyện, nếu không theo được, hoặc không sống được đời Phạm hạnh thì mình cứ việc ra đời, lúc đó mình làm gì thì làm cá nhân tự chịu trách nhiệm. Còn khi chúng ta mang hình tướng của một người xuất gia hãy nhớ rằng những việc mình làm đều ảnh hưởng đến cả Tăng đoàn và đức Phật. Mong

những vị xuất gia suy nghĩ những điều này để cố
gắng tu tập, hành trì cho đúng đắn. 

Ngày 14 tháng 3 năm 2015



Chuyện đồ ăn cúng người chết

Trong kinh *Tiểu Bộ*, có câu chuyện như sau:

“Một Bà la môn thông hiểu ba tập Vệ Đà, một danh sư nổi tiếng bốn phương, muốn cúng dường đồ ăn cho người chết, cho bắt một con dê và bảo các đệ tử.

– Nay các con thân, hãy dẫn con dê này đến sông, tắm cho nó, đeo vòng hoa ở cổ nó, cho nó ăn lúa độ nửa đấu, chải chuốt cho nó, rồi đem nó lại đây.

Các dê tử vâng lời, dắt dê đến sông, tắm cho nó, chải chuốt cho nó, rồi để nó đứng trên bờ sông. Con dê ấy thấy được việc của mình đã làm từ đời trước, suy nghĩ: “Hôm nay, ta sẽ được thoát đau khổ”, vì vậy nó cảm thấy sung sướng, cười lớn tiếng như đập bể cái ghè, lại nghĩ: “Bà la môn này, khi giết ta, sẽ chịu nỗi đau khổ của ta thuở trước”, nó khởi lòng thương hại người Bà la môn và khóc lớn tiếng. Các thanh niên ấy hỏi nó:

– Đây bạn, bạn cười lớn tiếng rồi khóc lớn tiếng. Vì nhân gì bạn cười, vì nhân gì bạn khóc?

– Hãy hỏi câu hỏi này trước mặt thầy các ông!

Họ đem con dê ấy đi và báo cáo cho thầy biết. Vị thầy nghe câu chuyện, hỏi con dê:

– Đây dê, sao người lại cười và sao người lại khóc?

Con dê nhờ trí biết được đời trước, nhớ đến việc đã làm của mình và nói với Bà la môn:

– Đây Bà la môn, thuở trước, giống như ông, ta là một Bà la môn học giỏi các chú thuật, muốn cúng dường đồ ăn cho người chết, đã giết một con dê để cúng dường. Chỉ vì giết một con dê, mà ta bị chém đầu trong bốn trăm chín mươi chín lần sống

chết. Nay là lần thứ năm trăm sống chết cuối cùng của ta. Hôm nay, ta sẽ thoát khỏi sự đau khổ ấy. Nghĩ vậy, ta cảm thấy sung sướng, do nhân duyên này ta cười. Còn ta khóc, vì ta nghĩ rằng chỉ vì giết một con dê, ta phải chịu khổ hình chặt đầu đến năm trăm lần. Hôm nay ta sẽ thoát cái khổ ấy. Nhưng Bà la môn này, vì giết ta, sẽ như ta chịu khổ hình chặt đầu trải năm trăm đời sống. Vì thương xót ông, nên ta khóc.

– Nay dê, chớ sợ, ta sẽ không giết người!

– Nay Bà la môn, ông nói gì thế? Dầu ông có giết ta hay không, hôm nay ta cũng không thể thoát chết!

– Nay dê, chớ sợ, ta sẽ bảo vệ người, sẽ cùng đi với người!

– Nay Bà la môn, nhờ nhoi thay là sự bảo vệ của ông và mạnh bạo thay là nghiệp ác ta làm! Vì Bà la môn thả con dê ra, nói với các đệ tử: “Chúng ta đừng cho ai giết con vật này!”. Và cùng với các đệ tử, vị Bà la môn đi theo con vật. Con dê vừa được thả, vươn cổ lên, đến bụi cỏ mọc sau lưng tảng đá ấy và bắt đầu ăn lá cỏ. Liền khi ấy, sét đánh trên lưng tảng đá ấy, một mảnh đá bị đánh vỡ, rơi

trên cổ con dê đang vươn ra và chặt đứt đầu. Nhiều người quy tụ lại xem”^[1].

Thời đại khoa học phát triển người ta sẽ không tin vào những chuyện có chi tiết vô lý như vậy. Thứ nhất, con dê biết nói. Thứ hai, con dê nhớ được tiền kiếp của mình. Thế nhưng, chúng ta phải biết câu chuyện này có ý nghĩa và tính giáo dục rất cao, dạy cho con người về nhân quả. Mình giết người thì sau này sẽ nhận quả báo bị người giết lại. Có những câu chuyện tuy không thực tế, nhưng qua phương thức diễn đạt dễ hiểu giúp chúng ta nhận được nhiều bài học rất giá trị! 

Ngày 8 tháng 2 năm 2015

^[1] ĐTKVN, kinh *Tiểu Bộ IV*, chương I, phẩm Giới, kinh *Chuyện Đồ Ăn Cúng Người Chết*, VNCPHVN ấn hành (2011), trang 139.



Bồ tát Di Lặc

Mỗi khi xuân về, các chùa thường thỉnh tượng Bồ tát Di Lặc đặt phía trước sân để Phật tử đến chiêm ngưỡng và lễ bái. Truyền thống này đã có từ rất lâu đời, nhưng có nhiều người không hiểu về lý do của việc làm đó. Ngài Di Lặc có phải là một nhân vật lịch sử hay không? Hình tượng Bồ tát Di Lặc mà Phật tử Việt Nam hiện nay đang tôn thờ có nguồn gốc từ đâu, mang ý nghĩa như thế

nào? Tại sao tượng của ngài Di Lặc lại được bài trí trong dịp Tết? Sau đây, thầy sẽ trình bày rõ những việc này cho đại chúng được biết.

Trong kinh *Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống*^[1], đức Phật Thích Ca Mâu Ni có nói về sự xuất hiện của Bồ tát Di Lặc trong tương lai. Giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni theo định luật vô thường cũng sẽ bị hoại diệt với thời gian. Chính pháp suy yếu dẫn đến một lúc nào đó rồi mất hẳn, kinh điển và Tăng Ni cũng không còn tồn tại trên thế gian. Thế giới bắt đầu rơi vào thời kỳ tăm tối không có Chính pháp. Các thiện pháp bị tổn giảm, ác pháp tăng trưởng. Lúc này, tuổi thọ của loài người sẽ giảm dần cho đến khi chỉ còn mười tuổi. Người ta bắt đầu cảm thấy sợ hãi điều ác nên đã làm các điều thiện như giữ giới, bố thí và tham thiền, nhờ đó tuổi thọ lại được tăng lên dần, cho đến khi tuổi thọ của loài người lên đến tám mươi bốn nghìn tuổi, trong thời gian này Bồ tát Di Lặc ra đời. Đây là đoạn kinh nói về việc đó: “*Này các tỳ kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn*

^[1] ĐTKVN, kinh Trường Bộ II, kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống, VNCPHVN ấn hành (2001), trang 381.

tuổi, có Thế Tôn tên là Metteyya sẽ ra đời, là vị A La Hán, Chính Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn như Ta nay sinh ra ở đời này, là bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị này tự mình biết, chứng và tuyên thuyết quả đất này gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, thế giới này với Sa môn, Bà la môn, loài trời, loài người như Ta hiện nay tự mình biết, chứng và tuyên thuyết quả đất này gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới. Thế giới này với Sa môn, Bà la môn, loài trời và loài người. Vị này sẽ thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh như Ta hiện nay thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa lý văn tự đầy đủ và tuyên thuyết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Vị này sẽ có khoảng vài nghìn vị tỳ kheo Tăng đoàn vây như Ta hiện nay có khoảng vài trăm vị tỳ kheo Tăng đoàn vây vậy”.

Có thể nói Bồ tát Di Lặc là một nhân vật lịch

sử được kinh điển ghi lại. Thời đức Phật còn tại thế, ngài là một vị tỳ kheo được đức Phật Thích Ca Mâu Ni thọ ký trong tương lai sẽ trở thành vị Phật tiếp theo trên quả địa cầu trong thời kỳ Hiền kiếp này. Thế nhưng, hiện tại ngài chưa thành Phật mà vẫn còn là một vị Bồ tát bất thối đang trong thời kỳ vun bồi các công hạnh Ba la mật. Có thể, ngài đang ở trong các cảnh giới của trời và người để thực hành thiện pháp. Đây là điều được cả hai hệ phái Nam truyền và Bắc truyền công nhận.

Một số tôn giáo như Cao Đài, Hòa Hảo hay Thông Thiên Học có đưa ra những học thuyết tu tập là chờ đợi để được tham dự vào hội Long Hoa của Bồ tát Di Lặc. Tiêu biểu nhất là đạo Bửu Sơn Kỳ Hương do Phật thầy Tây An Đoàn Minh Huyền sáng lập, họ còn cho rằng Bồ tát Di Lặc sau này sẽ ra đời ở vùng Thất Sơn ở An Giang. Nhưng các đạo này phần nhiều xen vào những tín ngưỡng về Thượng đế Chí Tôn. Tư tưởng Phật giáo pha lẫn với quan điểm của người truyền đạo dẫn đến nhiều điều sai lệch mà những người không có sự tìm hiểu kỹ dễ rơi vào nhầm lẫn.

Một số Phật tử tha thiết mong được tái sinh

về cõi trời Đâu suất nội viện để được tu tập cùng Bồ tát Di Lặc, xem cõi trời Đâu suất là một cảnh giới Tịnh độ. Tư tưởng này được bắt nguồn từ Ấn Độ nhưng phát triển mạnh ở Trung Quốc. Sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập Niết bàn, tín ngưỡng về Bồ tát Di Lặc hạ sinh đã hình thành, đến khoảng thế kỷ thứ IV thì phổ biến toàn cõi Ấn Độ. Ngài Di Lặc ở nội viện của cung trời Đâu suất được tôn xưng là Tổ sư của Duy Thức tông, tương truyền ngài là tác giả năm bộ luận nổi tiếng làm nền tảng cho Duy thức học Phật giáo Phát triển đến hoàn thiện. Thời Đông Tấn, ngài Đạo An (312 – 385) đã xiển dương tín ngưỡng Di Lặc, cầu sinh Tịnh độ Đâu suất. Khi ngài Huyền Trang (596 – 664) du học Ấn Độ đã học tập, kế thừa trọn vẹn tư tưởng Duy thức học, mang tín ngưỡng Di Lặc về truyền bá sâu rộng ở Trung Quốc và các nước Đông Nam Á. Trong khoảng từ thế kỷ thứ V đến thế kỷ thứ VIII, tư tưởng cầu sinh Tịnh độ Đâu suất phát triển rực rỡ. Những người cầu xin được về cõi Đâu suất để sau này ngài Di Lặc thành Phật sẽ cùng xuống nhân gian để tham dự pháp hội. Đó đều là những tư tưởng hình thành trong các giai

đoạn sau, không được đức Phật Thích Ca Mâu Ni khuyến khích và chỉ dạy. Đức Phật chỉ nói y cứ vào những pháp mà Ngài đã thuyết để tu tập và chứng đắc đạo quả, vì giáo pháp vẫn còn đó chưa hoại diệt nên mình có thể tin tưởng và tu tập theo.

Hình tượng Bồ tát Di Lặc tại những quốc gia theo Phật giáo có sự khác biệt khá rõ rệt. Tượng Bồ tát Di Lặc tại Ấn Độ, Tây Tạng, Trung Quốc, Hàn Quốc,... qua từng giai đoạn lịch sử khác nhau đều không giống nhau. Nguyên nhân là hình tượng Phật được con người tưởng tượng mà khắc vẽ lên, tâm thức và quan điểm nghệ thuật của mỗi thời kỳ sẽ có sự sai khác nên tác phẩm mà họ tạo ra cũng thể hiện những tính chất riêng biệt. Tượng Bồ tát Di Lặc mà các chùa Việt Nam đang thờ là hình ảnh một vị Hòa thượng để áo hở ngực, miệng cười toe toét, bụng lớn, người to mập,... Hình tượng này do người đời sau dựa vào câu chuyện về Bồ Đại Hòa thượng sống vào triều Lương, đời Ngũ Đại thuộc thế kỷ thứ X bên Trung Quốc kể lại.

Theo *Cảnh đức truyền đăng lục*, quê ngài ở Minh Châu, huyện Phụng Hóa, vùng Chiết Giang ngày nay. Không ai rõ tên họ ngài là gì, chỉ biết ngài

tự xưng là Bồ Đại Hòa thượng, nghĩa là Hòa thượng Túi Vải. Tướng người to mập, trán hẹp, bụng lớn, như trong các tranh vẽ thường thấy ngày nay. Nói năng vô định, ngủ thì tùy chỗ; thường dùng một cây gậy để quảy một cái túi vải, hễ ai cúng cho món gì, ngài bỏ cả vào trong túi. Vào chợ, vào xóm, thấy cái gì là xin cái đó, bất kể cá ươn hay rau thúi. Xin được, bỏ vào miệng; còn lại thì bỏ vào túi. Người thời bấy giờ gọi là “Trường Đinh Tử Bồ Đại sư”, tức là “Ông sư túi vải cây đinh dài”.

Có lần ngài nằm trong tuyết mà tuyết không thấm ướt đến mình. Người ta thấy thế cho rằng ngài là một nhân vật kỳ lạ. Nếu ngài đến xin đồ ở hàng bán của ai, hàng đó nhất định sẽ bán chạy. Trời sắp sửa mưa, chắc chắn người ta sẽ thấy ngài mang đôi guốc gỗ dẫm ướt đi bươn bả trên đường. Lúc trời hứa hẹn một ngày nắng ráo, người ta thấy ngài treo cao đôi guốc gỗ trên cầu, nằm co chân mà ngủ. Người dân lấy đó mà nghiệm thì có thể biết thời tiết sẽ tới. Cuộc đời ngài để lại một số giai thoại đầy ẩn ngữ.

Lần nọ, Hòa thượng Bạch Lộc hỏi ngài:

– Túi vải là thế nào?

Ngài bỏ túi vải xuống. Hòa thượng Bạch Lộc lại hỏi nữa:

– Cái việc của túi vải là thế nào?

Ngài quảy lên vai mà đi. Lần khác, Hòa thượng Tiên Bảo Phúc hỏi:

– Chỗ cốt yếu của Phật pháp là thế nào?

Ngài bỏ túi vải xuống, khoanh tay đứng. Hòa thượng Bảo Phúc nói:

– Chỉ có vậy, hay có cái gì khác hơn nữa?

Ngài liền quảy lên vai mà đi. Những câu chuyện này mang ý nghĩa thiền học, những người nghiên cứu về Thiền tông Trung Hoa xem đó như là các công án.

Một hôm, ngài sắp thị tịch mới trở về chùa. Ngồi bên bàn thạch, ngài làm một bài kệ rồi viên tịch. Bài kệ đó như thế này:

Di Lặc chân Di Lặc

Phân thân thiên bách ức

Thời thời thị thời nhân

Thời nhân tự bất thức.

Đại ý bài kệ là “Di Lặc thật Di Lặc. Phân thân trong muôn ức. Thường thường chỉ dạy người đời. Người đời tự không biết”. Nhờ bài kệ đó mà người

ta cho rằng Bồ Đại Hòa thượng là hóa thân của Bồ tát Di Lặc. Nhưng đó cũng chỉ là những câu chuyện được ghi chép lại trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, chúng ta không thể biết rõ thực hư như thế nào.

Có một điều rất thực tế là hình tượng Bồ tát Di Lặc có nhiều ý nghĩa đặc biệt. Nụ cười của ngài khiến cho người nhìn vào khởi tâm hoan hỷ. Ngài tượng trưng cho tâm từ bi, hỷ xả, tha thứ và bao dung với dáng vẻ an lạc. Ngài Di Lặc là đức Phật sẽ xuất hiện trong tương lai nên chưa ai thấy hình tượng như thế nào, nhưng mình bài trí hình tượng với dáng người vui vẻ như thế sẽ giúp cho các Phật tử có được niềm an lạc khi đến viếng chùa trong những dịp đầu xuân.

Ngày Tết còn được gọi là xuân Di Lặc, vì các Phật tử xem ngày mồng một tháng Giêng là ngày kỉ niệm của ngài. Người ta tin rằng vào ngày đầu tiên của năm, nếu đến chùa thấy được hình ảnh Bồ tát Di Lặc cười vui vẻ thì sẽ được may mắn cả năm. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng đó chỉ là mong muốn; đau khổ hay hạnh phúc đều do chính bản thân của mỗi người, vì khi chúng ta thực hành

hạnh buông xả, từ bi và trí tuệ mới có được an vui. Chúng ta được nhìn thấy tượng của ngài thì tâm tư cũng hoan hỷ. Muốn được như vậy, chúng ta phải có tâm từ bi mỗi ngày, tha thứ bao dung trong cả năm, nhất là mình phải có sự tu tập chính niệm tỉnh giác.

Một số tranh ảnh vẽ đức Di Lặc có sáu đứa trẻ vây quanh: đứa móc lỗ mũi, đứa ngoáy lỗ tai, đứa thọc vào bụng,... mặc dù đám trẻ con này đùa giỡn, chọc phá nhưng ngài vẫn luôn cười. Hình ảnh này thể hiện được sự tự tại trong trần cảnh của một người tu hạnh giải thoát. Sáu đứa trẻ tiêu biểu cho sáu trần. Một người tu làm chủ sáu căn, không để bị dính mắc vào sáu trần mới có thể tiến đến quả vị Phật. Nếu tâm chúng ta bị các trần quấy nhiễu thì thế nào cũng bị phiền não, không thể hoan hỷ được. Khi tâm thanh tịnh và chiến thắng sáu loại giặc này mới mong được tự tại và an vui.

Trong kinh có một thí dụ kể về một cái thành có sáu cửa với sáu người lính gác. Nếu một chú lính gác ở bất kỳ cửa nào ngủ gục hay lơ là thì quân giặc sẽ đột nhập vào chiếm lấy thành, người trong thành sẽ bị bắt làm nô lệ hoặc bị giết chết. Đức

Phật ví chúng ta như cái thành với sáu cánh cửa là sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nếu để bị sáu trần hấp dẫn, lôi cuốn thì cũng giống như người lính giữ cửa buông lung, lơ là bị sáu loại giặc này tấn công.

Vua Trần Thái Tông viết bài thơ nổi tiếng, với ý nghĩa như sau:

*“Lưỡi vương vị ngon, tai vương tiếng,
Mắt theo hình sắc, mũi theo hương,
Lênh đên làm khách phong trần mãi,
Ngày hết quê xa vạn dặm đường”.*

Giặc đột nhập vào phá tan thành, bắt người trong thành làm nô lệ hoặc giết chết. Một khi chúng ta không làm chủ được sáu căn của mình thì sáu trần trở thành giặc phá hủy những thiện pháp, mình sẽ bị trôi lăn trong sinh tử luân hồi nhiều đời nhiều kiếp.

Hình tượng của ngài Di Lặc thể hiện được tâm từ bi, hỷ xả, tha thứ, bao dung, ẩn tàng công phu chiến thắng nội tâm đối với sáu trần. Một khi chiến thắng được sáu trần thì bản thân mới có được tự tại và an lạc. Nếu chúng ta buông lung, giải đãi, để

mặc sáu trần lôi kéo thì mình sẽ sống trong phiền não và khổ đau.

Vào dịp Tết, các chùa thường hay thỉnh tượng Bồ tát Di Lặc bài trí trước sân để khách thập phương đến viếng, khởi tâm hoan hỷ, tâm hồn cảm thấy vui tươi, mát mẻ. Người Phật tử phải hiểu ý nghĩa của từng hình tượng Phật khi đến chùa. Nếu không tìm hiểu thì mình dễ rơi vào mê tín dị đoan. Nhiều người nghe theo các thầy phong thủy, họ nói tượng Bồ tát Di Lặc thờ trong nhà đem lại may mắn nên ai cũng thích thỉnh về bài trí. Nếu tượng Phật được xem như một vật trang trí phong thủy thì đâu còn ý nghĩa gì nữa! Mình để tượng ngài Di Lặc trong nhà như một lời nhắc nhở, trong cuộc sống chúng ta phải có được niềm vui, thanh thản, nhẹ nhàng. Niềm an lạc và hạnh phúc xuất phát từ tâm từ bi, hỷ xả, bao dung, tha thứ, yêu thương và chiến thắng lục trần. 

Ngày 19 tháng 12 năm 2012





Tống táng đơn giản

Tất cả sự vật tồn tại trên cuộc đời này đều theo quy luật “sinh, trụ, di, diệt” hoặc là “thành, trụ, hoại, không”. Thời đức Phật còn tại thế, khi Vua Tịnh Phạn lâm bệnh nặng sắp băng hà, đức Phật trở về hoàng cung thăm, nhưng Ngài cũng không thể cứu được vua cha, mà Ngài chỉ hướng dẫn ông phương pháp thực tập chính niệm tỉnh giác để có thể ra đi được nhẹ nhàng và thanh thản.

Khi đức Phật tám mươi tuổi, Ngài cũng thuận theo luật vô thường mà bỏ lại thân tứ đại để nhập Niết bàn. Như vậy, tất cả chúng ta rồi sẽ trải qua sinh, già, bệnh, chết, không ai tránh khỏi những điều này dù người đó là bác sĩ hay một thầy thuốc giỏi.

Thỉnh thoảng, trên báo vẫn đăng tin về những bác sĩ khoảng ba mươi, bốn mươi hay năm mươi tuổi mà đã mất. Bác sĩ là những người biết rất rõ về cơ thể và bệnh tật, thế nhưng họ vẫn phải chết ở độ tuổi còn rất trẻ. Vì thế, chúng ta phải hiểu sự sống chết của con người phụ thuộc vào mạng căn. Số mạng người đó chỉ thọ được bao nhiêu tuổi, dù bác sĩ hay người nào cũng thế, trong đạo Phật gọi là nghiệp báo.

Tuổi thọ của mỗi người tùy theo nghiệp, nếu đời trước sát sinh ít thì đời này tuổi thọ cao, còn đời trước sát sinh nhiều thì đời này tuổi thọ ngắn. Sống và chết là chuyện rất bình thường trong cuộc sống, không có gì quan trọng. Đối với người học Phật, quan trọng là chúng ta tu tập như thế nào để hiện đời có được an lạc, đời sau được sinh làm người hay về các cõi trời hoặc cõi Phật có thân tướng trang nghiêm, trí tuệ sáng suốt tu tập cho

đến khi thành tựu đạo quả.

Hiện tại, thầy có cụ thân sinh đang ở chùa, năm nay bà đã hơn tám mươi tuổi nên sức khỏe rất yếu và không thể đi lại được. Đây là điều không ai tránh khỏi. Thầy rất mong chư Tăng cũng như Phật tử có lòng thì tu tập hồi hướng cho bà, chúng ta hạn chế đến thăm và không thông báo cho nhiều người biết. Hôm qua, một số cụ ở khu dưỡng lão đến thăm và báo cho các Phật tử bên ngoài nên có nhiều người vào thăm.

Người bệnh rất cần sự yên tĩnh. Nếu chúng ta vào thăm thì người bệnh phải tiếp khách, như vậy sẽ mệt hơn! Có những vị Hòa thượng khi bệnh phải đi nhập viện, chư Tăng Ni và Phật tử biết tin đến thăm rất đông, Hòa thượng lại phải tiếp khách không có thời gian nghỉ dưỡng và chữa bệnh. Cho nên chúng ta hoan hỷ hạn chế thăm bà, nếu ai đến thăm thì chỉ đứng bên ngoài không nên vào gặp. Biết rằng mình quan tâm nhưng chính điều đó lại làm phiền người bệnh.

Vấn đề thứ hai là sau khi bà cụ nhắm mắt thầy cũng mong quý vị không thông báo cho bất cứ ai. Theo thầy nghĩ tình cảm được thể hiện lúc còn

sống. Người ta nói: “Sống không cho ăn, chết làm văn cúng ruồi”. Nhiều người có cha mẹ khi còn sống đối xử không ra gì, đến khi chết lại làm đám tang cho rình rang, xây mồ to mả đẹp, làm như vậy là giả dối, không đem lại lợi ích. Khi chúng ta nhắm mắt thân xác này đã trở thành vật vô tri vô giác, cát bụi lại trở về với cát bụi.

Khi thầy qua Ấn Độ và Tây Tạng, thầy thấy người dân nước họ xem việc chết rất bình thường, không có gì quan trọng. Đối với người Ấn Độ, nếu chết vào buổi sáng thì buổi chiều người ta đem đi thiêu, sau khi thiêu xong đổ luôn tro xuống sông, có người bỏ tro ngay tại chỗ thiêu. Họ không làm đám tang, không cúng bái, không thờ bài vị hay hình ảnh. Đối với người Tây Tạng, sau khi chết họ đem xác lên núi cho kên kên ăn. Người Tây Tạng quan niệm rằng sau khi chết được kên kên ăn hết thịt là có phước báu.

Đức Phật dạy trong vòng sinh tử luân hồi, chúng ta không chỉ sinh ra trong một đời, mà mình đã từng chết đi rồi tái sinh trở lại qua nhiều cảnh giới từ vô thủy kiếp đến nay. Do vậy, có thể ai cũng đã từng trải qua các kiếp làm người, làm thú,

đọa địa ngục, ngã quỷ. Trong vòng luân hồi nước mắt của chúng sinh còn nhiều hơn nước của bốn biển, cho nên thân xác này không là gì cả.

Ngoài xã hội khi gia đình có người thân mất, người ta làm đám tang cho rình rang để công bố với mọi người là gia đình mình có người mất. Thứ nữa, có những người làm như vậy với mục đích lấy tiền phúng điếu. Ngày xưa, mình đi đám tang nhà họ một nghìn đồng, còn bây giờ đám tang nhà mình người ta đi lại một nghìn đồng. Họ còn bày ra đủ các lễ nghi, mất thời gian đến ba bốn ngày, giết con vật này, con vật kia để cúng bái, làm tiệc đãi khách. Tổ chức tang lễ như thế vừa tốn hao sức lực, vừa tốn tiền của lại tạo thêm tội lỗi, không có lợi ích gì.

Chúng ta là những người đã biết Phật pháp dù là người xuất gia hay Phật tử tại gia cũng không nên làm những chuyện như vậy! Thấy nghĩ mình càng bày vẽ thì càng làm phiền người khác, mất thời gian và lại phải mắc nợ. Ngoài thế gian, người ta nghĩ có qua có lại để giúp đỡ lẫn nhau, nhưng chúng ta không cần như thế! Do vậy, thầy thường nói với mọi người trong chùa là khi có ai mất chỉ

để trong vòng một ngày một đêm là đủ.

Con người thường mong muốn được sống thật lâu, nhưng theo thầy điều quan trọng là phải có sức khỏe và làm lợi ích cho mọi người. Nếu sống lâu mà bệnh tật, không giúp gì được cho mọi người thì cũng vô ích. Hôm trước, thầy nghe bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc nói một câu rất hay là khi nhìn mẹ mình già cả đau bệnh nhưng chết không được, bác sĩ nghĩ rằng: “Nếu bà cụ chết đi rồi tái sinh thành một người con gái khỏe mạnh thì tốt hơn là mang thân hình già yếu bệnh tật”. Đúng như vậy, nếu mình đổi thân già bệnh để có được một thân khác khỏe mạnh thì tốt hơn rất nhiều.

Vấn đề sống chết là chuyện đương nhiên, thầy cũng không muốn vì chuyện riêng của bản thân gia đình thầy mà làm phiền mọi người. Do đó, nếu quý thầy và đại chúng có thương thầy mong mọi người hoan hỷ không thông báo về vấn đề bệnh và việc ra đi sau này của bà cụ thân sinh cho bất kỳ ai, việc này chùa chúng ta đủ sức lo liệu. Đây là lời khuyên rất chân thành và thiết tha, các vị hoan hỷ để cho bà cụ được yên tĩnh, cũng xin đừng làm phiền những người khác.

Hiện nay, nhiều người đã có tư tưởng rất tiến bộ, họ hiểu được tinh thần vô ngã của người Tây Tạng cho nên đăng ký hiến xác cho khoa học sau khi mất. Khi nhận được xác của người hiến, họ sẽ dùng xác đó để những sinh viên ngành y thực tập mổ xẻ và nghiên cứu. Sau này vận dụng kiến thức để giúp bệnh nhân, giúp con cháu của chúng ta. Tiêu biểu trong Phật giáo có Hòa thượng Từ Thông đã làm đơn hiến xác cho khoa học. Như vậy, chúng ta không nên đặt nặng vấn đề sau khi mất, bởi vì thân thể này chỉ là “cát bụi trả về cho cát bụi”. Khi sống làm được gì lợi ích cho mọi người thì chúng ta hãy cố gắng làm, còn khi mất không nên làm đám rườm rà, cúng bái mất thời giờ lại thêm tổn công, tổn của. 

Ngày 3 tháng 3 năm 2015



Kiến chấp sai lầm

Trong một gia đình nọ có người cha rất mê tín. Tất cả công việc gia đình hay chuyện làm ăn ông đều mời thầy bói đến đoán trước. Ông ta có một người con trai rất thông minh và học giỏi. Anh này lại không tin vào việc bói toán hay tiên đoán quá khứ, vị lai. Anh thường khuyên cha không nên tin vào những chuyện mơ hồ này, nhưng anh không đủ sức thuyết phục để làm thay đổi suy nghĩ của

người cha. Bởi lẽ trong gia đình người cha vẫn là người lớn nhất, có quyền quyết định mọi việc. Dù người con cố gắng thuyết phục bằng mọi cách, nhưng người cha vẫn nhất mực không nghe.

Một hôm, người cha rước một thầy bói ở phương xa về nhà, vì nghe người ta nói vị này thần thông quảng đại biết được chuyện quá khứ, vị lai. Khi thầy bói bước vào nhà ngồi được một lúc, tự nhiên ông ta cười một cách bí ẩn. Thấy lạ người cha hỏi:

– Sao thầy lại cười?

Ông thầy bói trả lời:

– Cách đây khoảng hơn năm mươi dặm có một ngọn núi, dưới núi có một dòng suối, bên cạnh dòng suối có cái cây, trên cây có một con khỉ, không biết con khỉ đó đã đùa giỡn như thế nào mà rớt xuống cái ao. Tôi thấy buồn cười quá nên tôi cười.

Người cha nghe thầy bói nói rất nể phục:

– Chà! Ông này có thần thông quảng đại thật! Ngồi ở đây mà thấy được những chuyện cách xa tới hơn năm mươi dặm, biết được một con khỉ từ trên cây té xuống ao.

Người con lúc đó cũng ngồi nghe nhưng không dám nói gì vì người cha đang có mặt và ông lại rất tin lời thầy bói. Sau đó ba người ngồi chơi, nói chuyện, uống nước. Anh con trai lúc này hỏi:

– Thưa thầy, cây kiểng nho nhỏ trước nhà con không biết được bao nhiêu lá hả thầy?

Ông thầy bói hơi “bí” và lúng túng đáp:

– Chuyện đếm lá là việc cởn con, thầy không bận tâm. Thấy có thể nhìn thấy được những chuyện lớn hơn, còn chuyện nhỏ nhặt này có biết cũng không được gì, có đếm cũng không được lợi ích gì.

Anh con trai lại hỏi tiếp:

– Vậy hả thầy, nếu đã thấy được những chuyện ở xa thầy có biết đằng sau nhà con có cây gì không?

Lúc này ông ta ú ớ, không biết nói gì, quá xấu hổ nên ông đành khăn gói rút lui.

Chúng ta thấy rõ ràng ông thầy bói này đang cố ý lừa gạt, đến nhà người ta nói rằng mình thấy những thứ cách đó hơn năm mươi dặm nghe có vẻ tinh thông, nhưng khi bị hỏi những thứ ngay trước mắt thì lại không biết trả lời.

Có những người hay tin vào chuyện vu vơ và

những điều xa vời, hoặc việc đoán trước quá khứ, vị lai,... Cái gì mình không biết, không thấy thì dễ bị người ta lừa, còn những điều mình biết rõ thì người ta khó lừa được. Vẽ chó, vẽ ngựa thì khó nhưng vẽ ma, vẽ quỷ thì dễ.

Cách đây hai hôm, có một phụ nữ đến xin gặp thầy, bà nói:

– Hôm nay đến chùa, nhất định con phải gặp được thầy.

Thầy hỏi:

– Bà gặp thầy có việc gì không?

Bà ấy nói:

– Bây giờ, mỗi lần cầu nguyện con đều có được cảm ứng.

Thầy hỏi:

– Cảm ứng ra làm sao?

Bà ấy trả lời:

– Bể trên cho biết trước cái này cái kia, như vậy có đúng là được sự gia hộ không thầy?

Thầy hỏi:

– Bể trên mà bà nói là ai?

Bà ấy thưa:

– Dạ, là Bồ tát Quán Thế Âm.

Thầy hỏi tiếp:

– Bồ tát Quán Thế Âm nói gì với bà?

Bà ấy trả lời:

– Người không nói gì với con cả.

Thầy hỏi:

– Thế bà nói cảm ứng là cảm ứng làm sao? Bồ tát Quán Thế Âm không nói thì làm sao bà biết?

Bà trả lời:

– Lúc cầu nguyện nếu cầu điều gì mà bề trên cho thì cả người con lắng lữ, còn nếu bề trên không cho thì ngồi im luôn. Giống như hôm nay con cầu nguyện lên chùa gặp được thầy thì bề trên cho lắng lữ nên khi con đến là được gặp thầy ngay. Nếu việc gì bề trên không cho, có nghĩa là không có cảm ứng người con im ru vậy thôi.

Thầy nói:

– Sao các thầy, các Sư cô tu mấy chục năm mà chẳng thấy cảm ứng gì mà bà lại được cảm ứng hay quá vậy?

Bà nói:

– Chắc là do con có căn duyên nên mới được như vậy.

Thầy nói:

– Thôi, bà hãy bỏ tư tưởng đó đi, đừng tin theo những điều như vậy, đó chỉ là ảo tưởng chứ không phải cảm ứng gì đâu! Coi chừng sau này bà bị ma nhập đó.

Bà nói tiếp:

– Ma nhập sao được, việc này rõ ràng là chính chứ đâu phải là tà, bởi vì con làm việc này để cứu nhân độ thế.

Thầy khuyên:

– Thôi, bà đừng làm những việc như thế, mình tu học Phật pháp, sau đó đem lời đức Phật dạy áp dụng vào đời sống để có được an lạc, hạnh phúc. Nếu được thì sử dụng những kiến thức Phật pháp, kinh nghiệm tu tập để hướng dẫn cho người khác chứ đừng nên chạy theo những chuyện cảm ứng, người này nhập, người kia nhập, có khi rơi vào tà đạo lúc nào không biết.

Bà nói lại:

– Việc này rõ ràng không phải là tà đạo, bởi vì khi con cầu nguyện những việc cảm ứng đều là những điều tốt không có gì xấu.

Vì lúc đó cũng đã đến giờ cơm trưa, thầy nói:

– Thôi tới giờ ăn cơm rồi mời bà đi ăn cơm đi!

Thầy biết rằng khuyên những người mê tín như thế này rất khó. Giống như câu chuyện của người con và người cha, người con thuyết phục cha để thay đổi tư duy là cả một vấn đề, vì ông đã quá tin tưởng vào những suy nghĩ của bản thân, bây giờ người con nói khác đi thì người cha cũng không nghe. Bà này cũng thế, bà tự cho mình là đúng, không có gì là tà bởi bà cũng tu, cũng niệm Phật, cũng cầu nguyện, khi nào bề trên cảm ứng thì tự nhiên lắng nghe người vậy thôi. Khi người ta đã cho là đúng thì mình có nói như thế nào họ cũng không nghe, dù hiểu biết Phật pháp nhưng khi có một kiến chấp sai lầm thì khó mà thay đổi được quan niệm của họ. Vì vậy, thay đổi được bản tính hay nhận định sai lầm của một con người (gọi đó là tà kiến) là một điều không dễ dàng.

Chúng ta tu học Phật pháp thì đừng để mình rơi vào biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ. Những quan niệm lệch lạc, sai lầm dẫn mình đi sai đường, không đúng với Chính pháp, thậm chí là mê tín dị đoan. Do đó, trong sự tu học mỗi người cần phải nghiên cứu Phật pháp cho thật thấu đáo. Đặc biệt là người xuất gia chúng ta cần

phải hiểu lời Phật dạy một cách chính xác, đừng mê mờ chạy theo những điều mộng mị, huyền bí và huyền hoặc rồi rơi vào tà đạo lúc nào không hay, từ đó mình hướng dẫn Phật tử sai lạc không theo đúng Chính pháp. 

Ngày 10 tháng 3 năm 2015



Thương thì nói tốt nói hay
Ghét thì nói đả đàng nói cay hơn gừng.

- THANH LƯƠNG -



Trách nhiệm của ai?

Trong Khóa tu Phật thất lần thứ 78, thầy có nói chuyện với quý Phật tử về đề tài: “Trách nhiệm của ai”. Chư Tăng và Phật tử chùa mình nên nghe bài giảng này để nắm được phương pháp tu tập pháp môn Tịnh độ, cũng như những âm mưu phá hoại Phật giáo của ngoại đạo.

Trong thời gian gần đây, có nhiều người lên tiếng: “Hành giả tu theo pháp môn Tịnh độ – niệm

Phật cầu vãng sinh là những người cầu chết”. Không khéo, chúng ta vô tình biến đạo Phật thành đạo bi quan, yếm thế. Thời đức Phật còn tại thế, Ngài đâu có dạy như vậy. Đức Phật khuyên chúng ta làm lành, lánh dữ và giữ tâm ý trong sạch. Người ta đến tinh xá nghe thuyết giảng và tu học Phật pháp, thực hành lời Phật dạy để có được an lạc và từ đó hạnh phúc ngay trong hiện đời.

Thầy thường phân tích pháp môn Tịnh độ theo ý nghĩa: “Tịnh” là trong sạch; “độ” là “quốc độ” hay cõi nước, trú xứ, nói một cách đơn giản là nơi ở. “Tịnh độ” tức là cõi nước trong sạch. Muốn đến được nơi trong sạch thì tâm mình cũng phải trong sạch. Như vậy, tu pháp môn Tịnh độ không phải là cầu chết mà làm cho ba nghiệp được thanh tịnh. “Thường niệm Phật Di Đà, ý chẳng nghĩ điều tà, miệng không nói điều ngoa, thân lánh xa việc ác”, đó là tu Tịnh độ.

Khi ba nghiệp trong sạch, chúng ta thấy được cảnh giới Tịnh độ ngay trong cõi đời uế trước này. Mọi người trên thế giới, nếu ai cũng giữ cho ba nghiệp trong sạch thì quốc độ ta đang ở chính là Tịnh độ. Pháp môn này có những điều hay như thế,

lợi ích như thế, cao thượng như thế mà chúng ta không khai thác.

Nói đến pháp môn Tịnh độ, có người lại nghĩ ngay đến việc niệm Phật cầu vãng sinh. Không lẽ đối với đứa con nít mình cũng dạy nó niệm Phật cầu vãng sinh, rồi những người vào chùa tổ chức lễ Hằng thuận, mình cũng khuyên: “Hai người sau khi cưới nhau về cố gắng niệm Phật để sớm được vãng sinh”. Mình khuyên như vậy có được không? Chúng ta phải khuyên người ta như thế nào cho hợp lý: “Niệm Phật để tạo ra công đức, phước báu. Niệm Phật để không khởi tà niệm giúp tâm được thanh tịnh, từ đó có an lạc”. Chúng ta phải biết ứng dụng câu Phật hiệu cho mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp, mọi thành phần trong xã hội thì đạo Phật mới phát triển và phổ biến.

Tiếp đến là vấn đề người chết có được vãng sinh hay không, điều đó không hoàn toàn phụ thuộc vào vị thầy khai thị hay Ban Hộ niệm, mà do chính ý nghĩ hay sự tu tập của người sắp mất. Hộ niệm là gì? Là giúp cho người ta nhớ Phật, niệm Phật. Không phải vị thầy đến hướng dẫn hộ niệm là một ông Thần có thể đưa thần thức người

chết về cảnh giới Tây phương, hay Ban Hộ niệm có khả năng thỉnh đức Phật đến rước. Có người lâu nay suy nghĩ như thế rồi tôn vinh những thầy hộ niệm có năng lực đặc biệt. Nhiều người chuyển tay nhau bằng đĩa về những buổi hộ niệm rồi nói: “Vị thầy này giỏi lắm! Hộ niệm cho người nào thì người đó đều được vãng sinh hết”. Thế là người nhà của những cụ già bệnh sắp chết đưa họ đến chùa của vị thầy đó để nằm chờ thầy hộ niệm cho được vãng sinh.

Chúng ta là người tu học Phật pháp, nhưng lại rất dễ rơi vào mê tín dị đoan. Không có thầy nào có khả năng thỉnh mời Phật đến rước. Bản thân thầy đó khi chết còn chưa chắc được Phật tiếp dẫn đừng nói đến việc mời Phật đến rước người khác. Được vãng sinh hay không do người mất có thiện căn, phước đức, chính niệm tỉnh giác hay không. Có được những điều đó thì khi lâm chung chúng ta mới mong được sinh về cảnh giới lành, không phải chỉ cầu mà được.

Chúng ta hay mắc phải bệnh thần tượng. Khi ngưỡng mộ người nào đó quá mức mình thần thánh hóa vị đó lên bằng những năng lực siêu

nhiên do chính mình tưởng tượng ra, từ đó rơi vào mê tín dị đoan. Đức Phật dạy trong kinh *Pháp Cú*:

*“Tự mình, điều ác làm
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình, ác không làm,
Tự mình làm thanh tịnh.
Tịnh, không tịnh tự mình,
Không ai thanh tịnh ai!”*^[1].

Phật không có khả năng cho mình siêu thoát hay bắt mình đọa lạc. Lâu nay do thiếu suy xét Phật tử thường rơi vào tình trạng nghe mà không suy nghĩ, thấy ai đó nói điều gì nghe có vẻ thần thánh, huyền bí là lập tức tin theo, đó gọi là cuồng tín, nhất là những người tu theo pháp môn Tịnh độ. Cuồng tín có nghĩa là tin một cách mãnh liệt và mù quáng dù điều đó thiếu khoa học và phi thực tế.

Nếu những người đi hoằng pháp không nương vào những lời dạy nguyên thủy của đức Phật, không tìm hiểu căn cứ nguồn gốc của kinh điển,... mà diễn đạt lời kinh theo ý kiến cá nhân,

^[1] *Kinh Pháp Cú*, phẩm Tự Ngã, bài kệ 165, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Hồng Đức (2014), trang 41.

đưa ra những tư tưởng riêng hay vận dụng những phương tiện thiện xảo một cách thái quá, có thể làm cho người khác hiểu sai lời đức Phật dạy. Hiện nay, một vị Hòa thượng có tầm ảnh hưởng rất lớn đang đưa những tư tưởng tiêu cực vào các bài thuyết giảng của mình. Lúc nào, vị này cũng khuyên người ta vứt bỏ hết, chỉ ngồi niệm Phật để được vãng sinh. Nếu chúng ta không hiểu “xả bỏ” có ý nghĩa gì, mà cái gì mình cũng bỏ thì dễ rơi vào cực đoan.

Người xuất gia và cư sĩ tại gia có hoàn cảnh khác nhau. Người xuất gia chú tâm vào việc tu tập, chuyển hóa những phiền não và có trách nhiệm hoằng pháp lợi sinh. Người tại gia ngoài việc tu học còn có bốn phận lo cho gia đình và có nghĩa vụ đóng góp cho xã hội. Ai cũng có trách nhiệm, bốn phận, nghĩa vụ riêng. “Xả bỏ” là bỏ đi những thói hư tật xấu như tham, sân, si, kiêu mạn, ngã chấp,... khi làm việc gì mình không bị dính mắc. Đâu phải khi biết đạo là chúng ta vào rừng tu, quay lưng với những gì đang hiện hữu trên cuộc đời, cắt đứt mọi mối quan hệ ràng buộc trong xã hội. Chúng ta không thể làm như thế vì mọi người,

mọi loài, mọi vật đều là những mắt xích trong mối liên hệ tương duyên của một tổng thể. Con người không thể tồn tại nếu thiếu đi một điều kiện nào đó của sự sống. Do đó, “xả bỏ” không nên hiểu theo ý nghĩa thông thường.

Nhiều vị thầy khuyên Phật tử xả bỏ, nhưng chưa chắc các thầy đã bỏ được, đi tu vẫn có tiền, có chùa, có xe,... Nhiều thầy còn ôm giữ, cất chứa, chỉ biết lấy vào mà không chịu chi ra đồng nào. Điều đó rất thực tế.

Thầy cũng chưa xả bỏ được, vì thầy vẫn còn thích làm Phật sự, mong muốn được hoàng pháp lợi sinh, làm cho đạo Phật ngày càng phát triển. Trách nhiệm của thầy là nuôi dưỡng, dạy dỗ, bảo ban, lo lắng cho những đệ tử, dìu dắt họ bước đi trên con đường phụng sự chúng sinh. Thầy phải “truyền lửa” để các thế hệ sau tiếp tục sự nghiệp “tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức”. Nếu thầy từ bỏ được thì đã vào rừng tu, không còn ở chùa.

Chúng ta tu làm sao cho ba nghiệp được thanh tịnh, không phải đi tu là bỏ hết. Người cư sĩ có cha, mẹ, vợ, chồng, con cái,... nên phải có trách nhiệm lo cho gia đình. Những người trẻ

phải học tập và làm việc để đóng góp cho xã hội, làm cho đời sống ngày càng phồn thịnh hơn, từ đó lòng mình cũng thư thái hơn. Nếu khuyên mọi người hãy bỏ hết rồi ngồi đó niệm Phật chờ vãng sinh có được không?

Có những người tu Tịnh độ lúc nào cũng cầu vãng sinh, cầu vãng sinh là mong được chết phải không? Như vậy, mình biến đạo Phật thành đạo chết, dành cho những người sắp chết và cầu được chết. Sao không khuyên người ta niệm Phật để ba nghiệp được thanh tịnh, niệm Phật để tránh điều ác, làm những điều lành, nhớ đến Phật và thực hành theo những công hạnh của đức Phật. Đó là cách để chúng ta đưa câu Phật hiệu vào đời sống hằng ngày để phù hợp với mọi độ tuổi, mọi tầng lớp, mọi đối tượng. Chỉ có những người già mình mới khuyên họ niệm Phật để được vãng sinh. Những người như thanh niên còn trẻ thì phải làm việc, trẻ em cần phải học hành, nếu bỏ hết để niệm Phật cầu vãng sinh thì không phù hợp.

Một vấn đề nữa mà thầy nêu trong bài giảng đó là: “Hiện tại, ngoại đạo đang tìm nhiều cách thức để làm xấu đi hình ảnh của đức Phật”. Ở

Cộng hòa Séc (Czech Republic), người ta in hình ảnh đức Phật trên nắp bồn cầu. Tại Mỹ, họ in hình Phật lên giày, dép, thậm chí cả quần đùi, quần lót của phụ nữ. Trong đĩa VCD này, thầy cũng đưa ra những hình ảnh đó làm bằng chứng cụ thể cho Phật tử được biết, nếu nói mà không có chứng cứ người ta sẽ cho rằng mình đặt điều vu khống. Thầy có đưa hình nắp bồn cầu vệ sinh, giày dép, quần lót của phụ nữ, quần đùi của người nam có in hình đức Phật trên đó để quý thầy cũng như Phật tử biết được tình trạng đang diễn ra.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam phải lên tiếng chuyện này, chúng ta đâu thể để một vị giáo chủ của một tôn giáo lớn bị xúc phạm như thế. Ngoài đời, hình ảnh của những thần tượng như cầu thủ bóng đá hay ca sĩ nổi tiếng cũng được in trên áo, nhưng chưa thấy ai in hình lên quần. Trong khi đức Phật là giáo chủ của một tôn giáo lớn, vậy mà hình Ngài lại bị in vào quần lót phụ nữ thì xem có được hay không? Đạo Phật có bao nhiêu tín đồ trên khắp thế giới, chư Tăng và Phật tử có đến hàng triệu người, vậy mà chúng ta im lặng không nói gì thì thật đáng buồn! Chúng ta phải có tinh

thần bảo vệ Phật giáo, mình không thể làm ngơ trước thực trạng như thế.

Thầy nghĩ trong chùa mình, chư Tăng và Phật tử đôi khi không có điều kiện và thời gian để xem đĩa giảng đó. Vì thế, vài hôm nữa chúng ta sẽ tổ chức một buổi nghe pháp sau thời tụng kinh tối, yêu cầu đại chúng ra màn hình Led phía trước sân để xem. Thầy mong tất cả chư Tăng cũng như Phật tử đều phải tham dự để biết được tình trạng và làm thế nào để pháp môn Tịnh độ được phổ biến không bị người ta phê phán: “Pháp môn Tịnh độ là pháp môn cầu chết”. Trên thực tế, người ta chê trách như thế không phải là không có căn cứ, cũng do nhiều người tu pháp môn Tịnh độ lúc nào cũng khuyên mọi người “niệm Phật cầu vãng sinh”, rồi đưa nhau đến chỗ các thầy chuyên hộ niệm để nhờ thầy giúp cho sớm được Phật rước. Chính những tín đồ của đạo Phật biến đạo Phật thành đạo cầu chết. Chúng ta phải suy nghĩ để có cái nhìn cho đúng đắn và hợp lý.

Về vấn đề hình ảnh cao đẹp của đức Phật bị xúc phạm, trong đại chúng nếu ai có suy nghĩ hay ý tưởng gì hay thì khi xem xong đĩa giảng đó lên

gặp thầy để lấy tư liệu viết bài. Chúng ta phải đưa ra tiếng nói, phản ánh với báo chí Phật giáo. Người nào giỏi tiếng Anh thì tìm cách liên hệ với các tổ chức Phật giáo trên thế giới để cùng lên tiếng tẩy chay những sản phẩm này. Chúng ta phải nhờ cộng đồng quốc tế can thiệp để vạch trần những âm mưu đen tối đó.

Chùa mình có biết luật sư Lê Thanh Sơn, chúng ta có thể nhờ ông nghiên cứu rồi soạn thảo văn bản để gửi đến các công ty này, yêu cầu họ không được làm như thế, nếu vi phạm mình sẽ kiện ra tòa án quốc tế. Không những hình Phật mà các bài kinh, bài chú của Phật giáo, hình ảnh bánh xe chuyển pháp luân cũng bị in trên quần lót. Họ còn đăng những quảng cáo này trên mạng, mình sẽ có cơ sở căn cứ rõ ràng. Thấy hy vọng chư Tăng và Phật tử nên xem đĩa giảng này, phổ biến cho mọi người cùng xem để họ có được cái nhìn đúng về pháp môn Tịnh độ cũng như thấy được âm mưu phá hoại của ngoại đạo, mỗi người phải có tinh thần và trách nhiệm bảo vệ Phật pháp. ☸

Ngày 19 tháng 1 năm 2015



Trai Tăng tại chùa

Trong Khóa tu Phật thất lần thứ 79 có một Phật tử gửi cho thầy một lá thư. Trong thư viết: “Vào tháng 2 năm 2015 con tham dự ngày tu Bát quan trai tại chùa Thiên Phước, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh. Ngày đó có vị giảng sư tên là TQL chủ trì buổi giảng, thầy nêu lên một vấn đề có liên quan đến chùa Hoằng Pháp.

Thầy TQL nói rằng gần đây chùa Hoằng Pháp

có một người là chủ công ty hạt điều rất giàu có. Người thân của ông qua đời, chiếc quan tài được chạm trổ với những đồ vật quý trị giá đến bảy tỷ đồng. Gia đình đã đến chùa Hoàng Pháp xin cúng trai Tăng cầu siêu cho người thân và chùa ra giá hai trăm năm mươi triệu đồng. Người đó thấy đắt quá nên đi chùa khác chỉ tốn hơn một trăm triệu, thấy TQL tham dự buổi trai Tăng nên biết được sự việc này.

Khi thấy TQL kể rằng chùa Hoàng Pháp đòi cúng trai Tăng với giá hai trăm năm mươi triệu thì cả hội trường bàn tán xôn xao. Do con thường đến chùa Hoàng Pháp thấy nghi vấn và bức xúc nên viết thư để các thầy xem xét sự việc đó như thế nào?

Qua nội dung lá thư trên chúng ta phải xem lại sự việc này có đúng hay không? Chùa Hoàng Pháp từ xưa đến nay chưa bao giờ ra giá vấn đề cúng bái. Khi những Phật tử hoặc gia chủ mời hộ niệm hay tụng kinh, quý thầy đều tùy hỷ công đức. Lúc đến tư gia tụng niệm, chùa quy định các thầy không được nhận tiền, họ muốn cúng thì đến chùa bỏ vào thùng phước điền, còn vấn đề trai Tăng chùa Hoàng Pháp cũng chưa bao giờ ra giá.

Thấy tin tưởng chuyện này không thể xảy ra, bởi vì những người vào đây xin cúng trai Tăng mình đều để họ tự phát tâm. Chúng ta báo cho họ biết trong chùa có một trăm vị Tăng, Phật tử khoảng hai trăm người, tổng cộng có khoảng hơn ba trăm người ăn trưa, gia chủ và thân quyến bao nhiêu người thì cộng thêm vào. Các vị cúng bao nhiêu tiền chợ thì chùa nhận bấy nhiêu, nếu tiền nhiều thì làm cỗ ngon, tiền ít thì làm giảm thức ăn lại. Vấn đề cúng dường phong bao cho chư Tăng chùa cũng không liên quan, Phật tử muốn cúng bao nhiêu thì tự bỏ vào phong bì và tự tay họ đem dâng lên chư Tăng. Được biết có lần một Phật tử rất giàu cúng dường trai Tăng mỗi vị là năm trăm nghìn đồng, chùa chúng ta có khoảng một trăm vị, tính ra hết năm mươi triệu đồng. Còn tiền cơm trưa cho cả đại chúng khoảng hai mươi đến ba mươi triệu đồng. Như vậy, buổi cúng dường trai Tăng của đại thí chủ này chi phí khoảng bảy mươi đến tám mươi triệu, chưa đến một trăm triệu nên làm gì có ai cúng đến hai trăm năm mươi triệu? Vậy mà không biết lý do gì người ta lại đồn đại chùa mình ra giá hai trăm năm mươi triệu?

Thầy cũng không hiểu tại sao vị thầy này lại nói việc cúng trai Tăng và tiền bạc như thế giữa đại chúng. Nếu trường hợp đó đúng thì thầy ấy có quyền lên án chùa Hoằng Pháp “chặt chém” người ta, vì chùa làm như thế đúng là “chặt chém” thật! Còn không đúng thì sao? Một vị giảng sư mà nói không đúng rất dễ mất uy tín. Hơn nữa, nếu chúng ta suy nghĩ sẽ thấy có điều không hợp lý. Gia đình này dám bỏ bảy tỷ làm quan tài, so với số tiền hai trăm năm mươi triệu cúng trai Tăng là quá nhỏ, không đáng gì, thế mà họ so đo. Tiền mua quan tài bảy tỷ đồng không tiếc, trong khi làm trai Tăng hai trăm năm mươi triệu lại chê đắt, cúng trai Tăng rõ ràng có phước hơn việc đem đi chôn bảy tỷ. Có thể sự việc này không hề có trên thực tế!

Trong tương lai, chư Tăng chùa mình cũng sẽ là những vị giảng sư. Trước khi nói những câu chuyện tương tự như thế mình phải tìm hiểu thực hư xem việc đó có đúng hay không? Đừng chỉ nghe người ta kể lại đã vội giảng trước đại chúng. Mình nói với nhau trong phạm vi một, hai người thì tạm chấp nhận, vì đó là vấn đề còn đang nằm trong nghi vấn. Mình nói trước đại chúng mà không

biết sự việc đúng hay sai, đối với người dễ tính thì họ sẽ hoan hỷ, thông cảm. Nhưng đối với người khó tính họ sẽ tìm vị giảng sư để hỏi cho ra lẽ, bởi vì nói như vậy là hạ thấp uy tín, làm xấu đi danh tiếng của một ngôi chùa. Khi thuyết giảng, chúng ta không nên nói những chuyện mình chưa biết rõ, hay cũng chẳng biết đúng hay sai. Vì khi nói như vậy vô tình mình trở thành người vu khống. Phật tử nghe được tin lại xì xầm là chùa Hoàng Pháp “chặt chém”, gia đình họ có người mất, người ta đến cúng trai Tăng mà mình lại ra giá quá cao, không có lương tâm,... Phật tử sẽ bàn tán đủ thứ chuyện, vô tình mình làm cho người ta tạo khẩu nghiệp.

Phật tử và chư Tăng chùa mình có ai biết chùa Thiên Phước ở Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh thì nhờ tìm hiểu xem như thế nào? Sự việc này chúng ta phải làm rõ. Thứ nhất là cô Phật tử này phản ánh có đúng hay không? Cô nói là chính cô tham dự khóa tu rồi nghe như vậy, cô cũng là đệ tử của chùa Hoàng Pháp nên cô rất bức xúc, vì vậy cô nêu lên để quý thầy xem xét việc đó đúng hay sai, nếu thật có việc như vậy thì mình sửa lại. Nếu không đúng thì cần phải làm rõ để Phật tử không

hoang mang và mất niềm tin đối với chùa. Mình muốn tìm hiểu thì phải xem buổi giảng của thầy đó có ghi hình lại hay không? Nếu có nên đem về nghe lại, sau khi biết rõ ràng thì có thể đến gặp riêng thầy ấy để nói chuyện, giúp thầy ấy hiểu ra, trong một buổi giảng khác nhờ thầy ấy đính chính lại. 

Ngày 28 tháng 5 năm 2015



Chiếc áo không làm nên thầy tu

Một hôm, Vua Ba Tư Nặc đến thăm đức Phật, sau khi đánh lễ và hỏi thăm sức khỏe, Vua ngồi xuống một bên. Lúc đó, có những vị đạo sĩ bện tóc như là đạo sĩ Ni Kiến Tử và đạo sĩ Lỗa Thế đi ngang qua chỗ Phật, Vua Ba Tư Nặc thấy những vị đạo sĩ này liền đứng dậy và đánh lễ hết sức thành kính. Sau khi đánh lễ xong, Vua còn nói thêm: “Trẫm là Vua Ba Tư Nặc ở nước Kosala xin

đánh lễ các vị”. Các vị đạo sĩ này ban phúc cho Vua rồi tiếp tục đi. Vua trở lại chỗ đức Phật, thưa với Ngài: “Bach đức Thế Tôn, những vị đạo sĩ này đã chứng quả A La Hán chưa? Hay còn đang trên con đường đạt đến quả vị A La Hán?”. Đức Phật trả lời Vua Ba Tư Nặc: “Đại vương sống trong gia đình với vợ con, hưởng thụ ngũ dục nên không thể biết được những vị đó có phải là A La Hán chưa, hay vẫn đang trên con đường đi đến đạo quả A La Hán. Chỉ khi nào sống chung với họ, tìm hiểu, đàm đạo, thẩm sát thật kỹ mới có thể biết họ là người đã chứng quả A La Hán hay chưa, hay là những người đó đang đi trên đường đến đạo quả A La Hán”^[1].

Qua câu chuyện này, chúng ta rút ra được bài học: “Chiếc áo không làm nên thầy tu”. Chúng ta nhìn bề ngoài thì không thể đánh giá người đó như thế nào. Hiện tại, ở Việt Nam có những vị sư ôm bát đi khất thực, “đầu đội trời chân đạp đất”, nhìn bề ngoài có vẻ là chân tu, cũng đường đường Tăng tướng, oai nghi chỉnh tề, nhưng sau khi ôm bát đi khất thực về là họ đánh bài, nhậu nhẹt. Có

^[1] ĐTKVN, *kinh Tiểu Bộ I*, chương VI, phẩm Sanh Ra Đã Mù [trích], VNCPHVN ấn hành (2000), trang 235.

những người nói pháp rất hay, thao thao bất tuyệt thế nhưng sự thật họ không làm được những điều mình nói.

Không thể đánh giá con người qua hình tướng hay lời nói, mà chúng ta cần phải sống với họ thì mới thật sự biết được đây là người có thật tu và có đạo đức hay không? Có chân thật và có Phạm hạnh hay không? Hình tướng bên ngoài đầu nói lên được điều gì, bởi những người lừa đảo cũng cạo tóc, mặc áo nhà tu, ôm bát đi khất thực, hoặc đi đến chùa này chùa kia để xin quỳên góp, xây dựng,... Hiện tại, có một số người cạo tóc, mặc đồ tu đi bán nhang, những người này mang hình tướng xuất gia làm người ngoài nhìn vào nghĩ rằng đó là thầy tu, nhưng thật sự họ không phải là thầy tu mà họ chỉ mượn đạo tạo đời, lừa gạt thiên hạ để kiếm sống.

Có những người bề ngoài tỏ vẻ uy nghi, đạo hạnh, giới luật trang nghiêm, nhưng thật sự đó chỉ là cái vỏ, bên trong chúng ta chưa biết được họ như thế nào. Vừa qua, có một số Phật tử thắc mắc về sư Trần Tâm – một người Việt Nam hiện đang truyền bá pháp môn truyền tâm ấn ở Cambodia.

Ông cũng mang hình tướng của người xuất gia trong đạo Phật. Ngày hôm nay ông mặc y Khất sĩ, ngày mai ông mặc y Nam truyền, hôm sau ông lại đổi sang y Tây Tạng, rồi hôm sau nữa thì ông đắp y Bắc truyền, có hôm ông lại mặc đồ đời,... Nói chung, y phục của hệ phái nào ông cũng có, chỉ toàn nói những chuyện trên trời dưới đất, liên quan đến Thượng đế và thần linh. Mang hình tướng của người xuất gia nhưng những điều ông nói ra không đúng với giáo lý của đức Phật, những người có sự nghiên cứu Phật pháp lâu dài sẽ thấy rất rõ điều này.

Trước khi ông Trần Tâm xuất hiện cũng có những trường hợp tương tự, một thời gian nổi cộm lên vụ của bà Thanh Hải Vô Thượng Sư, kẻ đó là thiền Minh Triết của ông Duy Tuệ. Trong thời đại tranh sáng tranh tối, những giá trị chân thật đang mất dần chỗ đứng. Những người học đạo cũng nhiều, nhưng đa phần đều mang tâm mong cầu, muốn hưởng thụ vật chất, lười biếng tu sửa bản thân, chỉ mong sao có một thế lực nào đó phù hộ độ trì cho mình mau thành tựu, tu thì ít mà mong muốn rất nhiều. Trong đó, rất nhiều người

lợi dụng niềm tin của quần chúng để truyền bá những điều sai lạc. Những người này lấy một vài tư tưởng trong đạo Phật, thêm thắt vào ít triết lý Đông Tây, rồi khai triển những điều đó ra theo ý kiến chủ quan của cá nhân. Do có được chút khả năng thuyết phục và kiến thức thế gian, từ đó họ “buôn Thần bán Thánh”, mê hoặc lòng người, làm lệch lạc đi tư tưởng chính thống khiến bao người đi vào con đường tà đạo. Những người có trí tuệ và hiểu biết về Phật pháp nhìn vào đó sẽ nhận ra đâu là chân, đâu là ngụy, cái gì đúng, cái gì sai.

Tóm lại, chúng ta không thể nhìn hình tướng của một người mà đánh giá được họ. Đức Phật đã dạy phải cộng trú, nghĩa là sống chung, ở gần, thân cận, tiếp xúc, tìm hiểu thật kỹ thì mới có thể hiểu được người đó như thế nào. Người xưa có câu nói rất hay: “Trường đồ tri mã lực, cửu xử thức hiền nhân”. Nghĩa là: “Đường dài mới biết ngựa hay, ở lâu mới biết lòng người ra sao”. Đi đường dài mới biết ngựa đó giỏi hay dở, ở lâu mới biết được người đó tốt hay xấu, nhìn bề ngoài thì không thể đoán biết được điều gì.

Một người nhìn đạo mạo, trang nghiêm nhưng

khi sống chung với họ mới biết thật sự người này có Phạm hạnh, đạo đức, có giới luật, có tu hay không? Chứ đừng vội đưa ra lời nhận xét. Qua câu chuyện này, chúng ta có được một bài học rất quý giá: “Không nên chỉ nhìn bề ngoài của một người mà đánh giá được bản chất bên trong của người đó, cần phải sống chung, tìm hiểu kỹ thì mới có thể phân biệt được thực hư, chính tà, chân ngụy ra sao”. 

Ngày 17 tháng 6 năm 2015



Cúng sao giải hạn

Hôm nay là ngày mồng tám tháng Giêng năm Giáp Ngọ, ở một số chùa cũng như Phật tử tại gia thường tổ chức cúng sao giải hạn.

Thật ra, vấn đề cúng sao giải hạn không phải xuất phát từ đạo Phật Nguyên thủy, đó chỉ là phương tiện độ sinh do chư Tổ và các thầy đời sau dẫn dụ mọi người đến chùa, tạo cơ duyên cho họ gần gũi Tam bảo, từ đó biết được Phật pháp. Nếu

chúng ta không hiểu rõ việc này, đem phương tiện biến thành cứu cánh là điều sai lầm. Mục đích ban đầu là hướng mọi người đến chính tín, nhưng dần dần trở thành mê tín.

Dùng phương tiện cúng sao giải hạn để khuyến khích mọi người đến chùa, nhưng mục đích chính của mình là hướng họ đến Phật pháp, không phải chạy theo nhu cầu của quần chúng, hay vì vật chất, lợi dưỡng mà làm. Nếu chúng ta không hướng mọi người về chính tín mà bày ra việc cầu cúng quá nhiều thì vô tình làm cho đạo Phật trở thành thần quyền, biến đức Phật trở thành một ông Thần, ông Thánh ban phước, giáng họa, đưa tín đồ vào chỗ mê tín dị đoan là mình đã đi sai đường.

Trong kinh *Pháp Hoa* có kể một câu chuyện đại ý như sau: “Có ông trưởng giả sinh được một người con trai, ngày còn nhỏ hai cha con thất lạc. Mười mấy hai mươi năm xa cách, người con nghèo khổ đi lang thang và ăn xin khắp nơi. Một hôm, anh vô tình đến đúng nhà của cha mình. Người cha lúc này là một trưởng giả giàu có. Anh rón rén đến gần, thấy ông trưởng giả ngồi bệ vệ có kẻ

hầu người hạ hai bên, liền suy nghĩ: “Mình đứng đây coi chừng bị bắt”, cho nên anh chạy đi. Khi người cha nhìn thấy anh và phát hiện ra đó là con của mình, ông cho người rượt theo để đưa anh về. Nhưng anh khóc la nói rằng mình không có tội tình gì tại sao lại đuổi bắt.

Cuối cùng, ông trưởng giả nói: “Thôi cứ thả nó ra, cho người theo dõi xem nó đi đâu”. Sau đó, ông cho một người làm thuê trong nhà đến gặp anh, bàn bạc: “Tôi đang làm trong nhà ông trưởng giả, có rất nhiều việc như quét dọn, hốt phân, những công việc lặt vặt trong gia đình. Ông ta trả lương rất cao, nếu anh chịu làm thì tôi giới thiệu để chúng ta cùng làm”. Anh nghe xong vui mừng đồng ý, nghĩ mình được vào nhà đó làm thuê dù làm công việc dơ bẩn, quét rác, hốt phân thế nào cũng có cái ăn. Về làm được một thời gian, lâu lâu ông trưởng giả đến hỏi thăm anh xem tình hình sức khỏe, việc làm ra sao? Đến khi anh quen việc, quen người, ông trưởng giả mới nói cho anh biết rằng anh chính là con của ông và khi chết ông sẽ giao toàn bộ gia tài cho anh”.

Câu chuyện này rất hay và ý nghĩa. Ông trưởng

giả phải dùng phương tiện dẫn dụ người con để trao lại gia tài.

Đối với việc hoằng pháp, chúng ta cũng cần dùng những phương tiện để dẫn dắt mọi người đến chùa. Họ đến chùa mình mới có thể giáo hóa, hướng đến con đường Chính pháp, giúp họ tu tập Phật pháp để đạt được giác ngộ giải thoát, đó là phương tiện đúng. Nếu chúng ta dùng phương tiện để hướng Phật tử đi vào con đường mê tín dị đoan, vô tình biến đạo Phật thành đạo mê tín là mình đã sai hoàn toàn.

Cúng sao giải hạn không phải của Phật giáo, không đúng tinh thần giáo lý nhà Phật. Đức Phật dạy tất cả sự vật hiện tượng trên cuộc đời đều tuân theo định luật nhân quả, tự làm tự chịu, không ai có thể ban phước hay giáng họa cho mình. Ngài cũng không giúp mình hết nghiệp, phước hay họa là do chính mình tạo ra. Hiểu được như vậy, mỗi người phải nỗ lực tu tập để chuyển hóa ác nghiệp trong quá khứ của bản thân, đồng thời có những lời nói, hành động, suy nghĩ hướng đến con đường thiện. Khi nghiệp xấu được chuyển hóa và phước báu tăng trưởng thì mọi việc sẽ trở nên tốt đẹp.

Chúng ta thường nói đến chùa cúng sao giải hạn để tiêu trừ nghiệp chướng, giúp mình không gặp vận xui xẻo và gặt hái được nhiều may mắn. Nếu điều đó đúng thì những người giàu tha hồ làm ác, sau đó đem tiền đến cúng chùa. Những người có nhiều tiền không cần phải làm thiện, đến khi chết chỉ cần mời các thầy đến thật đông để tụng niệm, cầu cho được siêu sinh Tịnh độ là được. Thật ra, siêu hay không là do người đó khi còn sống tu tập như thế nào, làm được điều gì lợi ích cho tha nhân. Làm ác thì bị đọa, còn làm phước sẽ được siêu thăng. Đâu phải mời các thầy đến thật đông, cúng dường trai Tăng thật lớn, nhờ nhiều thầy cầu nguyện là siêu thoát. Điều này không phù hợp với quy luật nhân quả, đức Phật không dạy những chuyện như thế. Ngài cũng không giúp cho ai được siêu thoát, hưởng gì chư Tăng. Tất cả hình thức cúng bái, vái lạy chẳng qua chỉ là phương tiện.

Chư Tăng đến hộ niệm nói những lời khai thị để chuyển hóa tâm thức người chết, đồng thời tác động đến tâm tư tình cảm nhằm giáo hóa cho người sống. Chư Tăng hoặc đức Phật không thể giúp người khác siêu hay đọa. Hiểu được điều này,

chúng ta thấy rằng tất cả hình thức cầu an, cầu siêu, cúng sao giải hạn,... cũng chỉ là phương tiện. Những hình thức khác nhau với mục đích đưa người ta đến với Phật pháp được gọi là phương tiện. Chúng ta cố gắng đừng biến phương tiện thành cứu cánh, không để những việc đó làm cho Phật tử rơi vào mê tín dị đoan.

Trong dịp Tết năm nay, chùa làm những mô hình tiểu cảnh để Phật tử đến tham quan, chiêm ngưỡng, đó cũng là phương tiện giúp cho nhiều người tìm đến chùa. Hình thức này mang tính văn hóa, không phải mê tín. Chùa Hoàng Pháp vào những ngày Tết có rất nhiều người đến tham quan, lễ Phật: người lớn, trẻ em, thanh niên, trung niên,... Họ đến chùa không phải vì mục đích cúng bái mà chủ yếu để chiêm bái, lễ Phật, ngắm những mô hình. Qua đó, chúng ta treo những câu kinh *Pháp Cú* để nhắc nhở cũng như hướng đạo. Đây cũng gọi là phương tiện, nhưng phương tiện của mình thuộc về văn hóa, đưa người ta đến chỗ hiểu biết chứ không phải đưa người vào đường mê tín, tà kiến.

Hôm nay, thỉnh quý thầy và một số chú sa

di vào lúc chín giờ lên chính điện tụng thời kinh cầu an đầu năm. Hiện tại ở chùa có thầy Tâm Thúc, thầy Tâm Huy, thầy Tâm Hoàng, thầy Tâm Nguyên, thầy Tâm Trọng, thầy Tâm Huyền, thầy Tâm Tường, thầy Tâm Đại, thầy Tâm Huệ và một số vị tỳ kheo, bên cạnh đó thêm khoảng mười chú sa di nữa, mặc dù mình không cúng sao giải hạn nhưng cũng nên có thời kinh cầu an đầu năm để những người đến chùa phát khởi tín tâm, đó cũng gọi là phương tiện. 

Ngày 7 tháng 2 năm 2014



Mạng sống trong hơi thở

Cách đây ba hôm, có một Phật tử từ Hà Nội vào chùa Hoằng Pháp cùng với một Sư cô. Bà tâm sự có người con trai đang học đại học năm thứ hai, nhưng anh có tâm xuất gia rất mãnh liệt, quyết chí đi tu cho bằng được. Cả gia đình đều là Phật tử, cho nên họ cũng rất tán đồng và hỗ trợ con hết mình để sau này có thể xuất gia. Tuy vậy, họ vẫn mong muốn anh hoàn thành xong chương trình đại học

rồi hãy xuất gia. Nhưng anh có tâm xuất gia quá mãnh liệt, cho nên cha mẹ không ngăn được.

Nhân dịp đi với Sư cô vào Nam, bà mẹ tâm sự với thầy, nhờ thầy khuyên anh con trai học xong đại học rồi hãy xuất gia. Người mẹ gọi điện cho con trai, sau đó đưa máy cho thầy nói chuyện. Thầy hỏi thăm nguyên nhân nào mà anh muốn đi xuất gia. Anh nói rằng anh đã tìm hiểu Phật pháp, được biết năm 2012 sẽ xảy ra động đất hay điều gì đó rất tồi tệ. Cho nên anh cố gắng xuất gia càng sớm càng tốt. Thầy phân tích, hiện tại mình đang học thì cố gắng hoàn tất, học thêm hai năm nữa là tốt nghiệp đại học, đi tu mà có bằng đại học, khoảng chừng một hoặc hai năm sau khi xuất gia là có thể vào Học viện Phật giáo. Học viện Phật giáo ưu tiên những người tốt nghiệp đại học. Nếu chưa tốt nghiệp thì phải mất đến sáu năm học: hai năm sơ cấp, bốn năm trung cấp, sau đó mới được thi vào Học viện Phật giáo. Thay vì mình chịu khó ở ngoài thêm hai năm thì sau này vào tu bớt được sáu năm học và đỡ tốn thời gian hơn rất nhiều.

Về tin đồn đến năm 2012 sẽ xảy ra những thiên tai. Chúng ta là người học Phật, những vấn đề như

vậy không nên quan trọng hóa. Trong hiện tại, có những chuyện còn cấp bách hơn là chuyện năm sau, vì năm sau còn phải trải qua khoảng thời gian khá lâu. Đức Phật dạy: “Mạng sống trong hơi thở”. Thở vào mà không thở ra là chết, đâu cần chờ đến sang năm. Mạng sống của con người vô thường, rất ngắn ngủi và nhanh chóng. Việc của mình phải làm bây giờ là lo tu học. Những chuyện như tận thế, động đất, sóng thần là vấn đề của thiên nhiên, của đất trời, không phải của mình nên cho dù có lo lắng cũng không được gì.

Chúng ta là người tu học Phật pháp, không nên nói những chuyện “năm này có sóng thần, năm kia có động đất”, những điều đó không quan trọng. Bởi vì sóng thần, động đất, bão lũ, chết người,... lúc nào cũng có thể xảy ra. Điều quan trọng là chúng ta phải có lập trường, lý tưởng rõ ràng trong vấn đề tu tập. Sau khi nghe thầy phân tích anh hiểu ra vấn đề và nói rằng: “Thầy nói như vậy thì con sẽ cố gắng học tiếp”.

Vấn đề tu tập không phải không cần học, chúng ta rất cần những vị thầy có trình độ. Nhìn ra ngoài xã hội, ngày xưa rất hiếm có một vị tiến

sĩ, thạch sĩ, cử nhân, còn bây giờ rất nhiều. Như vậy, những vị xuất gia nếu không có trình độ làm sao giáo hóa được giới trí thức. Họ là thạch sĩ, cử nhân, nếu mình không học, không tu, không có đạo đức thì khó mà cảm hóa được những thành phần này. Cho nên, một vị thầy rất cần trình độ, không những kiến thức Phật học mà cả kiến thức thế học.

Chúng ta được thấy và nghe những vị giảng sư trong Khóa tu Mùa hè, các thầy đa phần là những người có khả năng thuyết giảng và có năng lực giáo hóa giới trẻ. Nhiều thầy tu giỏi, nói Phật pháp hay, nhưng để giới trẻ tiếp thu được thì họ thiếu phương pháp. Muốn người trẻ có thể nghe và hiểu được những điều mình nói thì vị thầy phải hiểu tâm lý, nhu cầu, mục đích mà giới trẻ đang hướng đến. Chúng ta phải khai thác những điều đó mới thành công. Nếu mình chỉ khuyên các em ăn chay, niệm Phật, làm từ thiện thì chỉ được một số ít thôi.

Do vậy, tuổi trẻ đến chùa tu học, các thầy cần có những lời ca, tiếng hát, những sinh hoạt tập thể để tạo sự hấp dẫn và không gây nhàm chán. Mình bắt những người trẻ tụng kinh nhiều quá sẽ khiến họ sợ không dám đến chùa. Cho nên quý thầy phải

tùy duyên, tùy trường hợp, tùy căn cơ từng độ tuổi. Tại sao đức Phật phải đưa ra rất nhiều pháp môn? Là vì tùy theo căn cơ của mỗi chúng sinh. Chúng ta đi tu cũng vậy, không phải chỉ biết Phật pháp mà cần biết mọi thứ. Biết để làm phương tiện độ chúng, “tùy duyên nhưng bất biến”, “hòa nhập mà không hòa tan”.

Đức Phật nói con người không thể tránh khỏi sinh, lão, bệnh, tử. Tất cả vạn vật trong vũ trụ đều không ra khỏi quy luật “thành, trụ, hoại, không”. Con người ai cũng phải chết, thân xác này một ngày nào đó cũng phải bỏ lại cho cuộc đời rồi sau đó tan thành cát bụi. Chúng ta không biết thời gian mình sống trên cuộc đời này là bao lâu. Quả địa cầu đã tồn tại hàng tỷ năm nay. Chúng ta làm sao biết được trái đất lúc nào sẽ hoại. Nhưng điều này cũng không quan trọng, vì đó là quy luật, mình không nên suy nghĩ làm gì cho phiền lòng. Đức Phật đã cảnh báo cho chúng ta biết “mạng sống trong hơi thở”, tốt hơn hết mình nên chú tâm trong hiện tại, điều đó cấp bách hơn việc để ý đến những chuyện không đâu. ☁



Tiếng chuông cảnh giác

Sáng hôm qua, thầy A nhận được cuộc điện thoại từ một người phụ nữ tự xưng là Phật tử. Bà ta nói rằng hiện tại đang sinh sống ở Mỹ và thường xuyên cúng dường cho thầy Chiêu Tăng, thỉnh thoảng còn gửi tiền về Việt Nam cúng dường cho thầy trụ trì chùa Hoàng Pháp. Người phụ nữ này điện thoại nhờ thầy A giúp một việc. Khi nhắc máy thầy A hỏi tại sao bà lại biết số điện thoại của thầy

thì bà trả lời do liên lạc về chùa có người cho số điện thoại nên biết.

Thầy A hỏi:

– Cô tên gì và gọi cho thầy có việc gì không?

Bà trả lời:

– Xin thầy hoan hỷ cho con giấu tên, bởi vì nếu nói ra thì thầy trụ trì cũng như chư Tăng trong chùa Hoàng Pháp sẽ biết. Câu chuyện con sắp kể cũng xin thầy đừng cho ai biết, nhất là thầy trụ trì.

Bà kể rằng cách đây năm năm bà có đem một số tiền lớn về Việt Nam làm ăn, nhưng do tiêu xài phung phí nên đã sạch hết. Sau đó, bà đến nhà một người em ở nhờ, lúc này cô em đang làm chủ một công ty và bà đã trộm tiền của người em để tiếp tục tiêu xài. Khi hết tiền bà trở về Mỹ làm ăn, dự định khi nào có tiền sẽ gửi trả lại cho người em. Nhưng do công việc làm ăn bận rộn nên bà quên mất và vẫn chưa trả được. Vài năm sau, được tin người em vì số tiền bà lấy mà công ty bị phá sản, nợ nần rất nhiều, hiện đang bị xã hội đen truy tìm và đã bỏ trốn đi đâu không ai biết.

Bà còn nói thêm năm nay bà đã hơn sáu mươi

tuổi, lại mắc phải căn bệnh ung thư giai đoạn cuối, bác sĩ nói bà chỉ còn sống khoảng chừng năm hay sáu tháng nữa. Trước khi mất, bà muốn được sám hối tội lỗi mà mình đã gây ra cho người em. Thế nhưng mấy năm nay bà liên lạc với người em không được, vì người em vẫn còn giận và không tha thứ lỗi lầm của bà năm xưa. Bà không biết làm cách nào để liên lạc xin người em tha lỗi để được nhắm mắt ra đi trong thanh thản. Bà đã nhờ thầy A giúp giùm việc đó.

Sau khi bà trình bày xong, thầy A nói:

– Bây giờ thầy không biết em cô đang ở đâu, làm sao mà liên lạc được.

Bà nói:

– Con có số điện thoại của em ấy, con sẽ gửi qua cho thầy để thầy liên lạc.

Thầy A nói:

– Nhưng thầy đâu có tiền bạc để giúp đỡ cho em của cô.

Bà nói:

– Không sao, con chỉ mong thầy liên lạc được với em của con, làm sao cho em con thông cảm và tha thứ lỗi lầm cho con, còn vấn đề tiền bạc thì

không có gì quan trọng.

Sau đó, thầy A hứa:

– Thôi được, thầy sẽ đứng ra làm trung gian để kết nối hai người lại với nhau.

Khi cho số điện thoại của người em, bà nói tiếp:

– Thầy cố gắng liên lạc giùm với em con, sau khoảng nửa tiếng con sẽ điện lại cho thầy.

Thầy A bấm số điện thoại nói chuyện với cô em ở Việt Nam, ban đầu cô này tỏ ra không thiết tha cho lắm, nhưng về sau nghe thầy nói chuyện cô tỏ vẻ rất niềm nở.

Thầy A nói:

– Tôi là chư Tăng chùa Hoằng Pháp muốn hỏi thăm gia đình cô như thế nào.

– Con đang lâm vào hoàn cảnh rất khó khăn và chiều nay phải đi Đà Lạt.

– Đi Đà Lạt để làm gì?

– Dạ, con đi trốn nợ.

– Nợ nần như thế nào, hiện giờ gia đình cô ra sao?

– Cách đây hai năm, con có vay nóng ba mươi tám triệu đồng, lãi mỗi ngày một tăng cao, mỗi lần chỉ trả được tiền lãi, tiền gốc không có khả năng

chi trả, số tiền lãi con trả đã lên tới hơn cả trăm triệu mà tiền gốc con cũng chưa trả xong, cho nên xã hội đen cứ hăm dọa. Hôm qua, họ kéo đến nhà đánh con của con.

– Cô có mấy người con?

– Con có ba người con, một người con trai tám tuổi, hai người con gái sinh đôi mới mười chín tháng. Bây giờ, ba mẹ con phải chạy đi trốn, nếu ở đây xã hội đen tìm đến sẽ đánh đập, hăm dọa, giết chết. Con sợ quá, không còn cách nào nên phải bỏ trốn.

Thầy A thấy người hoạn nạn như thế nên rất thương. Thầy nói:

– Thôi, cô cứ lên chùa gặp thầy rồi trình bày thêm, nếu có thể giúp đỡ được gì thì thầy giúp.

Cô nói hiện tại đang ở Quận 4, từ đó về chùa Hoằng Pháp xa quá nên hẹn gặp thầy A ở ngã tư An Sương. Cô sẽ gửi con cho người quen rồi mượn xe máy chạy xuống An Sương, còn thầy từ Hóc Môn chạy lên rồi gặp nhau ở đó. Ý kiến hẹn gặp ở An Sương là cô đưa ra, do cô không muốn về chùa. Thầy A thấy thương cho hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn của cô nên đã đồng ý.

Sau khi hai người trao đổi qua điện thoại vừa xong người phụ nữ ở “Mỹ” gọi đến ngay sau đó, bà hỏi thầy đã điện thoại gặp em của bà hay chưa và sự việc diễn ra như thế nào. Thầy A kể đầu đuôi cho bà nghe. Bà này nói:

– Thầy cố gắng làm sao giữ em của con lại, giúp đỡ cho nó rồi hai ngày nữa con sẽ gửi tiền về trả lại cho thầy.

Thầy A nói:

– Tôi có tài khoản ngân hàng đâu mà gửi.

Bà nói:

– Không sao đâu con gửi về ngân hàng thầy chỉ việc đem Chứng minh Nhân dân ra đó nhận.

Thầy A nghĩ người phụ nữ kia vài ngày sau sẽ gửi tiền về trả lại cho mình nên cũng yên trí. Thế là thầy lên An Sương gặp người em và hỏi thăm cô ta chuyện này chuyện khác. Trước khi đứng dậy ra về, thầy đưa cho cô ta mười triệu đồng. Sau khi đưa tiền xong, thầy về chùa suy nghĩ lại và cảm thấy lo lắng nên thầy A đã qua gặp thầy và trình bày diễn biến sự việc từ đầu đến cuối. Chuyện này chỉ diễn ra trong vòng một tiếng đồng hồ từ mười giờ đến mười một giờ. Khi nghe thầy A kể như vậy, chúng

ta hình dung được chuyện gì? Thấy A mới nói vài câu đầu, thấy đã biết đây là chuyện lừa đảo, không cần nghe đến đoạn kết.

Trước hết, số điện thoại của người chị bên Mỹ không hiện ra màn hình khi gọi cho thầy A, bà ta tự nói mình ở Mỹ, thật ra là ở “Mỹ Tho” chứ không phải nước Mỹ. Thứ hai, một người mà mình chưa từng biết họ như thế nào và ở đâu, họ còn nói đừng cho chú Tăng và thầy trụ trì biết thì đủ hiểu đây là lừa đảo. Họ sợ khi nói cho thầy biết thì thầy sẽ phát hiện và can ngăn, cho nên mới nói thầy giấu đi đừng nói. Thứ ba, câu chuyện của họ đưa ra không hợp lý, nghe sơ qua là biết được. Bà nói rằng đem tiền về Việt Nam để làm ăn nhưng đã tiêu xài hết, sau đó đến nhà em gái lấy trộm tiền. Tiền của người ta cất thì mình lấy làm sao? Đâu phải dễ lấy! Người ta không bao giờ bày tiền ra đó cho mình lấy. Bà nói là dự định về “Mỹ” làm ăn kiếm tiền để gửi trả cho người em, nhưng về “Mỹ” lo làm ăn nên đã quên không trả. Sao kỳ lạ vậy? Lấy tiền của người ta rồi lại quên! Khi bà dùng hết số tiền của người em, dẫn đến hậu quả là cô ta bị vỡ nợ và phá sản, khiến phải trốn biệt tích không ai biết, bà liên

lạc nhiều lần cô em tức giận nên không nói chuyện với bà, nhưng khi thầy A điện thoại thì rất dễ tìm ra, chỉ ở ngay Quận 4. Những vấn đề đó nếu mình xâu kết lại thì thấy thật phi lý! Trong khi đó, cô em đang rơi vào tình trạng phá sản, không có tiền, vậy mà “bà chị” liên lạc muốn chuộc lại lỗi lầm bằng cách gửi tiền về trả thì cô lại giận, không bắt máy. Vậy mà thầy A gọi lại được, thầy đưa tiền cô em lại nhận nên đây là điều vô cùng kỳ lạ!

Đây chẳng qua chỉ là một chiêu thức lừa đảo. Phải nói rằng, họ lừa rất bài bản, tuy nhiên kịch bản này đối với người không có kinh nghiệm dễ tin mới lừa gạt được, còn người có kiến thức, óc phán đoán và tư duy logic thì họ sẽ không tin. Mình là người tu phải có trí tuệ, phải hiểu biết, nếu không rất dễ bị người ta lừa gạt. Vì quý thầy có lòng từ bi rộng lớn, khi thấy người ta đau khổ thì không chịu được, nhưng từ bi mà không có trí tuệ soi chiếu sẽ thành ra đại dột, mình đem tiền cho người ta như vậy cũng là làm hại họ. Nghe thầy A kể xong sự việc, thầy hỏi:

– Tại sao thầy lại dễ tin người như vậy?

Thầy ấy nói:

– Con thấy thương họ quá, nghe nói bị xã hội đen truy tìm rồi đánh đập, hãm giết.

Có một chi tiết mà mình thấy không thể xảy ra, cô em nói xã hội đen hôm qua đến đánh con cô ta mà con cô mới tám tuổi thì ai đánh làm gì? Người nào lại đi đánh đứa bé tám tuổi, có đánh thì đánh người lớn chứ ai lại đánh trẻ con. Cho nên, những chuyện như vậy khi nghe qua mình đã biết trò lừa đảo, phi lý.

Vừa qua thầy Tâm Huy có trình bày, chuyện này cũng đã diễn ra nhiều lần với chư Tăng chùa mình thời gian trước đây, nhưng họ không lừa được ai. Cho nên những việc này chư Tăng chúng ta cần phải biết, họ lừa người này không được sẽ quay sang lừa người khác. Sau một thời gian, khi không còn ai nhớ đến họ quay lại tiếp tục thực hiện thủ đoạn. Mà những người này cũng rất thông minh, biết người nào có tiền mới liên lạc, thấy thầy A đang làm quản lý nghĩa trang, biết thầy có tiền nên mới tìm, còn các thầy khác không có tiền thì chắc cũng chẳng tìm làm gì.

Cô này nói, khi ở bên Mỹ thường cúng dường cho thầy Chiêu Tăng, mà thầy Chiêu Tăng là anh

của thầy Chiếu Túc, thầy Chiếu Tăng lúc trước cũng ở chùa mình. Họ đã tìm hiểu kỹ như vậy để lên kịch bản nên khi họ nói mình rất dễ tin. Thứ hai là họ kể hoàn cảnh khổ, đánh động vào lòng thương của chư Tăng. Thầy A nghe nói cô em bị xã hội đen truy tìm rồi đánh đập là đã thấy thương, thấy tội nghiệp. Nhưng khi gọi lên chùa thì họ lại không lên mà chỉ hẹn ở ngã tư An Sương, nói chuyện ở ngoài đường. Đây là bài học cho chư Tăng, những chuyện như vậy thỉnh thoảng chúng ta phải nhắc lại để mọi người cảnh giác, nếu không một thời gian lại quên, những người này lại tìm cách lợi dụng, lừa đảo. 

Ngày 2 tháng 10 năm 2015



Thân tâm phước huệ song tu
Ngôi chùa đẹp nhất thiên thu danh truyền.

- THANH LƯƠNG -



Giải đáp về pháp môn Tịnh độ

Hôm qua, có một chú Phật tử đến thăm thầy và hỏi vài vấn đề về việc tu hành. Chú hỏi:

– Mỗi ngày vào lúc bốn giờ sáng con thức dậy ngồi thiền. Buổi tối trước khi đi ngủ thì con niệm Phật và đi kinh hành theo nghi thức của chùa Hoàng Pháp. Tu như vậy có đúng hay không?

Thầy trả lời:

– Phật tử tại gia chủ yếu tu Ngũ giới. Tụng

kinh, niệm Phật, ngồi thiền được là điều rất tốt. Tuy nhiên, nếu tụng kinh, niệm Phật và ngồi thiền giỏi mà phạm vào giới sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu thì cũng khó có thể đạt được mục đích và lý tưởng, ví như nấu cát mà mong thành cơm thì không thể được.

Chú hỏi tiếp:

– Hiện tại con tu theo pháp môn Tịnh độ. Con rất muốn cuối đời được vãng sinh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà, không muốn tái sinh làm người, vì con rất sợ khi làm người dễ tạo nghiệp dẫn đến sa đọa, luân hồi trong sinh tử. Thầy có phương pháp nào chỉ dạy để con có thể tu tập một đời được vãng sinh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà không?

Thầy trả lời:

– Thầy không có phương pháp nào để có thể giúp chú một đời tu hành vãng sinh về thế giới Cực Lạc được cả. Tuy nhiên, theo thầy được biết, đức Phật có chỉ dạy pháp tu Tam phước tịnh nghiệp trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ*, nghĩa là ba phước tạo nhân thanh tịnh để trong tương lai có thể vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Nếu chú thực hành theo

Tam phước tịnh nghiệp thì có thể tu một đời được vãng sinh về Tây phương Cực Lạc.

Tam phước tịnh nghiệp gồm:

Thứ nhất là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự Sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp.

Thứ hai là thọ trì Tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi.

Thứ ba là phát tâm Bồ đề, tin sâu nhân quả, tụng đọc kinh điển Đại thừa và khuyến tấn người tu hành.

Khi nghiên cứu ba phước này, chúng ta thấy việc vãng sinh về thế giới Cực Lạc không phải là chuyện dễ dàng. Có người nghĩ rằng chỉ niệm Phật là đủ, nhưng nếu căn cứ vào Tam phước tịnh nghiệp, mình còn phải tu tập mọi công đức mới có thể thành tựu được mục đích và lý tưởng vãng sinh về Tây phương Cực Lạc.

Nói về đạo làm người, phước thứ nhất là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự Sư trưởng. Chúng ta có được thân thể này là nhờ ơn cha mẹ sinh thành và dưỡng dục. Chúng ta có giới thân huệ mạng là nhờ công ơn giáo dưỡng của thầy Tổ. Nếu chúng ta bất hiếu đối với cha mẹ, hay bất trung, bất nghĩa với

thầy Tổ thì đạo làm người mình chưa trọn vẹn, mà muốn thành Phật, thành Thánh thì rất khó. Làm sao một người kém phước kém đức có thể về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà?

Trong phước thứ nhất, chúng ta còn phải có lòng từ, không được sát hại các loài động vật. Đồng thời, phải thanh tịnh ba nghiệp: thân không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm; khẩu không nói dối, không nói lời ác, không nói đâm thọc, không nói lời ô uế; ý không tham, sân, si.

Phước thứ hai là thọ trì Tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi. Phước này thể hiện sự tu tập, giữ gìn giới luật của hành giả tại gia. Bất cứ lúc nào chúng ta đi, đứng, nằm, ngồi cũng phải có chính niệm tỉnh giác, giữ gìn oai nghi, nghiêm trì năm giới để làm chủ ba nghiệp thân, khẩu, ý. Người tu phải luôn chính niệm tỉnh giác mới có thể thành tựu được sự nghiệp giác ngộ.

Phước thứ ba là phát tâm Bồ đề, tin sâu nhân quả, tụng đọc kinh điển Đại thừa và khuyến tấn người tu hành. Phước này giúp chúng ta mở rộng từ tâm: tu thì không được ích kỷ, không chỉ lo cho mình mà còn phải luôn nghĩ đến mọi người; phát

tâm Bồ đề là phát khởi tâm nguyện thành Phật, nguyện độ cho tất cả chúng sinh, giúp mọi người hiểu biết Phật pháp và tinh tấn tu hành.

Nếu chúng ta tu đầy đủ ba phước tịnh nghiệp thì chắc chắn một đời sẽ vãng sinh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà. Nhưng trên thực tế, thực hiện được Tam phước tịnh nghiệp không phải dễ. Ngay như phước đầu tiên hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự Sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp thì việc giữ trọn vẹn đạo làm người đã rất khó; chính niệm tỉnh giác, giữ gìn giới luật oai nghi lại càng khó hơn; đồng thời hành giả phải thực hiện hạnh bố thí để mở rộng tấm lòng, giúp mọi người hiểu được Phật pháp cũng là việc khó làm.

Như vậy, qua việc tìm hiểu về Tam phước tịnh nghiệp, chúng ta thấy một hành giả muốn sinh về thế giới Cực Lạc không chỉ có niệm Phật mà còn phải thực hành tất cả hạnh lành và giữ gìn giới luật. Mục đích của người tu học Phật pháp là để thành Phật, thành tựu sớm hay muộn là tùy theo nhân duyên phước đức của mỗi người. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã trải qua vô lượng kiếp hành hạnh Bồ tát, tu Lục độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục,

tinh tấn, thiền định, trí tuệ, trải qua một thời gian dài mới thành tựu được quả vị Phật. Là người học Phật, chúng ta hãy noi theo gương đức Phật, phải tu Lục độ vạn hạnh cho viên tròn phước đức và trí tuệ thì mới mong thành tựu được mục đích lý tưởng.

Phật tử nói tiếp:

– Con niệm Phật mà bị loạn tâm, không được nhất tâm.

Thầy nói:

– Tu niệm Phật thì mình cứ tinh tấn, còn nhất tâm được giây phút nào đều quý cả. Trong một giờ niệm Phật mà mình mong muốn được nhất tâm trọn một giờ là điều rất khó. Quý thầy chưa chắc đã thực hiện được, huống chi quý Phật tử tại gia đã có vợ, có con, bận trăm công nghìn việc, lao tâm khổ tứ thì làm sao có thể tịnh tâm và nhất tâm được. Ban ngày, mình làm việc và suy nghĩ, tối ngồi niệm Phật là nhớ ra những chuyện đó. Còn nữa, nếu con cái hư hỏng hoặc công việc làm ăn gặp trở ngại thì mình lo lắng không yên. Không yên mà ngồi niệm Phật chắc chắn không thể nhất tâm. Con trai mình cờ bạc, rượu chè thì có ngồi niệm Phật nhất

tâm được không? Rồi con gái ăn chơi hư hỏng thì mình có niệm Phật nhất tâm được không? Thế nên, những người xuất gia phải buông bỏ hết, không vợ, không con, không tài sản để tâm luôn thanh thản và không vướng bận bụi trần. Còn quý Phật tử tại gia rất khó đạt nhất tâm. Bây giờ, mình cố gắng tu trong khả năng cho phép, đừng tinh tấn quá cũng khó đạt kết quả như ý muốn, quan trọng là cứ để tự nhiên, đừng khởi tâm mong cầu, vì mong cầu là đã có tâm tham, cái này chất chống lên cái kia làm sao mà thanh tịnh được. Ví như khi đánh đàn, nếu dây đàn căng quá thì dễ đứt. Việc tu hành cũng giống như người trồng cây ăn trái, thuận theo tự nhiên: cứ chăm sóc, tưới nước, bón phân,... khi đầy đủ nhân duyên thì cây tự ra hoa kết quả. Cũng như vậy, mình cố gắng ăn chay, niệm Phật, tụng kinh, làm lành lánh dữ, bố thí, trì giới,... Một ngày nào đó đủ nhân duyên phước đức việc tu hành sẽ đạt kết quả tốt đẹp. Lúc đó, dù chúng ta không cầu thì phước đức cũng tự đến và khi phước đức đầy đủ, ngôi niệm Phật sẽ được nhất tâm. ☁

Ngày 7 tháng 11 năm 2015



Gieo nhân hái quả

Một cô gái có cha mẹ theo đạo Tin Lành, nhưng từ nhỏ cô lại thích đạo Phật nên hay đến chùa tham quan và lễ bái. Đến khi lớn lên cô lấy chồng người Đài Loan và theo chồng sang bên đó. Trong thời gian sống tại Đài Loan, vì nhà ở gần chùa nên cô cũng thường qua chùa nghe các sư thuyết pháp, nhờ đó cô giác ngộ Phật pháp và xin Quy y Tam bảo. Từ khi trở thành Phật tử, cô

thường xuyên tìm hiểu giáo lý, thực hành lời Phật dạy thấy có sự chuyển hóa nên thân tâm được an lạc, thói hư tật xấu dần dần thay đổi. Trong thâm tâm cô luôn mong muốn hướng cha mẹ đến với đạo Phật.

Gần đây, cô về Việt Nam và đưa cha mẹ đến chùa Hoàng Pháp nhờ thầy chỉ dẫn giúp họ hiểu về Phật pháp, chuyển hướng tin theo đạo Phật. Hôm đó, cô và cha mẹ cùng với thầy ngồi trong phòng khách. Cô nói là lúc ở Đài Loan được các thầy hướng dẫn Phật pháp, sau đó giác ngộ và Quy y Tam bảo. Khi thực hành lời Phật dạy, cô cảm thấy có được rất nhiều lợi ích nên cô mong muốn chia sẻ những lợi ích này cho cha mẹ để có thể hiểu và hướng về Phật pháp.

Cô nói đức Phật rất từ bi và tôn trọng mọi sự sống. Đức Phật dạy: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, mọi loài động vật đều ham sống sợ chết, lấy mạng sống của chúng sinh khác để nuôi mạng sống của mình là không nhân đạo. Hơn nữa, theo đạo Phật sự sống này trải qua quá trình luân hồi, biết đâu những con vật đó chính là ông bà, Tổ tiên của mình trong nhiều đời trước, vì họ đã tạo nhiều

ác nghiệp nên đời này bị đọa làm súc sinh. Mình ăn những loài súc sinh đó, vô tình ăn phải ông bà, Tổ tiên, cô dì, chú bác.

Đức Phật dạy các đệ tử phải nhớ bốn ân trọng: ân cha mẹ, ân thầy Tổ, ân chúng sinh và ân Tổ quốc. Thân này là do cha mẹ sinh thành dưỡng dục. Khi lớn lên, chúng ta có được hiểu biết, học được nghề nghiệp là do thầy cô dạy bảo, được biết đạo Phật và tu tập là do những vị thầy xuất gia hướng dẫn. Hằng ngày, mình ăn uống cũng nhờ những người nông dân cày cấy tạo nên hạt lúa bát cơm, có áo quần mặc che thân cũng nhờ vào những người thợ may và thợ dệt. Mọi thứ trên cuộc đời này đều do con người làm ra. Chúng ta sống trong một đất nước thanh bình cũng là nhờ ơn các anh hùng, chiến sĩ. Như vậy, đức Phật đã dạy rất rõ ràng là khi chúng ta có mặt trên cuộc đời này, mình cần phải tri ân và báo ân, luôn nhớ nghĩ về bốn ân nặng và tìm cách đáp đền cho phải lẽ.

Trong kinh *Pháp Cú*, đức Phật dạy:

*“Tự mình, điều ác làm
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình, ác không làm,*

*Tự mình làm thanh tịnh.
Tịnh, không tịnh tự mình,
Không ai thanh tịnh ai!”^[1].*

Nhân nào quả đó, mình gieo nhân thì hưởng quả, không ai có thể ban phước hay giáng họa cho mình. Gieo hạt ốt thì ăn quả cay, gieo hạt khổ qua thì ăn quả đắng, gieo hạt chanh thì ăn quả chua, gieo hạt mít thì ăn quả ngọt, tất cả đều do mình. Đạo Phật không tin một đấng cứu thế có quyền thưởng phạt. Nhờ tin vào nhân quả, chúng ta thấy rõ được sự sai khác của con người trên cuộc đời này.

Cô nói tiếp: “Con mới học Phật pháp khoảng một năm, nhưng nay đã có được những thay đổi rất nhiều trong tư tưởng và suy nghĩ. Mười năm theo đạo Tin Lành không bằng một năm con theo đạo Phật, chỉ có một năm mà con đã có nhiều hiểu biết và tiến bộ rất rõ rệt. Con trình bày cho cha mẹ nghe như vậy, hai người suy nghĩ những điều đó đúng hay sai”.

Sau đó, cô nhờ thầy nói cho cha và mẹ của cô

^[1] *Kinh Pháp Cú*, phẩm Tự Ngã, bài kệ 165, Nxb Hồng Đức (2014), trang 41.

hiếu thêm.

Thầy hỏi ông:

– Quê của ông ở đâu?

Ông trả lời:

– Dạ, con ở Sóc Trăng.

Thầy nói tiếp:

– Vậy ông có biết gốc của người dân Sóc Trăng là gì không? Đó là người Khmer. Khi xưa, những vùng đất như Sóc Trăng, Bạc Liêu, Trà Vinh là nơi cư ngụ của người Khmer, sau này người Việt di cư đến đó ở.

Thầy hỏi tiếp.

– Nếu gốc của ông là người Khmer, vậy ông có biết đạo gốc của người Khmer là gì không?

Ông trả lời:

– Thưa thầy, gốc đạo Phật.

Thầy nói tiếp:

– Gốc của ông bà Tổ tiên chúng ta theo đạo Phật, dù là người Việt hay người Khmer cũng thế. Sau này, khi Pháp chiếm đóng, một số người vì tiền, vì tình làm cho mờ mắt nên bị lôi kéo, bỏ đạo gốc bao đời của Tổ tiên và dân tộc để tin theo những người này, tôn sùng một giáo chủ mới, đi

theo một tôn giáo mới. Bây giờ, con của ông bà đã nói những lời rất chân thật, vì cô học được Phật pháp và biết ứng dụng lời Phật dạy vào cuộc sống, từ đó có được những lợi ích thiết thực nên cô muốn ông bà quay lại với đạo Phật, trở về với truyền thống tốt đẹp của cha ông. Khi xưa, ông bà Tổ tiên của mình theo đạo Phật, nay mình quay trở lại với đạo gốc đó, không phải là bỏ tôn giáo đang theo để đi theo một tôn giáo mới. Cũng giống như một người rời xa quê hương một thời gian dài, bây giờ nhớ quê hương nên quay trở về. Sau khi nghe thầy và con gái trình bày, hai người cũng nghe theo và nói về nhà suy nghĩ lại.

Chúng ta thấy rằng giáo lý đạo Phật rất hay. Nếu mình chịu khó học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng lời Phật dạy vào trong cuộc sống sẽ có được kết quả tốt đẹp. Đạo Phật không tìm cách lôi kéo, không ép buộc, cũng không cưỡng bức người khác theo mình. Đạo Phật dựa trên tinh thần tự giác giúp cho người ta hiểu và nhận ra chân lý, ai có duyên thì nghe và làm theo.

Vào ngày 13 tháng 11 năm 2015, ở Pháp đã xảy ra một cuộc khủng bố của phiến quân Hồi

giáo IS, họ tấn công vào sáu địa điểm, thiệt hại nặng nhất là trong một nhà hát tại thủ đô Paris. Khoảng một trăm người chết sau vụ xả súng. Buổi tối cùng ngày, tại một sân vận động phiến quân Hồi giáo IS lại đánh bom để ám sát Tổng thống Pháp nhưng không thành. Rõ ràng, những người theo tôn giáo cực đoan này, có những tư tưởng và lời dạy hướng con người đến những điều tội lỗi mà tín đồ không hay biết. Khi bắn vào những người trong nhà hát, những tên khủng bố đã la lên “Thượng đế vĩ đại”.

Trong cuốn sách *Tôn giáo học so sánh* có trích dẫn một đoạn: “Nếu các con giết những người ngoại đạo thì sẽ được lên thiên đường...”. Cho nên những người theo nhóm Hồi giáo cực đoan đã không sợ chết, họ sẵn sàng giết người không gớm tay.

Đạo Phật đề cao tinh thần từ bi, tôn trọng sự sống nên giới đầu tiên mà đức Phật dạy cho hàng Phật tử là không sát sinh. Chúng ta là những người có nhiều duyên lành, phước báu mới gặp được Phật pháp. Nếu chẳng may mình gặp phải những tôn giáo cực đoan thì cuộc đời sẽ chẳng mấy tốt đẹp. Mình sẽ sẵn sàng giết người để được lên thiên

đường. Trong đạo Phật, những người phạm tội sát sinh phải đọa vào địa ngục, sinh làm ngạ quỷ, súc sinh, không thể có chuyện lên thiên đường, gieo nhân ác sẽ gặp quả ác. Không thể gieo nhân ác mà được quả thiên đường. Nhưng một số tôn giáo người ta vẫn tin một cách mù quáng là giết người ngoại đạo sẽ được trở về với đấng thiêng liêng. Chúng ta là người có phước báu vô cùng lớn khi được gặp Phật pháp, được tu hành, có được suy nghĩ đúng đắn, từ đó tránh được những điều xấu xa. 

Ngày 16 tháng 11 năm 2015



Lừa dối lột sư tử

Vừa qua báo *Lao động* có đăng một loạt bài viết nói về nhà sư TTM trụ trì chùa PT và nhà sư TMT trụ trì chùa NT, cả hai cùng cư ngụ tại tỉnh Hưng Yên. Nội dung bài báo nói về việc hai vị sư ăn thịt uống rượu, thiếu tư cách đạo đức của một người xuất gia. Theo như lời đồn của những người dân ở xã, hai vị sư này chỉ toàn ăn thịt uống rượu nên phóng viên đến nơi xem tình hình thực hư thế nào.

Một hôm, nhóm phóng viên đến chùa thấy vị sư trụ trì ở trần, mặc quần nâu ra mở cửa. Sau khi mời những người này vào phòng khách, vị sư TTM mới mặc áo để tiếp khách. Hỏi thăm khoảng năm, mười phút những phóng viên đi thẳng vào vấn đề, họ hỏi thầy:

– Người xuất gia có được phép ăn thịt hay không?

Sư trả lời:

– Đức Phật cho phép ăn “Tam tịnh nhục”: không thấy người giết con vật, không nghe tiếng kêu của con vật khi bị giết, không nghi con vật bị giết vì mình.

Phóng viên hỏi tiếp:

– Con nghe nói thầy ăn được cả tiết canh nữa phải không?

Sư nói:

– Tôi ăn tốt, người ta không dám ăn vì sợ an toàn vệ sinh thực phẩm, còn tôi chẳng sợ gì hết nên ăn bình thường.

Phóng viên hỏi tiếp:

– Trong nhà Phật có cho phép uống rượu không?

Sư nói:

– Phật không cho phép uống rượu, nhưng nói thật với mấy anh, thanh niên như tôi mà không uống rượu thì buồn chán lắm!

Họ nói:

– Như vậy thầy cũng uống rượu à?

Sư nói:

– Tôi có uống chút ít, mỗi bữa uống khoảng một lít, lâu lâu làm một chai Hennessy.

Trong lúc nói chuyện vị sư này còn hút thuốc Lào, lâu lâu ông rít thuốc rồi nhỏ nước bọt vào ống nhổ, lời nói không được lịch sự. Qua tiếp xúc phóng viên thấy vị sư thiếu oai nghi, không có tư cách đạo đức của một người xuất gia, không bằng một người cư sĩ tại gia bình thường.

Đoàn phóng viên tiếp tục đến chùa NT tìm hiểu thấy trụ trì TMT. Những lần trước đến người trong chùa đều nói thầy đi vắng. Một hôm, họ lại đến và tiếp tục được người trong chùa báo là thầy đi vắng. Họ nghi ngờ nên hỏi ông thợ xây, những người này nói thầy vừa mới nhậu xong đang say và nằm ngủ chung với các thanh niên trong nhà. Nhóm phóng viên đến nhìn vào cửa phòng thấy

thầy cùng với một số thanh niên đang nằm ngủ ngả nghiêng trong đó. Họ đến hỏi thăm bà cụ hay nấu ăn cho sư, bà xác nhận vị sư này uống rượu say sưa suốt ngày, bà còn tiết lộ thêm: “Những vị sư bạn của sư TMT hay đến chùa chơi, uống rượu còn nhiều hơn sư TMT”. Sư TMT cũng giống như sư TTM: ăn thịt, hút thuốc lào, lời nói không có oai nghi, đạo đức của một người xuất gia.

Muốn trở thành một Phật tử, trước hết chúng ta phải thọ trì Tam quy, sau đó giữ gìn Ngũ giới. Người xuất gia thọ trì mười giới đối với sa di và sa di ni, hai trăm năm mươi giới đối với tỳ kheo, ba trăm bốn mươi tám giới đối với tỳ kheo ni. Vậy mà năm giới của người tại gia hai vị sư này vẫn chưa giữ được thì còn đâu là tư cách của một vị xuất gia? Không giữ giới thì có xứng đáng là một bậc xuất trần thượng sĩ, có xứng đáng để Phật tử cung kính cúng dường hay không?

Trong năm giới của Phật tử tại gia có giới thứ năm là không uống rượu. Tại sao đức Phật lại không cho đệ tử uống rượu? Vì uống rượu vào sẽ làm mất hạt giống trí tuệ, phát sinh nhiều bệnh tật và khi say chúng ta không thể làm chủ lời nói hành

động của mình, dễ gây tạo tội ác, làm đau khổ cho bản thân, gia đình và xã hội, sau khi chết đọa vào ba ác đạo. Sư TTM uống một lần khoảng một lít, ông lại còn nói đó là uống vừa chừng, còn sư TMT uống ngày ba cử, say sưa không biết gì. Ngoài ra, hai vị này còn hút thuốc Lào, một thứ gây nghiện không thua gì rượu. Giới thứ năm phải hiểu rộng ra là cấm dùng các chất gây say nghiện, trong đó có cả ma túy, thuốc lá, cờ bạc,... Những thứ làm mê hoặc lòng người và gây nghiện cũng thuộc về giới cấm uống rượu. Một người Phật tử tại gia còn không được phép uống rượu. Vị thầy này là người xuất gia mà uống rượu một lần cả lít, còn Hennessy uống một lần cả chai, Hennessy là rượu ngoại rất đắt tiền thầy còn dám mua uống như thế. Thuốc Lào có nhiều chất độc và gây nghiện hơn cả thuốc lá bình thường, hút vào vừa đốt tiền, đốt phổi, đốt sức khỏe. Một người xuất gia lấy tiền ở đâu để uống rượu, hút thuốc? Đó là tiền thập phương bá tính cúng dường, tiền đó là giúp các sư tu học đâu phải để cung cấp cho mình uống rượu, hút thuốc.

Về vấn đề ăn thịt, thời đức Phật còn tại thế không bắt buộc mọi người phải ăn chay. Khi đức

Phật đi khất thực, người ta cúng món gì thì Ngài dùng món đó. Bây giờ, chư Tăng mua thức ăn về nấu nướng, do đó chúng ta chủ động trong vấn đề ăn uống. Vì thế, mình nên chủ động ăn chay để nuôi dưỡng lòng từ bi và tránh nghiệp sát sinh. Người xuất gia tự cho phép mình ăn mặn trong khi có điều kiện để ăn chay là điều không phù hợp. Sư TTM còn ăn tiết canh, tiết canh đó từ đâu ra? Có phải từ việc cắt cổ vịt hoặc thọc huyết con lợn mới có được món tiết canh? Trong “tam tịnh nhục” nói mình không thấy người giết, không nghe tiếng kêu và không nghi người ta giết vì mình thì được phép ăn thịt đó. Nhưng theo thầy nghĩ điều thứ ba ai cũng dễ dàng vi phạm, bởi có người ăn nên người ta mới giết, nếu không có người tiêu thụ lượng thịt đó thì ai giết làm gì? Vì mọi người ăn nên tôi giết để bán, như thế có phải vì mình không?

Tại trung tâm thiền học Dhammakaya ở Thái Lan có hàng nghìn vị Tăng, mỗi ngày người ta phải cung cấp không biết bao nhiêu thịt cho các vị sư này. Họ đem thịt vào chùa nấu như thế có đúng pháp hay không? Thời xưa đi khất thực, ai cúng món gì thì ăn món đó, bây giờ mình mua thịt

đem về chùa nấu cho hàng nghìn vị sư ăn. Như thế, trong một ngày có biết bao nhiêu con bò, con heo bị giết để lấy thịt.

Phật giáo Việt Nam đang có nhiều vị sư rơi vào tình trạng như thế. Đây là điều rất đáng buồn, đặc biệt khi những thông tin này được báo đăng lên, nếu tin tức này được báo *Giác ngộ* đăng thì ít người xem hơn. Những tờ báo uy tín bên ngoài có số lượng độc giả rất đông, do đó sẽ tạo thành hiệu ứng, gây ảnh hưởng lớn đến uy tín của người xuất gia. Nhiều trang mạng và Facebook chống phá Phật giáo sao chép những tin này rồi đưa lên, sau đó phê phán các sư ăn uống như thế. Họ chống đối, phỉ báng, nói những Phật tử là những người ngu si, cuồng tín, làm lụng cực khổ, vất vả để đem tiền cúng cho các ông sư ăn nhậu. Facebook có khả năng lan truyền thông tin rất lớn và được nhiều người trẻ theo dõi. Khi đọc được những tin này dần dần họ sẽ mất niềm tin với Tam bảo, thậm chí có những người ngăn cản người thân đi chùa và cúng dường Tam bảo. Những vị sư này là trùng sư tử ăn thịt sư tử, ăn cơm của Phật mà bôi nhọ Phật, đây là một tội rất nặng. Những người này mang

danh là Trưởng tử Như Lai nhưng lại có những hành vi phá hoại Tăng đoàn.

Chúng ta lấy đó làm bài học để tránh, mình phải khẳng định người xuất gia là những người có giới luật, đạo đức, không thể mang hình tướng người xuất gia lại đi làm những việc không có đạo đức, giống như lừa đội lốt sư tử, mượn chiếc áo người tu để ăn chơi, thỏa mãn dục vọng cá nhân, gây ảnh hưởng đến đạo Phật và Tăng đoàn, đây là hành động gây tạo tội lỗi. Mình xuất gia thì phải làm sao để xứng đáng với phẩm hạnh người xuất gia, làm rạng rỡ đạo Phật, khiến mọi người có niềm tin đối với Tam bảo. Đừng vì những ham muốn vị kỷ của bản thân mà làm ảnh hưởng xấu đến đạo Phật hay Tăng đoàn. Tội này rất nặng, địa ngục khó tránh! 

Ngày 8 tháng 12 năm 2015



Quan niệm tuổi tác trong Phật giáo

Một Ni sư đến gặp thầy và trình bày: “Ni sư xuất gia với Sư bà trụ trì chùa Dược Sư ở quận Gò Vấp. Sư bà viên tịch đã lâu nên hiện tại Ni sư sinh sống và tu học với một Ni sư khác tại một ngôi chùa cũng ở Gò Vấp. Ngôi chùa này trước đây là một tịnh thất, sau này xin giấy phép chuyển thành chùa và vừa mới được trùng tu xong. Ni sư năm nay sáu mươi sáu tuổi, còn vị Ni sư kia hơn bảy

mười tuổi, cả hai người đều đã già, sức khỏe kém, nhưng vẫn chưa có đệ tử xuất gia. Do vậy, Ni sư muốn tìm đệ tử xuất gia nhằm chăm lo công tác Phật sự và phụ giúp công việc trong chùa. Sau này, khi hai Ni sư có bệnh tật, ốm đau cũng có người đứng ra chăm sóc, lúc viên tịch còn có người tiếp nối sự nghiệp, giữ gìn ngôi chùa để hoằng dương Phật pháp”.

Ni sư được biết chùa Hoàng Pháp có rất nhiều người nữ trẻ đến làm công quả và có ý định xuất gia. Tuy nhiên, chùa Hoàng Pháp không nhận người nữ xuất gia nên thầy thường giới thiệu các cô đến những ngôi chùa khác. Ni sư đến nhờ thầy giúp đỡ, nếu có cô nào phát tâm xuất gia thì xin thầy giới thiệu giùm. Ni sư hứa là sau khi cho các cô xuất gia sẽ lo cho đi học. Thầy nhận lời giúp đỡ, nếu sau này có ai phát tâm sẽ giới thiệu cho Ni sư. Ni sư trình bày tiếp: “Xin thầy hoan hỷ tìm giùm con cô nào nhà ở miền Nam. Người sống trong miền Nam thuận tiện hơn, vì con phải đến nhà để tìm hiểu nhân thân của đệ tử, ở miền Bắc và miền Trung xa xôi quá. Điều thứ hai là con thuộc mạng Mộc, nhờ thầy tìm giùm người nào thuộc mạng

Thủy, vì Mộc với Thủy tương sinh. Nếu người đó thuộc mạng tương khắc, sợ khi về ở chung hai thầy trò khó sống được với nhau”. Nghe xong, thầy cũng hứa sẽ cố gắng tìm giúp Ni sư. Sau khi Ni sư ra về, thầy ngồi suy nghĩ: “Bây giờ tìm được một người muốn xuất gia giới thiệu cho Ni sư đã khó, lại còn tìm hiểu xem cô đó tuổi gì và phải là mạng Thủy mới được, còn mạng Kim, Mộc, Thổ, Hỏa thì không được, điều này phải nói là vô cùng khó”.

Việt Nam bị phong kiến phương Bắc đô hộ hơn một nghìn năm nên chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc sâu đậm. Hiện tại, người Việt Nam tính năm và tuổi theo mười hai con giáp (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi) và mười can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý). Mạng được tính theo ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Đa phần người Việt Nam chuẩn bị lấy chồng, lấy vợ cha mẹ thường đến nhà thầy bói hoặc thầy tử vi, đoán số để xem tuổi hai vợ chồng sắp cưới có kỵ nhau không, mạng của hai người có hợp nhau không. Về tuổi tác, có ba cặp bốn đôi tuổi được xem là kỵ: Dần – Thân – Tỵ – Hợi, Thìn – Tuất – Sửu – Mùi,

Tý – Ngọ – Mão – Dậu, dân gian gọi là tứ hành xung. Xét về mạng: Mộc kỵ với Kim và Thổ, hợp với Thủy và Hỏa, còn Mộc với Mộc là bình. Thầy không hiểu tại sao mạng Mộc với mạng Hỏa và Thủy lại tương sinh, hợp nhau. Mình không hiểu các thầy tướng số Trung Quốc đã tính toán như thế nào để có được kết quả đó.

Theo truyền thống xưa nay, khi sắp lấy vợ, lấy chồng đa phần người ta đi xem tuổi của mình với tuổi của người vợ, người chồng sắp cưới có kỵ nhau không, mạng có hợp nhau không. Thầy nghĩ nếu chọn đủ tiêu chuẩn thì chắc khó tìm được chồng tìm được vợ, thanh niên nam nữ chỉ có “ế”. Thí dụ như hai người thương nhau tha thiết, khi đến thầy bói xem tuổi ông ta lại nói là hai người kỵ nhau, chẳng lẽ lúc đó không lấy rồi đi tìm người khác? Nếu đi tìm người hợp tuổi, hợp mạng với mình mà người đó vừa xấu tính xấu nết, xấu cả ngoại hình thì làm sao dám lấy về làm chồng, làm vợ. Do đó vấn đề này rất khó nên không phải cái gì “xưa bầy nay làm” đều đúng. Có những điều không còn phù hợp với xã hội hiện đại, gây bất tiện và phiền phức cho bản thân thì chúng ta nên loại bỏ dần. Những

điều đó thuộc về mê tín dị đoan, không có giá trị thiết thực.

Trở lại sự việc của Ni sư, thầy suy nghĩ: “Một người xuất gia mà chọn lựa đệ tử như vậy chắc khó tìm được người vừa ý”. Thời đức Phật còn tại thế, khi có người đến xin xuất gia đức Phật không hỏi họ tuổi con gì, hay xem tử vi coi người này thuộc mạng Mộc, Thủy, Hỏa, Kim hay Thổ. Thật ra, chúng ta bị ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc nên mới có mười hai con giáp. Khi đi qua Ấn Độ, Mỹ, Pháp mình hỏi họ tuổi con Mèo hay Chó, người ta cũng chẳng biết đó là cái gì và có ý nghĩa như thế nào.

Đức Phật nhận những người phát tâm xuất gia chân chính, tu hạnh viễn ly tâm cầu giải thoát chứ không cần tìm hiểu họ tuổi gì hoặc mạng gì. Hiện tại, chùa Hoàng Pháp có hơn một trăm vị Tăng, nếu thầy kén chọn đệ tử mà chỉ nhận mạng Mộc không nhận mạng Thủy, không biết chùa còn lại được mấy người?

Chúng ta là người học Phật phải có trí tuệ soi sáng. Sự hòa hợp, an lạc và hạnh phúc có được hay không là do mình biết lắng nghe, thấu hiểu,

thông cảm, thương yêu, tha thứ. Đức Phật dạy chúng ta rất rõ là nếu muốn sống hòa hợp, an lạc, hạnh phúc thì phải sống theo tinh thần Lục hòa: thân hòa đồng trú, khẩu hòa vô tránh, ý hòa đồng duyệt, giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải, lợi hòa đồng quân. Nghĩa là thân cùng nhau hòa hiệp ở chung, miệng không tranh đua hơn thua phải quấy, ý đồng lòng vui vẻ không trái nghịch, giới luật cùng nhau tu tập giữ gìn, kiến thức chỉ bảo cho nhau và cùng trình bày những điều mình biết, tứ sự cúng dường hay điều kiện vật chất, ăn ở phải chia đồng với nhau. Nếu cả thầy và trò đều thực hiện theo pháp Lục hòa, đại chúng cùng sống trong tinh thần Lục hòa thì an lạc, hạnh phúc sẽ có mặt, đạo tràng sẽ được thanh tịnh, trang nghiêm.

Nếu căn cứ vào tuổi hay vào mạng, có lẽ thầy chỉ chọn được vài người trong chùa này cho xuất gia, còn bao nhiêu cho về nhà hết. Tuổi và mạng của thầy cùng với đại chúng chắc chắn thế nào cũng có người tương sinh, có người tương khắc, hợp và kỵ. Người xuất gia phải sáng suốt, không nên tin vào những điều phi lý, không thuộc về giáo pháp, không phải lời dạy của đức Phật. Người đời

hay có tâm lý lo sợ khi lấy vợ hoặc lấy chồng, lo lắng lấy nhầm người kỳ tuổi hay mạng tương khắc thì sống với nhau không hạnh phúc, đánh nhau, giết nhau, làm ăn thất bại,... đó là do tâm lý lo sợ, yếu đuối, hay nói cách khác vì không hiểu nên dẫn đến mê tín.

Chúng ta là người xuất gia hay Phật tử thì không nên tin những chuyện như vậy. Những việc này là do người Trung Quốc nghĩ ra, không phải ứng dụng cho mọi người trên thế giới. Mình là người học Phật thì phải tin sâu vào nhân quả, tin chắc rằng tu là chuyển nghiệp, từ xấu thành tốt. Nếu mình biết lắng nghe, thấu hiểu, thông cảm, tha thứ, yêu thương sẽ có được an lạc, hạnh phúc, hòa hợp, thanh tịnh. Theo tinh thần của đức Phật dạy: “Sống Lục hòa chắc chắn sẽ có được an lạc, hạnh phúc”. Chúng ta không nên tin những điều viển vông, không thực tế như vậy sẽ làm ảnh hưởng đến sự tu tập của bản thân hay việc tiếp Tăng độ chúng. 

Ngày 17 tháng 12 năm 2015



Về lại như những ngày đầu

Cách nay hơn mười ngày, chú Tâm Q có đáp y hậu qua tác bạch với thầy xin hoàn tục.

Thầy hỏi:

– Chú đã xuất gia được bao lâu rồi?

Chú trả lời:

– Bạch thầy, con xuất gia được gần mười năm rồi.

– Lý do gì khiến chú hoàn tục.

– Dạ, con có nhiều phiền não mà không chuyển hóa được.

– Chú đã xuất gia gần mười năm rồi mà không chuyển hóa được phiền não, vậy khi đi ra đời, lúc về ở nhà, làm sao chuyển hóa được phiền não? Hoặc mình muốn tìm ngôi chùa khác để xuất gia lại, nghĩ rằng ở nơi đó không có phiền não, hoặc có thể chuyển hóa được phiền não tại môi trường mới, thì đó là chuyện không tưởng. Ở đâu mà không có phiền não? Nếu chúng ta ở đây không hóa giải được, không chuyển hóa được, thì có đi đâu cũng vậy thôi!

Thầy khuyên chú rất nhiều, nói chú hãy suy nghĩ cho thật kỹ. Thế nhưng, chú đã quyết định rồi. Một khi người ta đã quyết định ra đi, dù mình có khuyên bảo thế nào họ cũng không nghe, bởi vì nhân duyên ở chùa chỉ đến đó. Tùy theo thiện căn của mỗi người mà những lời khuyên dạy của mình có kết quả hay không. Có những người, sau khi mình khuyên bảo thì họ nhận ra, củng cố lại niềm tin, giữ vững được lập trường để tiếp tục con đường tu tập. Chẳng hạn như chú Tâm Đ, vừa qua vướng mắc vào chuyện tình cảm, thầy cũng khuyên

giải nhưng trong tâm nghĩ rằng: “Chú Đ chắc khó có thể vượt qua chuyện này”. Lúc đó, tinh thần của chú rất sa sút, chuyện tình cảm và ái luyện đã quá sâu nặng, khó mà hóa giải được. Thế nhưng, do căn lành nhiều đời, chú đã tỉnh táo và đã vượt qua được trở ngại. Khi gặp những chướng duyên trên đường tu, tùy theo căn lành, phước báu của mỗi người mà có tiếp tục tu tập được hay không.

Một người khi mới vào chùa tập sự xuất gia, tâm tính lúc đó rất trong sáng, thanh tịnh, hoan hỷ, dễ thương. Thế nhưng, xuất gia được một thời gian, bản ngã dần dần tăng trưởng, cộng thêm sự tác động của ngũ dục lục trần, khiến cho phiền não ngày càng nhiều, làm cho con người dễ thương khi xưa biến mất. Đồng thời, lập trường tu hành của mình không còn vững chãi như lúc ban đầu.

Nguyên nhân đầu tiên là cái ngã. Lúc mình còn là một chú cư sĩ tập sự xuất gia, khép mình vào khuôn khổ, nội quy, ai nói gì cũng “vâng... dạ”. Đây cũng là lúc mình bị người xung quanh để ý, quan sát nhiều nhất. Đôi khi, chỉ cần một lá thư đưa lên, mình sẽ bị xem xét về vấn đề đạo đức và hạnh kiểm lúc xuất gia. Chính vì thế, mình khép

nếp, nhu hòa, dễ thương như người vợ trẻ, chân ướt chân ráo mới về nhà chồng. Sự chấp ngã không có bao nhiêu, nếu có cũng bị mình đè nén và dập tắt. Mình làm việc nhiệt tình, tinh tấn tu tập, siêng năng học hành, tâm buông xả những nghịch duyên và chỉ xem mình như một người đầy tớ của đại chúng, sẵn sàng xả thân để cầu đạo.

Thế nhưng, khi các chú đã được xuất gia, chỉ cần mang hình tướng đầu tròn áo vuông, dù chỉ là một chú hành điệu thì Phật tử cũng cung kính và gọi mình là thầy, có thể họ không phân biệt được, nhưng cũng có khi sự xưng hô đó ẩn chứa niềm hy vọng mình đi trọn đường tu và trở thành một vị thầy trong tương lai. Thế rồi, tu được vài năm, mình bắt đầu thọ giới, cái bản ngã lúc này lộ đầu ra: “ta là sa di”, “ta là tỳ kheo”, “ta là Đại đức”, tu được thêm mấy mươi năm thì “ta là Thượng tọa”, “ta là Hòa thượng”. Nếu không có tâm tu, không có sự chuyển hóa, không có thầy lành bạn tốt, không có những pháp môn tu tập, không biết nhìn lại chính mình, thì tu càng lâu bản ngã càng được vun bồi, địa vị càng cao thì cái tôi càng lớn. Lúc này, đa phần chúng ta không còn dễ thương nữa, ai đụng

đến thì mình nạt nộ, la mắng. Nhiều người tu lâu năm không trở nên hiền từ, thánh thiện, mà lại khó khăn, kiêu ngạo. Thậm chí, tuy là người xuất gia nhưng lại có những lời nói, hành động đối xử với mọi người không ra gì, tính tình hống hách, tự cao, tự đại, ngã mạn. Tất nhiên khi cái ngã càng cao thì phiền não càng lớn.

Nguyên nhân thứ hai là các mối quan hệ hay chuyện tình cảm. Đây là một trở ngại được xem là lớn nhất trên con đường tu tập của các vị xuất gia. Khi mình mới vào chùa thì chưa quen cô nào, nhưng ở lâu bắt đầu có nhiều mối quan hệ, quen biết người này người kia. Lúc đó, trong những người con gái ấy có một người đặc biệt, khác với những cô gái khác, khiến cho mình muốn tâm sự nhiều hơn, quan tâm hơn. Muốn người ta tu tập tốt hơn, nên mình có những buổi hướng dẫn tu tập riêng, giải đáp thắc mắc, thế là bắt đầu phát sinh tình cảm. Khi tình cảm phát sinh, mình bắt đầu bị chao đảo, phiền não vây lấy tâm tư.

Nguyên nhân thứ ba khiến cho mình chao đảo, không còn an lạc trong đời sống xuất gia, đó là sự bất đồng ý kiến với huynh đệ. Sống trong tập thể,

mỗi người một tính cách, người thế này, người thế kia. Khi tu tập chung với nhau, nếu chúng ta không có sự cảm thông, thương yêu và chia sẻ thì khó mà hòa hợp, đây cũng là một vấn đề dẫn đến phiền não.

Khi chúng ta tu một thời gian thì bắt đầu buông lung phóng túng, lười biếng. Lúc mới xuất gia, tâm còn thiết tha tu học, thấy đạo rất gần, vì thế nên mình siêng năng công phu công quả, tu để mau được thành Phật. Thời gian trôi qua, dần dần mình thấy việc tu học không có kết quả gì, bắt đầu cảm thấy mệt mỏi, lười biếng, không muốn tụng kinh vào hai thời công phu. Mình thấy việc lên chính điện công phu là gò bó, khó chịu, phiền não. Mình bắt đầu muốn đi tìm chỗ nào thanh vắng, không bắt buộc phải tụng kinh, không phải làm gì cả, uống trà, ngồi chơi, trò chuyện trên trời dưới đất với nhau, như vậy mới thoải mái.

Đôi khi, anh em tu tập một thời gian bắt đầu có những công việc, lãnh trách nhiệm ở các ban ngành, từ đó tiếp xúc với quá nhiều ngoại cảnh, điều này cũng dễ dẫn đến phiền não. Phiền não là những gì? Đó là tham, sân, si. Chúng ta thấy mình còn tham, còn sân, còn si, đó là phiền não chứ

không có gì khác. Thầy chiêm nghiệm, trước đây có chú Tâm T rất siêng năng, tích cực. Chú phụ trách nhóm sinh viên, chuyên lo việc liên hệ với các bạn trẻ, từ lý do đó nên xin sử dụng điện thoại, Facebook, Zalo, Internet,... được một thời gian là ra đời. Nối tiếp sự nghiệp đó là chú Tâm Tr, cũng lấy lý do phải liên lạc với các bạn trẻ để mời họ tham dự các buổi lễ, khóa tu, sự kiện, phụ giúp các công việc,... được một thời gian cũng đi theo vết xe đổ của Tâm T. Trường hợp của Tâm Q này, thầy thấy cũng gần giống hai người trước. Chú cũng sử dụng điện thoại, thường làm việc với các bạn trẻ, kết nối và liên lạc với nhau. Chính chú tâm sự, có một thời gian chú cũng bị vướng mắc chuyện tình cảm. Thời gian đó, thầy nhìn thấy chú lúc nào cũng chao đảo giống như người mất hồn, thần trí treo ngược cành cây, cứ lơ lơ lửng lửng, chẳng thiết tha đến việc tu học. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho chúng ta phiền não.

Hiện tại, thầy nhận thấy một số chú đang rơi vào tình trạng tương tự như những người mà thầy vừa kể. Tất nhiên, khi xin phép sử dụng điện thoại, chú nào cũng có lý do chính đáng, phục vụ cho

mục đích công việc. Thế nhưng, khi chúng ta đã được sử dụng điện thoại, đa phần làm việc chung thì ít mà việc riêng thì nhiều, chưa kể đến việc chơi game. Trong chúng xuất gia, thầy biết anh em nào game thủ, đừng nghĩ thầy không biết. Game thủ nghĩa là sành sỏi, không phải là tay chơi bình thường. Như thế thì làm sao không có phiền não, từ đây chúng ta tự đặt câu hỏi phiền não là do ai?

Có một nguyên nhân nữa khiến chú Tâm Q không còn muốn ở chùa Hoằng Pháp. Trước đây, chú mong muốn được đi Mỹ, chú cũng đã liên lạc với thầy Tâm Nguyên để thầy bảo lãnh và thầy ấy cũng đã làm giấy tờ vài lần nhưng khi chú Tâm Q phỏng vấn thì bị rớt. Từ khi phỏng vấn trở về, chú chán nản, không còn thiết tha đến việc tu hành nữa, có những biểu hiện rất rõ ràng. Thầy suy nghĩ: “Không biết chú quyết định đi Mỹ để làm gì? Việc mình được đi Mỹ hay không đâu có ảnh hưởng đến việc tu tập, đâu phải ở bên Mỹ mới tu, còn ở Việt Nam không tu. Như vậy, mục đích của việc đi Mỹ là gì?”. Có thể, đó là một dự tính mà chú đã ấp ủ, ý đồ không tốt, nghĩ rằng sau khi qua bên đó, chú có ra đời làm ăn cũng thuận tiện, có được tiền

đồ, nên khi không đạt được nguyện vọng chú trở nên chán nản.

Khi chú Tâm Q ra đi, chú Tăng cũng thắc mắc là tại sao chú đã ở đây gần mười năm rồi mà không thọ giới tỳ kheo. Đa phần các huynh đệ xuất gia được hai năm thì thọ giới sa di, thêm hai hoặc ba năm nữa sẽ thọ giới tỳ kheo. Thấy nghĩ chú không muốn thọ đại giới cũng có lý do, tu hành mà không có tâm muốn hướng lên trên, tiến về phía trước, không trước thì sau cũng ra đời.

Người xưa có câu: “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”, nghĩa là “một chữ cũng là thầy mà nửa chữ cũng là thầy”. Đạo lý này vốn của nhà Nho, tinh thần Lão Trang. Đối với đạo Phật, chúng ta có tinh thần tri ân và báo ân. Người xuất gia nói riêng và Phật tử nói chung phải hiểu và ghi nhớ tinh thần tri ân, báo ân, mới xứng đáng là một người con Phật chân chính.

Trong cuộc sống, khi nhắc đến các con vật thì chó là loài vật có sự trung thành rất cao. Người chủ có khi la rầy, đánh đập, nhưng nó không bao giờ quay lại cắn chủ. Thế mà, con người của chúng ta có những thành phần lừa thầy phản bạn, vô ơn

bạc nghĩa. Người ta có ơn nuôi mình ăn học bao nhiêu năm trời, dạy dỗ biết bao nhiêu điều, từ năm này đến năm kia không có được một lời hỏi thăm. Thậm chí, có người khi đã ra đi còn quay lại nói xấu. Chúng ta suy nghĩ xem tinh thần trung thành của những người này như thế nào?

Thầy đặt vấn đề chung như thế, từ những gì mình đã trải nghiệm mà thấy được. Thầy không phải nói riêng chú Tâm Q, chúng ta đừng hiểu lầm. Chùa mình từ trước đến nay, có bao nhiêu người đến rồi đi, có những người không quay trở lại. Có những người xuất gia và cả Phật tử tại gia, có những lời nói và hành động được xếp vào hạng người vong ơn bội nghĩa. Khi chúng ta bước chân vào chùa, mình cù bơ, cù bất, nhiều người thậm chí có hoàn cảnh rất khổ. Chúng ta được thầy giúp đỡ, được chùa cho chỗ ăn, chỗ ở, được tu học Phật pháp. Sau này, khi có được chút ít tiền bạc, có được ba mớ kiến thức, có được địa vị và chỗ đứng trong xã hội, mình bắt đầu quay lại phản bội. Anh em xuất gia nhớ lấy điều này làm bài học khắc cốt ghi tâm: “Nếu mình không đủ duyên tu tập ở chùa Hoàng Pháp, chúng ta ra đời hoặc đi chỗ nào đó

tùy ở mỗi người, nhưng anh em phải nhớ một điều là ai đã từng cứu mạng, nuôi dưỡng, giúp đỡ, dạy dỗ mình”. Thời gian anh em ở chùa có thể là ba năm, năm năm, bảy năm, mười năm,... thậm chí vài tháng, nhưng trong suốt khoảng thời gian đó, ít nhiều chúng ta cũng học được từ thầy Tổ. Một chặng đường dài, bao nhiêu kiến thức được trao truyền, bao nhiêu hiểu biết được vun bồi, hưởng thụ biết bao nhiêu cơm ăn, áo mặc, thuốc men và những điều kiện vật chất tại ngôi chùa Hoàng Pháp này. Thế mà, khi ra đi mình đành phũ phàng phúi hết tất cả, quay lại chê bai nói xấu đủ điều. Những người đó có xứng đáng với phẩm chất của một người trưởng thành hay không?

Một người bình thường, không có học, không có tu, không phải là Phật tử, không phải là người xuất gia, khi có hành động vô ơn bạc nghĩa còn bị người ta lên án. Huống chi, chúng ta là những người có học, những người đã biết Phật pháp, thậm chí đã được xuất gia, hành xử như vậy là điều bất xứng, không thể chấp nhận được. Mình nói tôi là người tu, thử hỏi tu như vậy để thành cái gì?

Trong kinh *Vô Lượng Thọ* có chép là một người

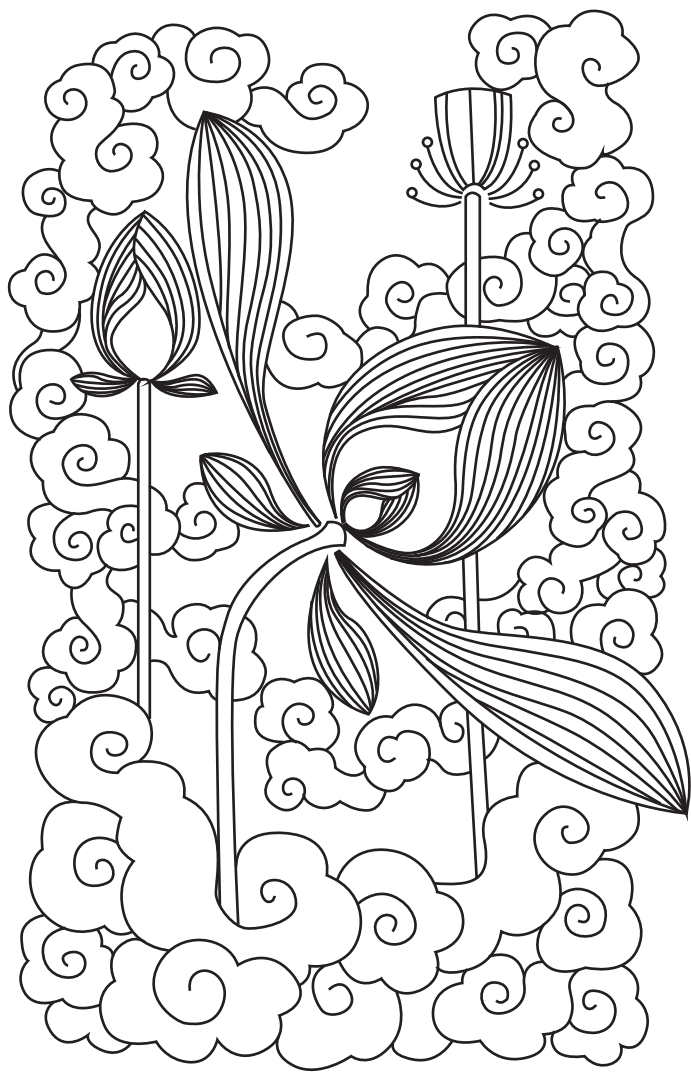
muốn được vãng sinh thì phải tu Tam phước tịnh nghiệp. Phước thứ nhất là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp. Phước thứ hai là thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi. Phước thứ ba là phát tâm Bồ đề, tin sâu nhân quả, tụng đọc kinh điển Đại thừa và khuyến tấn người tu hành. Đối với phước thứ nhất, dù ở đời hay trong đạo, chữ hiếu trung luôn đứng đầu. Người bất hiếu, bất trung thì không có ông trời, ông Phật nào chứng biết cho lòng của người đó. Vì sao? Cha mẹ là người sinh ra chúng ta, nuôi cho khôn lớn. Mình bất hiếu với cha mẹ thì còn có thể đối xử tốt với ai? Thầy Tổ là người cho mình giới thân huệ mạng, xuất gia cho mình để trở thành một người tu sĩ, công ơn thầy Tổ không thua kém gì công ơn cha mẹ. Thế mà, mình bất trung, bất hiếu thì chúng ta có xứng đáng làm người nữa không? Mình nói muốn tu thành Phật, nhưng đối với cha mẹ thì bất hiếu, đối với thầy Tổ thì bất trung, vong ơn, bội nghĩa, lừa thầy, phản bạn, mình thành được cái gì?

Phật tử, dù tại gia hay xuất gia, cũng phải thể hiện tinh thần Tứ trọng ân mà đức Phật đã dạy: Ân

cha mẹ, ân thầy Tổ, ân quốc vương, ân chúng sinh. Chúng ta sống phải có tình, có nghĩa, có trước, có sau, đâu phải ăn ở một thời gian rồi đi là phải hết. Ngoài đời người ta gọi rất nặng là “ăn cháo đá bát”. Đôi khi, mình nghĩ rằng ở đây phiền não, kiếm nơi nào đó không có phiền não, nhưng thử hỏi ở đâu mà không có phiền não. Trên cuộc đời này, không chỗ nào là không có phiền não hết. Khi chúng ta mới đến chùa tu, mình đâu thấy phiền não. Ai cũng trong sáng, thanh tịnh, hoan hỷ, dễ thương, nhưng chỉ được một thời gian là bản ngã của mình lớn dần, phiền não ngày càng tăng trưởng. Từ đó, mình có những suy nghĩ, tư tưởng, lời nói, hành động không được tốt.

Người tu học Phật pháp phải luôn luôn nghĩ đến ơn nghĩa. Cũng vậy, người tri ân và báo ân sẽ không bao giờ có những ý nghĩ, lời nói, hành động bất kính đối với thầy Tổ, cha mẹ, các bậc trưởng thượng. Nếu chúng ta không nuôi dưỡng tâm biết báo ân, một ngày nào đó mình cũng rơi vào tình trạng bất trung, bất hiếu mà không hay. ☁

Ngày 31 tháng 05 năm 2020



Mấy lời tâm huyết

Thuyết pháp, giảng kinh, viết sách, ấn tống kinh điển, nhằm mang giáo lý nhà Phật đến với mọi người, giúp người tu tập hướng đến hạnh phúc chân thật của sự giác ngộ giải thoát, đó gọi là pháp thí.

Nếu không đủ điều kiện làm những việc ấy, chúng ta đem kinh sách hoặc băng đĩa Phật pháp chia sẻ cho nhiều người cùng nghe, cùng đọc, để cùng được hưởng lợi lạc từ giáo pháp Như Lai, đây cũng là pháp thí.

Đức Phật đã dạy: “Trong các sự bố thí, pháp thí có công đức lớn nhất, không công đức nào có thể sánh bằng”.

Đạo pháp muốn phát triển thì nền móng phải được xây đắp vững chắc. Chính vì vậy, mỗi người chúng ta nên tùy sức mà đóng góp vào một ít vôi, một ít nước, một tảng đá hay một chút công, ... Ai có tài thì góp tài, ai có sức thì góp sức, được vậy thì ánh sáng đạo pháp mới có thể tỏa rạng và kiên cố đời đời. Với hoài bão “Tất cả vì Phật pháp”, chúng ta không nên đặt nặng quan niệm về công đức. Danh hay lợi

đâu phải điều chúng ta mong nhận được; mà làm rạng rỡ chính đạo, góp phần mang ánh sáng từ bi của Phật pháp soi chiếu đến mọi chúng sinh, giúp người vượt qua bể khổ bờ mê mới là mục đích tối thượng.

Hãy nên nghĩ nhớ đến những người đang đau khổ, hoặc đang lạc lối, bế tắc trong cuộc sống – những người thật sự rất cần sự cảm thông, giúp đỡ của cộng đồng để có thể quay về với chân lý, với niềm vui và lẽ sống hướng thiện. Làm được như thế chính là lợi ích cho cả ta và người vậy.

Tặng cho thân nhân một số tiền nhỏ, lòng mình chưa thật vui, nhưng mình không đủ sức tặng nhiều hơn nữa. Nhưng nếu đem tặng các loại sách khuyến tu, hướng dẫn người tu tập thì dù chỉ có một cuốn sách đáng giá vài nghìn cũng vẫn quý hơn tiền trăm bạc triệu, vì cuốn sách đó sẽ giúp người xây dựng một đời sống thanh cao. Khi đó niềm phúc lạc vô bờ chắc chắn sẽ đến với mọi người.

Hy vọng mấy lời tâm huyết này sẽ đến được với nhiều vị Cấp Cô Độc, để ngày càng có nhiều tấm lòng phát tâm chia sẻ và ấn tống kinh sách cho mọi người xem.

Tha thiết mong mỗi như thế!

Rõ mặt đôi ta

THÍCH CHÂN TÍN

Hội Luật Gia Việt Nam
Nhà Xuất Bản Hồng Đức
Số 65, Trảng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 3926 0024 – Fax: 024 3926 0031

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc **Bùi Việt Bắc**
Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng Biên tập **Lý Bá Toàn**
Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**
Sửa bản in: **Hồng Anh**
Dàn trang: **Oai Trần, Hoa Cúc**
Line Art: Họa sỹ **Nguyễn Khang, Hoàng Kim**
Vẽ chì: Họa sỹ **Na Nguyễn**
Thiết kế Mỹ thuật
Ban Văn hóa chùa Hoàng Pháp
Đối tác liên kết xuất bản
Chùa Hoàng Pháp

Địa chỉ: xã Tàn Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

In lần thứ nhất, số lượng: 1.000 cuốn, khổ 13x20cm.
Tại **Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng**
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1974-2021/CXBIPH/47-37/HĐ
Quyết định xuất bản số: 290/QĐ-NXBHĐ ngày 4/6/2021
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế ISBN: 978-604-328-915-2
In xong và nộp lưu chiểu năm 2021